

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ sách Tâm Lý Đạo Đức này được viết lại từ loạt bài giảng Tâm Lý Đạo Đức mà chúng tôi đã dạy tại trường Trung cấp Phật học tỉnh Long An, khóa 2. Ban đầu, đây chỉ là 30 cuốn băng cassette ghi lại tiếng nói. Sau đó vì yêu cầu nghiên cứu của nhiều người, chúng tôi đã thực hiện các bài giảng thành văn viết để làm sách. Điều không ngờ là việc chuyển từ văn nói sang văn viết lại vất vả đến như vậy. Nhiều người phải góp công vào cuốn sách này từ những người viết nguyên bản thô từ văn nói cho đến người góp phần chỉnh ngữ pháp. Phải là cả một thời gian khá dài mấy năm cho đến hôm nay khi chúng tôi tự tay chỉnh sửa những dòng cuối cùng. Tâm lý con người có nhiều loại, tâm lý bất thiện, tâm lý thực dụng, tâm lý tín ngưỡng, tâm lý yếm thế, tâm lý lạc quan. Ở đây chúng ta tập trung vào tâm lý Đạo đức. Dĩ nhiên 30 đề tài trong tập sách này chỉ là một phần rất nhỏ của Tâm Lý Đạo Đức. Chúng tôi hy vọng sau này sẽ có những vị khác phát triển rộng rãi lớn lao hơn nữa.

Chúng Tăng Ni khi bắt đầu bước vào cuộc đời tu học đều học qua cuốn sách này để làm nền tảng trước khi học sang những giáo lý khác cao siêu hơn. Đạo đức là yêu cầu ban đầu của sự tu hành, và cũng là biểu hiện cuối cùng của một vị Thánh. Chúng ta có thể đau như xé ruột gan khi vài điều trong đây chạm đến tim mình, và cũng có thể vui như mở hội khi vài điều trong đây nâng bước chân mình.

Chúng ta cúi đầu đánh lễ Mười Phương Tam Bảo đã gia hộ chúng ta thực hiện cuốn sách này. Không có sự gia hộ của Phật, không ai có thể làm được điều gì có ý nghĩa. Chúng ta chỉ làm, và chỉ nguyện làm một hạt bụi dưới chân Phật, một công cụ của Phật trong việc đem Chánh Pháp đến với mọi người. Chúng ta cúi đầu đánh lễ các vị Thánh đã cho chúng ta những câu chuyện đẹp về cuộc đời các Ngài. Một câu chuyện được chúng ta kể trong 5 phút lại chính là kết quả của suốt một đời khổ nhọc của các Ngài. Những tấm gương cao cả đó sưởi ấm biết bao nhiêu trái tim con người qua suốt nhiều thời đại.

Chúng ta cảm ơn Ban Giám Hiệu trường Trung Cấp Phật học Long An đã hoan hỷ ủng hộ cho giáo trình này được giảng dạy dù rất mới mẻ. Phải là những vị chân tu đức hạnh mới vượt qua khuôn sáo để đón nhận điều mới lạ như thế. Quý thầy đã cho chúng ta một đạo tình ấm áp và chân thành nhiều năm qua. Chúng ta cảm ơn thượng tọa Thích Viên Giác là người đã giới thiệu để cho giáo trình này có cơ hội được trình bày. Trí tuệ và tấm lòng của Thầy luôn là điều làm cho mọi người ngạc nhiên và nể phục. Chúng ta cảm ơn quý Tăng Ni sinh đã quan tâm nghiên cứu môn học mới mẻ này khiến cho người dạy có thêm tinh thần bước tới mãi. Tăng Ni sinh đã phần khởi chịu khó làm bài tập, hăng hái hỏi và đáp trong lớp, hối hận khi tìm thấy lỗi, hoặc vui mừng khi tìm thấy hướng đi. Nhiều người trong lớp bây giờ đang tham dự những chương trình đào tạo cao hơn. Chúng ta cảm ơn Thạc sĩ Mai Nhân đã góp rất nhiều công sức cho cuốn sách này. Chúng ta cảm ơn những Cư sĩ đã miệt mài học chung với Tăng Ni và góp phần tạo nên bầu không khí trang nghiêm long trọng, những người Cư sĩ đã

Ủng hộ giúp đỡ chúng tôi trong suốt thời gian giảng dạy giáo trình này, những người Cư sĩ đã nhiệt tình góp tay đem giáo trình này lan xa hơn nữa.

Chúng tôi cảm ơn **NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO** đã ủng hộ chúng tôi để tập sách này đến tay bạn đọc.

Nguyện đem công đức này cúng dường lên Tam Bảo, và hồi hướng cho tất cả chúng sinh đồng thành Phật đạo.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Mùa xuân, 2004

Kính ghi

Tỳ kheo Thích Chân Quang

KHÁI NIỆM

ĐỊNH NGHĨA

Đạo đức là gì?

Đạo đức là những khuynh hướng tốt trong tâm ta, mà những khuynh hướng đó tạo nên những lời nói và hành vi bên ngoài khiến cho mọi người chung quanh ta được chuyển hóa, an vui, lợi ích.

Như vậy, đạo đức là cái tốt ở bên trong nhưng được đánh giá bằng biểu hiện ở bên ngoài. Chúng ta khẳng định là đạo đức không phải là hành vi hay lời nói bên ngoài. Đạo đức chỉ chi phối hành vi và lời nói bên ngoài. Đạo đức là gốc của những hành vi lời nói tốt đẹp bên ngoài.

Một nội tâm tràn đầy đạo đức thì luôn luôn bị thúc đẩy phải đối xử tử tế với mọi người, phải đem an vui lợi ích cho mọi người. Nếu chúng ta không thấy mình xấu, nhưng không hề bị thúc đẩy phải cư xử

tốt với mọi người thì hãy biết rằng mình chưa có đạo đức sâu sắc.

Khuynh hướng vị tha được xem là đạo đức vì khuynh hướng đó luôn khiến chúng ta quan tâm đến những người khác, thậm chí còn hơn bản thân mình. Vì lúc nào cũng quan tâm đến người nên chúng ta nhanh chóng phát hiện ra nỗi khổ, niềm đau, sự khó nhọc, cơn bệnh hoạn của người để tìm cách giúp đỡ. Có khi chúng ta chỉ giúp một lời nói, một ly nước, một viên thuốc, hoặc có khi cả một số tiền lớn để giúp người qua lúc khó khăn.

Tâm khiêm hạ được xem là đạo đức vì tâm lý đó luôn thúc đẩy ta phải tôn trọng mọi người. Sống trên đời ai cũng cần được tôn trọng, cần được xem là có giá trị, vì thế khi ta biết tôn trọng chân thành người khác cũng là đem an vui đến cho người. Nhưng muốn tôn trọng người thì ta đừng thấy mình hơn người, nghĩa là phải thấy rằng mình nhỏ bé kém cỏi.

Khuynh hướng kín đáo cũng được xem là đạo đức vì khuynh hướng này khiến ta không khoe khoang để đi đến tự cao vô ích. Khi ta kín đáo không bày tỏ tài

năng, tài sản, thành công, công đức của mình cũng là nhường cho người khác có thêm giá trị vì không bị cạnh tranh bởi sự nổi bật của mình.

Chúng ta sẽ đi sâu vào phân tích từng tâm lý đạo đức ở những bài sau.

SỰ THỨC ĐẨY VÌ TÌNH TRẠNG PHẬT PHÁP HIỆN TẠI

Khoa học kỹ thuật hiện đại

Thế giới hiện nay đã thay đổi rất nhiều so với những thế kỷ trước, nhất là so với thời đại của Phật, bởi sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật.

Khoa học kỹ thuật đã tạo ra những tiện nghi trong cuộc sống và do đó làm thay đổi cả lối sống của con người. Ví dụ như ngày xưa muốn nói chuyện với nhau, người ta phải đi qua một quãng đường dài để gặp mặt. Vì mặt đối mặt nên phát sinh văn hóa lễ nghi giao tiếp. Ngày nay người ta chỉ cần nhấc điện thoại lên là nói chuyện được, rất dễ dàng, và lễ nghi giao tiếp có phần bị xem thường dần.

Những dụng cụ máy móc kỳ diệu ra đời như xe hơi, tivi, computer, máy may, máy dệt, máy in,... làm cho

đời sống của con người được cải thiện tốt đẹp rất nhiều. Hàng hóa tinh xảo hơn càng lúc càng xuất hiện làm thu hút sự tiêu thụ mua sắm của con người. Người ta cứ phải thay đổi xe, đổi máy để có được máy mới với tính năng cao hơn, mạnh hơn, đẹp hơn. Thậm chí vải vóc quần áo cũng phong phú đa dạng dồi dào đến nỗi ai cũng sắm sửa dư thừa. Sự thành tựu của Khoa học kỹ thuật quá tuyệt phục đối với thế giới nên nhiều người phát sinh tâm lý thực dụng, coi trọng vật chất, của cải, kỹ thuật khoa học vật lý hơn là những giá trị tâm linh đạo đức của Thánh hiền từ ngàn xưa. Họ cho rằng tâm linh đạo đức là cái gì huyền hoặc mơ hồ không thực tế, không làm cho con người sung sướng như khoa học kỹ thuật đã làm được. Vì thế họ xa rời dần những giá trị tinh thần để thiên về vật chất. Cũng vì thế, thế giới đang bị mất cân bằng giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, giữa khuynh hướng hưởng thụ và khuynh hướng đạo đức.

Khi giá trị đạo đức tinh thần kém đi tức là con người đang đi dần vào tội lỗi và đau khổ mà không biết. Đó là lý do tại sao tuổi trẻ bây giờ dễ nổi loạn, kiêu

ngạo và bướng bỉnh, vì họ tiếp xúc rất sớm với kỹ thuật hơn thế hệ cha ông của họ. Ngày xưa cha ông của họ còn thời gian để tiếp cận với truyền thống coi trọng đạo đức tinh thần. Bây giờ mọi vấn đề đang thay đổi theo chiều hướng xấu hơn về đạo đức.

Người xuất gia may mắn được sống trong môi trường coi trọng giá trị đạo đức tinh thần rất cao, khác hẳn với môi trường phức tạp của tuổi trẻ bên ngoài. Mỗi ngày báo chí đều đăng tải những tin tức về tội phạm ma túy, cướp giết, cờ bạc mà những tên tuổi, hình ảnh đều còn rất trẻ, thậm chí rất nhiều trẻ vị thành niên.

Hãy nhìn sự cuồng nhiệt khi người ta theo dõi bóng đá để hiểu sự mất thăng bằng trong tâm hồn con người ngày nay như thế nào.

Chính vì tình trạng mất cân bằng giữa đời sống tinh thần đạo đức và vật chất hưởng thụ mà người đệ tử Phật phải ý thức nhiều hơn về lý tưởng tu dưỡng đạo đức để xây dựng lại một thế giới tràn đầy tình thương yêu và đạo đức.

Con người sống trên đời cần rất nhiều thứ như tiền bạc, tình yêu, địa vị, gia đình, con cái, tiện

nghe, v.v... Nhưng trong tất cả những cái đó, con người rất cần đạo đức làm nền tảng, làm cốt lõi, làm linh hồn. Thiếu đạo đức, con người sẽ làm đổ vỡ tất cả. Ví dụ một người kỹ sư thiếu đạo đức sẽ tạo nên một công trình kém chất lượng, một luật sư kém đạo đức sẽ lách qua kẽ hở pháp luật để bênh vực kẻ có tội, một bác sĩ kém đạo đức sẽ kéo dài bệnh để ăn tiền, một viên chức kém đạo đức sẽ lợi dụng chức quyền để làm khổ dân. Vì vậy, trong bất cứ lãnh vực nào, nghề nghiệp nào, con người vẫn luôn luôn cần đạo đức để làm đúng với trách nhiệm của mình.

Người đệ tử Phật hoàn toàn có ưu thế để đóng góp vấn đề đạo đức cho xã hội vì đạo đức là một thuộc tính nổi bật của Phật giáo. Người đệ tử Phật, nhất là người xuất gia, phải hết lòng tu dưỡng để đóng góp và đóng góp rất nhiều cho xã hội về nhu cầu đạo đức vốn đang thiếu trầm trọng này.

Nhu cầu thứ hai xã hội đang cần là sự bình an nội tâm. Hiện nay cuộc sống của con người rất căng thẳng vì phải đấu tranh với sinh kế. Ngay cả các trò giải trí cũng làm người ta căng thẳng hơn. Người lo sinh kế, tìm miếng cơm manh áo đã khổ mà những

người chơi game điện tử cũng căng thẳng không kém vì các trò bắn giết kinh khủng trong những trò chơi đó. Những vũ trường thuốc lắc gào thét nhảy múa điên dại, những trận bóng đá reo hò inh ỏi thâu đêm, đều là biểu hiện của một thế giới bất an căng thẳng. Nếu có sự xuất hiện khủng bố như những nước khác thì sự căng thẳng sẽ còn cao đến dường nào.

Chính vì con người sống rất căng thẳng nên sự bình an nội tâm là một nhu cầu rất lớn bên cạnh nhu cầu về đạo đức.

Mọi người đều biết rằng: tu theo đạo Phật là tìm đến mục tiêu giác ngộ giải thoát, nhưng đó là mục tiêu của cá nhân, của riêng nội bộ đạo Phật. Phật tử thuần thành thì rất quý trọng tu sĩ vì nghĩ rằng những vị tu sĩ đang tinh tấn đi trên con đường giải thoát và có thể hướng dẫn họ cùng đi. Nhưng những người không theo đạo Phật thì không quan tâm đến lý tưởng giải thoát đó. Cộng đồng xã hội trước hết chỉ quan tâm xem đạo Phật thật sự đã đóng góp gì cho con người, cho thế giới.

Đạo Phật thật sự có thể đóng góp rất nhiều về hai

lãnh vực mà thế giới đang rất cần, đó là đạo đức và sự bình an của nội tâm.

Tình trạng đạo đức của Tăng Ni

Rất nhiều người không có tín ngưỡng đôi khi đã đặt câu hỏi liệu những tu sĩ Phật giáo có thể đem lại lợi ích gì cho xã hội, hay chỉ là những kẻ ăn bám.

Chúng ta không trách những nỗi hoài nghi trong lòng họ, vì thật sự họ cũng đã chứng kiến một vài trường hợp đáng ngờ nào đó.

PHọ đã đặt vấn đề rằng tín đồ đem đến cúng chùa tiền thật gạo thật, nhưng chỉ nhận lại từ các tu sĩ những lời cầu nguyện mơ hồ, những lời hứa hẹn hão huyền cho sau khi chết. Họ cần thấy đạo Phật có một đóng góp rõ ràng cụ thể hơn cho cuộc đời.

Chúng ta phải hứa, lại hứa nữa, với cuộc đời rằng: chúng ta, những đệ tử Phật sẽ thật sự đóng góp một cách thiết thực cho cuộc đời bằng việc giáo hóa đạo đức và sự bình an nội tâm. Đó là cách để đạo Phật khẳng định vị trí của mình trong xã hội. Đó là cách để mọi người thấy rằng cái lợi ích mà đạo Phật đem đến cho cuộc đời tuy vô hình, nhưng giá trị thật lớn lao.

Chúng ta định hướng lại con đường mà chúng ta đang đi là đối với những người trong đạo Phật thì lý tưởng cuối cùng vẫn là giải thoát giác ngộ; đối với cộng đồng xã hội thì lý tưởng của chúng ta là đóng góp đạo đức và sự bình an nội tâm.

Nhưng nếu người đệ tử Phật muốn đủ khả năng để đem đến cho mọi người đạo đức và sự bình an nội tâm thì chúng ta phải tu và học rất nhiều. Chúng ta phải học kỹ lưỡng lời Phật dạy, học thêm một số luận bản của chư Tổ về sau, rồi chúng ta phải cần cù chịu khó thực hành để chuyển hóa tâm hồn mình trở nên thanh cao thánh thiện. Mỗi một ý nghĩ khởi lên phải được so sánh đối chiếu với giáo lý xem có phù hợp hay không.

Ví dụ Phật dạy ta độ lượng bao dung. Nếu chúng ta chợt thấy tâm mình có ý niệm ghét bỏ, chê bai, khinh khi ai đó thì phải biết mình đã sai, phải lập tức sửa, phải sám hối và nghĩ về người đó với ý niệm thương yêu quý mến.

Ví dụ, Phật dạy ta không tham lam đắm nhiễm. Nếu chợt thấy trong tâm mình đang thèm muốn vật chất thế gian thì phải lập tức bỏ, phải sám hối và tự dặn

lòng đừng tham như vậy nữa.

Ví dụ Tăng Ni sinh học ở Phật học viện phương pháp Quán từ bi, thì ngay ngày hôm đó, tối hôm đó phải áp dụng trải tâm từ thương yêu tất cả chúng sinh, không phải chỉ học suông. Chúng ta phải học để tu, còn việc cấp bằng là hệ quả tự nhiên phải đến chứ không phải là mục tiêu chính.

Việc tu sửa âm thầm mà vất vả đó chỉ có chính mình và Phật biết, ngoài ra không ai biết để khen ngợi hay khuyến khích. Chính vì vậy mà chỉ những ai có thiện căn sâu dày, tự giác rất cao mới có thể tự kiểm soát mình hằng ngày hằng giờ như thế.

Sau một thời gian dài suy yếu trong thời Pháp thuộc, các vị tôn túc có tâm huyết đã mạnh dạn kêu gọi chấn hưng Phật giáo vào khoảng đầu thế kỷ 20. Các Hòa thượng đã gấp rút mở các trường, các lớp dạy giáo lý kinh điển để nhanh chóng có người nối tiếp ra làm việc. Vì nhu cầu cấp bách nên không có thời gian cho các Hòa thượng truyền đạt các yếu chỉ tu hành. Thế là từ đó đến nay trở thành như là truyền thống, các trường Phật học thiếu hẳn phương diện tu tập rèn luyện. Tăng Ni sinh chỉ chuyên tâm

ngiên cứu giáo điển cổ văn. Nếu muốn có thêm đạo hạnh, Tăng Ni đành phải đi tìm tu nơi khác; hoặc không tìm được môi trường tu hành thì đành làm người tu sĩ chỉ có học mà không có tu.

Thật đau lòng!

Nếu không có được sự hướng dẫn tu hành cận kề, Tăng Ni dễ bị thiếu đạo lực, không chống đỡ nổi sự cám dỗ bên ngoài, đôi khi cư xử như người phạm phu tầm thường, rồi chuốc lấy sự phê phán của tín đồ cư sĩ. Vì vậy, chúng ta mong mỗi từ đây, các trường Phật học nên có chương trình hướng dẫn thực hành tu tập kỹ lưỡng. Tăng Ni phải được thực hành thiền định, phải được rèn luyện oai nghi đạo đức từng chút. Thời gian dành cho chương trình tu tập đó phải bằng hoặc nhiều hơn thời gian học. Chữ tu sĩ đã nhắc nhở việc tu rất là quan trọng.

Chia rẽ vì tín đồ

Khuynh hướng sống hưởng thụ vật chất của xã hội cũng xâm nhập dần vào đời sống người xuất gia. Thứ nhất là lý do khách quan. Khi vật chất và phương tiện của xã hội dồi dào thì luôn luôn thẩm

thầu từ bên ngoài vào trong chùa. Dù muốn hay không chùa cũng phải có những phương tiện máy móc mới cho sinh hoạt. Thứ hai là lý do chủ quan. Đôi khi tu sĩ không kiểm chế được sự ham thích đối với những vật dụng sang trọng mới lạ tinh xảo. Hầu hết các chùa sống nhờ vào tín đồ Phật tử. Càng có nhiều tín đồ thì nguồn lợi kinh tế của chùa càng sung túc, chùa càng dễ đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao hơn. Nhưng lẽ ra thay vì tu sĩ phải có bốn phận giáo hóa thêm nhiều tín đồ mới theo chí nguyện độ sinh của đạo Phật, các chùa lại có thể bị tâm lý tìm thêm tín đồ cho sự sung túc của chùa mà thôi. Tín đồ mới đó nếu là người chưa biết đạo trở thành biết đạo thì rất hay, còn nếu đó là tín đồ có sẵn của chùa khác rồi được thuyết phục trở thành của chùa mình thì mầm chia rẽ giữa các chùa đã xuất hiện.

Nhiều cư sĩ đến chùa ngạc nhiên vì nghe thầy này nói xấu thầy kia. Họ mất niềm tin với vị thầy bị nói xấu đã đành, họ cũng cảm thấy nghi ngờ về ông thầy nói xấu người khác quá đáng. Cuối cùng, cư sĩ càng lúc càng mất niềm tin với quý thầy. Tất cả chỉ

vì tâm lý bí mật bên trong là muốn cho tín đồ đừng đến chùa kia mà chỉ đến chùa mình.

Một cái tệ hại khác là nhiều khi cư sĩ đến chùa ngạc nhiên nhìn thấy các tu sĩ đối xử với nhau thiếu hòa ái tôn trọng. Họ lúc nào cũng kính trọng quý thầy, và nghĩ rằng quý thầy phải kính trọng thương yêu nhau nhiều hơn. Nhưng có khi họ nghe quý thầy xưng hô với nhau bừa bãi, đối xử với nhau hời hợt. Có lần chúng tôi gặp một người Hà Lan đã từng tu thiền ăn chay hơn hai mươi năm. Anh cũng tập luyện Thái cực quyền theo khuynh hướng của các nhà sư Trung Hoa là việc tu dưỡng nội tâm phải được hỗ trợ bằng việc rèn luyện cơ thể. Trong khi nói chuyện về thiền định đạo đức và luật nhân quả, anh bất chợt nhắc đến một đạo sư nào đó ở Ấn Độ rất nổi tiếng. Vì nổi tiếng nên ông rất giàu có. Anh đến viếng thăm ông và nhân tiện hỏi ông tại sao không chia sẻ cho những người nghèo ở chung quanh, (chúng ta biết rằng Ấn Độ còn rất nhiều người nghèo), đạo sư trả lời rằng những người nghèo là do nghiệp của họ, không nên can thiệp vào làm trái đi luật nhân quả. Câu trả lời đó làm anh

mất đi sự quan tâm quý trọng luật nhân quả. Thật ra luật nhân quả không phải là cái có để chúng ta quay lưng với người nghèo, trái lại còn khuyến khích chúng ta quan tâm giúp đỡ mọi người nhiều hơn nữa. Nếu không quan tâm giúp đỡ mọi người, sau này chúng ta rơi vào nghèo khó sẽ không ai đốai hoài tới chúng ta, và còn nhiều nhân quả khác nữa. Chúng ta sẽ khảo sát ở dịp khác.

Nói như vậy để nhắc nhau rằng người tu không nên tích lũy tài sản nếu mình có phước sung mãn, mà nên biết bố thí san sẻ. Đó cũng là công hạnh đạo đức căn bản.

Nhu cầu giáo hóa đang rất lớn

Hiện nay nhu cầu Phật tử cần được giáo hóa rất là lớn, vì 2 thành phần: một là đối với cả một thế giới chưa biết về đạo Phật ; hai là đối với những vùng đất, những quốc gia đã từng là xứ sở của đạo Phật nhưng hiện nay đang có dấu hiệu Phật Pháp suy thoái.

Để có bản lĩnh vững vàng trong việc tiếp cận và giáo hóa quần chúng Phật tử, người xuất gia phải tu dưỡng rất nhiều. Trong nguyên lý thẩm thấu lẫn nhau, tác động lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, khi tu sĩ gần gũi giáo hóa cư sĩ về đạo lý, tự nhiên cũng dễ bị ảnh hưởng trở lại đời sống thế tục của họ. Nếu đạo lực không vững vàng, người tu sĩ sẽ đem vào tâm hồn mình rất nhiều chuyện phiền toái của thế gian. Do đó, hơn bao giờ hết, tu sĩ Phật giáo phải có một bước chuyển lớn trong việc thực hành tu tập từ căn bản đạo đức, tiến dần lên những công phu thiền định cao hơn.

Một sự thật mà chúng ta phải nhìn nhận là cách làm việc, cách tu của người xuất gia trong đạo Phật là chưa đủ, có vẻ còn thụ động. Chúng ta hãy nhìn khắp những vùng đất, những quốc gia đã từng một thời là quê hương của Phật giáo, nhưng khi Hồi giáo đặt chân đến là Phật giáo từ từ biến mất. Ấn Độ là đại diện cho sự tình này. Một Việt Nam có Trần Thủ Độ quyết đoán, Trần Quốc Tuấn trí dũng, có vô số nhân tài với nền tảng võ học hùng mạnh, đã khuyến khích các vua Trần vốn hiền lành trong thiên học

phải quyết chí chống lại sự xâm lăng dữ dội của quân Mông Cổ. Và đã chiến thắng oai hùng. Việt Nam đã làm được, nhưng nhiều nơi không làm được và Phật giáo phải chấp nhận lui bước.

Ấn Độ thời vua A Dục hầu hết đã theo đạo Phật, bây giờ chỉ còn khoảng ba phần trăm. Được ba phần trăm là nhờ công lao của một số Phật tử lỗi lạc như Ambedkar vận động phục hưng đạo Phật gần đây. Trước đó ít người Ấn biết về đạo Phật.

Trong thời cận đại, Indonesia từng là một vương quốc Phật giáo. Khi các nhà khảo cổ vô tình đi vào rừng sâu đã phát hiện một cái tháp của đạo Phật lớn nhất thế giới, Vì vậy chúng ta biết rằng đạo Phật đã một thời cực thịnh tại đó. Nhưng bây giờ thì toàn bộ người Indonesia đều là Hồi giáo. Có một thời gian Malaysia đạo Phật cũng rất thịnh, nhưng từ khi có Hồi giáo thì Phật giáo yếu dần. Bây giờ, chính phủ Malaysia mặc nhiên xem Malaysia là quốc gia Hồi giáo. Nói chung, Hồi giáo đến đâu thì Phật giáo biến mất tới đó. Nhật Bản cũng vậy, cũng từng có đạo Phật là quốc giáo. Những tác phẩm về thiên của Nhật nổi tiếng cả thế giới. Vậy mà ngày nay

đạo Phật tại Nhật cũng rất yếu. Những ngôi chùa cực kỳ hùng vĩ chỉ là nơi tham quan, hầu như không có thuyết pháp. Thanh niên Nhật ngày nay ít ai hiểu biết về đạo Phật. Họ đang bắt chước lối sống hưởng thụ thực dụng của Tây phương, dù sự giáo dục nhân cách đạo đức trong nhà trường của Nhật tốt hơn Tây phương. Thế rồi người dân Nhật đi tìm sự bù đắp cho đời sống tâm linh của họ bằng cách gia nhập vào những giáo phái nguy hiểm, như giáo phái Aum Shirikyu, một giáo phái vay mượn uy tín và giáo lý đạo Phật, rồi đi vào hoạt động khủng bố thả hơi độc trong đường ngầm giết hại nhiều người, (câu chuyện đã được đăng tải trên báo).

Hàn Quốc cũng giống như Nhật Bản, đang đua đòi lối sống hưởng thụ thực dụng của Tây phương và ít quan tâm đến đạo Phật.

Vừa rồi tại hội nghị Phật giáo ở Tokyo, 1997, các vị lãnh đạo Phật giáo khắp nơi đều lên tiếng báo động về sự suy yếu của Phật giáo trên thế giới. Vì vậy, chúng ta phải hiểu rằng chính những người đệ tử Phật, cả tại gia lẫn xuất gia, đã thiếu sót, đã thụ động, không năng nổ, không cương quyết nên Phật

giáo mới có tình cảnh này. Chính vì tu sĩ đạo Phật không làm gì cả nên các giáo phái tà ác khác mới có cơ hội nổi lên. Chúng ta phải nhận lỗi về mình trước.

Chúng ta thường không dứt khoát giữa hai thái độ: Một là tu để làm lợi ích cho chúng sinh; hai là tu để nhanh chóng giải thoát.

Đối với việc muốn làm lợi ích cho chúng sinh thì chúng ta không có đường lối phương hướng rõ ràng; chúng ta không có sự hợp tác rộng rãi trên toàn thế giới. Mỗi ngày chúng ta quả thật có phát nguyện độ chúng sinh, và chỉ đứng lại ngang đó, ít người suy nghĩ sâu hơn là phải làm gì thiết thực hiệu quả cho lời nguyện hằng ngày đó.

Đối với khuynh hướng muốn tiến tu giải thoát thì được xem là một hình ảnh đẹp trong đạo Phật.

Nhiều vị đi vào hang sâu núi thẳm, hoặc đóng cửa cốc không tiếp xúc với ai, để chuyên tâm tu tập.

Nhưng hãy cẩn thận! Thật ra chỉ những người mà tâm đã hoàn toàn vị tha mới xứng đáng nhập thất chuyên tu. Nếu tâm chưa hoàn toàn vị tha, chưa được rèn luyện sự hy sinh phụng sự thì việc nhập

thất không tiếp duyên lại chính là cơ hội cho tâm ích kỷ phát triển dữ dội hơn lúc trước. Đây quả là một nghịch lý kỳ lạ, nhưng có thật.

Càng ở một mình trong thất vắng, càng tinh tấn niệm Phật hoặc tọa thiền, thì tâm ích kỷ càng củng cố. Đó là lý do tại sao chúng ta gặp nhiều người sau khi nhập thất thì có vẻ kiêu mạn và nóng nảy hơn. Nếu chưa có tâm vị tha cao độ thì chúng ta càng cố gắng, càng xa rời sự giải thoát, vì lúc đó chúng ta chỉ lo cho chính mình. Đây là một nghịch lý rất khó vượt qua.

Đạo Phật của thế kỷ 21 này phải là một đạo Phật của những người rất thiết tha với lý tưởng giải thoát, đồng thời cũng hết lòng với sự nghiệp độ sinh.

Người đệ tử Phật phải trọn lòng thương yêu mọi người, từ những huynh đệ chung quanh mình cho tới tất cả mọi người trên trái đất, nhất là những người chưa biết Phật Pháp. Chỉ những người có tấm lòng như vậy mới xứng đáng vào trong thất vắng.

Nhu cầu làm việc sắp tới rất lớn, đòi hỏi đệ tử Phật phải tích cực hơn nhiều, cũng như phải có đạo lực vững vàng hơn nhiều để đem được Phật Pháp đến

cho người nhưng không bị người đem ô nhiễm thế gian vào trở lại.

Một biểu hiện thụ động của người đệ tử Phật từ trước đến nay là cư sĩ không lo Phật hóa gia đình. Rất nhiều gia đình đạo Phật có cha mẹ theo đạo nhưng con không theo, anh chị theo đạo nhưng em không theo, vợ theo đạo nhưng chồng không theo. Chúng ta biết đạo Phật nhưng không quan tâm đến người chung quanh có biết hay chưa. Cha mẹ tới chùa học đạo, bỏ mặc con cái học ở nhà trường, ở bạn bè, tốt hay xấu họ không biết. Cái lỗi của người cư sĩ không biết lo Phật hóa gia đình rõ ràng là lỗi của người tu sĩ. Chính vì tu sĩ không nghĩ đến điều đó, không nhắc nhở Phật tử, không hướng dẫn cách thức làm điều đó, nên đạo Phật thiếu hẳn công đức Phật hóa gia đình. Bây giờ chính là lúc phải sửa chữa thiếu sót đó.

Phật tử phải được nhắc rằng mỗi sáng duy trì việc lạy Phật, đọc bài nguyện cầu, để huân tập thiện pháp từ thuở ấu thơ. Bởi vì con trẻ còn nhỏ nên không biết điều gì đúng điều gì sai, điều gì nên làm điều gì không nên làm. Ngay cả việc đến trường học

văn hóa cũng vậy, nếu cha mẹ không bắt buộc thì chẳng có trẻ em nào chịu đi học. Vậy việc học đạo đức và Phật Pháp cũng quan trọng không kém cho cuộc đời, nhân cách và tâm hồn của trẻ, tại sao chúng ta không bắt buộc?

Muốn cho đạo Phật hưng thịnh, chúng ta phải biết phát huy ưu thế tự giác có sẵn trong đạo Phật và còn phải khai thác tiếp yếu tố giáo dục nữa. Nhưng muốn làm được điều đó thì Tăng Ni phải mạnh mẽ năng nổ cương quyết hơn rất nhiều. Chính sự mạnh mẽ của Tăng Ni truyền sang cho Phật tử và người Phật tử sẽ đủ sức mạnh để Phật hóa gia đình. Tăng Ni thờ ơ thì chắc chắn Phật tử cũng sẽ xao lãng trách nhiệm. Đạo Phật yếu đuối là lỗi của Tăng Ni. Vì vậy Tăng Ni hôm nay phải tích cực, vừa khẳng định lý tưởng giải thoát, vừa sáng ngời lý tưởng độ sinh.

Chúng ta hãy nhìn các tôn giáo bạn, trẻ vừa sinh ra là đã được nhà thờ làm lễ rửa tội để làm tín đồ dù đứa bé chưa biết gì. Lớn lên lập gia đình phải vào nhà thờ làm lễ, nghĩa là bảo đảm người hôn phối cũng phải theo đạo. Nếu lấy người ngoài đem về

càng có công với Chúa. Vì thương chiều con cái họ cũng xuôi theo sự lựa chọn tình yêu của tuổi trẻ mà không hề có một điều kiện công bằng hơn cho truyền thống đạo giáo của gia đình. Đó là một sự thiếu cảnh giác, thụ động, và đôi khi nhu nhược trong đạo Phật. Chính sự nhu nhược đó, Phật giáo phải di tản khi Hồi giáo đặt chân đến.

Bây giờ phải thay đổi lại tất cả. Quý thầy cô phải làm lễ cầu phúc cho con của Phật tử khi mới sinh; phải làm lễ khai tâm khi con trẻ đến tuổi đi học; phải làm lễ quy y khi trẻ đã biết nhận thức; làm lễ cưới khi chúng lập gia đình; và làm lễ tang, lễ cầu siêu khi người đó qua đời. Nói chung chùa phải “quản lý”, chăm lo Phật tử và gia đình từ khi mới sinh cho tới khi mất đi. Quý thầy cô phải cực hơn, phải vất vả hơn như thế. Người Phật tử phải gắn bó cả đời mình với chùa như thế.

Và chính vì Tăng Ni phải có trách nhiệm nhiều hơn đối với Phật tử nên phải gần gũi hơn, và, cũng rất dễ bị thế tục hóa hơn. Để làm được việc mà không bị thế tục hóa như vậy, buộc Tăng Ni phải tu dưỡng rất nhiều.

Bốn lý do lớn của việc tu dưỡng đạo đức

Thứ nhất, vì thế giới hôm nay đang mất quân bình giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, giữa hưởng thụ và đạo đức, nên trách nhiệm của người đệ tử Phật là phải tu dưỡng đạo đức sâu dày để làm quân bình lại mọi điều cho thời đại.

Thứ hai là tạo lại niềm tin cho Phật tử. Tăng Ni là chỗ dựa của Phật tử. Nhưng Phật tử dựa vào Tăng Ni cái gì nếu không phải là đạo đức? Không biết Tăng Ni có đức đạo hay chưa, nhưng yêu cầu trước hết là Tăng Ni phải có đạo đức. Dù chưa đức đạo cao siêu, nhưng nếu Tăng Ni có đạo đức thì cũng giúp cho Phật tử yên tâm nương tựa. Một vài Tăng Ni xem đạo đức là không quan trọng bằng những công phu tu tập tâm linh cao siêu khác, nên không chịu tu dưỡng đạo đức sâu dày, cuối cùng làm Phật tử hụt hẫng. Tu sĩ không thể che giấu khuyết điểm của mình mãi vì tiếp xúc lâu ngày người ta cũng phát hiện ra. Chỉ có cách là bản thân mình phải cố gắng tu dưỡng đạo đức chân thật.

Thứ ba là tạo lại nội lực giữ gìn tâm hồn mình không bị ô nhiễm khi gần gũi giáo hóa Phật tử. Ở đây

ngoài đạo đức sâu dày, Tăng Ni còn phải có kinh nghiệm thiền quán. Nhất là trong thời gian tới Tăng Ni phải làm việc rất nhiều.

Thứ tư là tạo lại nền tảng tu hành cho chính mình. Đạo đức là nền tảng quan trọng cho quá trình tu hành, cho cả giới định tuệ. Và đạo đức cũng là biểu hiện đẹp về sau khi chúng ta đã tu hành viên mãn.

SO SÁNH VỚI GIỚI LUẬT

Ở mức độ cạn

Ở mức độ cạn thì đạo đức cao hơn giới luật. Vì sao?

Bởi vì đạo đức là cái tốt ở trong tâm, trong khi giới luật chỉ là sự ngăn cấm bên ngoài. Giới luật ngăn cấm những sai lầm ở hành vi và lời nói, như cấm giết hại, cấm trộm cắp, cấm nói dối, v.v... còn đạo đức giữ gìn tâm ta thoát khỏi sự độc ác, sự tham lam, sự gian trá.

Có những trường hợp hành vi bên ngoài là phạm giới nhưng nội tâm bên trong là có đạo đức. Một

người sư đệ đã lấy đôi dép đẹp của người sư huynh, mà không hỏi xin phép, để đem cho một người nghèo, vì biết rằng người sư huynh của mình tâm rất tốt. Hành vi lấy không hỏi xin là vi phạm giới luật, nhưng động cơ là giúp người nghèo, và cũng biết chắc sư huynh mình sẽ hoan hỷ, nên được xem là phù hợp với đạo đức.

Một câu chuyện nổi tiếng trong Góp nhặt cát đá: “Có hai sư huynh sư đệ cùng đi trên một con đường sinh lầy. Có lẽ hai vị quần áo cũng lam lũ nên dễ như vậy mà lội sinh. Đến một đoạn, chợt hai vị thấy một cô gái mặc kimono có vẻ quý tộc đứng loay hoay bên đường không dám băng qua vì sợ lấm y phục. Lúc đó trên đường cũng không có ai khác có thể giúp cô gái. Người sư đệ bước lại bảo:

-Này cô bé, để ta giúp cho.

Rồi ông bế cao cô gái lên, đưa qua bên kia lều đường, đặt xuống, sau đó tiếp tục đi với sư huynh mình. Thế là người sư huynh làm mặt giận, lầm lì không nói chuyện nữa. Sư đệ có hỏi gì cũng không đáp. Đến một lúc khá lâu cũng gần về đến chùa, sư huynh mới trách:

- Chúng ta là tu sĩ không được phép đụng chạm đến phụ nữ, tại sao sư đệ làm như thế?

-Ha ha, em đã bỏ cô ta lại đó rồi, sư huynh còn mang tới đây sao!”

Nghe câu chuyện trên ta thấy người sư đệ đã khá tự tại, dù chạm người nữ mà tâm không dính. Xét về giới luật thì đã phạm, nhưng xét về đạo đức thì không sao vì đó là việc làm vị tha giúp người với tâm vô nhiễm. Chúng ta vẫn khâm phục người sư đệ mỗi khi nghe kể câu chuyện trên.

Ở mức độ sâu

Ở mức độ sâu thì giới luật cao hơn đạo đức. Vì sao?

Bởi vì trong giới luật có một giới quan trọng là giới dâm. Hay còn gọi là ái dục, nói theo ngôn ngữ của đạo đức. Ái dục là bản năng tự nhiên của con người, mà nếu là bản năng thì rất mạnh. Giữ giới dâm tức là chống lại bản năng của mình. Ái dục là lòng thương yêu có khuynh hướng tính giao với người khác phái; bây giờ phải thay đổi định nghĩa để mở rộng qua các trường hợp luyện ái cùng giới tính. Ái dục là bản năng tự nhiên, cho nên hết thể hệ này

đến thể hệ khác con người cứ phải lấy vợ lấy chồng sinh con đẻ cái. Ngay cả đức Phật của chúng ta cũng phải thị hiện có gia đình rồi mới đi tu. Nhờ vậy mà người sau bớt mặc cảm về ái dục để có thể tiến tu giải thoát. Chúng ta cũng thấy có rất nhiều người cư sĩ tại gia sống đời sống vợ chồng bình thường, rất hiền lành đạo đức. Họ không làm điều gì trái với đạo lý, chỉ là yêu thương vợ chồng con cái. Đó là trường hợp có đạo đức nhưng không vượt qua được ái dục. Vì vậy chúng ta nói, đối với vấn đề ái dục thì giới luật cao hơn đạo đức, vì thắng được bản năng ái dục là một khả năng lớn, rất khó vượt qua.

Trường hợp một tu sĩ không phạm giới, cũng đừng nghĩ rằng đã thắng được bản năng ái dục. Đó chỉ vì mình còn phước làm Tăng, được giữ trong hoàn cảnh tốt. Nếu lúc nào đó rơi vào môi trường dễ dãi, ta sẽ thấy được sự yếu đuối của mình. Lúc đó mà vững lòng thì mới gọi là vượt qua được lần một. Lần một thôi chứ chưa bảo đảm lần hai lần ba.

Vậy chúng ta sẽ giữ giới ái dục bằng cái gì?

Dĩ nhiên là bằng ý chí. Chúng ta dùng ý chí để giữ tâm mình không ham thích, không đắm nhiễm,

không vướng bận. Nhưng để có một ý chí sắt đá như thế thì lại đòi hỏi chúng ta phải có công đức rất lớn. Ý chí phát sinh từ công đức thì rất bền, có vẻ nhẹ nhàng, và không làm tăng trưởng kiêu mạn. Nếu một người không biết chỉ ráng cố sức khởi ý chí cho mạnh thì kiêu mạn nóng nảy sẽ phát sinh. Vì ý chí là con dao hai lưỡi, nên sự cố sức rất nguy hiểm. Ý chí và bản ngã là anh em sinh đôi, cái này khởi thì cái kia cũng khởi theo.

Ở giai đoạn cao hơn thì tu sĩ dùng sức thiền định để giữ tâm trong sạch. Tuy nhiên kết quả thiền định cũng bắt nguồn từ công đức sâu xa khác. Nhiều người cho rằng cố gắng giữ gìn chánh niệm thanh tịnh thì tâm tự tại vô nhiễm, tự nhiên không bị ô nhiễm ái dục. Họ nói đúng, nhưng không chắc chắn. Vì khi dùng chánh niệm để giữ tâm vô nhiễm, ta không tốn sức nhiều, giống như không cần đến ý chí vậy. Lâu ngày ý chí bị cùn nhọt mà không hay biết. Đến khi gặp thử thách nặng thì không có ý chí để dùng nữa, rất là nguy hiểm. Vì vậy phải dùng đến quyết tâm giữ giới, dùng đến ý chí giữ giới, mà ý chí đó lại do công đức tạo thành, nên sẽ rất nhẹ

nhàng thanh thản.

Công đức rất quan trọng mà người tu phải biết gây tạo suốt đời. Nhờ có công đức nên khi chúng ta tinh tấn, bên ngoài trông vẫn nhẹ nhàng như mây như gió, dù bên trong rất quyết liệt mạnh mẽ. Người không có đủ công đức mà ráng sức sẽ bị nặng nề bực bội, người ngoài sẽ thấy khó chịu khi đến gần. Chúng ta sẽ nói thêm ở những bài sau.

Từ trước đến nay chúng ta nghe nói rằng ba môn vô lậu học là giới định tuệ. Chúng ta có cảm giác rằng giới ở giai đoạn thấp. Nhưng thật ra giới đã ở giai đoạn khá cao. Muốn giữ giới phải có ý chí; muốn có ý chí phải có công đức; muốn có công đức phải có đạo đức.

Có đạo đức ta mới ham thích làm những điều công đức; có công đức ta mới phát khởi được ý chí một cách tự nhiên; có ý chí ta mới giữ được giới. Vì vậy giới luật vẫn ở một giai đoạn cao trong tiến trình tu tập.

ĐẠO ĐỨC VÀ SỰ LIÊN HỆ VỚI THIỀN ĐỊNH

Đức Phật là biểu tượng rực rỡ của thiền định

Đức Phật đã đăc đạo bằng con đường thiền định. Sau khi đăc đạo, Người vẫn tọa thiền đều đặn suốt đời. Điều quan trọng là Phật dạy tất cả đệ tử cũng tinh tấn thiền định. Bây giờ chúng ta cũng thờ Phật trong tư thế kiết già thiền định.

Nói đến đạo Phật, tất cả thế giới đều hiểu ngay là nói đến thiền định. Những Phật tử Tây phương nghiên cứu về đạo Phật thường quan tâm đến mức độ nhập thiền của Tăng Ni, chứ ít hỏi han về giáo lý vì họ đã có cả thư viện đồ sộ kinh sách đạo Phật, muốn tìm hiểu lúc nào cũng được.

Thiền định là nói chung cho tất cả các phương pháp tu tập nhiếp tâm thanh tịnh. Từ sự thanh tịnh này, hành giả nhắm đến mục tiêu vô ngã, giác ngộ, giải thoát. Hai điều kiện để một pháp môn được xem là thiền định trong đạo Phật là:

-Nhiếp tâm thanh tịnh.

-Mục tiêu vô ngã, giác ngộ, giải thoát.

Vì thế những pháp môn như niệm Phật, trì chú, quán hơi thở, quán bát nhã... đều có sự chú ý nhiếp tâm thanh tịnh. Đó là thỏa mãn yêu cầu thứ nhất.

Nếu hành giả lại tiếp tục xác định lập trường hướng

về mục tiêu vô ngã, giác ngộ, giải thoát thì có thể xem pháp môn đó cũng là thiền định cả, không cần phân biệt.

Người đệ tử Phật, nhất là người xuất gia, phải tinh tấn tọa thiền nhập định. Mỗi ngày chúng ta phải có vài lần ngồi kiết già nhiếp tâm. Hai, ba mươi năm sau nhìn lại đời tu của mình, chúng ta thấy có giá trị vì đó là cả một quãng thời gian chúng ta vất vả chiến đấu với vọng tưởng phiền não thật sự chứ không phải tu nhàn nhã qua ngày. Mỗi khi ta bắt chân lên tọa cụ ngồi nhiếp tâm, đó là giây phút ta làm người đệ tử Phật thật sự có giá trị. Không biết chúng ta có nhiếp tâm thành công chưa, nhưng sự chiến đấu âm thầm vất vả với chính mình là một công lao đáng khen ngợi.

Có câu chuyện rằng: “có lần Phật đi gặp một tỳ kheo rất tinh tấn tu hành. Vị tỳ kheo đánh lễ và hỏi Phật:

- Bạch Thế tôn, con tu như vậy chừng nào đắc đạo?

-Ba kiếp sau ông sẽ đắc đạo. Phật đáp.

Nghe vậy vị tỳ kheo khóc ròng lên tủi thân tại sao

ting tẩn như vậy mà tới 3 kiếp nữa mới đắc đạo. Đi thêm nữa gặp một tỳ kheo khác hỏi Phật chừng nào đắc đạo. Phật chỉ cây me bên đường bảo:

-Ông có thấy cây me đó không?

-Bạch Thế tôn, con có thấy.

-Ông có thấy lá me đó không? Trải qua số kiếp bằng lá me đó ông mới đắc đạo.

Nghe vậy vị tỳ kheo đó vui mừng hơn hở đánh lễ tạ ơn Phật. Ngay khi đó vị ấy được chư Thiên rải hoa cúng dường”

Vị này được chư Thiên rải hoa cúng dường vì đã vượt qua ý niệm thời gian. Chỉ cần biết rằng mình sẽ đắc đạo nghĩa là trong hiện tại mình đã tu đúng đường. Vị này chỉ sợ mình sai chứ không sợ cực khổ lâu dài. Tâm niệm đó quả thật đáng cho chúng ta đánh lễ cung kính.

Thiền định và đạo đức hỗ tương

Đạo đức là cái tốt trong tâm để tạo thành vô số hành vi lời nói bên ngoài khiến mọi người chung quanh ta được an vui ích lợi và chuyển hóa. Khi người chung quanh được lợi ích nghĩa là ta được phước. Phước có được khi ta đem lại lợi ích cho tha

nhân, đó là định nghĩa căn bản. Nếu ta rất tốt, nhưng chưa làm gì có lợi cho người thì vẫn chưa có phước. Nguyên tắc là như vậy.

Có phước chưa hẳn là có đức; có đức chưa hẳn là có phước. Ví dụ có một quan chức địa phương muốn xây một cái cầu cho dân, chỉ vì ông muốn lấy thành tích với cấp trên chứ hoàn toàn chẳng hề thương yêu dân. Vì chỉ nhắm đến lợi ích cá nhân nên ông không được gọi là có đức. Nhưng việc làm của ông rõ ràng làm lợi cho dân, nên chắc chắn ông sẽ có phước.

Ngược lại, có những người hiền lành nhưng thụ động, không làm gì giúp ai, nên tuy có đức nhưng không có phước. Hoặc như có những Phật tử đi chùa, cúng ít bông trái, bỏ vào thùng phước sương ít tiền, rồi quỳ xuống thì thầm cầu nguyện cho gia đình được giàu có, con cái thi đậu dù chúng rất lười học, gương mặt mình được xinh đẹp, v.v... Lời cầu nguyện đó không có yếu tố đạo đức. Đó là lý do tại sao ta thấy nhiều người đi chùa nhiều năm mà không có đạo đức. Bởi vì những lời cầu nguyện như thế chỉ làm tăng thêm ích kỷ mà thôi. Khi tâm ích kỷ

tăng thì người này tự nhiên cũng nóng nảy hơn, tham lam hơn, dễ gây gỗ hơn, và làm những người khác nghi ngờ chuyện đi chùa là tốt. Vì vậy sau này người Phật tử đến chùa nên được hướng dẫn lại cách cầu nguyện sao cho tăng trưởng được đạo đức, tâm vị tha.

Nhờ có đạo đức nên ta có phước; nhờ có phước nên ta nhiếp tâm trong thiền định dễ dàng. Phước được tạo ra từ đạo đức thì gọi là công đức, vừa có công lao, vừa có đạo đức. Tại sao phước hỗ trợ cho thiền định? Người tu thiền đều lo sợ về trạng thái thất niệm, mất chánh niệm, bị vọng tưởng dẫn đi từ vấn đề này sang vấn đề khác. Khi thì tâm có vẻ sáng tỏ biết được vọng tưởng rõ ràng, không bị vọng tưởng gạt; khi thì tâm mờ mịt bị vọng tưởng che mắt. Vì đâu mà tâm được sáng tỏ, cũng như vì đâu mà tâm bị che mờ? Chính do nghiệp đã âm thầm chi phối. Nếu hành giả có phước sung mãn, tự nhiên tâm thường xuyên dễ tỉnh giác; nếu hành giả ít phước, tự nhiên tâm hay bị quên và chạy theo vọng tưởng. Đạo đức cũng trực tiếp ảnh hưởng đến sức tỉnh giác, chưa cần qua trung gian của phước. Nếu tâm

rất tốt, tự nhiên tâm cũng yên tĩnh, vì đạo đức luôn thuộc về “phe” tĩnh lặng. Nếu tâm có nhiều ý niệm bất thiện, tự nhiên tâm cũng xao động, vì bất thiện thuộc về “phe” xao động. Dựa vào tiêu chuẩn này, ta cũng có thể đánh giá người nào đó có vẻ nhiệt tình tử tế, nhưng nếu lảng xảng quá, cẩn thận rằng người này chưa thật tốt, vì lảng xảng thuộc về “phe” bất thiện. Ngược lại, thiền định cũng hỗ trợ cho đạo đức. Tâm yên tĩnh cũng giúp ta dễ thấy được sai lầm của mình. Ví dụ như trong một lớp học, mọi người đều ngồi, có một người đứng lên, người đó dễ bị nhìn thấy trước hết. Trong một nội tâm yên tĩnh cũng vậy, một niệm bất thiện khởi lên, niệm đó dễ dàng bị trí tuệ nhìn thấy. Ví dụ khi nhìn thấy chiếc xe của ai đời mới đẹp quá, ta chột động tâm muốn có một chiếc giống như thế. Nhưng vì tâm ta yên tĩnh quen rồi nên ta lập tức phát hiện ra đó là niệm tham. Biết là tham nên thôi, không “muốn” nữa, từ bỏ hẳn.

Khi sức định sâu, những khuynh hướng bất thiện rất sâu tiếp tục bị trí tuệ phát hiện và hóa giải hết. Giá trị của thiền chính là trừ diệt được những khuynh

hướng bất thiện tiềm tàng trong nội tâm sâu kín để lập thành một nhân cách đạo đức siêu tuyệt. Thật là vô ích nếu một người tuyên bố đắc thiên định mà đạo đức không hề được cải thiện. Đạo đức phải là biểu hiện của thiên định. Đạo đức và thiên giống nhau ở điểm cả hai đều nhìn vào nội tâm, quan sát nội tâm.

Khác nhau giữa đạo đức và thiên chính là:

Đạo đức nhìn vào nội tâm để đánh giá đúng hay sai, thiện hay ác.

Thiên nhìn vào nội tâm để đánh giá tĩnh hay động, an hay loạn.

Tự đánh giá lỗi lầm của mình là điều không dễ. Phải là người rất chân thành, can đảm, trí tuệ mới tự cho mình có lỗi. Hầu hết con người đều âm thầm bênh vực cho mình, ít ai dám nhận lỗi về mình. Những người thật sự có lý tưởng tu hành phải tự phê phán bản thân mình trước chứ không đợi người khác phê phán mình. Người ngoài phê phán mình là muộn rồi. Chính mình phải phê phán mình trước. Chúng ta phải nghiêm khắc tìm lỗi của mình suốt hai, ba mươi năm như vậy thì mới tạm bớt có lỗi, có thể tạm làm

thầy dạy cho người khác, có thể răn dạy người khác. Nếu chưa thấy lỗi của mình, hay trách móc người khác, tội sẽ càng lúc càng nặng. Người thấy lỗi mình thường xuyên sẽ được Thánh Thần yêu mến, thấy lỗi người khác thường xuyên sẽ được ma quỷ yêu mến.

Đến khi tâm thuần thiện rồi, tự nhiên chúng ta sẽ chuyển qua dụng công của thiền lúc nào không hay. Lúc đó chúng ta chỉ còn quan sát để ý xem tâm đang động hay tịnh. Và thế là vọng tưởng sẽ tắt dần để vào định.

“Một cư sĩ hỏi:

-Tại sao con tu hoài mà tâm không thanh tịnh?

Tăng đáp:

-Anh hãy thanh lọc tư tưởng cho đến khi thuần thiện thì cái định đã ở gần một bên.”

Con đường này tuy nghe đơn giản nhưng rất căn bản vững chắc.

Cây đạo Phật.

Sự tu hành trong Đạo Phật giống như một cái cây, có rễ cái, rễ bàng, thân gốc to, nhiều cành nhánh, vô số lá, hoa, và cuối cùng là quả.

Rễ cái tượng trưng cho tâm hạnh căn bản nhất đó là lòng tôn kính Phật. Hệ quả của lòng tôn kính Phật là làm phát sinh lý tưởng tu hành giải thoát mạnh mẽ trong tâm chúng ta. Càng tôn kính Phật chừng nào thì lý tưởng tu hành càng mạnh chừng ấy.

Những rễ bàng tượng trưng cho những tâm hạnh đạo đức. Đây chính là nội dung môn học này.

Chúng ta sẽ lần lượt triển khai sau.

Thân cây tượng trưng cho phước tích lũy được nhờ công quả làm lợi ích cho mọi người. Thân càng to tức là cây càng khỏe. Phước càng nhiều thì cuộc đời tu hành càng vững vàng.

Nhiều cành nhánh tượng trưng cho nhiều pháp môn tu hành. Đạo Phật có nhiều pháp môn tu hành.

Chúng ta leo nhánh nào cũng nằm trong cây đạo Phật, chỉ sợ leo nhầm qua nhánh của cây khác sẽ tu theo ngoại đạo. Tịnh độ, Thiền, Mật, Giáo quán, Thiên thai, Hoa nghiêm, Pháp hoa, Lăng nghiêm, cũng là đạo Phật, miễn là ta có lòng tôn kính Phật, có tâm hạnh đạo đức, có phước.

Vô số lá tượng trưng cho vô số oai nghi tế hạnh toát ra bên ngoài biến thành phong cách của người tu

theo đạo Phật. Dù mọc từ bất cứ cành nào, lá vẫn giống hệt nhau. Dù tu theo bất cứ pháp môn nào, phong cách oai nghi vẫn luôn luôn giống nhau. Người tu đúng đạo Phật đều có phong cách giống nhau như điềm đạm, từ tốn, hiền lành, vui vẻ, chân thành, giản dị. Nếu phong cách không giống nhau thì cẩn thận, có khi chúng ta tu sai đường lối của Phật dạy.

Hoa tượng trưng cho định lực thành tựu được. Cuối cùng thì người đệ tử Phật phải có khả năng nhiếp tâm vào định, vì đó là đường đi chủ yếu của đạo Phật. Định được tâm là kết quả của nhiều công hạnh trước đó, của nhiều ngày tháng vất vả tọa thiền dụng công. Nhưng phải đi đến chỗ này, không thể khác hơn được.

Quả tượng trưng cho trí tuệ chứng được. Trí tuệ này không phải là những hiểu biết suy luận sáng tạo bình thường của con người. Đó là khả năng cảm ứng phủ trùm siêu phàm của Thánh. Trí tuệ này bảo vệ vị Thánh vĩnh viễn thoát khỏi sai lầm ô nhiễm, và là khả năng thấu suốt mọi điều trong pháp giới.

Qua hình tượng cây đạo Phật vừa rồi, chúng ta thấy

vấn đề chia rẽ pháp môn trong đạo Phật chỉ là sự hiểu lầm, làm phân hóa Phật giáo. Cành nhánh thì có thể riêng, nhưng gốc chung, rễ chung, thân chung, lá giống, hoa giống, quả giống. Pháp môn có thể riêng, nhưng lý tưởng chung, đạo đức chung, phước chung, phong cách giống, định giống, tuệ giống. Như vậy vẫn là đạo Phật với nhau như anh em một nhà. Chỉ sợ khi nhìn lại, chúng ta sai khác nhau về lý tưởng, về phong cách, thì chúng ta không phải chung một đạo Phật.

HIỂU VÀ TÔN KÍNH PHẬT

TÔN KÍNH PHẬT LÀ CÔNG HẠNH CĂN BẢN

Hiểu và Tôn kính Phật là đạo đức căn bản của tất cả đạo đức khác. Tuy nhiên hầu như chúng ta bỏ quên, xem thường, và không thấy hết tầm quan trọng của tâm hạnh vô cùng đặc biệt này. Mỗi ngày chúng ta vẫn lễ Phật, không ít thì nhiều, nhưng với tâm hời hợt. Dần theo ngày tháng, chúng ta sẽ không đạt được những công đức vi diệu từ việc lễ lạy đó.

Tôn kính Phật là công đức căn bản sinh ra mọi công đức khác, là tâm hạnh căn bản sinh ra mọi tâm hạnh khác. Là đệ tử Phật, nhất là người xuất gia, chúng ta cũng mong ước dựng lập nơi mình vô lượng tâm hạnh tốt đẹp để chính cuộc đời mình được an lạc và đủ tư cách để làm lợi ích cho chúng sinh. Nhưng vô lượng tâm hạnh đó không thể thành tựu nếu thiếu tâm hạnh ban đầu là tôn kính Phật. Ví dụ chúng ta muốn tâm mình tràn đầy lòng từ bi thương yêu tất cả chúng sinh vì chúng ta biết lòng thương yêu chúng sinh là một lý tưởng đẹp, đẹp như một ánh trăng rằm mà tất cả Thánh nhân đều ngợi ca, tất cả thế gian đều nường tựa. Chúng ta suốt đời hướng tới, phấn đấu những mong đạt được lý tưởng từ bi đó. Nhưng hầu như ai cũng nhận ra rằng dù đã cố gắng nhiều mà tâm từ bi chúng ta vẫn phát triển rất ít. Chấp ngã từ ngàn đời luôn cản trở không cho ta thương yêu mọi người một cách dễ dàng. Chúng ta không đủ tâm thương yêu huynh đệ chung quanh, vẫn còn những phiền não giận hờn trách móc chê bai lẫn nhau.

Như vậy chúng ta đã thiếu sức mạnh gì khiến mình

không phát triển được lòng từ bi như thế?

Chúng ta đã thiếu công hạnh Tôn kính Phật!

Hoặc ví dụ như hạnh nhẫn nhục cũng là một tâm lý đạo đức quan trọng của người tu hành. Đó là tâm bình thản bất động đối với những nghịch cảnh, sự xúc phạm, sự trái ý. Nhiều khi chúng ta đã buồn bực, giận hờn, đau khổ vì mọi điều trong cuộc sống để rồi phải bày tỏ thái độ gay gắt, cáu kỉnh, hậm hực, nóng nảy, khiến cho người ngoài nhìn vào đánh giá là thiếu đạo lực. Nhất là người xuất gia thì sự bình thản trước nghịch cảnh còn quan trọng hơn rất nhiều. Nhưng chúng ta đã thiếu sức mạnh tinh thần nào đó khiến chúng ta yếu đuối không còn vững vàng.

Chúng ta đã thiếu công hạnh Tôn kính Phật!

Người xưa đã nói "Kính thầy mới được làm thầy", thì ở đây cũng vậy, chúng ta có tôn kính Phật thì chúng ta mới dần dần đạt được những đức tính của Phật nơi tâm của mình. Chúng ta có tôn kính một bậc Thánh nào đó thì chúng ta mới thành tựu một phần các tính chất của bậc Thánh đó. Dĩ nhiên chúng ta chỉ thành tựu một phần thôi vì không thể nào so

sánh được với công đức tu hành từ nhiều kiếp của vị đó.

Có một câu chuyện đẹp về ý nghĩa này:

“Đôi vợ chồng nghèo gặp một vị Alahán có dung mạo rất đẹp. Họ phát tâm cúng dường vị Alahán một xấp vải để thay thế tấm y rách rưới tả tơi của ngài sau nhiều ngày tháng ẩn cư trong thâm sơn cùng cốc. Vị Alahán bước vào bụi rậm để khoác lên tấm y mới và bước ra với dáng vẻ đường bệ bội phần. Người vợ buột miệng nói:

-Xin cho chúng con được dự vào quả vị như Ngài đã chứng, vị Alahán mỉm cười hứa và khẽ chào quay đi. Ngài biết mình đã chứng Alahán nhưng đôi vợ chồng kia không biết. Dù thế nào thì lời nguyện đó cũng sẽ thành tựu trong đời vị lai.

Không ngờ khi ngài mỉm cười thì dung mạo càng đẹp hơn nữa. Khi ngài đi rồi thì người vợ khen mãi:

-Trời ơi, ngài đẹp như một tài tử!

Người chồng gật đầu đồng ý.

Nhiều kiếp trôi qua đến khi Phật Thích Ca xuất hiện thì đôi vợ chồng kia cũng tái sinh sau đó không lâu.

Người vợ sinh trong gia đình gánh hát nên làm nữ

tài tử đi hát từ vùng này sang vùng khác. Người chồng mê cô đào hát nên trốn nhà đi theo. Họ có với nhau một mụn con. Người chồng thường bị nói xa nói gần là vô tích sự vì thật sự anh không biết biểu diễn như vợ. Tự ái, anh học trình diễn và cũng trở thành tài tử.

Một lần đang biểu diễn đu quay trên cây sào cao 20 thước, chợt nhìn thấy đức Phật từ xa đi đến với oai nghi trầm hùng rực rỡ, anh giữ bất động để ngắm Ngài. Phật cũng thấy nhân duyên của anh đã chín muồi, nên hướng về anh đọc một bài kệ với nội dung xem cuộc đời cũng là một trò xiếc mà người trí phải biết thoát ra. Anh chứng đạo ngay đó và bay xuống đánh lễ Ngài. Người chồng xuất gia, người vợ cũng xuất gia và cùng chứng đạo, đúng như lời nguyện kiếp xưa mà họ đã mong muốn.”

Dĩ nhiên ta cũng biết là họ cũng phải đã từng có nhiều kiếp tu hành thật sự chứ không phải chỉ do nhân duyên cúng dường một xấp vải.

Câu chuyện trên cho chúng ta một minh họa sinh động về sự thành tựu những tính chất giống như vị Thánh mà mình đã tôn kính.

Và vượt hơn tất cả những vị Thánh khác, đức Phật là vị Thánh tuyệt đối của toàn vũ trụ với vô số những đức tính cao cả tuyệt vời. Chúng ta đặt lên Ngài lòng tôn kính là chúng ta đã gieo vào tâm mình hạt giống của những Thánh tính tuyệt đối. Ngày nào đó chúng ta cũng sẽ thành tựu dần dần những tính chất cao đẹp của Phật.

Nhân cách được nâng cao

Kết quả ban đầu dễ nhìn thấy từ hạnh tôn kính Phật là nhân cách chúng ta từ từ được nâng cao lên. Nếu ngày xưa chúng ta thô tháo, vội vàng, nhìn vấn đề không sâu sắc, thì sau một thời gian lễ kính Phật, ta sẽ thấy mình điềm đạm chững chạc lại, trông có vẻ khả kính hơn.

Tư cách oai nghi đó không phải do gắng gượng giả dối mà tạo ra được, đó thật sự do nhân quả tạo thành một cách tự nhiên. Người không có công đức, dù có cố tạo ra vẻ đàng hoàng đoan trang một thời gian rồi cũng bộc lộ bản chất kém cỏi.

Người có tư cách thật sự, dù ở trước đám đông hay ở trong phòng vắng cũng không khởi ra một cử chỉ sai lầm làm mất oai nghi. Lúc nào người này cũng

giữ oai nghi đàng hoàng đẹp đẽ cho dù không ai nhìn thấy, chính tâm họ tự biết kiểm soát lấy từng động tác của mình một cách nhẹ nhàng kỹ lưỡng. Do công đức lễ kính Phật mà trong sâu thẳm, tâm ta có sức mạnh và có trí tuệ biểu lộ ra thành nhân cách khiến mọi người nể trọng. Cũng chính trí tuệ này giúp ta phát hiện ra lỗi lầm tiềm tàng của mình. Thật vậy, người nào lễ Phật một thời gian đều bắt đầu thấy ra được lỗi lầm mà trước đây tự mình không nhìn thấy. Có khi người khác chỉ ra mà ta cũng không công nhận. Bây giờ nhờ công đức lễ Phật chúng ta tự hiểu rằng đó là lỗi. Khi đã biết lỗi rồi thì lỗi đó đang hết dần.

Ví dụ trước đây chúng ta sống ích kỷ chỉ lo cho bản thân, bây giờ chân thành lễ Phật một thời gian, chợt chúng ta thấy ra từng cử chỉ nhỏ, từng ý nghĩ nhỏ nào có mang theo tâm ích kỷ. Vì vậy chúng ta tự biết phải thay đổi chứ không thể để như vậy mãi.

Ý chí vi diệu xuất hiện

Kể đến một loại ý chí vi diệu xuất hiện giúp chúng ta vượt qua nghịch cảnh, vượt qua cám dỗ.

Chúng ta đã phân biệt hai loại ý chí, một loại khởi

lên từ bản ngã, và một loại khởi lên từ ý chí. Ý chí khởi lên từ bản ngã là do gắng gượng mà có, rắng sức mà có. Loại này càng khởi lên chừng nào thì càng làm tăng trưởng ngã chấp kiêu mạn chừng nấy. Loại Ý chí khởi lên từ công đức thì vừa mãnh liệt vừa nhẹ nhàng, nhưng rất hiệu quả.

Ví dụ như có người nói điều gì làm chúng ta buồn. Chúng ta thấy người biết tu mà buồn thì không hay nên muốn bỏ. Nhưng nếu chúng ta chỉ đơn thuần rắng mà thôi sẽ thấy mệt mỏi mà nổi buồn vẫn cứ đeo đẳng. Nếu chúng ta có công đức thì ngay khi muốn hết buồn, quyết định dừng lại nổi buồn, thì tự nhiên bên trong có một sức mạnh vi diệu tiêu diệt nổi buồn ngay tức khắc. Ý chí là con dao hai lưỡi là vậy, sẽ làm tăng bản ngã nếu thiếu công đức.

Rồi trong suốt cuộc đời tu hành, chúng ta sẽ gặp không biết bao nhiêu là nghịch cảnh cay đắng. Nếu không có ý chí, chúng ta sẽ chán nản bỏ cuộc giữa đường. Nếu có ý chí, chúng ta sẽ chịu đựng để tiến bước. Rồi chúng ta cũng sẽ đối diện với biết bao nhiêu cám dỗ mời gọi. Nếu không có ý chí, chúng ta cũng sẽ dừng lại để hưởng thụ. Ý chí cần thiết như

thể, nhưng phải là loại ý chí đến từ công đức thì mới không bị hậu quả phụ tai hại là làm phát triển bản ngã.

Vì vậy, chúng ta phải khôn ngoan biết lễ kính Phật để tạo cho mình một nền tảng công đức vững chắc nhằm giúp cho đời tu của mình an ổn hơn.

Quy y Phật

Bước đầu đến với đạo Phật ai cũng làm lễ quy y Tam Bảo, căn bản là quy y Phật. Quy y Phật nghĩa là nguyện trọn đời tôn thờ Phật, trọn đời xin làm con của Phật, trọn đời đem thân tâm này dâng lên cúng dường Phật, trọn đời sống trong giáo pháp của Phật. Ý nghĩa quy y rất lớn mà đa phần chúng ta không hiểu hết và đôi khi xem thường, hoặc hiểu khác nghĩa đi. Trước hết ta phải xác định rằng Phật là Đấng Chánh Giác với sự giác ngộ tối thượng, mà đại biểu cụ thể nhất chính là đức Phật Thích Ca có thật trong lịch sử. Chúng ta là những chúng sinh si mê trầm luân, nay có duyên lành gặp được Phật Pháp nên nguyện đem trọn cuộc đời đi theo Phật. Đó là ý nghĩa chuẩn mực rất cơ bản, rất bình thường, và rất chính xác.

Nếu chúng ta hiểu theo cách thức dịch từng chữ là Quy là trở về, Y là nương tựa, thì sẽ thấy rất hơi hợt nông cạn. Đó là lý do tại sao nhiều Phật tử dễ dàng bỏ đạo khi gặp duyên hôn nhân, khi đi ra nước khác sinh sống.

Ngày xưa một người tại gia gặp Phật quý xuống phát nguyện: Con xin suốt đời Quy y Thế Tôn, Quy Y Pháp, Quy y Chư Tăng.

Họ nói với tất cả quyết tâm và sự chân thành vì lúc đó trước mặt họ là đức Phật cao siêu vĩ đại.

Bây giờ quý thầy cô làm lễ quy y cho Phật tử có khi không gieo được vào lòng Phật tử niềm xúc động sâu xa ở cái buổi ban đầu vào đạo. Người Phật tử không được may mắn như các cư sĩ thời đức Phật là có được cảm xúc mãnh liệt với đạo. Sau này có một số Phật tử ít gắn bó với chùa, lập gia đình với người đạo Kitô hay đạo Hồi liền bỏ đạo để làm lễ cưới theo họ, vì sự bắt buộc nghiêm khắc tín đồ phải làm lễ cưới tại giáo đường, cũng có nghĩa là buộc người phối ngẫu phải theo đạo.

Bây giờ là lúc phải điều chỉnh lại, phải giúp cho Phật tử hiểu ý nghĩa thiêng liêng của việc Quy y

Phật là trọn đời thiết tha sống theo giáo pháp của Phật mà không gì có thể lung lay được.

Chúng ta hãy cảnh giác về ý nghĩa quy y Phật là quy y tự tánh vì không đúng với ý nghĩa căn bản chuẩn mực vốn cần thiết cho đời sống tâm linh tu hành. Nếu nói quy y Phật là quy y tự tánh thì có ai đã thấy được tự tánh của mình ra sao để mà quy y. Hỏi Phật ở đâu, ta bèn chỉ vào trong tâm mình. Hỏi tâm ở đâu, ta đành chỉ trên đầu hoặc trong tim, hoặc dưới bụng. Nhưng cái gì đang ẩn chứa trong tâm ta?

Trong tâm ta luôn luôn đang tồn tại một bản ngã cực kỳ nguy hiểm. Bản ngã đó bí mật chi phối toàn bộ ý nghĩ hành vi của ta, thường khiến tâm ta khởi lên vô số phiền não, tham lam, sân hận. Chúng ta chưa bao giờ chứng được vô ngã, chỉ tưởng tượng có một cái tự tánh cao siêu nào đó ở trong tâm để tôn thờ, vô tình đã làm tôn thờ bản ngã. Ngay cả một số vị đã đắc định, thấy tâm rộng rang sáng tỏ cũng chưa phải là đã thoát hẳn ngã chấp. Chỉ những ai thành tựu được tam minh lục thông như Phật mới được xem là chấm dứt chấp ngã. Còn hiện tại dù ta có

được một số kết quả trong nội tâm thiền định nào đi nữa vẫn chưa hết được chấp ngã. Vì vậy, chúng ta phải khôn ngoan cảnh giác về nội tâm đang còn chứa đựng bản ngã này hơn là tôn thờ cái tâm được chút ít an ổn đó, nếu không, tâm kiêu mạn sẽ tăng trưởng nhanh chóng làm tan vỡ đạo đức của mình. Có câu chuyện vị khách Tăng từ phương xa đến viếng chùa quê, cùng với vị Tăng ở bốn tự đàm đạo vui vẻ. Khách nói qua lãnh vực tự tánh. Chủ thắc mắc hỏi:

-Thầy nói tự tánh nơi chính mình, vậy thầy đi từ trên đó về đây thì tự tánh có đi theo chăng? Rồi thầy già từ ở đây để về nơi đó trở lại thì tự tánh có theo thầy về không?

Khách im lặng không đáp. Chủ hỏi tiếp:

- Nếu tự tánh đó theo thầy đi tới đi lui như vậy thì không phải là bất động. Còn nếu tự tánh là bất động thì không theo thầy đi tới đi lui như thế; và nếu không theo thầy đi tới đi lui thì tự tánh đó không phải ở nơi thầy, mà là ở chỗ khác.

Chúng ta sẽ thấy rằng cái đi tới đi lui theo mình có

lẽ là bản ngã thì đúng hơn. Còn thể tánh tuyệt đối thì phủ trùm không gian và thời gian, vượt qua ý niệm về không gian và thời gian. Nếu chúng ta chấp nhận ý nghĩa quy y tự tánh thì rất dễ rơi vào tình trạng tôn thờ bản ngã và làm cho tâm kiêu mạn xuất hiện. Mà tâm kiêu mạn là tai họa của người tu.

Ví dụ như một người mới vào chùa xuất gia, ngoài sư phụ mà người này phải kính thờ nhu thuận còn có nhiều sư huynh đã tu trước mình. Vì vậy người này phải vâng lời cả chùa, phải vui vẻ nghe lời rầy la dạy bảo của cả chùa. Đây là thời gian đẹp nhất của cuộc đời tu hành vì nhờ nhu thuận vâng lời hết mọi người nên bản ngã được diệt trừ dần dần. Thời gian này càng kéo dài nhiều năm thì phước người này càng lớn. Điều “bất hạnh” xuất hiện khi sư phụ nhận thêm đệ tử mới, nghĩa là người này bắt đầu lên chức sư huynh, bắt đầu có sư đệ để dạy bảo sai khiến. Khi có người nghe lời sai bảo của mình thì bản ngã của người này đang thức dậy, phước sẽ giảm dần dần. Nếu càng có nhiều sư đệ thì bản ngã càng nhanh chóng phát triển hơn.

Chúng ta thấy nhiều khi mình chưa biết vô ngã là gì,

chỉ có hạnh nhu thuận vâng lời mà bản ngã đã giảm rất nhiều, công đức đã được dựng lập rất nhiều. Công đức trong thời gian ban đầu đó có khi đủ giúp ta đi qua cả một đời tu hành yên ổn. Còn khi bắt đầu có sư đệ, hoặc khi có đệ tử thì người này phải giữ tâm vô ngã bằng những phép tu chuyên sâu hơn. Nếu không thì địa vị lớn chỉ là môi trường thuận lợi cho bản ngã lớn mạnh hơn mà thôi.

Khi quy y Phật, chúng ta thật sự tôn kính Phật; đó là một đối tượng bên ngoài, một vị Thánh siêu tuyệt không có một sơ hở nhỏ trong nhân cách. Chúng ta may mắn hơn các tín đồ của tôn giáo khác vì vị giáo chủ của chúng ta có một Thánh tính tuyệt đối như thế. Và thật là bất hạnh nếu bây giờ chúng ta bỗng nhiên quay lại tôn thờ quy y bản ngã của mình, gọi đó là tự tánh, rồi xem thường mọi người, xem thường cả Phật và Bồ tát. Cho rằng bất cứ cái gì ở bên ngoài mình đều là vô nghĩa, mà Phật, Bồ tát cũng là ở ngoài, nên chúng ta hờ hững với chư Thánh.

Phước chúng ta sẽ sụp đổ không lâu!

Vì vậy chúng ta không nên để ý nghĩa Quy y Phật

trở thành quy y tự tánh. Hơn nữa, một đệ tử Phật mà không hiểu Phật, không tôn kính Phật thì rất đáng bị nghi ngờ về đạo đức. Dù người này có trình bày đạo lý cao siêu như thế nào, nhưng nếu họ thiếu lòng tôn kính Phật thì chúng ta chưa thể cho đó là người tốt. Phải có lòng tôn kính Phật làm nền tảng trước khi chúng ta xây dựng tiếp những công hạnh khác trong Phật Pháp.

Lòng tôn kính Phật càng mãnh liệt, đạo quả càng cao

Chúng ta hãy xem hình ảnh một chiếc máy bay để gợi ý cho sự tu tiến đạo quả. Đầu tiên chiếc máy bay chạy chậm, rồi nhanh dần, nhanh dần, cho đến khi nó tăng tốc thật nhanh đủ để cất lên cao khỏi mặt đất.

Khi nó đã bay lên cao rồi thì đáp xuống không phải dễ; cũng phải hạ thật khéo xuống đường băng với tốc độ thật lớn, rồi giảm dần, giảm dần cho đến khi ngừng hẳn.

Một chiếc xe lửa cũng vậy, khi đã chạy nhanh rồi mà muốn dừng lại cũng không dễ, phải giảm vận

tốc cả mấy trăm mét mới dừng hẳn được.

Chúng ta cũng vậy, chúng ta tôn kính Phật, sống một đời vị tha thương yêu muôn loài, khiêm hạ kín đáo. Đó là chiếc máy bay đang chạy lấy đà. Rồi những tâm lý đạo đức đó lớn dần, lớn dần cho đến khi đủ mạnh để cất cánh lên cao thì gọi là chúng ta chúng được đạo quả Tu đà hoàn, gọi là vào dòng Thánh – nhập lưu. Người chứng đạo quả Tu đà hoàn được Phật ấn chứng là vĩnh viễn không còn đọa vào ba ác đạo của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Sở dĩ như vậy vì cái đà đã đủ mạnh để người này không còn bị rơi trở lại trong sai lầm tội lỗi. Ba cửa ác đạo đã vĩnh viễn đóng lại với vị này. Rồi đến một kiếp nào đó, người đó sẽ chứng được đạo quả Niết bàn. Có thuyết cho rằng vị Tu đà hoàn sẽ tái sinh bảy lần rồi mới chứng Niết bàn; nhưng thật ra không chắc như thế.

Tương tự với những chúng sinh sống với tâm ác độc, ích kỷ, không tôn trọng Thần Thánh. Họ cũng đang tạo thành một cái đà đi về đọa xứ. Khi đời sống bất thiện như thế đủ mạnh thì họ sẽ đọa vào ác đạo không có ngày trở lên. Trước hết họ sẽ

xuống địa ngục. Thoát kiếp địa ngục, họ sẽ làm quý
đồi; thoát kiếp quý đồi, họ sẽ làm súc sinh.

Chúng ta phải tích lũy lòng tôn kính Phật đủ để cất
cánh lên bầu trời công đức bao la thì mới không sợ
thoái lui. Máy bay mà chưa cất cánh thì có thể dừng
lại dễ dàng, lòng tôn kính Phật mà chưa vượt bậc thì
đạo tâm có thể thoái chuyển cũng dễ dàng như vậy.
Khi nào chúng ta chứng được quả vị Tu đà hoàn mới
có thể tạm yên tâm là đối với Phật Pháp không còn
quay bước.

Nếu lòng tôn kính Phật của chúng ta đạt đến tuyệt
đồi thì chúng ta chắc chắn đã có cái nhân của quả
vị Alahán. Nhưng như thế nào là lòng tôn kính Phật
đạt đến tuyệt đồi?

Đây là chỗ không dùng ngôn ngữ để diễn tả được,
chỉ tâm ta tự biết mà thôi.

Nếu một người mỗi ngày quỳ xuống trước Phật với
trọn lòng thiết tha tôn kính đến tuyệt đồi, cảm thấy
thân tâm này, mạng sống này đều dâng lên Phật,
từng ý nghĩ đều theo Phật, thì người này về sau sẽ
chứng thành đạo quả vô lượng vô biên.

Mỗi người đều từng có lễ Phật nhưng thật ra tâm

kính Phật không giống nhau, phần đông theo nghi thức chung bên ngoài chứ trong tâm rất hời hợt. Nếu lễ Phật hời hợt như vậy thì khó có phước tu tiền lâu dài về sau.

MUỐN KÍNH PHẬT PHẢI HIỂU PHẬT

Muốn tôn kính Phật, chúng ta phải hiểu Phật, phải hiểu một cách sâu sắc. Chúng ta không thể trọn lòng kính Phật nếu chưa hiểu Phật. Muốn hiểu Phật thì chúng ta phải:

- Biết khá rõ về cuộc đời siêu việt phi thường của Phật.
- Biết nhiều về những lời dạy thiêng liêng cao quý của Phật.
- Biết nhiều chi tiết về cuộc đời giáo hóa kỳ vĩ của Phật.
- Tinh tấn tu chứng để cảm nhận giá trị mầu nhiệm của Phật Pháp.

Trước hết là phải biết nhiều về cuộc đời của Phật với những công hạnh cao cả, với những chi tiết nhỏ nhỏ nhưng cảm động lạ thường. Hầu hết chúng ta có đọc qua một số sách viết về lịch sử đức Phật, nhưng nếu không có trí tuệ chúng ta sẽ không có

cảm xúc nhiều mà chỉ đọc như đọc truyện tiểu thuyết. Có khi là do người viết không diễn tả được hết những điều hay trong cuộc đời Phật, nhưng cũng có khi là do người đọc không nhận ra những điều hay trong đó. Nếu có trí tuệ chúng ta sẽ nhận ra sự vĩ đại của Phật từ những đoạn diễn tả đơn giản.

Ví dụ trong kinh Đại giáo giới La Hầu La; một lần Phật cùng với La Hầu La đi khất thực buổi sáng. Đó là một hình ảnh đẹp của 2 cha con vương tử trở thành 2 thầy trò cùng nhau đặt những bước chân vân du trên các nẻo đường nhân thế để giáo hóa. Phật thấy cơ duyên đã đến. Đang đi nửa chừng, chợt Phật dừng chân, rồi quay lại nhìn La Hầu La với cái nhìn của con voi chúa. Phật thuyết pháp cho La Hầu La nghe về ý nghĩa vô thường và vô ngã. Chỉ có đoạn ngắn nói về cái nhìn của con voi chúa có thể làm chúng ta xúc động. Câu nói tuy ngắn nhưng hàm chứa trong đó cả một nội tâm an định vững vàng và mệnh mông của Phật, vì chỉ có một nội tâm như thế mới hiện ra ánh mắt như thế. Chúng ta thấy rằng Phật có oai nghi đẹp đẽ, trầm

hùng trong từng cử chỉ nhỏ nhất như ánh mắt chẳng hạn. Nơi đức Phật, từng cái nhấc tay cất chân đều tràn đầy uy lực, trầm tĩnh, đẹp đẽ thu hút chinh phục mọi người. Chỉ cần nhìn đức Phật ngồi yên, chúng sinh cũng bị thuyết phục lạ lùng vì thần uy vô hình từ kim thân Phật tỏa mạnh ra chung quanh.

Mỗi cử động của Phật như gói trọn trong đó vô lượng giải thoát, vô lượng bình an, vô lượng trí tuệ. Đó là ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh của Phật và chư Đại Bồ tát. Một vị Phật như thế thì rất lâu trên trái đất mới xuất hiện một lần. Thật hiếm hoi. Còn các vị Thánh bình thường, Alahán, thiền sư thì thỉnh thoảng chúng ta vẫn thấy xuất hiện.

Năm 12 tuổi, lúc còn là Thái tử, Phật đã theo vua cha Sudodana ra đồng làm lễ Hạ điền vào đầu mùa trồng lúa. Trong lúc mọi người đang vui chơi, Thái tử lặng lẽ đến gốc cây ngồi thiền. Ngài nhanh chóng nhập vào Sơ thiền và ngồi quên thời gian. Đến khi vua cha sức nhớ cho người đi tìm thì thấy Thái tử vẫn ngồi trong bóng cây. Nhìn tàng cây, vua cha lấy làm lạ vì thấy những cành lá của cây như đang cô

kéo nhau về mặt trời để tiếp tục che mát cho Thái tử.

Chúng ta hiểu rằng muốn nhập được Sơ thiên thì trước đó phải thuần thực chánh niệm tỉnh giác, có nghĩa là tâm không bao giờ xao lãng trong pháp môn tu hành. Muốn thành tựu chánh niệm tỉnh giác thì trước đó tâm phải thuần thiện. Muốn tâm thuần thiện thì chúng ta phải bỏ ra năm, mười năm thanh lọc nội tâm mình trong từng ý nghĩ nhỏ nhỏ không cho một tư tưởng sai lầm nào tồn tại. Nhưng muốn từ bỏ những ý nghĩ sai lầm bất thiện thì trước hết chúng ta phải can đảm tự đánh giá chính mình, tự biết đó là những ý nghĩ sai lầm. Hầu hết con người vẫn luôn cho ý nghĩ mình là đúng; ít người tự cho rằng mình đã suy nghĩ sai; và đó cũng là lý do ít người tu hành chân chính. Người tu hành chân chính phải là người nhận ra được ý nghĩ sai lầm của mình để tự trừ diệt, vì ý nghĩ trong tâm mình khó có người nhìn thấy để nhắc nhở giùm.

Sau khi thanh lọc nội tâm đến mức thuần thiện rồi chúng ta mới chuyển sang giai đoạn kiểm soát tâm động hay tĩnh. Đó là bước sang giai đoạn tu tập

chánh niệm tỉnh giác. Tu tập chánh niệm đến mức độ không bao giờ bị xao lãng nữa thì mới có thể chứng được Sơ thiền. Chúng ta hiểu rằng Sơ thiền không dễ thành tựu. Nhiều người vào tu, đã vội vã muốn nhiếp tâm mà không đi qua giai đoạn thanh lọc nội tâm thuần thiện, tuy cũng đạt được một ít yên tĩnh, nhưng không bao lâu tâm sẽ dấy động trở lại vì sự yên tĩnh đó không có căn bản của nội tâm thuần thiện.

Thế mà khi còn bé Phật đã thành tựu Sơ thiền dễ dàng, cho thấy công đức Phật tử quá khứ rất lớn. Chúng ta cũng cần hiểu thêm rằng chứng được Sơ thiền tức là không cần dụng công nữa, tâm tự động giữ lấy chính nó trong yên tĩnh. Một đứa bé 12 tuổi mà vào được Sơ thiền không cần dụng công nữa thì thật là vĩ đại.

Ngay như việc Thái tử mạnh mẽ từ giã cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan để xuất gia tìm đạo là điều không dễ làm. Hãy tưởng tượng chúng ta trong hoàn cảnh tương tự sẽ thấy rằng chúng ta không đủ can đảm để dứt bỏ như thế. Những gì đem cho chúng ta lạc thú đều khiến chúng ta chấp thủ giữ

gìn. Một câu khen ngợi cũng làm chúng ta cả đời không thể buông bỏ hưởng chi là tài sản quyền uy. Đơn giản như nếu chúng ta có mười lạng vàng, chúng ta không đủ can đảm bỏ ra ba lạng để làm việc thiện; nếu có cũng chỉ trích ra một số rất nhỏ khoảng vài trăm ngàn, chứ không dám rộng rãi bỏ thí.

Địa vị quyền lực là nỗi ám ảnh khát khao của nhiều người trên trần gian này. Họ đã cực khổ biết bao để giành lấy chức tước, đôi khi phải dùng đến những thủ đoạn đê hèn để chiếm đoạt. Nhưng Phật đã từ bỏ một cách nhẹ nhàng dứt khoát. Thái độ từ bỏ nhẹ nhàng dứt khoát đó là cả một sức mạnh phi thường của lòng khát khao chân lý. Chỉ có lý tưởng phi thường mới khiến ta xem nhẹ những giá trị trần gian khác.

Rồi trong cuộc đời, nhất là đối với người tại gia, tình yêu là cái gì rất lớn lao quan trọng. Được một người vợ đẹp người ta yêu quý giữ gìn như vàng ngọc. Nhất là một người công ngôn dung hạnh vẹn toàn, thì họ sẽ không đành lòng bỏ đi tu cả. Công nương Yashodara là người phụ nữ như thế, vậy mà Phật

cũng quay lưng ra đi để tìm một chân lý cao cả cho nhân loại.

Rồi những tháng ngày lang thang từ khu rừng này qua thung lũng kia để tìm thầy học đạo, đến khi thực hành khổ hạnh khốc liệt mà trên thế gian này chưa ai làm nổi. Dĩ nhiên chúng ta cũng phải lưu ý đến yếu tố nội lực phi thường của Phật do luyện tập khí công (yoga) khi còn ở trong Hoàng cung đã trợ giúp rất nhiều cho Phật trong giai đoạn tu hành cực khổ.

Rồi từ trí tuệ vô biên vô lượng, Phật nói lên những bài Pháp vô giá, giống như vô số ngọc ngà để lại cho nền văn hóa của nhân loại. Bây giờ chúng ta có tài giỏi như thế nào đi nữa cũng chỉ là lập lại, mở rộng thêm, giải thích rõ hơn, chứ không đủ sức mở ra cả một hệ thống lý thuyết tu tập vĩ đại như thế. Càng về sau thì các nhà trí thức trên thế giới càng ca ngợi đạo Phật khi so sánh với các tôn giáo khác. Nhiều tôn giáo bị lạc hậu khi khoa học tiến bộ; nhưng đạo Phật thì ngược lại, càng sáng tỏ khi khoa học tiến bộ. Người ta càng khâm phục đức Phật khi thấy rằng hơn 2000 năm trước mà có một người trên

hành tinh này đã nói được những điều chuẩn xác cao siêu như thế.

Rồi như giáo lý Tứ vô lượng tâm, là lòng từ bi thương yêu tất cả chúng sinh không còn giới hạn, chỉ được nói lên bởi Phật mà thôi. Không một giáo chủ nào khắp cả Đông Tây kim cổ đã nói lên được lòng thương yêu tuyệt đối như thế. Từ xưa đến nay cũng có nhiều vị Thánh của các tôn giáo kêu gọi con người tu tập đạo đức nhân ái, nhưng đều có giới hạn nào đó. Jésus của Kitô dạy yêu cả kẻ thù; Khổng Tử khuyến khích lòng nhân từ – trong phạm vi con người. Mohamet giới hạn tình thương trong phạm vi tín đồ Hồi giáo.

Chỉ có đức Phật mới dạy về một lòng từ bi không còn giới hạn, phủ trùm muôn loài vạn vật, phủ trùm cả vũ trụ mênh mông, lan cả vào thế giới siêu hình mà mắt người không trông thấy được.

Trong một tiền thân Phật làm vua nổi tiếng nhân từ thương dân. Vì thương dân quá nên ngài bị nhược điểm là không dành nhiều khả năng cho việc xây dựng quân đội quốc phòng lớn mạnh. Do thám của nước láng giềng báo về cho vua của họ điều đó.

Ông vua láng giềng chợt khởi tâm tham, bèn khởi binh qua để đánh chiếm. Bồ Tát (tiên thân Phật) suy nghĩ rằng vị vua láng giềng cũng rất giỏi trị dân, cũng thương dân và biết làm cho dân tình ổn định sung sướng. Đất nước của ông ta hình luật rõ ràng. Ông ta có cai trị dân mình thì dân cũng sướng chứ chẳng hại gì. Còn bây giờ mà đánh nhau thì máu sông xương núi khổ sở cho biết bao gia đình.

Nghĩ vậy Bồ Tát ra lệnh binh sĩ không được chống đỡ, phần Ngài trốn đi mất. Vị vua kia vào tận Hoàng cung mà không gặp bất cứ sự phản kháng nào, sau đó sát nhập hai quốc gia thành một và cai trị ổn thỏa. Ông ta chỉ sợ Bồ Tát dấy binh chống lại nên ra lệnh truy nã Ngài.

Bồ Tát trốn trong rừng núi đến nỗi quần áo rách tả tơi. Một lần nơi bìa rừng ngài gặp một người Bà La Môn hỏi đường về kinh đô tìm vị vua cũ là ngài để cầu xin giúp đỡ cho hoàn cảnh khổ sở cùng cực của ông.

Đến khi biết người trước mặt ông chính là vị vua nổi tiếng nhân từ thì ông khóc vì tuyệt vọng. Bồ Tát suy nghĩ một lát rồi bảo ông ta nên bắt Ngài đem nộp sẽ

được trọng thưởng. Vì Ngài thuyết phục quá nên cuối cùng Bà La Môn đồng ý trói Ngài đem nộp. Vị vua mới mừng rỡ ban thưởng cho Bà La Môn xong hỏi vì lý do nào bắt được Ngài. Người Bà La Môn kể lại câu chuyện. Vị vua mới sững sờ kinh ngạc. Thật ra ông ta cũng là người tốt, chỉ vì còn tham thôi. Đến khi biết được lòng tốt phi thường của Bồ Tát, ông bị cảm hóa mạnh mẽ. Ông bèn kết tình anh em với Bồ Tát, trả lại quốc gia và sống hòa bình với nhau.

Trong nhiều kiếp Phật luôn luôn sống hoàn toàn vị tha như thế.

Bây giờ chúng ta thử tu tập lòng từ bi rồi sẽ thấy khó khăn như thế nào. Có khi chúng ta tu qua vài tháng rồi mà vẫn chưa thật sự thương yêu được những huynh đệ chung quanh mình. Đôi khi huynh đệ bị bệnh ốm mà ta vẫn thờ ơ quên lãng. Với người nào có duyên ở kiếp trước thì chúng ta dễ khởi lòng thương mến; còn ai không có duyên thì ta rất khó thương, chứ đừng nói đến thương yêu tất cả chúng sinh. Thật là huyền hoặc. Sau này tu tiến hơn một chút, có lòng từ bi hơn một chút, ta nhìn lại những

năm tháng hời hợt trước đó và sẽ thấy hối hận vì đã không đủ lòng thương yêu với những người gần gũi với mình, mà thời gian thì đã qua đi, không còn cơ hội để sống chung với nhau để có thể chuộc lại nữa. Như vậy chúng ta mới cúi đầu kính phục Phật đã thương yêu chúng sinh một cách tràn đầy, dễ dàng và bao la như vậy.

Phật đã dạy nhiều về lòng từ bi như thế và nhiều vị Thánh đệ tử đã được an lành từ tâm hồn thương yêu như thế. Chúng ta hôm nay cũng sẽ nguyện lòng tu tập theo lòng từ bi Phật dạy.

Chúng ta cần phải hiểu về ý nghĩa thành đạo của Phật để thấy sự vĩ đại như thế nào. Từ trước đến nay, chúng ta chỉ hiểu trên ngôn từ rằng Phật đắc đạo, Phật giác ngộ, Phật giải thoát, Phật có thần thông, nhưng cũng chỉ là nghe trên ngôn từ chứ chưa cảm nhận sâu xa những ý nghĩa đó. Vì không hiểu nhiều về tâm chứng của Phật nên lòng tôn kính Phật của ta cũng hời hợt ít ỏi. Dĩ nhiên chưa đắc đạo như Phật thì không ai có thể hiểu được Phật, nhưng chúng ta cũng có thể nhờ thiện căn và trí tuệ để cảm nhận được sự vĩ đại của tâm chứng đó.

Thật ra trước khi thành đạo, Phật cũng đã có sức định rất sâu. Ngài nhanh chóng chứng được vô sở hữu xứ định với vị thầy đầu tiên là Àlara Kàlāma; rồi chứng phi tưởng phi phi tưởng xứ định với vị thầy thứ hai là Uddaka Ramaputta. Hai vị thầy đó đều khâm phục Phật và đều ngỏ ý mời Ngài cùng nhận trách nhiệm lãnh đạo đồ chúng với họ. Nhưng với trí tuệ của một vị Phật sắp thành, Ngài đã mơ hồ nhận ra rằng còn một điều gì đó chưa thỏa đáng, chưa rốt ráo nơi sở chứng này.

Phật đã hỏi hai vị đạo sư đó về vấn đề Bản ngã. Nơi mức định đó Bản ngã còn hay hết? Nếu Bản ngã đã hết thì ai biết được rằng mình đang nhập định? Nếu còn Bản ngã thì chưa phải thật sự giải thoát.

Hai vị đạo sư bấy giờ đều không thể trả lời vấn nạn sâu sắc này, và đành nhìn Gotama chào ra đi.

Sau này thành đạo, Phật đã giải quyết vấn đề này thấu đáo, và mục tiêu Vô ngã trở thành điểm son chói lọi trong giáo lý đạo Phật. Sau này chúng ta sẽ có duyên đào sâu về giáo lý vô ngã kỳ diệu đó.

Phật tìm về một khu rừng gần thị trấn Uruvela để thực hành khổ hạnh trong cô độc. Những gì về sau

được Phật kể lại thật là kinh khủng đối với chúng ta. Ngài đã ăn rất ít, mỗi ngày vài hạt đậu, vài hạt mè. Ngài đã thử nhịn thở. Những cảm giác đau đớn hành hạ Ngài cực kỳ khốc liệt. Một tiềm lực bí mật nào đó, có lẽ vừa do phước quá khứ, vừa do nội lực tập luyện khí công, đã duy trì mạng sống của Ngài. Nhiều người bày tỏ nghi ngờ tại sao Phật có thể chịu đựng sự suy dinh dưỡng cùng cực suốt nhiều năm như vậy mà không chết. Trên đời vẫn có nhiều chuyện lạ lùng phi thường mà ta không thể giải thích hết được, trong đó, chuyện Phật không chết cũng là một huyền thoại có thật như thế. Hiện nay cũng có nhiều người có khả năng đặc biệt mà ta vẫn nghe báo chí đăng tải.

Cuối cùng Phật cũng phải từ bỏ khổ hạnh vì thấy rõ là vô ích. Sở dĩ Phật phải đi qua khổ hạnh cùng cực để rồi từ bỏ là có hai lý do; thứ nhất là câu trả lời hùng hồn cho khuynh hướng đương thời cứ xem khổ hạnh là cao quý hơn các công hạnh khác; thứ hai là tránh cho đệ tử Phật về sau bị áp lực phải sống cực khổ quá đáng không cần thiết.

Phật quay lại tìm sự giác ngộ bằng thiền định. Ngài dùng thực phẩm trở lại để có sức khỏe rồi dồn nỗ lực vào thiền định. Chúng ta không xứng đáng để bàn về công phu thiền định của Phật vì chúng ta làm sao chúng đạt điều gì để hiểu được tâm chúng của Phật! Ở đây chúng ta nếu vì tôn vinh Phật mà diễn tả các tầng bậc thiền định cũng chỉ là dựa vào kinh điển và luận giải của các vị Thánh nhân ngày xưa.

Phật trải cỏ lót chỗ ngồi dưới gốc cây mà ngày nay ta gọi là cây Bồ đề. Ngài ngồi theo thế kiết già hoa sen, và bắt đầu nhập lại các mức thiền trước kia Ngài đã chứng. Trước hết là sơ thiền.

Sơ thiền là mức thiền chúng được đầu tiên. Nơi mức thiền này, tâm tự động giữ lấy chính nó trong định. Miễn là hành giả đừng tác ý xuất định thì tâm cứ tự động sáng tỏ, thanh tịnh, rỗng rang. Những ý niệm tế về đạo lý vẫn còn xuất hiện, nhưng sẽ tự động bị sức tỉnh giác của tâm trừ diệt. Hành giả không cần phải làm gì cả, cứ duy trì lâu dài Sơ thiền cộng với những công đức khác trong đời sống, hành giả sẽ nhập Nhị thiền.

Nhị thiên tắt hẳn vọng tưởng, tâm tự tại phủ trùm trời đất, có một số thần thông vừa phải, kiên giải lạnh lợi, đôi khi nghĩ rằng mình đã chứng được chân ngã theo quan niệm của Yoga Ấn giáo.

Tam thiên là cả một thế giới khác hẳn. Người chứng Tam thiên thành tựu thần thông quảng đại, thấy cả thế giới làm bằng chất liệu của tâm chứ không còn là vật chất như trước nữa. Sắt đá gỗ đất cũng đều làm bằng tâm như những ý nghĩ. Ý nghĩ và vạn vật đều là tâm như nhau. Vì vậy người chứng Tam thiên có thể điều khiển vật chất bằng ý nghĩ, có thể đi xuyên qua tường vách như không khí. Còn chúng ta có bắt chước xem bức tường này là tâm thì sẽ bị tổn thương chứ không thể đi xuyên qua được.

Tứ thiên là tận cùng của tâm thức. Nơi tứ thiên này, Phật đã khởi tác ý nhớ lại vô lượng kiếp quá khứ của mình, thành tựu túc mạng minh. Ngài cũng tác ý quan sát sự lưu chuyển của chúng sinh qua các nẻo luân hồi theo nghiệp duyên thiện ác, thành tựu thiên nhãn minh. Ngài đã nhổ tận cùng gốc vô minh, ngã chấp sâu thẳm nhất để thành tựu lậu tận minh. Ngài trở thành một Đẳng Giác Ngộ của thế giới sau nhiều

thời đại không có một đức Phật nào đã xuất hiện. Nơi cảnh giới chứng ngộ Niết bàn tuyệt đối này, không gian vô biên dường như chỉ là một điểm, nhưng ở đâu vẫn là ở đây không lẫn lộn với nhau. Ví dụ trái đất và sao Hỏa cách nhau 60 ngày bay; nhưng với cái nhìn của Phật thì hai nơi đó chỉ là một, nhưng vẫn không lẫn lộn với nhau.

Thời gian vô tận cũng chỉ là một điểm nơi Niết bàn này, tuy không lẫn lộn với nhau. Ví dụ thời điểm cách đây 5 ngàn năm văn minh Ai Cập với bây giờ cũng như là đồng thời, dù vẫn không lẫn lộn với nhau.

Thiền sư Mật Ấn nói một thiền ngữ rất thú vị về ý niệm này rằng: "Ai cũng biết một giọt nước gieo vào hồ to, nhưng mấy ai biết cả đại dương gieo vào giọt nước."

Chúng ta chỉ có thể gượng gạo trình bày một phần nào đó để cảm nhận được tâm chứng vĩ đại của Phật, để thấy cái nhỏ bé tầm thường của mình. Nếu Phật là một đại dương, mình chưa là một giọt nước; nếu Phật là ngọn cao sơn, mình chưa là hạt bụi nhỏ. Vì vậy lòng tôn kính của chúng ta đối với Phật

bao nhiêu cũng không đủ.

Dù cho chúng ta có lễ Phật muôn ngàn kiếp cũng không tôn vinh hết được Thánh tính vĩ đại của Phật. Chính vì không hiểu được Thánh tính cao siêu vĩ đại của Phật mà ta đã không phát tâm thiết tha lễ bái Phật thật nhiều. Nếu không lễ bái cung kính Phật thường xuyên tha thiết, phước tu hành của chúng ta sẽ cạn dần. Người xuất gia mà hết phước thì sẽ bị hoàn tục. Còn giữ được màu áo tu, còn được người quý trọng vì còn phước; nếu hết phước thì tất cả mọi việc chấm dứt.

Điều gì làm cho chúng ta hết phước?

Lúc mới vào chùa công quả tu hành, chúng ta tích lũy phước bằng cách tôn trọng sư trưởng, nhu thuận huynh đệ, siêng năng công quả, tinh cần lễ bái. Nhờ nhiều công hạnh đó mà chúng ta tăng trưởng được phước duyên tu hành, giới lập bước lên. Nhưng một ngày nào đó mà những công hạnh đó yếu dần, nghĩa là không còn sư trưởng cho ta tôn kính, không còn sư huynh cho ta nhu thuận, không siêng làm các việc công đức Phật sự, thờ ơ với việc lễ bái kính Phật, thêm vào đó là hưởng thụ sung sướng, thích

được cung kính, kiêu căng tự đại.v.v... thì phước xưa đang từ từ cạn dần. Ngày nào mà phước làm Tăng đã hết thì chúng ta bị hoàn tục. Trước khi hoàn tục người này bỗng nhiên cảm thấy không còn ưa thích đời sống xuất gia, ý nghĩ rời bỏ đời sống xuất gia khởi lên trước.

Giống như Chư Thiên ở cõi Trời khi sắp bị hết phước cõi Trời để sinh xuống cõi người cũng có những dấu hiệu hiện ra như vòng hoa trang sức bị héo, hương thơm nơi người tan biến, hào quang nơi thân mất, thân cảm nghe bệnh, đặc biệt là cảm thấy chán cảnh Thiên giới, muốn đi về một nơi khác. Chính ý nghĩ chán Thiên giới thúc đẩy vị đó mất thọ mạng cõi Trời và sinh về cõi người.

Người xuất gia cũng vậy, khi phước làm Tăng sắp hết, sắp sửa hoàn tục, tự nhiên trong lòng cảm thấy chán làm người xuất gia. Trước kia khi phước còn thì cảm thấy màu áo tu sĩ thiêng liêng, dù chết cũng bảo vệ đến cùng, dù chết cũng sẽ mang màu áo này theo. Đến khi phước làm Tăng hết thì lại nghĩ khác, họ cho rằng người đã thông hiểu đạo lý thì đâu chấp gì màu áo, để tóc hay cạo đầu cũng vậy,

ăn mặn ăn chay cũng vậy, thế là họ trở thành cư sĩ lúc nào không hay.

Người như thế dù trong tâm cứ cho rằng mình tự tại theo Chân tâm Phật tánh vốn không hình không tướng, không tới không lui, nhưng trên hình thức thì người này đã hết phước làm Tăng. Bây giờ người này có bướng bỉnh cãi rằng phước tội cũng là không thì lập tức mắc thêm một lỗi nặng nữa là bài bác nhân quả! Tội bài bác nhân quả thì dễ đọa làm súc sinh.

Vì vậy chúng ta hãy siêng năng lễ kính Phật, chúng ta hãy hiểu rằng tâm Phật luôn luôn phủ trùm che chở chúng ta trong từng giây từng phút. Mỗi ngày chúng ta lễ Mười Phương Phật, nhưng đừng nghĩ là Phật ở rất xa trong mười phương cõi nước nào đó. Ngay khi ta hướng tâm tôn kính Phật thì lập tức sự cảm ứng đã xuất hiện tận trong sâu thẳm của tâm hồn ta, trong từng hơi thở của ta. Ngay khi chúng ta thành tâm cầu nguyện thì luôn luôn được Phật gia hộ. Dĩ nhiên sự gia hộ của Phật cũng tương thích với nghiệp duyên của chúng ta. Nếu chúng ta cầu được quả báo tiền bạc thì khó vì còn phải lệ thuộc

nhân quả của mình, nhưng nếu cầu Phật gia hộ để dựng lập đạo đức, để có cơ hội giúp người, làm việc từ thiện thì rất dễ đạt được.

Ví dụ như chúng ta cảm thấy tâm mình thiếu từ bi; hãy lễ Phật và cầu sự gia hộ thì tự nhiên tâm từ bi dễ xuất hiện hơn. Hoặc khi ta chí thành làm một Phật sự lợi ích cho mọi người nhưng gặp trở ngại; hãy lễ Phật cầu nguyện và ta sẽ thấy sự gia hộ của Phật giúp mình vượt qua khó khăn.

Chúng ta hãy khẳng định rằng cuộc đời của mình, thân tâm của mình xin cúng dường Phật, là thuộc về Phật. Hãy thấy rằng từng bước đi, từng ý nghĩ, từng lời nói này là của Phật, từ nay không có gì là của riêng mình. Nếu ai đạt được điều này thì duyên phước đối với Phật Pháp là bất thoái chuyển.

Đa số chúng ta vẫn còn hời hợt, ít có cảm nhận được Phật luôn hiện diện bên cạnh mình trong từng phút giây của cuộc sống. Sự nỗ lực của bản thân là điều lành để gây nhân, nhưng chấp vào bản thân hoàn toàn cũng là kiêu mạn. Phải biết rằng sự cảm ứng của Phật luôn phủ trùm cho chúng ta.

THỰC HÀNH LỄ KÍNH PHẬT

Lễ Phật

Nội dung nào rồi cũng phải biểu hiện ra hình thức; tâm lòng nào rồi cũng phải biểu lộ ra hành động. Cũng vậy, lòng tôn kính Phật phải được bày tỏ bằng công hạnh lễ kính Phật mỗi ngày. Hạnh lễ kính Phật phải được duy trì suốt đời suốt kiếp, và sẽ tạo thành công đức cho chúng ta hết kiếp này sang kiếp khác.

Mỗi ngày chúng ta nên có thời lễ Phật cá nhân. Vì sao? Bởi vì, khi lễ Phật chung với đại chúng ta dễ bị phân tâm do phải để ý hòa theo mọi người trong lời tụng và cử động nên không dồn hết tâm thành. Còn khi lễ Phật một mình, không bận tâm vì nghi thức, chúng ta dễ dàng dồn hết tâm thành để tôn kính Phật vô lượng vô biên. Cũng có thể nhiều người cùng lạy chung trong chánh điện rộng, nhưng mỗi người tự hướng tâm mình lễ kính, không bận tâm hòa theo nhau, để dành trọn tâm thành. Còn khi vào khóa tụng niệm chung thì vẫn theo chúng để lễ tụng như thường.

Ngay cả cư sĩ cũng phải có thời lễ Phật mỗi ngày để tăng trưởng phước duyên, không được xem thường.

Nhà cư sĩ cũng phải bố trí bàn Phật nơi mà mình có thể lễ lạy được; không nên để bàn thờ ở trên cửa phòng đi ra vào phía dưới. Góc thờ Phật phải tương đối tách rời với sinh hoạt hoặc tiếp khách để việc thờ cúng được trang nghiêm và việc lễ bái được thanh tịnh. Không nên chỉ thấp nhang, gõ chuông mà xem như là lễ Phật.

Chẳng những người cư sĩ biết tu mà còn phải con mình cùng tu theo để gieo duyên với Phật Pháp cho trẻ. Tại sao chúng ta phải dạy bảo con cái tu theo? Vì con trẻ không hề tự biết điều gì đúng điều gì sai. Ngay cả như việc học văn hóa khi đến tuổi đi học cũng vậy, nếu để cho con trẻ tự giác thì chắc chắn chẳng đứa trẻ nào chịu đến trường. Cha mẹ cũng phải dỗ ngọt, răn đe, cưỡng bách rồi mới đưa trẻ đến trường được.

Phật Pháp cũng vậy, nếu không dạy bảo thì con trẻ cũng chẳng biết đạo đức nhân quả là gì. Và đó sẽ là cái tội của cha mẹ đã không hết trách nhiệm đối với con cái. Sau này lớn lên chúng hư hỏng thì cha mẹ cũng phải chịu tội một phần. Do đó một gia đình đạo Phật gương mẫu phải có nề nếp chặt chẽ chứ

không thể lỏng lẻo được .

Khi lễ Phật với lời tán thán công hạnh nào, chúng ta dần dần sẽ thành tựu công hạnh đó.

Núi có thể lung lay

Nhưng Người là bất động

Tâm bình an của Người

Còn hơn cả hư không

Rất nhỏ nhiệm sâu mầu

Đến tận cùng tuyệt đối

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

(1 lạy)

Chí thành lễ bái như vậy một thời gian sau tâm chúng ta tự nhiên trở nên bất động vững vàng trước ngoại cảnh. Ca ngợi Phật điều gì, ta sẽ thành tựu điều đó nơi chính mình. Nhiều gia đình cư sĩ cùng nhau lễ lạy như vậy rồi cũng thấy có nhiều điều tốt đẹp xảy đến cho họ. Đó là những kết quả phụ ngoài mục tiêu chính là thành tựu đức hạnh.

Có những đứa trẻ vốn là học sinh kém, nhưng sau một thời gian chuyên cần lạy Phật như thế bỗng trở thành học sinh khá, học toán, làm văn dễ dàng hơn, bớt nghịch ngợm quậy phá khiến cho cha mẹ rất vui

mừng. Chư Phật quả thật rất nhiệm mầu, rất từ bi. Chỉ vì chúng ta không đủ lòng tôn kính, không làm tròn bổn phận nên không nhận được những điều tốt đẹp. Nếu chúng ta siêng năng lạy Phật thì điều tốt lành chắc chắn sẽ đến với chúng ta.

Khi lạy Phật chúng ta nên phát những lời nguyện kèm theo chứ đừng lạy suông. Ví dụ, nếu thấy mình kém tinh tấn, hay vịn vào có này có kia để bỏ một thời ngồi thiền, chúng ta nên lạy Phật phát nguyện cầu tinh tấn: Xin cho con được dũng mãnh tinh tấn, dù gặp khó khăn trở ngại cũng không bao giờ thoái tâm, dù trong hoàn cảnh nào con vẫn siêng năng tu tập để thành tựu được đạo quả. Rồi một thời gian sau tự nhiên ta tinh tấn rõ rệt không ngờ. Chúng ta phát nguyện khoảng vài ba năm như vậy thì lời nguyện đó đã trở thành xương thành tủy, thành chủng tử cho nhiều kiếp về sau. Sau đó ta không phát lời nguyện đó nữa để phát qua lời nguyện khác, nhưng lời nguyện tinh tấn vẫn tồn tại mãi không hết.

Trừ một trường hợp xảy ra làm chúng ta mất thiện nhân tinh tấn là sau này chúng ta có chê bai ai

không tinh tấn, chê với lòng khinh ghét thiếu từ bi thì cái nhân tinh tấn của ta mới từ từ mất dần. Chê ai cái gì, chúng ta sẽ giống như thế.

Thế thì phát những lời nguyện khác là như thế nào? Đó là do có tu hành chúng ta mới phát hiện ra những nhược điểm còn tồn tại nơi chính mình. Nếu không chịu khó tu hành, chúng ta chẳng thấy mình có lỗi lầm gì cả. Càng tinh tấn tu hành, chúng ta sẽ càng thấy ra nhiều lỗi mà trước đây mình không thấy.

Ví dụ như một hôm chúng ta chợt phát hiện ra mình thiếu lòng từ bi nên phát nguyện từ bi: con nguyện trải lòng thương yêu đến tất cả chúng sinh, kể cả kẻ oán thù; xin cho con thương yêu cả những người tội lỗi, những người xúc phạm đến con... Cầu nguyện như vậy mãi thì khoảng ba năm sau chúng ta sẽ tự nhiên trở nên người rất từ ái. Có những người trước kia ta ghét, bây giờ không ghét nữa; có những người trước kia ta khinh, bây giờ không khinh nữa. Với lòng từ bi, chúng ta nhìn những người thiếu phước hay thiếu nhân cách bằng con mắt khác, không khắt khe hẹp hòi như trước nữa. Chúng ta biết

những người đó cũng đã gây nghiệp không lành nên bây giờ kém giá trị như thế, dễ bị người khác khinh thường. Nhưng nhờ có lòng từ bi, chúng ta vẫn thoát khỏi nghiệp của họ để vẫn thương họ.

Một người đàn ông nghèo khổ đến xin cơm ăn lúc quý thầy đang ăn cơm. Có thầy bực mình vì biết người đàn ông này kém nhân cách, bê tha rượu chè nên lâm vào hoàn cảnh ngày nay. Một thầy khác vẫn bảo chú điếu xới cơm cho ông, và quay lại bảo các thầy khác rằng: “Mình tu ở chùa thì sẽ có nhiều chúng sinh đến làm phiền mình lắm. Nhưng dù sao thì cũng phải ráng bình tĩnh mà thương họ.”

Thật ra người đã thiếu phước thì có nhiều nhược điểm. Nếu không có nhược điểm thì đã không thiếu phước. Nhiều đoàn cứu trợ ủy lạo của các chùa đến tặng quà cho những đồng bào nghèo, than rằng có những người đã nhận quà rồi nhưng vẫn tìm cách đi vòng lại để nhận thêm làm thiếu phần của người khác. Chúng ta phải biết những điều như vậy để đừng bao giờ khởi tâm ghét họ.

Muôn thương được những người gian người xấu thì tâm từ bi phải rất lớn, mà muốn tâm từ bi lớn thì

chúng ta phải lễ kính Phật, ca ngợi lòng từ bi của Phật.

Chúng con sống yên vui trong từ bi của Người ngập tràn như không khí trùm phủ khắp muôn loài tha thứ và độ lượng bao la và gần gũi...

Người cao cả thiêng liêng Người bao la vời vợi
Mà chúng con nhỏ bé Tầm thường và tội lỗi
Thật ra lòng từ bi không phải dễ khởi. Chúng ta phải nương vào công đức, sự gia hộ và uy lực của Phật mới có thể khởi lên tâm từ bi lớn. Chúng ta vừa chân thành phát nguyện, vừa chí thành lễ kính Phật thì tâm từ bi sẽ dần dần xuất hiện. Một vị Bồ tát cũng phải trải qua rất nhiều kiếp huân tập đại nguyện chứ không phải vài ba mươi năm có thể thành tựu được. Trong suốt đời tu hành, một người phải phát dần dần rất nhiều lời nguyện. Một số lời nguyện được phát qua vài ba năm, đến khi thâm sâu rồi tự nhiên những tâm nguyện khác lại hiện ra để được phát tiếp. Những lời nguyện đó chính là sự định hướng cho sự tu hành của chúng ta trong vô lượng kiếp sắp tới.

Khi tọa thiền

Khi bắt chân lên ngòai thiền cũng vậy, trước hết chúng ta chấp tay tác ý tâm nguyện tôn kính Phật vô lượng vô biên. Kế đến cầu Phật giữ gìn cho mình đi đúng đến mục tiêu vô ngã.

Chúng ta nói thêm một chút về mục tiêu vô ngã này.

Người tu thiền luôn mong nhiếp được tâm vào định.

Khi có định, tâm người này đã vô niệm, rất rộng rang sáng tỏ, vọng tưởng đã hết nhưng vẫn bị gọi là si định vì thiếu định hướng. Tại sao? Vì nếu không có định hướng rõ rệt về mục tiêu vô ngã, định lực sẽ tự nhiên làm phát sinh thân thông, kiến giải. Lúc đó hành giả âm thầm tự cho mình tài giỏi hơn người.

Tuy có định mà tâm kiêu mạn vẫn phát triển, và còn phát triển mạnh hơn cả người thường. Rồi chính sự kiêu mạn thái quá này lại làm phát sinh những quan điểm kỳ quặc sai lầm nối tiếp, khiến hành giả trở thành tà đạo lúc nào không hay.

Nếu ngày nào đó chúng ta tu thiền và nhiếp tâm vào an định rộng rang sáng tỏ, rồi khư khư nắm giữ, an trú trong trạng thái đó mãi thì vẫn bị gọi là si định

vì không biết hướng về mục tiêu vô ngã. Chúng ta phải hiểu rằng dù một người có chứng được đại định phi phi tưởng có thần thông đi xuyên qua vách vẫn còn bản ngã. Bản ngã còn thì một trong hai trường hợp có thể xảy ra, hoặc vị này tích lũy tiếp công hạnh để chứng tiếp diệt tận định để chấm dứt hoàn toàn chấp ngã, hoặc vị này tự mãn, kiêu mạn để lúc nào đó thoái đọa trở lại.

Vì vậy, để tránh sai lầm đáng tiếc, dù đang an trú trong định, chúng ta phải biết bản ngã chưa hết, chúng ta vẫn phải nhắm đến mục tiêu vô ngã. Định với mục tiêu vô ngã, đó là chánh định. Và chánh định thì chắc chắn sẽ đưa đến giải thoát.

Chúng ta cũng phải cẩn thận với quan điểm tự tôn vinh tâm an định, rỗng rang sáng tỏ đó là cao siêu, là đồng với Phật, là tự tánh... vì như vậy vô tình tôn vinh luôn cả bản ngã nằm ẩn núp trong đó. Và bản ngã sẽ phát triển. Chúng ta nên nhớ rằng bản ngã ẩn núp rất sâu kín, niệm tưởng không còn mà bản ngã vẫn còn. Phải hết sức cẩn thận không được chủ quan. Khi ngồi thiền, ta phải xác định mục tiêu vô ngã rõ ràng, phải cầu Phật gia hộ cho ta đi đúng

hướng vô ngã như thế.

Trong mọi công việc

Có hai cực đoan mà người tu chân chính phải tránh. Một là, cho tự sức mình là đủ, rồi đi đến chủ quan kiêu mạn; hai là lúc nào cũng cầu xin lệ thuộc vào Thần Thánh mà không biết nỗ lực tinh cần, rồi đi vào mê tín bạc nhược.

Trung đạo đúng nghĩa là vừa nỗ lực bản thân nhưng vẫn khiêm hạ nương nhờ công đức của Phật. Và trung đạo thì luôn luôn đem lại kết quả tốt đẹp. Khi nỗ lực làm việc thiện, chúng ta cũng cần phải biết cầu nguyện sự gia hộ của Phật, phải nhớ đến tâm từ bi của Phật. Đừng nghĩ mình làm điều tốt rồi tự cho mình là tốt và mọi người đều phải lo cho mình. Đó là ý nghĩ kiêu mạn và sai lầm. Người ngoại đạo cầu xin Thần Thánh để được hưởng quả, ví dụ như cầu được giàu sang, đỗ đạt, may mắn. Còn người đệ tử Phật cầu nguyện Phật gia hộ cho mình gieo nhân, ví dụ như cầu cho có cơ hội để giúp người, để đắp đường, để khuyên bảo người khó bảo. Đây là chỗ khác nhau giữa người tin Thần Thánh mà không tin nhân quả, với người tin Phật và tin nhân quả.

Thông thường, một vị Giảng sư trước khi lên Pháp tòa phải thắm cầu nguyện Phật gia hộ. Nhưng thật ra như vậy cũng là muộn rồi. Phải cầu nguyện Phật gia hộ ngay khi soạn bài; như vậy cũng còn muộn, phải cầu nguyện Phật gia hộ từ khi nhìn thấy Phật Pháp chưa hưng thịnh, lúc mới bắt đầu biết tu.

Chúng ta phải cầu Phật gia hộ cho mình giảng đúng ý Phật để chúng sinh được lợi ích.

Nguyện giữ gìn và phát triển Phật Pháp

Vì tôn kính Phật, chúng ta phải phát lời nguyện quan trọng là bảo tồn và phát triển Phật Pháp. Chúng ta đã nói đến đạo Phật đang bị yếu thế, hoặc bị lui bước trước các tôn giáo khác, hoặc bị lu mờ trước sự tiến bộ của khoa học. Hôm nay chúng ta không để cho tình trạng đó kéo dài nữa. Chúng ta phải làm thế nào để đạo Phật được phục hưng trở lại, mạnh mẽ trở lại, lan rộng ra khắp nơi, phải làm sao để nhiều người biết được Chánh pháp.

Chúng ta đã khẳng định đạo Phật là chân lý, là lợi ích vô lượng cho chúng sinh thì chúng ta không thể thụ động để đạo Phật suy yếu, mà ngược lại, chúng ta phải nỗ lực bằng mọi cách làm cho mọi người biết

đến Phật Pháp, làm cho Phật Pháp đến với mọi người.

Chính sự nhu nhược thụ động của quý Tăng Ni lây lan sang các Phật tử khiến cho Phật tử cũng chỉ biết lo tu hành cho bản thân mình mà không hề lo giáo hóa cả nhà cùng theo Phật. Công đức Phật hóa gia đình của cư sĩ rất là yếu. Một người biết đạo thường không đủ mạnh mẽ khiến mọi người trong gia đình biết đạo theo. Sự nhu nhược thụ động đó phải được hiểu là xuất phát từ quý Tăng Ni, mỗi người thụ động một chút là đủ để Phật Pháp suy tàn. Thái độ đó bây giờ không được phép tồn tại nữa.

Trong thời đại mới này, người tu sĩ phải vừa tinh tấn hành thiền tu tập cho chính mình, vừa nỗ lực giáo hóa chúng sinh. Cả hai công hạnh đều phải được thực hiện nhiệt thành như nhau, không được thiên lệch bên nào, cũng như đối với cả hai không được lười nhác.

Chúng ta cũng hay nghe ca ngợi sự thực hành thiền định trong cô tịch của những ẩn sĩ đầu mình trong rừng sâu núi thẳm hay khép cửa một mình trong am vắng. Những hình ảnh đó quả thật đáng kính, vì chỉ

có một nội tâm rất bình an mới chịu đựng được cái cô đơn vây phủ. Nhưng chúng ta hiểu lầm cho rằng hễ tu theo đạo Phật thì phải tránh mọi người để ở yên một mình.

Thật ra Phật hay các Thiền sư ca ngợi các ẩn sĩ độc cư là để tôn vinh khả năng thiền định của vị đó đã đạt được mức độ lắng sâu đủ để thắng được cảm giác cô độc chứ không phải Phật và các Thiền sư chủ trương một đạo Phật trốn tránh cuộc đời. Chúng ta phải hiểu rằng luật nhân quả chi phối mọi điều hết sức công bằng và kỹ lưỡng. Khi ở một mình, lo cho bản thân mình, không bận tâm lo cho người khác thì đương nhiên chúng ta sẽ không có phước, không tạo thêm được phước mới, cũng có nghĩa là mất phước từ từ.

Đó là lý do tại sao có nhiều vị nhập thất 20 năm, khi ra ngoài tâm hạnh tầm thường hơn lúc mới vào thất, đời sống cũng khó khăn chật vật hơn, tâm linh không có gì khả quan, đôi khi còn kém hơn ngày trước. Chỉ vì người như vậy không có phước tích lũy đời trước nhiều, đời này không khéo léo tạo thêm phước mà lại trốn trong thất vắng hưởng thọ sự

dâng cúng nuôi nấng của người khác trong thời gian quá dài, nên cuối cùng phước cạn.

Tâm linh có thể tiến được là do sự đóng góp quan trọng của phước, bên cạnh nhiều yếu tố khác như tinh tấn, phương pháp, v.v... Hiểu được điều này chúng ta phải vừa siêng tu vừa lo làm lợi ích chúng sinh. Hai điều đó sẽ hỗ trợ nhau rất kỳ diệu. Chúng ta cứ tưởng việc gây tạo công đức khiến chúng ta bận tâm và bất an khó nhiếp tâm. Không ngờ rằng càng bận tâm làm phước chừng nào thì khi ngồi thiền tâm lại yên nhiều hơn chừng nấy.

Nếu chúng ta chỉ lo tu mà không lo giúp người thì không có phước để tiến xa. Nếu chúng ta chỉ lo giúp người mà không lo tu thì sẽ không có đạo lực để ứng xử mọi điều, nhất là khi gặp rắc rối nghịch cảnh. Vì vậy, muốn tu giỏi thì phải lo giáo hóa chúng sinh; muốn giáo hóa chúng sinh thì phải lo tu thật tốt.

Thế kỷ tới nhân loại sẽ càng cạnh tranh mãnh liệt. Mọi giá trị lý thuyết đều bị đem ra đối chiếu so sánh lẫn nhau để xem cái nào hợp lý nhất. Vì vậy người đệ tử Phật phải nỗ lực nhiều hơn bao giờ hết để

phát huy Phật Pháp. Chúng ta phải xét trong 24 giờ của một ngày chúng ta làm và tu như thế nào, giờ nào tu, giờ nào giúp người; có giờ nào bị bỏ trống lãng quên hay không. Nếu có giờ bị bỏ trống là ta đã có tội với Phật Pháp.

Nghiệp duyên cho chúng ta cuộc đời với những tháng ngày rộng dài như thế để ta sử dụng thật đúng. Nếu bỏ trống thời gian, chúng ta cũng sẽ mang tội giống như chúng ta đã phí phạm đổ bát cơm vào thùng rác, hay phí phạm xé bỏ quần áo lành lặn cho vui. Phí phạm cơm áo thì sau này chúng ta mắc quả báo là không có cơm ăn áo mặc; phí phạm thời gian thì sau này chúng ta mắc quả báo là không có thời gian nữa, nghĩa là không được quyền sống lâu nữa.

Người biết quý thời gian thì ngay cả lúc mệt mỏi nằm nghỉ cũng lặng lẽ nhiếp tâm chứ không suy nghĩ vẩn vơ. Lúc khỏe khoắn thì bắt chân ngồi thiền; buông chân xả thiền ra thì đi làm việc cho đại chúng, thừa sự Sư trưởng, phụ giúp huynh đệ. Có những huynh đệ đã được thầy cho phép đi ra ngoài làm việc sớm thì mình ở chùa cũng tìm cách hỗ trợ

ngắm ngẫm để Phật sự của huynh đệ thuận lợi hơn.

Việc ăn uống cũng không được coi thường, phải tương đối đủ chất để có sức khỏe làm việc đạo. Ăn uống thiếu thốn khiến cho thân thể yếu đuối cũng là có lỗi với Phật Pháp. Chúng ta cần một thân thể khỏe mạnh để tu hành và lo cho Phật Pháp mai sau.

Chúng ta mong rằng 20 năm sau, mỗi người trong chúng ta đều đã góp phần làm cho Phật Pháp đến với rất nhiều người trên trái đất này.

DẤU HIỆU CỦA CÔNG ĐỨC

Sau một thời gian dài chịu khó lễ kính Phật, chắc chắn chúng ta sẽ thấy xuất hiện nhiều dấu hiệu tốt lành của công đức. Tuy nhiên, chúng ta chỉ nên chú ý đến một dấu hiệu thuộc về đạo đức, đó là trí tuệ thấy được lỗi của mình.

Tại sao trí tuệ thấy được lỗi là công đức?

Từ trước đến giờ chúng ta ít nhận ra lỗi của mình, thường tự cho mình là đúng, thường tự bênh vực ý nghĩ và việc làm của mình. Chính vì không thấy được cái sai của mình nên chúng ta đã gây rất

những nghiệp bất thiện mà không hay biết. Hạnh phúc lớn của người hiểu đạo là thấy được lỗi của mình để dừng lại. Các vị cổ đức đã nói, Bồ tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả. Bồ tát có trí tuệ nên tránh sai lầm ngay từ đầu; còn chúng sinh phải đợi khi quả báo hiện ra khổ sở mới biết sợ.

Nhờ công đức lễ Phật nên chúng ta mỗi ngày tránh xa dần lầm lỗi và nhân cách cao vời lên rõ rệt.

Ví dụ khi trông thấy một huynh đệ phạm lỗi, nếu như trước đây thì chúng ta sẽ la rầy người đó một cách thô lỗ. Nhưng bây giờ có trí tuệ, chúng ta nhanh chóng nhận thấy sự kém tế nhị đó và sẽ phải nói một cách khác, cũng nghiêm khắc, nhưng tử bi, và giữ được phong cách đàng hoàng của mình.

Còn vô số điều hay khác trong cuộc sống mà khi có công đức và trí tuệ, chúng ta sẽ thấy được từng chút điều sai và đúng trong từng đường tơ kẽ tóc. Sự tinh tế đó giúp chúng ta rất nhiều trong cuộc đời tu hành, và cực kỳ đặc biệt là sẽ giúp chúng ta trong việc thuyết pháp độ sinh. Một bài pháp hay là bài pháp tinh tế, kỹ lưỡng, cặn kẽ, thực tế, dễ áp dụng, mới lạ bất ngờ. Mới lạ không phải vì chúng ta nêu ra

vấn đề mới, mà vì chúng ta phát hiện ra những điều sâu kín dấu trong những vấn đề rất cũ.

Chắc chắn không có ai hoàn toàn đúng khi chưa chứng đạo rốt ráo. Chỉ có Phật mới thật sự không có một chút sơ hở nhỏ như Phật đã tuyên bố: Không một chúng sinh nào từ cõi Trời đến súc sinh có thể tìm thấy lỗi của Như Lai.

Những vị Thánh, những Thiền sư đều vẫn chưa thông suốt hết chuyện của Tam giới. Vì vậy, nếu chúng ta tu đã lâu mà thấy mình hình như không có lỗi làm gì cả, thì rõ ràng chúng ta đang thiếu công đức trầm trọng.

Nếu chúng ta siêng năng lạy Phật thì cứ từng ngày trôi qua, chúng ta lại phát hiện được những lỗi mới của mình. Vài năm sau nhìn lại chúng ta sẽ ngạc nhiên vì sao chúng ta đã phạm sai lầm nhiều như vậy. Ngay cả một Giảng sư giỏi cũng sẽ phát hiện ra trước đây mình giảng chưa hay lắm, nếu Giảng sư đó có lạy Phật đều đặn. Và dĩ nhiên khi biết như vậy thì sẽ giảng hay hơn nữa.

Kết thúc bài này, chúng ta chấp tay nguyện cầu cho tất cả chúng sinh đều biết tôn kính Phật chí thành

để có công đức ban đầu cho việc thoát khổ về sau.

TÂM TỪ

ĐỊNH NGHĨA

Tâm từ, hay thường được gọi chung là từ bi, là tình thương không điều kiện, không đòi hỏi phải được đáp trả trở lại.

Thật sự thì chữ bi có nghĩa là thương xót khi thấy chúng sinh đau khổ. Chỉ khi nào có thương yêu ai, ta mới thấy xót xa khi người đó đau khổ. Bi là dấu hiệu chứng minh có sự hiện hữu của từ nên chúng ta hay ghép chung thành từ bi. Nhưng nếu cẩn thận thì ta chỉ dùng chữ từ cho đúng bài bản chữ nghĩa.

Vì tâm từ là tình thương không điều kiện nên không giới hạn trong một số ít người mà luôn có khuynh hướng trải rộng vô tận. Để hiểu rõ hơn về tâm từ, ta nên so sánh với tâm luyện ái của thế gian.

Tâm luyện ái cũng là tình thương yêu của chúng sinh này với chúng sinh kia, nhưng bắt buộc phải có một trong những điều kiện sau đây:

Thứ nhất, do duyên nghiệp ân nghĩa đòi trước tạo

thành. Chúng ta thương người nào vì trong kiếp trước ta có nợ có duyên với người đó. Ví dụ như giữa cha mẹ và con cái với nhau cũng là duyên nợ qua lại mới tạo thành. Trong đó, cha mẹ mắc nợ người con nào nhiều sẽ cảm thấy thương yêu người con đó hơn. Trong số những bạn bè huynh đệ mà ta gặp gỡ trong cuộc đời cũng vậy, không phải ai ta cũng có thiện cảm đều như nhau mà là người thì ta thương nhiều, người thì ta thương ít. Đó là vì duyên giữa mọi người với chúng ta không đồng.

Ân nghĩa đời trước sẽ tạo thành tình thương yêu đời này rất rõ rệt. Ví dụ như ta chịu ơn ai nhiều từ kiếp trước vì người đó đã ưu ái ta, giúp đỡ ta nhiều. Đời này gặp lại, tự nhiên ta thấy thương mến người đó một cách không giải thích được và cứ muốn giúp đỡ ân cần. Người kia thì thấy bình thản vì họ thi ân chứ không chịu ơn. Chúng ta chịu ơn thì cứ bị một tình cảm thúc đẩy trong tâm để phải muốn làm cho người đó vui. Cho nên ta thấy rằng tình cảm thế gian chỉ là hư ảo, chỉ là trung gian làm chất xúc tác để chúng sinh trả nợ lẫn nhau chứ không có thật. Tình thương yêu thế gian rất mong manh, nợ trả hết

rồi thì thương yêu cũng hết. Khi thương nhau, ta cứ tưởng tình thương đó sẽ bền vững lâu dài, nhưng “thế rồi cuộc đời là những cuộc tình chia xa, đi lạc vào những phía không đường về...”

Tình thương yêu nam nữ là tiêu biểu mãnh liệt nhất cho loại tình thương thế gian này, vì mãnh liệt nhất nên cũng ích kỷ nhất. Trước hết khi yêu, ai cũng nghĩ rằng tình yêu đem lại cho ta hạnh phúc vì cảm xúc của tình yêu rất cháy bỏng. Xưa nay không biết bao nhiêu thơ, văn, nhạc, tranh, tượng ca ngợi tình yêu. Tình yêu nam nữ và sáng tác nghệ thuật gần như bất khả phân ly vì những cảm xúc tình yêu giúp nghệ sĩ cảm hứng để sáng tác. Nhưng đến khi tình yêu tan vỡ thì người ta mới biết đó là đau khổ nhất. Vì sao? bởi vì bản chất của tình yêu là ích kỷ nhất nên nó cũng gây ra đau khổ nhất.

Triết gia Schopenhauer nói: “Chỉ có những triết gia mới có thể sống hạnh phúc trong hôn nhân, nhưng tiếc rằng một triết gia thật sự thì không chịu lấy vợ.” Cuộc sống gia đình rất phức tạp, vợ chồng đòi hỏi sự săn sóc ân cần từng li từng tí. Yêu cầu của tình yêu rất cao nên hầu hết không ai đáp ứng được

đầy đủ. Chỉ có những người rất thông minh và rất đạo đức mới đáp ứng nổi. Người vừa thông minh vừa đạo đức đó, Schopenhauer gọi là triết gia. Người ta gặp nhau rồi có tình cảm với nhau, rồi thích nhau chứ không thật là có tình yêu. Tình yêu thật sự rất mạnh và đòi hỏi sự ứng xử khéo léo để được bền vững lâu dài, để kềm chế sự ích kỷ của mình lại. Sự ích kỷ trong tình yêu rất dữ dội mà bộc lộ rõ nhất là sự ghen tuông. Khi ghen tuông, người ta có thể hành động ác độc như đánh, giết, tạt acid. Vì ích kỷ nên người ta cũng đòi hỏi lẫn nhau, trói buộc lẫn nhau, ghen tuông với nhau, hành hạ lẫn nhau.

Để sống êm ấm hạnh phúc trong gia đình phải là những triết gia thông minh và đạo đức. Nhưng như Schopenhauer nói, triết gia thì không chịu lấy vợ. Đa phần người ta sống không hạnh phúc trong hôn nhân. Tình yêu quả thật là một cái gì hư ảo mong manh!

Giai đoạn đầu ở tuổi còn xuân, do bản năng của tuổi trẻ nên người ta bỗng bột hăm hở và tưởng rằng tình yêu là hạnh phúc nên tìm đến với nhau với hy

vọng rằng cuộc đời còn lại ở bên nhau sẽ tràn đầy hạnh phúc. Nhưng khi đến với nhau được rồi thì những chuỗi ngày còn lại từ từ chỉ là hành hạ, là nổi khổ, giận hờn, bất mãn cho nhau. Người có phước xuất gia là người thoát được cảnh ngục tù trá hình của hạnh phúc hôn nhân. Tình yêu và hạnh phúc hôn nhân làm tăng dần sự ích kỷ trong lòng con người. Vì ích kỷ, người ta đã làm khổ nhau. Do đó, muốn cho hôn nhân bớt đi phiền toái rắc rối, người ta nên bớt đi sự ích kỷ đòi hỏi lẫn nhau mà nên cùng có chung một mục đích cao cả nào đó để hướng đến. Ví dụ như nếu hai vợ chồng cùng có chung lòng mến mộ Phật Pháp thì tự nhiên sẽ thấy đầm ấm nhẹ nhàng hơn. Nhiều cặp vợ chồng đã tìm lại được sự hàn gắn khi cả hai cùng tìm đến với Phật Pháp. Hạnh phúc chỉ đến từ lòng vị tha chứ không đến từ sự ích kỷ. Khi đến với Phật Pháp, hai người cùng tu tập tâm vị tha và tự nhiên mọi chuyện tốt đẹp dần.

Tình thương yêu là hệ quả của ân nghĩa đời trước. Tình yêu nam nữ là biểu hiện rõ nét nhất cho điều này. Khi gặp gỡ thương mến người nào, chỉ bởi vì

chúng ta có duyên nợ đời trước. Đến khi trả xong nợ cũ, tình yêu cũng biến mất mà không ai biết tại sao.

Ngay như các Tu sĩ cũng vậy, được các tín đồ ưu ái quý mến, cũng đừng nghĩ rằng bởi vì mình có ưu điểm nào đó như giảng hay, đạo cao đức trọng, hay ngoại hình khả kính. Tất cả cũng vì có duyên nợ ân nghĩa kiếp trước với nhau. Nếu ân nghĩa sâu dày thì gắn bó với nhau bền chặt; nếu ân nghĩa ít thì sẽ vì một nguyên do vô lý nào đó để xa nhau. Hiểu được điều này, chúng ta bình thản trước thương ghét của cuộc đời, vì nó không thật, chỉ là duyên nợ đời trước. Điều mà ta phải bận tâm chính là kết duyên lành với mọi người để cùng tiến tu.

Thứ hai, chúng ta thương vì huyết thống, như cha mẹ, anh chị em. Nói là huyết thống, thật ra cũng là duyên của những đời xưa bây giờ kết thành gia đình ruột thịt. Tình gia đình được kết thành do những tháng ngày chung sống đỡ đần lo lắng tương trợ lẫn nhau mà thành. Nếu sống chung trong một gia đình mà không lo lắng cho nhau thì tình nghĩa cũng không có.

Thứ ba, chúng ta thương vì người kia đem đến cho ta cảm giác hạnh phúc.

Một lần trong lúc vui đùa, vua Pasenadi hỏi Hoàng hậu Malika:

- Ai khanh thương ai nhất?

- Dĩ nhiên thần thiếp thương Hoàng thượng nhất trên đời.

Vua đang vui thích thì Hoàng hậu lại nói tiếp:

- Nhưng nếu Hoàng thượng cho phép nói thật mà đừng giận thì thần thiếp xin nói lại cho đúng hơn.

-Cứ nói thật.

-Thật ra thần thiếp thương thần thiếp nhất.

-Sao kỳ vậy, mình mà thương mình?

-Đó là sự thật, trên cuộc đời này, người ta chỉ thương chính mình. Nếu có thương ai cũng chỉ vì người đó mang lại hạnh phúc cho mình. Cũng vậy, vì Hoàng thượng đem cho thiếp vinh quang, giàu sang, hạnh phúc nên thiếp mới yêu Hoàng thượng. Chứ nếu Hoàng thượng là kẻ ăn mày thì thần thiếp đâu có thương.

Vua nghe cũng có lý nhưng thấy phũ phàng và lạ lùng quá nên đến Đức Phật hỏi lại. Phật đã xác

nhận lời của Hoàng hậu Malika là chính xác. Thực ra, con người chỉ thương chính mình.

Người đệ tử Phật suốt đời đi tìm lòng từ bi là chính vì đi tìm một tình thương vượt lên trên cái thường tình của cuộc đời. Tình thương đó không ích kỷ, thiêng liêng hơn, cao cả hơn.

Thứ tư, chúng ta thương ai vì người đó có ưu điểm đặc biệt nổi bật giữa nhiều người. Chúng ta muốn chiếm hữu để có được cảm giác mình cũng đặc biệt theo. Đây là quy luật tâm lý bình thường. Ví dụ như những cô gái đăng quang hoa hậu liền trở thành đối tượng theo đuổi của nhiều người đàn ông. Những ngôi sao ca nhạc, ngôi sao sân khấu điện ảnh cũng là mục tiêu cho biết bao người nhắm đến. Có lần một ca sĩ nhạc Rock ở Nhật chết, lập tức có 3 cô gái tự tử chết theo. Khi nghe tin diễn viên Thành Long lấy vợ, một cô gái cũng đã tự tử.

Sự hâm mộ cuồng nhiệt đến gần như điên loạn của quần chúng đối với các ngôi sao cũng là một thứ bệnh của tâm lý. Tâm lý đó cũng phiền toái ích kỷ và đầy xao động. Hiện nay trên thế giới chưa quan tâm chữa trị bệnh này, mà ngược lại, nhiều hình

thức quảng cáo còn thúc đẩy sự cuồng nhiệt đó cao hơn. Có những đoạn phim chiếu cả một rừng khán giả đang quơ tay nhẩy nhót kích động theo bài hát của một ca sĩ. Nhiều trẻ em xem đó là điều hay nên nói nhau bắt chước.

Chúng ta biết rằng tâm từ ngược với tâm luyến ái nên không bị duyên nghiệp thúc đẩy, không bị tâm ích kỷ tạo nên, không bị sự ham muốn làm phát triển. Chính vì không có gì thúc đẩy tạo thành nên tâm từ rất khó xuất hiện. Tâm luyến ái tràn ngập trên cõi đời này vì có được nhiều điều kiện hỗ trợ. Còn tâm từ rất cô đơn, không có sự trợ giúp nào cả. Chỉ những người cực kỳ đạo đức, cực kỳ trí tuệ, cực kỳ khát khao chân lý mới đi tìm loại tình thương không điều kiện như thế. Ngay cả nhiều người là đệ tử Phật mà còn thờ ơ với việc huân tu lòng từ, huông hồ những người chưa bao giờ nghe đến tứ vô lượng tâm!

Tình thương bao la rộng lớn là giá trị căn bản của các tôn giáo. Tôn giáo nào không nói đến tình thương rộng lớn thì không phải là tôn giáo chân chính. Nhưng mỗi tôn giáo vẫn có đôi chút khác

nhau khi nói về loại tình thương này. Hồi giáo kêu gọi thương yêu giữa những người đồng đạo với nhau, Kitô giáo theo lời Jésus thương cả kẻ thù của mình. Khổng tử cũng đề cao lòng nhân. Chỉ đức Phật mới nói về một lòng Từ Bi thương yêu tất cả chúng sinh, đến tận cỏ cây chim thú.

Tình thương rộng lớn mà đạo Phật nhắm đến gần như tuyệt đối. Đức Phật đã đạt được tình thương như thế. Những ai tu theo Phật cũng sẽ phải đi theo hướng đó, về một tình thương phủ trùm tuyệt đối đến tất cả muôn loài, kể cả cỏ cây.

Nói theo logic, tình luyện ái thuộc về tâm ích kỷ; lòng từ bi thuộc về tâm vị tha. Ích kỷ thuộc về chấp ngã; vị tha thuộc về vô ngã.

Chấp ngã sinh ra ích kỷ và luyện ái; vô ngã sinh ra vị tha và từ bi.

Vì có chấp ngã nên ta có ích kỷ. Nếu tu tập vô ngã ta sẽ được từ bi. Càng tu tập từ bi thì chúng ta càng gần với vô ngã; càng tu tập vô ngã, chúng ta càng thành tựu từ bi. Vì vậy một vị Alahán đã chứng đạt vô ngã hoàn toàn cũng là thành tựu tâm từ bi vô hạn.

Đó là một logic hết sức chặt chẽ và không thể đảo ngược. Người nào cho rằng một vị Alahán chưa có lòng từ, người đó là tà kiến, và có thể bị đọa địa ngục.

Có một thời gian khi giáo lý Bắc tông phát triển mạnh ở miền Bắc Ấn Độ, nhiều người đã nghĩ rằng Alahán chưa có lòng đại bi như Bồ tát. Quan điểm đó nên được điều chỉnh lại cho đúng với lời Phật dạy, và đúng với logic học hiện đại.

Từ bi và vô ngã là một, cái này hỗ trợ cái kia, cái này là bóng phản chiếu của cái kia. Nếu ta tu tập vô ngã mà chưa thấy lòng từ bi xuất hiện tức là chưa được vô ngã. Nếu ta tu từ bi mà chưa nhẹ ngã chấp tức là từ bi chưa có mặt.

Chúng ta tu tập từ bi tức là cũng đi trên con đường đến vô ngã, giống như thiền định. Vì vậy người tu tập thiền định mà không tu kèm theo từ bi thì không có kết quả lớn trong thiền định được. Tâm từ bi trợ giúp cho thiền tiến nhanh hơn. Phật dạy rằng ai đi tận cùng con đường của từ bi cũng thành tựu giải thoát (Bài Kinh Từ trong Tăng Chi Bộ).

Ngược lại, chánh định cũng khơi mở lòng từ bi.

Chúng ta nhấn mạnh chữ chánh định, vì nếu tuy có sức định mà không chánh, lòng từ bi cũng không mở ra. Khi tâm ta vào được một chút định thì lòng từ bi cũng mở ra thêm một chút. Ví dụ bình thường chúng ta nhìn mọi người chung quanh một cách hồ hững. Nhưng lúc nào đó mà tâm ta lắng yên rỗng rang, tự nhiên ta nhìn mọi người với tâm thương yêu nhẹ nhàng lập tức. Khi tâm yên lắng, tự nhiên tâm đó lan ra, bao phủ rộng rãi đến mọi người mọi vật chung quanh, đến cả cỏ cây sông núi. Tình thương cũng theo đó trùm lấy muôn loài.

Đó là lý do tại sao một vị Thánh yêu cả cỏ cây một cách tự nhiên là vậy. Chúng ta chưa bằng các vị Thánh, nhưng nếu tâm có chút thiền định cũng khiến tình thương bắt đầu có mặt.

Có người nói: “một Thiền sư luôn luôn là một nghệ sĩ, nhưng một nghệ sĩ thì không phải là Thiền sư”. Sở dĩ một Thiền sư luôn là một nghệ sĩ vì vị đó có tình thương rộng lớn, cảm được đến cả đất trời cây cỏ, có thể biến thành cảm hứng sáng tác ra những bài thơ tuyệt đẹp. Các ngài cũng có một đời sống phóng khoáng nhẹ nhàng rất hay. Còn nghệ sĩ có

nhều tình cảm lãng mạn lai láng, rất khác với tình thương rộng lớn của thiên sư. Những sắc thái đó tuy na ná gần nhau nhưng khác nhau. Người nghệ sĩ đi theo hướng cảm tính nên đến gần ích kỷ dần dần. Chỉ khi nào họ đi theo Phật Pháp để thanh lọc những cảm tính xao động và phóng túng thì đời họ mới bớt khổ.

Tôn giáo nào cũng đề cao tình thương rộng lớn, như chỉ trong đạo Phật mới có con đường đi rất rõ, là quán từ bi, kết hợp với thiên định phá trừ ngã chấp, rồi từ bi xuất hiện. Đức Phật và các vị Alahán chứng được vô ngã tuyệt đối rồi thì lòng từ bi phủ trùm cả vũ trụ.

Lòng từ bi của Phật luôn luôn phủ trùm chúng ta trong từng giây từng phút. Chúng ta không cảm nhận được vì cánh cửa lòng mình đóng kín quá. Chúng ta đóng cửa lòng bởi vô số ích kỷ, chấp trước, xao động, và ghê gớm nhất chính là chấp ngã nên không biết được mình luôn luôn sống trong tình thương của Phật. Chúng ta hãy nghe bài tụng quán tưởng khi tụng kinh theo nghi thức Bắc tông của Việt Nam và Trung Hoa:

Năng lễ, sở lễ tánh không tịch

Cảm ứng đạo giao nan tư nghi...

Năng lễ là người quỳ lạy, tức là đệ tử Phật, là chúng ta; sở lễ là người được lạy, tức là Phật. Cả hai đều cùng một bản chất huyền hóa hư vô. Tuy là hư vô nhưng không phải hoàn toàn trống không mà tất cả vẫn vận hành theo luật nghiệp báo công bằng. Phật đã chứng đạt được vô ngã tịch lặng. Nếu chúng ta cũng thâm nhập vào nghĩa lý vô ngã đó, tự nhiên sự cảm ứng kỳ diệu sẽ hiện bày, chúng ta sẽ cảm nhận được tình thương của Phật đang trùm phủ ôm ấp chúng ta cũng như mọi chúng sinh khác. Ngược lại, nếu chấp ngã, ích kỷ, xao động, tự đứng riêng một góc trời, tự khép cửa tâm hồn lại, chúng ta sẽ không cảm nhận được tình thương của Phật cho chúng ta. Ví như chúng ta ngồi nhìn nhau, nếu mỗi người bận tâm chạy theo sự xao động của mình, chấp giữ bản ngã của mình, chúng ta sẽ không có được niềm thông cảm quý mến nhau, sẽ cảm nghe ngăn cách xa lạ với nhau. Ngược lại nếu mỗi người lắng tâm yên tĩnh, buông bỏ bớt ngã chấp của mình, tự nhiên sẽ nghe gần gũi thông cảm quý mến nhau hơn.

Đức Phật chứng đạt vô ngã hoàn toàn nên lòng từ bi của Ngài phủ trùm đến tất cả chúng sinh. Nhưng về phần chúng ta, nếu chúng ta chấp ngã, không thấy cái ta này là hư ảo, đóng cửa lòng của mình lại, chúng ta sẽ không thấy được tình thương yêu của Phật hiện diện nơi mình từng giờ từng phút.

Trong cuốn Tự truyện Hư Vân niên phổ, ngài Hư Vân có thuật lại rằng: một lần bị bệnh, ngài thấy mình lên cõi trời Đâu Suất nghe Phật Di Lặc thuyết pháp. Trong hội chúng rất đông đảo đó, Ngài gặp lại nhiều vị cao Tăng lúc trước, kể cả thầy của ngài là Hòa thượng Kính Dung. Nói chung là những vị tu hành chân chính khi mất đều lên cõi trời Đâu Suất. Hòa thượng Kính Dung chỉ Ngài ngồi vào một cái tòa còn trống, bên cạnh tôn giả Anan. Điều lạ là ngài Anan từ thời đức Phật bây giờ vẫn còn theo phò Phật Di Lặc trên cung trời Đâu Suất.

Chợt Phật Di Lặc dừng giảng chỉ ngài Hư Vân bảo: “Con còn nghiệp, phải quay về.”

Ngài Hư Vân thưa: “Con nghiệp nặng nên không muốn về nữa. Con muốn ở đây học pháp.”

Phật Di Lặc nói: “Không, con phải về vì còn nhiều việc phải làm.” Rồi Phật Di Lặc giải thích thêm cho Ngài hiểu.

Câu chuyện trên làm chúng ta cảm động về lòng thương yêu của Chư Phật Bồ Tát đối với chúng sinh. Cách nói chuyện của Phật Di Lặc biểu lộ một lòng từ bi nhưng cũng rất nghiêm khắc, và không bỏ sót chúng sinh nào.

Chúng ta là đệ tử Phật cũng phải học theo tâm từ bi của Phật, dù chưa thể thành tựu hoàn toàn. Mỗi ngày ta phải tu tập như thế nào để lòng thương yêu chúng sinh càng lúc càng lan rộng; nhưng tình thương riêng tư giảm bớt dần dần. Trong cuộc sống đúng là chúng ta có duyên với mọi người khác nhau khiến cho ta thương hay thương người này nhiều hơn người kia. Bây giờ tu tập từ bi, chúng ta cố gắng đừng để thiên vị quá đáng. Trường hợp người xuất gia ở trong đại chúng cộng đồng càng phải cẩn thận không nên kết thân riêng với vài ba người, phải trải lòng chan hòa chung đến với tất cả huynh đệ.

Cưỡng lại duyên xưa để tránh kết thân riêng là cả một sự kiểm chế lớn để cho lòng từ bi có cơ hội phát

triển.

Nhà thơ Goethe có câu nói nổi tiếng: “Đứng trước một bộ óc vĩ đại, tôi cúi đầu; nhưng đứng trước một trái tim vĩ đại, tôi quỳ xuống.”

Goethe đã đại diện cho cả nhân loại để bày tỏ một nguyên lý, là đối với tài năng lớn, người ta sẽ rất nể phục; nhưng người ta chỉ thật sự tôn kính, ngưỡng mộ, thương quý đối với người có tấm lòng thương yêu rộng lớn. Thái độ quỳ xuống nói lên mức độ bị khuất phục vạn lần so với cúi đầu. Thật vậy, đứng trước người mà ta biết rõ là khoan dung độ lượng, ta cảm thấy có thể đem cả cuộc đời mình để nương tựa, bước theo, dâng hiến.

Người đệ tử Phật, nhất là người xuất gia, càng phải cố gắng tu để trở thành suối nguồn yêu thương cho mọi người chung quanh, trở thành cây cao bóng cả cho chúng sinh nương tựa. Người thế gian mệt mỏi vì đủ thứ phiền toái khổ đau, nên muốn tìm chỗ dựa tinh thần cho khuây khỏa. Bốn phận của người đệ tử Phật là làm vơi đi nỗi khổ của cuộc đời này bằng tình thương yêu bao la như lời Phật dạy. Đến với người có tấm lòng nhân ái, ai cũng cảm thấy tươi

mát dễ chịu.

Điều chúng ta cần phải chuẩn bị tinh thần trước là việc tu tập tâm từ bi sẽ rất vất vả không phải nhàn rỗi dễ chịu. Ví dụ một điều rất nhỏ là phải chịu khó nghe chúng sinh kể lể nỗi niềm riêng tư đau khổ để họ được nhẹ lòng và muốn xin một lời khuyên từ người khách quan bên ngoài. Nhiều khi những chuyện rất chán như chuyện tình cảm thương ghét giữa người này người kia, chuyện người này nói xấu, người kia phân trần. Hơn nữa là họ biết chúng ta có lòng từ ái độ lượng. Trong những trường hợp như vậy, chúng ta phải quên bản thân mình để có sự đồng cảm với họ; rồi chúng ta dùng đạo lý để đánh giá vấn đề, và tìm ra một cách giải quyết tốt đẹp giúp họ. Chúng ta phải dựa trên luật nhân quả và những Tâm lý Đạo đức để khuyên bảo họ hành xử đúng hơn và mọi chuyện sẽ ổn thỏa.

Chưa cần phải là một giảng sư thao thao bất tuyệt trên pháp tòa, chỉ cần làm cho bất cứ người nào gặp chúng ta đều tìm thấy được sự an ổn cũng là công đức tu hành của một người đệ tử Phật. Muốn như vậy, tất cả đệ tử Phật chúng ta phải có lý tưởng vì

Phật Pháp, vì chúng sinh, chứ không thể tu hành hời hợt được. Chúng ta phải phát triển lòng từ bi thật vững chắc, mà Phật nói trong kinh Tăng Chi là phải làm cho lòng Từ trở thành căn cứ địa của tâm hồn. Nếu tâm từ không được thiết lập, củng cố, phát triển, tâm luyện ái sẽ có cơ hội nảy nở để thế chỗ, và thế là chúng ta sẽ trở lại cách sống tầm thường như cũ, nghĩa là cũng thương ghét rợn ràng, hơn thua phải quấy, bên nặng bên nhẹ. Cuộc đời chúng ta không có gì sáng sủa mà những người chung quanh ta cũng mệt mỏi rã rời. Dĩ nhiên là chúng ta đã không chứng tỏ được sự tuyệt vời của Phật Pháp cho mọi người thấy, cũng có nghĩa là chúng ta làm mất niềm tin nơi họ.

Dù chưa chứng Thánh, chỉ cần chúng ta có lòng từ bi thôi cũng đủ để sống một đời đầy lợi ích cho mọi người, và bản thân ta cũng bớt nhiều phiền toái vì sự thương ghét của thế gian, hay chính những nhược điểm của mình. Vì sao? bởi vì muốn khắc phục khuyết điểm, ngoài sự hiểu biết, chúng ta cũng cần phải có phước. Thiếu phước, chúng ta thường vấp ngã trở lại những thói hư tật xấu như xưa. Ở đây

lòng từ bi sẽ cho chúng ta cái phước đó để chúng ta vượt qua những lầm lỗi của mình.

Ví dụ như một người xuất gia, kiếp này xuất gia chứ không phải tất cả những kiếp trước đều xuất gia. Do đó chắc chắn rằng trong nhiều kiếp người này cũng đã từng sống đời sống gia đình có vợ chồng con cái. Biết đâu kiếp này đang tu gặp lại vợ chồng kiếp xưa. Lúc đó khó ai tránh khỏi những cảm xúc thương mến không giải thích được. Nếu không tu tập từ tâm, chúng ta sẽ bị duyên ái cũ khuấy phá mạnh mẽ. Nếu thường xuyên trải lòng thương yêu chúng sinh, tự nhiên cảm xúc cũ sẽ dễ dàng vượt qua hơn. Đó là nhân quả rất chính xác.

Phước đến với chúng ta bởi công hạnh lễ kính Phật và từ tâm. Phước này giúp chúng ta hóa giải nghiệp duyên xưa để cùng giúp nhau tu hành, và không bị duyên ái cũ lập lại. Phước đó cũng giúp ta nhiếp tâm trong thiền định dễ dàng hơn vì tâm ích kỷ bị tâm từ bi hóa giải, mà ích kỷ bớt nghĩa là phiền não bớt, an vui thêm.

Vì lý tưởng Phật Pháp, vì chúng sinh, vì đạo đức cao đẹp của Phật Pháp, chúng ta không cho phép

mình sống đời ích kỷ giải đãi, mà phải hết sức tu hành nhất là lòng thương yêu chúng sinh vạn loài.

TU TẬP TỪ TÂM

Khi lễ Phật

Tâm từ bi rất khó phát khởi tự nhiên vì không có điều gì thúc đẩy. Chỉ những người có trí tuệ mới chịu cực khổ dựng lập tâm từ bi trong lòng vì biết rằng phải có tâm từ bi để ta thoát khỏi sự tầm thường của kiếp người, và để ta đủ sức mạnh sống đời vị tha.

Đối với những người xuất gia thì việc tu tập từ bi còn bức thiết hơn nữa; vì có công phu thực hành, chúng ta mới có sức mạnh thuyết phục mọi người cùng tu tập từ tâm. Hơn nữa, nhờ có thực hành nên chúng ta hiểu kỹ mọi ngõ ngách để có thể hướng dẫn cặn kẽ lại người sau. Nếu chúng ta chỉ nghe như thế nào rồi nói lại như thế ấy, người nghe cũng chỉ nghe phơn phớt, và không quyết tâm thực hành theo.

Trước hết chúng ta phải chân thành quỳ trước Phật, lễ Phật, tha thiết cầu Phật gia hộ cho mình phát khởi được lòng thương yêu vô hạn đến tất cả chúng sinh. Sau đó, chúng ta tiếp tục quỳ để quán tưởng

trả lòng thương yêu khắp muôn loài. Ban đầu là cầu Phật, kể đó là tự mình làm lấy.

Tại sao việc tu hành âm thầm trong tâm cũng phải cần sự gia hộ của Phật? Tại sao chúng ta vẫn nghe đạo Phật chủ trương tự mình thấp đuốc lên mà đi, hãy thấp lên với Chánh pháp, tự mình là chỗ nương tựa cho chính mình, đừng nương tựa với một ai cả...?

Có hai cực đoan mà người tu hành nên tránh:

Cực đoan thứ nhất là chấp ngã, là xem mình có thật, nên chủ trương điều gì cũng phải do mình, tự mình, bởi mình, không cần người khác. Nếu nhờ vả thì xem như mình bị giảm giá trị. Đây vừa là chấp ngã, vừa là tự kiêu.

Cực đoan thứ hai là nhu nhược, là ỷ lại vào Thần Thánh, không chịu nhận trách nhiệm về mình.

Người này trở thành nô lệ của thần linh nào đó và chỉ cầu xin sự hỗ trợ. Đây vừa là yếu đuối, vừa là lười biếng. Các tôn giáo thần quyền hầu hết bị điều này.

Để tránh hai cực đoan đó, chúng ta có Trung đạo như sau:

Thứ nhất, hiểu rằng cái ta này không thật nên sự gia hộ giúp đỡ của chư Phật khiến ta nhanh chóng thành tựu tâm từ là ưu thế cần khai thác. Ta không giống kẻ tự ái sợ mất giá trị khi phải nhờ vả; ở đây ta nhờ vả Phật để thành tựu lòng từ bi mới là giá trị cao quý thật sự.

Thứ hai, chúng ta hiểu rằng nếu không có nỗ lực bản thân thì không có điều gì thành tựu, nghĩa là mỗi người cũng phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình; do đó chúng ta phải cố gắng quán tưởng trải lòng thương yêu đến tất cả chúng sinh.

Trung đạo có cả hai tính chất, vừa khiêm tốn nhờ sự giúp đỡ của Phật, vừa tinh cần nỗ lực bản thân.

Sự cầu nguyện ở đây không bị xem là mê tín vì chúng ta cầu gia hộ để gieo nhân chứ không phải cầu hưởng quả. Cái khác nhau giữa mê tín và chánh tín trong sự cầu nguyện là như vậy. Người mê tín cầu nguyện để được giàu sang thành đạt ngay mà không màng tới việc làm phước. Người chánh tín cầu nguyện để có cơ hội làm nhiều phước lành trước rồi sự giàu sang sẽ tự tìm đến.

Trong việc cầu Phật để gieo nhân lành thì nhân lành

đầu tiên quan trọng nhất chính là tâm từ bi.

Chúng ta cũng nhắc lại, ý chí có hai loại, một loại phát sinh từ công đức, và loại thứ hai phát sinh từ bản ngã. Ý chí đến từ công đức thì nhẹ nhàng và không làm phát sinh kiêu mạn; ý chí đến từ nỗ lực bản thân thì nhanh chóng tạo thành kiêu mạn.

Tâm từ bi cũng có hai loại, đến từ công đức, và đến từ nỗ lực bản thân đơn thuần.

Ví dụ một người không tin Thần Thánh, Trời Phật gì cả, nhưng có suy nghĩ tốt rằng sống trên đời phải biết thương người, và người này hằng ngày vẫn tự nhủ rằng phải thương yêu người.... Dần dần họ cũng bắt đầu xuất hiện từ bi bác ái trong tâm. Tuy nhiên, một hệ quả phụ nguy hiểm cũng xảy ra đồng thời, đó là tâm kiêu mạn. Thật vậy, khi nghĩ rằng thương người, ta đã tự cho mình cao hơn người một bậc! Vừa thương người, vừa nghĩ mình hơn người, thật là oái oăm!

Còn nếu ở đây, ta lấy công đức lễ Phật để làm nhân lành giúp phát khởi từ tâm, hệ quả phụ nguy hiểm kia sẽ không xuất hiện kèm theo, tuy thương người mà vẫn tôn trọng con người, vẫn không thấy mình

hơn người.

Lúc tọa thiền.

Tu tập thiền định là chánh đạo thứ tám trong Bát chánh đạo, nhưng Bát chánh đạo phải được tu tập đồng thời. Nhờ có thiền định giúp nội tâm yên tĩnh, chúng ta sẽ thông suốt đạo lý. Thiếu thiền định, chúng ta sẽ thiếu gần hết mọi công đức trong Phật Pháp vì tất cả giáo lý đạo Phật đều liên quan đến thiền định.

Chúng ta tu tập từ bi trong thiền định như sau:

Trước hết, chúng ta bắt chân kiết già ngồi đúng tư thế, chắp tay niệm Phật 3 lần; nguyện lòng tôn kính Phật vô biên. Kế đó, nguyện lòng thương yêu tất cả chúng sinh một cách tổng quát.

Rồi chúng ta trải lòng thương đến những người gần gũi chung quanh mình, như cha mẹ, anh chị em, huynh đệ, láng giềng, bạn bè, đồng nghiệp... Người xuất gia thì thương huynh đệ đồng lâm, đồng đạo. Khi quán tưởng như thế ta mới vỡ lẽ rằng từ trước đến nay ta chưa hề thương yêu một người nào chung quanh. Tuy sống chung mái chùa mà mọi người chưa hề thương yêu chăm sóc đỡ đần cho

nhau, vẫn ngăn cách xa lạ thờ ơ với nhau. Chúng ta đã bỏ gia đình nhỏ bé để về đây làm thành một gia đình lớn lao hơn, cao quý hơn, nhưng cuối cùng thì tình thương không hiện hữu. Bây giờ bù lại, chúng ta phải thương yêu huynh đệ thật nhiều.

Rồi trái lòng thương yêu những người chung quanh hằng ngày vẫn chạm mặt mà ta không quan tâm thương mến, đôi khi lạnh nhạt thờ ơ, bây giờ phải thương yêu họ thật sự, nhất là hàng xóm. Phải làm thế nào sau này, những người láng giềng nhận xét rằng người tu theo đạo Phật càng lúc càng hòa ái dễ thương, vì họ cảm nhận được tấm lòng của chúng ta đối với họ.

Tiếp theo, chúng ta nghĩ đến những người mưu hại, nói xấu, xúc phạm ta và tác ý thương yêu họ. Sống trên đời, không ai tránh khỏi bị chỉ trích, nói xấu, xúc phạm, hãm hại. Khi bị như vậy, thói thường người ta sẽ mang tâm oán hờn thù hận. Nhưng vì chúng ta là đệ tử Phật, chúng ta phải buông xả sự thù hận đó, và hơn thế nữa, phải trái lòng thương yêu kẻ đã hại chúng ta. Nói thì dễ, nhưng khi thực hành sẽ rất khó khăn.

Có một người đã từng bị mưu hại cho tù tội do bị ganh tị trong học tập, nhưng may mắn không bị. Người này không để tâm giận hờn và cho vào quên lãng. Đến khi tu tập từ tâm, nhớ lại kẻ đã hại mình, liền tác ý thương yêu, nhưng không thể nào thương yêu được. Lúc đó, người này mới biết rằng tưởng đã quên nhưng cái giận vẫn còn chìm sâu trong lòng chưa hết. Phải quyết tâm tác ý thương kẻ đó suốt mấy ngày, người này mới vượt qua được cái giận tiềm ẩn.

Vượt qua sự thù hận để thương yêu được kẻ đã hại mình là một công đức lớn vì chúng ta tránh được ý niệm trả thù trong tương lai. Còn một người nào đó để mình phải ghét thì chúng ta chưa phải là một đệ tử ngoan của Phật. Vì vậy chúng ta phải thương yêu cho được kẻ đã ganh ghét mưu hại công kích mình. Kế đến, chúng ta nghĩ đến vô số vong linh trong cõi giới siêu hình để tác ý thương yêu họ.

Trước hết các nhà khoa học tin rằng còn nhiều hành tinh khác có sự sống trong vũ trụ này. Các phương tiện quan sát hiện nay chưa đủ để tìm thấy một

cách rõ ràng một hành tinh có sự sống, nhất là sự sống thông minh nào khác trong vũ trụ. Đôi lúc họ đã bị quan cho rằng trái đất là sự sống cô độc của vũ trụ. Nhưng rồi những tính toán và tiến bộ kỹ thuật cho phép họ hy vọng vẫn còn nhiều hành tinh khác có sự sống, kể cả sự sống thông minh.

Trong cuốn “Mối tình bất diệt của vua Seti” kể lại câu chuyện của một ông vua Ai Cập dan díu với một nữ tu sĩ. Để bảo vệ cho vua, khi bị các trưởng lão tra vấn, người nữ tu này đã tự tử. Sau này nhà vua biết chuyện nên vô cùng cảm thương. Đến khi chết, linh hồn ông mãi miết đi tìm người con gái đó. Ông lang thang đi từ cõi này sang cõi khác suốt gần ba ngàn năm như vậy. Cô bị các vị thần bắt giam trong một nơi bí mật khiến ông không thể nào tìm ra. Về sau, các vị thần cảm động trước tấm lòng của vua Seti nên đã cho cô gái đầu thai trở lại vào nước Anh. Lúc đó, vua Seti mới tìm thấy và tiếp xúc với cô dần dần. Ông có kể với cô rằng ông đã bay qua nhiều hành tinh khác; có những hành tinh chỉ có cây xanh mà không có động vật, không có người có thú nào hết. Một lần ông đến một hành tinh đã từng có

sự sống văn minh, thấy nhà cửa, xe cộ, những loại xe không có bánh cũng không có cánh - nghĩa là giống như đĩa bay UFO. Nhưng tất cả đều chết khô vì không còn một chút không khí nào cả. Xác người vẫn còn nằm yên tại chỗ trên xe, trên đường, trong nhà... khô héo. Ông cho rằng một vị Thần nào đó đã lấy hết không khí để tiêu diệt sự sống nơi đó vì một lỗi lầm nghiêm trọng nào đó của loài người tại đây.

Từ câu chuyện trên ta thấy vũ trụ này đa dạng vô cùng, và thế giới này phức tạp vô cùng.

Thế giới vô hình cũng rất là phức tạp. Có những chúng sinh sau khi chết sinh lên cõi Trời vì lúc sống đã làm nhiều việc thiện và biết tu dưỡng tâm hồn thánh thiện.

Có những chúng sinh tội phước lẫn lộn, chưa đủ để lên cõi Trời, nhưng cũng không đọa vào ác đạo, cũng chưa đủ duyên đầu thai, sẽ có một đời sống khá giống người ở trần thế này. Đôi khi họ vào chùa tu và được nhiều tiến bộ về tâm hạnh, đến khi đầu thai trở lại sẽ là người có nhiều thiện duyên. Thời

gian họ tồn tại ở cõi âm như thế có khi kéo dài cả trăm năm.

Có những chúng sinh tội nặng thì hình tướng biến đổi trở nên xấu xí ghê rợn, đọa vào địa ngục hoặc làm thân quỷ đói. Thường thì đến tuổi già gần chết, nếu gương mặt ai trở nên đẹp đẽ phúc hậu là có dấu hiệu sau khi chết về cõi lành, nếu gương mặt ai trở nên xấu xí hung dữ là có dấu hiệu sau khi chết về cõi đọa.

Kể đến chúng ta tác ý thương yêu các loài súc sinh khắp cả trời đầy cả đất, chim thú trong rừng, cá tôm dưới nước...

Kể nữa chúng ta tác ý thương yêu chúng sinh dưới địa ngục.

Thông thường thì kẻ ác độc sẽ đọa địa ngục; bôn xển sẽ đọa ngạ quỷ; si mê tà kiến sẽ đọa súc sinh. Đó là nguyên tắc căn bản. Nhưng thật ra sự tình phức tạp hơn nhiều. Vì có người phỉ báng Thần Thánh bị đọa súc sinh; có người phỉ báng Thần Thánh bị điên loạn; có người phỉ báng Thần Thánh lại đọa xuống địa ngục. Tuy nhiên căn bản là kẻ ác độc sẽ đọa địa ngục.

Thế nào là người ác độc?

Người ác độc là người đủ tàn nhẫn dùng nhục hình làm người khác đau khổ, hoặc là dùng mưu mô hiểm độc hại người khác rơi vào đường cùng tuyệt vọng đau khổ. Nói chung là làm chúng sinh đau khổ với tâm tàn nhẫn. Đó là người không động lòng xót xa trước nỗi đau của người khác, có khi còn thích thú khi thấy kẻ khác đau khổ. Người đó có thể đánh đập, cắt chém, thiêu đốt, giết hại kẻ khác.

Chúng ta đánh giá người có thiện tâm hay không bằng cách xem họ có thái độ trước nỗi đau của kẻ khác như thế nào. Nếu người này biết xót xa trước nỗi đau của người khác, tức là người có thiện tâm; nếu người này bình thản, thậm chí khoái chí trước nỗi đau của người khác, tức là người có ác tâm. Có những kẻ nát rượu cùng nhau dùng cây đập vỡ đầu một con chó mà còn cười hăng hắc, ta biết những người này có nhân của địa ngục.

Khi xuống địa ngục, những gì họ đã làm cho chúng sinh đau đớn, họ sẽ phải đền trả sòng phẳng. Những ngọn lửa không tắt, những lưỡi dao cắt không dừng sẽ thiêu đốt đâm chém họ trở lại.

Vậy thì có cách nào để những chúng sinh đó thoát được nghiệp địa ngục?

Vì ác tâm nên họ bị đọa địa ngục, bây giờ chỉ có tâm từ bi giúp họ thoát địa ngục.

Có câu chuyện tiền thân đức Phật làm minh họa cho đạo lý này, dù rằng chúng ta có thể không tin. Nhưng câu chuyện cũng rất hay. Một lần trong kiếp rất xưa, Ngài bị đọa địa ngục. Chúng ta không tin Ngài tạo một tội gì ghê gớm đến nỗi bị đọa địa ngục, nhưng chúng ta cứ để ý khía cạnh đạo lý. Ngài phải chịu nhiều cực hình đau đớn giống như các tội nhân khác. Khi phát hiện ra chung quanh mình cũng đang có vô số chúng sinh đang rên la vì bị trừng phạt, Ngài chợt động tâm thương xót nên phát một lời nguyện rằng xin được gánh hết sự trừng phạt của mọi người trong địa ngục này. Ngay khi tâm Ngài đồng mãnh chấp nhận đau đớn giùm cho tất cả như thế thì địa ngục tan biến lập tức.

Về nguyên tắc thì câu chuyện đó đúng với đạo lý, nhưng về tính chân thật thì khó thuyết phục chúng ta tin rằng Phật đã từng bị đọa địa ngục như vậy. Về nguyên tắc, nếu chúng sinh nào đang bị đọa địa

ngục mà có thể khởi tâm từ bi thì thật sự có thể thoát khỏi kiếp địa ngục. Vì vậy, nếu có thương xót chúng sinh nơi địa ngục, chúng ta cũng không thể giúp gì cho họ, chỉ có cách cầu nguyện cho họ khởi được tâm từ bi để tự họ thoát khổ mà thôi.

Xin cho nơi địa ngục

Chúng sinh đang đọa đày

Khởi được tâm từ bi

Để xa lìa cảnh khổ.

Nhưng thực tế thì rất khó. Hãy tưởng tượng một người đang bị nhức đầu, nhức răng, đau bụng rên la oằn oại, người đó dường như quên hết Phật Pháp đạo lý vì tâm bị cơn đau bức bách rối loạn. Cũng vậy, chúng sinh đang bị thiêu đốt ở địa ngục, vốn từ trước không biết đến điều thiện nhiều, bây giờ lại đang bị dày vò hành hạ, rất khó khởi được tâm thương yêu người khác. Thường thì họ phải chịu đày đọa cho đến khi hết tội mới thoát khổ chứ không dễ bình tĩnh tác ý theo điều lành. Giống như người điên không thể làm phước để tự cứu lấy mình, cũng vậy, chúng sinh dưới địa ngục cũng khó khởi tâm lành.

Cuối cùng, chúng ta trải tâm từ bi phủ trùm mênh
mông khắp trong pháp giới, và nên duy trì như vậy
đến khá lâu.

Khi quán từ bi, chúng ta phải đi qua từng giai đoạn
một cách kỹ lưỡng rồi hãy trải tâm từ bi phủ trùm,
khiến cho tâm từ bi sâu sắc, lớn lao, mạnh mẽ. Nếu
không, tâm từ bi sẽ hời hợt nông cạn. Mỗi lần tu tập
quán tưởng từ bi như vậy mất khoảng 10 phút,
nhưng công đức cho nhiều kiếp sau thật là vô lượng.
Nhất là người xuất gia lại càng phải huân tu từ tâm
nhiều hơn để làm chỗ nương tựa cho Phật tử, làm
những trụ cột vững chắc cho Phật Pháp.

Người nào tác ý thương yêu chúng sinh, tự nhiên
tâm người đó có hào quang sáng lên mà Chư Thiên
có thể nhìn thấy được. Chư Thiên tử nhìn xuống trần
gian chỉ thấy dường như tối đen bởi hận thù bạo lực.
Nhưng trong bóng tối đó, tâm hồn nào có từ tâm
thương yêu sẽ sáng lên rõ rệt khiến Chư Thiên chú
ý. Nếu người thường xuyên tu tập từ tâm, hào quang
sẽ hiện dần trên gương mặt mà người thường cũng
cảm nhận được.

Trong cuộc sống

Tu tập từ tâm trong cuộc sống là biết khởi tâm thương yêu khi mắt vừa chạm đến bất cứ người nào trong cuộc sống này. Ban đầu chúng ta không quen tác ý như thế nên sẽ rất khó khăn, nhưng tập quen rồi sẽ cảm thấy tâm hồn chuyển biến rất lạ.

Những khi bước ra đường trông thấy người này người kia, xa lạ có, quen biết có, chúng ta cũng tự nhủ rằng “con nguyện thương yêu những người này”. Sau này thuần thục rồi, chúng ta không cần khởi lên ý niệm đó nữa, mà mắt vừa nhìn ai là lòng từ bi gửi đến người đó ngay lập tức.

Tập như vậy lâu ngày, đôi mắt ta sẽ rất từ ái. Trong tiểu Kinh Rừng Sừng Bồ diễn tả các vị Thánh sống hòa hợp với nhau và luôn nhìn nhau bằng ánh mắt từ ái thiện cảm. Ánh mắt nhìn nhau thiện cảm vì khi nhìn nhau, chúng ta luôn gửi theo đó lòng thương quý. Các vị Thánh như vậy, chúng ta cũng phải như vậy, là luôn gửi tình thương yêu theo ánh mắt mỗi khi nhìn nhau.

Rồi khi chúng ta cưỡi xe chạy trên đường phố đông người chen chúc, xe cộ chạy ngược chạy xuôi, mới chợt hay rằng nào giờ chúng ta vẫn hờ hững lạnh

nhặt khô khan cần cỗi với biết bao người trong cuộc sống này. Bây giờ chúng ta phải chuộc lại bằng cách âm thầm lặng lẽ tự nhủ con thương yêu tất cả mọi người như thế này, con thương yêu tất cả mọi người như thế này.

Khi chưa biết tu, có thể chúng ta đã thương thầm một hai người nào đó, bây giờ biết tu, chúng ta lặng lẽ thương thầm tất cả mọi người, không cần họ biết. Tập được như thế, ta sẽ thấy đạo lực tăng tiến từng ngày.

Đối với huynh đệ đồng tu, chúng ta càng phải thương yêu nhiều hơn nữa. Nếu không thương yêu được huynh đệ chung quanh mình, thì nói thương yêu chúng sinh chỉ là giả dối. Thương yêu được huynh đệ là dấu hiệu chân chính của từ tâm. Huynh đệ trong chùa thực chất chỉ là những người đứng xa lạ không máu mủ ruột rà, chỉ vì duyên xưa, vì cùng chí hướng tu hành nên gặp nhau chung một thầy. Chính vì quý mến đạo tâm mà chúng ta yêu thương nhau được, đó là tình thương cao đẹp.

Trước đây, chưa thương yêu ai, chúng ta chỉ thấy có nhu cầu của riêng mình như quần áo, giày dép,

thuộc thang, sách vở... Bây giờ thương yêu huynh đệ, chúng ta sẽ thấy nhu cầu của huynh đệ hiện ra trước mắt mình rõ ràng và sẽ ngạc nhiên rằng tại sao từ trước đến nay chúng ta lại thờ ơ như thế. Chúng ta sẽ thấy huynh đệ khỏe hay yếu, buồn hay vui, thoải mái hay khó chịu... và luôn muốn giúp huynh đệ rất nhiều. Dù chúng ta chưa đủ khả năng để giải quyết hết mọi nhu cầu của huynh đệ, nhưng cũng cố gắng san sẻ được chừng nào hay chừng ấy.

Đôi khi tập khí bồn xển cũ khiến chúng ta do dự trong việc san sẻ những gì mình có cho huynh đệ, nhưng nếu công phu quán tử bi có chiều sâu, ta sẽ đủ sức vượt qua tâm bồn xển để mở đôi bàn tay. Phải biết thương yêu tử tế với huynh đệ trước khi chúng ta bước ra thương yêu hóa độ vô số chúng sinh khác. Nếu chưa từng biết đối xử tốt với huynh đệ, người này chưa được quyền nói rằng sẽ thương yêu tất cả chúng sinh. Chúng ta tâm nguyện thương yêu tất cả chúng sinh, phải biết bắt đầu thực hành với huynh đệ chung quanh mình. Người nào có thể sống tốt với huynh đệ, chúng ta tin người đó có thể

sống tốt với chúng sinh về sau.

Rồi sẽ có lúc chúng ta đối diện với những người mưu hại, chống đối, chỉ trích mình trong thực tế. Khi quán từ bi, chúng ta có khởi tâm thương yêu đến với những người đã đối xử tệ bạc với mình trong quá khứ, nhưng tương lai, chúng ta sẽ còn đối diện với tình huống tương tự. Đó là lúc chúng ta có dịp đánh giá đạo lực của mình. Chúng ta hãy xem lúc đó mình có thể giữ vững lời nói “con nguyện thương yêu người này” trong tâm hay không?

Đây là điều khó thực hành vì lúc đó chúng ta dễ nổi sân. Nhưng phải quyết tâm làm cho bằng được, vì chỉ khi nào chúng ta thật sự thương yêu được người xúc phạm mưu hại mình, sau này chúng ta mới vững vàng bước ra gánh vác trách nhiệm với đạo pháp. Trên bước đường làm việc đạo, biết bao chông gai gian khổ sẽ chờ đón chúng ta. Nếu không trang bị tâm từ bi vững chắc, chúng ta sẽ ngã quy.

DẤU HIỆU TỪ TÂM HIỆN DIỆN

Có bốn 4 dấu hiệu để biết Từ tâm đã hiện diện trong tâm hồn của mình.

Muôn giúp đỡ

Như đã nói, quy luật tâm lý thông thường là khi thương ai, ta luôn muốn giúp đỡ người đó. Tình thương đó là ân nghĩa quá khứ trở lại.

Bây giờ với tâm từ bi thương yêu tất cả chúng sinh, dĩ nhiên chúng ta cũng bị một tâm lý thôi thúc là làm cái gì đó cho chúng sinh được an vui hạnh phúc.

Tâm từ bi càng nhiều thì sự thôi thúc càng lớn.

Càng hiểu đạo, chúng ta càng hiểu rõ bản chất cuộc đời thật là đau khổ. Chung quanh ta, mọi người không khổ vì điều này thì cũng khổ vì điều khác. Không ai thực sự trọn vẹn sung sướng.

Huynh đệ ta bệnh yếu, đạo tâm còn sơ cơ, vẫn là điều khiến ta lo lắng. Nhiều ngôi chùa chưa có sức giáo hóa người dân quanh vùng, vẫn là điều khiến ta lo lắng.

Tất cả những sự thôi thúc đó đều chứng tỏ tâm từ bi đã thực sự hiện diện nơi chính mình.

Ngược lại, nếu chúng ta quan niệm về một đời sống tu hành nhàn nhã, không bận tâm về nỗi khổ của ai, chỉ muốn chiều chiều phe phẩy cái quạt bước dạo trên lối cỏ ướt sương, ngắm trăng lên từ đỉnh đồi lộng gió, hoặc ngồi nhấp một ngụm trà ngát hương

xem hoa quỳnh chầm chậm nở, chúng ta đã đi sai lời Phật dạy! Thiếu tâm từ bi, chúng ta đang nuôi dưỡng sự ích kỷ trong lòng mình. Mà sự ích kỷ nào rồi cuối cùng cũng đưa đến đau khổ.

Người tu đúng sẽ là người rất bận rộn vất vả cực khổ vì tha nhân, nhưng niềm vui trong tâm thì tràn đầy. Đây là điều rất lạ. Chúng ta cứ tưởng rằng lo cho người khác sẽ làm mình cực khổ, nhưng không, ngược lại, chính vì đem niềm vui đến cho người khác mà tâm ta tự nhiên có niềm vui và sức mạnh. Niềm vui này không mong cầu mà được.

Xót xa trước nỗi khổ của tha nhân

Dấu hiệu thứ hai khi có Từ tâm hiện diện là biết xót xa trước nỗi khổ của tha nhân. Tâm xót xa đó gọi là Bi.

Người tu đúng là người bất động khi nghịch cảnh đến với mình, nhưng lại xót xa khi thấy chúng sinh đau khổ. Người tu sai là thích giữ tâm bất động, kể cả khi đứng trước nỗi đau của người khác.

Chúng ta sẽ nghi ngờ rằng chẳng lẽ Chư Thánh cũng động tâm xót xa sao? Thật ra Chư Thánh cũng thương xót chúng sinh đau khổ, và thương xót

rất sâu sắc, chỉ khác với chúng ta là sự thương xót đó không xao động sôi bỏng như chúng ta, vì các Ngài có định lực vững vàng.

Chúng ta thương xót chúng sinh có kèm theo sự ray rứt, xao động, vì chưa có định, nhưng vẫn là đúng. Chỉ vì sợ xao động mà chúng ta không thương xót nỗi khổ của chúng sinh tức là chúng ta đã đi sai đường của Phật Pháp. Nếu chúng ta không bận lòng vì nỗi khổ của tha nhân, tức là chúng ta đang đi dần vào trạng thái thờ ơ lãnh đạm vô tình. Mọi người đều như thế thì đạo Phật sẽ trở nên thụ động và suy yếu dần dần.

Chúng ta chỉ được quyền bất động với nghịch cảnh của chính mình, chứ không được thản nhiên trước nỗi đau của người khác.

Trong Tứ vô lượng tâm, Phật dạy đệ tử phải có Bi tâm vô lượng, tức là phải có lòng thương xót không giới hạn vì nỗi khổ trên đời là vô hạn.

Vui mừng trước hạnh phúc của người

Vui mừng khi thấy người khác hạnh phúc là Hỷ tâm trong bốn tâm Từ Bi Hỷ Xả.

Thông thường thì khi thương yêu ai ta mới vui mừng

vì hạnh phúc của người đó. Đối với người ta không thương, hạnh phúc của người đó lại làm cho ta bức tức ganh tị. “Con mình thi đậu thì mừng, con hàng xóm thi đậu thì tức”. Thói đời là như vậy.

Nhưng bây giờ là đệ tử Phật, tình thương chúng ta trải đều với tất cả mọi người, như vậy bất cứ hạnh phúc của ai cũng khiến ta vui mừng cả. Rồi khi thấy người làm được nhiều việc công đức tốt lành, chúng ta cũng phải biết vui mừng như chính mình làm được. Với Hỷ tâm như thế, tâm đồ kỵ sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn. Vì chúng sinh là vô lượng nên công đức làm được cũng vô lượng, và Hỷ tâm chúng ta cũng là vô biên vô lượng.

Biết tha thứ

Dấu hiệu thứ tư của Từ tâm hiện diện là biết tha thứ, tức là Xả tâm.

Chữ Xả có nhiều nghĩa tùy theo nhóm. Xả có nghĩa là buông bỏ, không dính mắc vào thế gian; xả cũng có nghĩa là vượt qua được tâm tự hào bí mật trong thiền định. Còn trong Tứ vô lượng tâm, Xả có nghĩa là tha thứ.

Sống ở trên đời này, nếu chưa thành Phật thì ai

cũng còn có lỗi lầm. Mình cũng còn khuyết điểm và người chung quanh cũng vậy. Điều quan trọng là phải biết tha thứ nhau để tiếp tục thương yêu nhau. Nguyên tắc của tâm lý là khi thương ai, ta dễ tha thứ khi người đó có lỗi. Có nhiều đứa con ngỗ nghịch bất hiếu, vậy mà cha mẹ vẫn kiên tâm chịu đựng tha thứ mãi để mong con có ngày hồi hận quay về. Biết tha thứ là đức độ lớn của những bậc chân sư thánh triết.

Tuy nhiên, có hai cực đoan mà người đệ tử Phật nên tránh khi thấy người khác có lỗi:

-Thứ nhất, thấy người có lỗi, ta liền đem ra công kích, chê bai, rêu rao, khinh bỉ, với tâm ác độc.

-Thứ hai, thấy người có lỗi, ta bỏ mặc cho họ tiếp tục phạm lỗi, vì không liên quan đến mình.

Cả hai đều là sai lầm, và có tội.

Khi thấy lỗi của người, nếu ta đem ra chê bai, sau này ta sẽ mắc đúng lỗi lầm đó. Ngược lại, nếu ta bỏ mặc, sau này ta cũng mắc đúng lỗi lầm đó. Ngoài ra, ta còn có thể bị quả báo mù hay điếc vì ta đã làm ngơ giống như không nghe không thấy trước sai lầm của người khác. Đúng ra, ta phải có bốn phận

tìm cách giúp người sửa chữa để họ tiến lên, chứ không được bỏ mặc.

Nếu có duyên, ta có thể góp ý trực tiếp. Nếu ít duyên, ta có thể nhờ người đức độ nói giùm. Phật Pháp mỗi ngày sẽ được hoàn thiện phát triển nếu chúng ta biết giúp nhau vượt qua lỗi lầm như thế. Dĩ nhiên là chỉ bởi lòng thương yêu, chúng ta mới được phép nói về lỗi lầm của huynh đệ. Nếu không có lòng thương yêu, chúng ta không đủ sức thuyết phục, mà chỉ đem lại giận hờn tự ái nhiều thêm. Nhờ có lòng tha thứ nên ta mới đủ kiên nhẫn khuyên người vượt qua lầm lỗi.

Vì chúng sinh vô lượng, lỗi lầm chúng sinh cũng là vô lượng, nên Xả tâm chúng ta cũng phải vô biên vô lượng như thế.

TÂM TỪ ĐEM LẠI THẮNG PHƯỚC

Tám ích lợi theo kinh bộ Tăng Chi

Trong kinh bộ Tăng Chi, Phật nói người tu tập thuần thực Từ tâm sẽ được tám lợi ích như sau:

- Được yên lành trong đời sống, lúc thức. Sở dĩ tâm trí ta được yên lành trong đời sống vì ta không bận

tâm lo cho mình nữa. Chỉ những người ích kỷ bận tâm lo cho mình quá đáng thì mới bị dẫn dắt bất an.

-Được yên lành trong giấc ngủ. Trong đời sống ta bình an thì tự nhiên giấc ngủ cũng yên lành. Tuy nhiên Phật không nói nguyên nhân tâm lý đơn thuần mà nói về phước. Người có Từ tâm, tự nhiên được phước rơi vào nội tâm khiến tâm rất bình an.

Ngược lại, nếu ta bị những bệnh lý về thần kinh não như căng thẳng, mất ngủ, hỗn loạn, ảo giác... nên hiểu ngay đó là do một lỗi lầm nào đó. Ta nên khởi tâm từ bi với chúng sinh sẽ thấy thuyên giảm rõ rệt.

- Được Chư Thiên độ trì. Như đã nói, khi ta tác ý thương yêu chúng sinh thì hào quang phát tán ra, và Chư Thiên nhìn thấy. Chư Thiên cũng là những người đã từng tu tập từ bi nên rất yêu quý người tu tập từ bi như vậy. Chư thiên sẽ thường xuyên âm thầm gia hộ độ trì cho ta trong cuộc sống và công việc.

- Yêu tinh quỷ ma không xâm phạm. Ngoài khả năng cảm hóa, lòng từ bi còn có kết quả là tạo thành uy lực. Nhìn thấy một người có tâm từ, phi nhân vừa quý mến vừa nể sợ nên không có ý định

xâm phạm. Nhiều người bị các vong linh quấy phá, đã khéo léo quán từ bi liền thoát nạn. Quán từ bi hiệu quả hơn dùng chú thuật trấn ếm. Chú thuật chỉ trấn ếm tạm thời, và dễ gây thù oán. Năng lực của từ tâm vượt lên cao để cảm hóa các chúng sinh trong cõi vô hình đó.

- Độc trùng đao kiếm không xâm phạm. Chúng ta bất ngờ khi nghe Phật ẩn chứng điều này, đối với người tu tập từ tâm thuần thực. Do nghiệp quá khứ, chúng ta có thể bị những tai họa phiền toái của cõi giới này là trúng độc, hoặc bị gươm đâm, súng bắn. Những tai nạn này rất dễ xảy ra với mọi người. Vậy mà Phật cả quyết ai tu tập từ tâm thuần thực sẽ không bị các tai họa đó. Như thế ta thấy rằng năng lực của từ tâm rất vĩ đại.

-Được mọi người chung quanh yêu mến. Điều này dễ hiểu vì người đầy ấp yêu thương sẽ khiến cho người chung quanh yêu mến một cách tự nhiên. Những khi có dịp ở chốn đông người, ta hãy thực tập trải tâm từ với mọi người, sẽ thấy những kết quả thú vị.

- Khi chết sinh về cõi Trời. Chúng ta hoàn toàn

không nghi ngờ rằng một người thuần thực từ tâm sẽ sinh về cõi Trời sau khi chết. Cõi Trời là nơi trú ngụ của những chúng sinh hết sức thánh thiện, trong đó, tâm từ bi là một thuộc tính chiếm vị trí hàng đầu.

- Và cuối cùng là sẽ được Giải thoát. Muốn giải thoát phải hết hẳn ngã chấp. Tâm từ bi chính là sức mạnh quan trọng khiến ta xa lìa ngã chấp dần dần. Khi thương yêu chúng sinh, chúng ta dễ dàng quên mình để sống đời vị tha. Từng hành động cụ thể giúp đỡ chúng sinh là từng nhát búa đốn phá ngã chấp. Nếu chỉ suy nghĩ về việc giúp đỡ mọi người mà không có hành động cụ thể, ngã chấp vẫn không lung lay bao nhiêu. Vì vậy phải thực sự bắt tay làm nên những điều lợi ích cụ thể cho chúng sinh, đó là con đường đi đến công đức và giải thoát. Trong tâm chúng ta luôn tồn tại một bản ngã nguy hiểm. Chính bản ngã này đã tạo nên ích kỷ, tham lam, thù hận và luân hồi sinh tử. Nhưng cũng chính trong tâm này mới có một con đường đưa đến Niết bàn giải thoát tuyệt đối. Chúng ta phải bắt đầu tu tập nơi chính nội tâm, nhưng không được dừng lại

nơi nội tâm này. Tâm là con đường, nhưng con đường này có giặc, đó là bản ngã.

Chúng ta phải đi trên con đường tâm này bằng thiền định, nhưng dù đạt mức độ định như thế nào, chúng ta cũng không được dừng lại ở tâm để ca ngợi tâm, tôn vinh tâm, vì như vậy là chưa thoát được hang ổ của bản ngã. Khi đạt được định, tâm sẽ rất vi diệu, sáng tỏ, rỗng rang, thanh tịnh, để làm ta hiểu lầm rằng đó là mục đích cuối cùng đã đến. Nhưng hoàn toàn không phải vậy. Dù vi diệu đến như thế nào, bản ngã vẫn bí mật tồn tại.

Khi tu với các bậc đạo sư trú danh đương thời là Alara Kalama, hoặc Uddukka Ramaputta, Phật đã chứng được những trạng thái thiền định cực kỳ cao siêu vi diệu. Nhưng Phật đã nhanh chóng nghi ngờ về sự tồn tại của Bản ngã nên đã từ giã ra đi. Đến khi nhập định suốt 49 ngày dưới cội cây Bồ đề, Phật mới thật sự thoát ra khỏi tâm thức để chấm dứt ngã chấp, và trở thành toàn thể vũ trụ, thành tựu Chánh đẳng Chánh giác.

Chúng ta phải lấy tấm gương đó cho cuộc đời tu tập của mình, nghĩa là mãi mãi cảnh giác với bản ngã.

Dù chúng ta có thành tựu đạo đức sâu sắc, dù chúng ta có thành tựu thiền định cao siêu, hãy tự nhủ rằng vẫn chưa phải đã thoát được ngã chấp sâu kín. Biết như vậy để chúng ta không chủ quan tự mãn.

Niết bàn mà Phật tìm được không phải ở trong tâm, mà là bản thể của toàn vũ trụ. Nhưng muốn tìm được Niết bàn đó, chúng ta phải đi hết con đường tâm này bằng thiền định. Tâm từ bi sẽ là một trong những phương tiện đưa ta đi trên con đường tâm này.

KHIÊM HẠ

Trên con đường tu tập Phật Pháp, để đạt thành vô lượng công hạnh, vô lượng công đức, chúng ta phải huân tập ba tâm hạnh căn bản quan trọng nhất. Từ ba tâm hạnh này, vô số pháp lành khác mới có thể xuất hiện tiếp theo được. Ba tâm hạnh đó là:

- Lòng tôn kính Phật
- Lòng từ bi
- Tâm khiêm hạ.

Ba tâm hạnh này giống như ba chân kiềng của một cái vạc, cái đỉnh mà trên đó ta sẽ có thể đặt tiếp theo vô số những báu vật khác của tiến trình tu tập. Vô số công hạnh khác như nhẫn nhục, vị tha, trầm tĩnh, bình đẳng, hoan hỷ, v.v... đều chỉ có thể thành tựu tốt đẹp trên nền tảng của ba tâm hạnh đó mà thôi.

NGÃ MẠN LÀ BỆNH LỚN CỦA LOÀI NGƯỜI

Nếu chúng ta kiên nhẫn tu hành, sẽ càng lúc thu thập được nhiều công đức lành, tích lũy được nhiều thắng phước, rồi dần dần đạt được nhiều thành công. Đó là điều chắc chắn. Nghĩa là ngay từ ban đầu, chúng ta đã đi đúng hướng, đã ít phạm sai lầm nên mới có kết quả tốt đẹp về sau.

Nhưng điều trớ trêu là từ những cái rất đúng rất đẹp đó, một sai lầm xuất hiện. Đó là tâm kiêu mạn.

Tâm kiêu mạn là một loại tình cảm thích thú, khoái trá, hả hê, sung sướng khi thấy mình hơn người khác.

Chuyện hơn thua nhau là chuyện bình thường ở trên đời. Có khi ta hơn người, có khi người hơn ta. Khi ta hơn, ta vẫn biết là ta hơn; khi người hơn, người vẫn

biết là người hơn. Đó là chuyện bình thường không có gì là sai trái. Điều nguy hiểm chính là tình cảm khoái trá đi kèm theo đó. Sự khoái trá đó gây cho người ta cảm giác hạnh phúc.

Nhiều người bị ảo tưởng là vượt hơn người khác trong khi thật sự thì thua kém họ rất nhiều. Khi tự cho mình hơn người, một sự khoái trá, sung sướng đã hiện diện. Mỗi khi hưởng thụ niềm vui sướng hạnh phúc, chúng ta luôn luôn bị hao tổn phước đã gây tạo trong quá khứ, đó là quy luật tất nhiên của nhân quả. Nhưng có những niềm vui không làm hao tổn phước như cảm giác hạnh phúc khi làm được việc từ thiện. Hoặc thậm chí có niềm vui còn làm tăng thêm công đức như ta vui mừng khi thấy người khác thành công hạnh phúc, theo đúng hỷ tâm trong Tứ vô lượng tâm.

Còn lại, hầu hết sự thụ hưởng niềm vui đều làm tiêu hao phước trong quá khứ. Hơn nữa, có một khoái cảm, mà khi hưởng thụ nó, làm chúng ta thiệt hại không lường được, đó là sự sung sướng khi cho rằng mình vượt hơn người khác. Khoái cảm đó, ý nghĩ đó gọi là tâm kiêu mạn.

Ví dụ như trong học tập, đôi khi chúng ta vượt trội hơn các bạn cùng lớp; trong kinh doanh, đôi khi chúng ta thành công hơn đồng nghiệp; trong nghệ thuật, đôi khi chúng ta được ái mộ hơn nghệ sĩ khác; trong diễn giảng, đôi khi chúng ta thu hút hơn các đồng đạo khác, v.v... đều là những chuyện bình thường trên thế gian này, vì cuộc đời vốn đầy sự chênh lệch hơn kém như thế. Nhưng đến khi nào chúng ta xuất hiện một tình cảm của sự khoái trá thích thú vì được hơn người khác, đó là lúc tai họa bắt đầu. Tâm kiêu mạn đó trước hết sẽ phá vỡ những đức tính tốt đẹp có sẵn trong lòng mình. Ví dụ trước đây ta là người trầm tĩnh, nhưng sau một thời gian kiêu mạn, sự trầm tĩnh đó sẽ biến mất, thay vào đó là sự hấp tấp, vụt chạc, dễ nổi nóng. Ví dụ trước đây ta là người hiền lành, nhưng sau một thời gian kiêu mạn, ta sẽ trở thành người ác độc. Ví dụ như trước đây ta sống đời thanh bai trong sạch, nhưng sau một thời gian kiêu mạn, sẽ trở thành người ô nhiễm, v.v...

Sau khi những đức tính tốt đẹp trong tâm biến mất, điều chắc chắn là chúng ta sẽ bắt đầu làm nhiều

điều sai lầm để tổn phước trầm trọng. Ví dụ chúng ta sẽ bắt đầu có thái độ hồng hách khinh dễ người khác, hoặc nộ nạt mắng chửi, hoặc mưu mô thủ đoạn, hoặc sa đọa đòi trụ...

Tiếp theo việc hết phước là tài năng biến mất dần dần. Theo luật nhân quả, phước đức sinh ra tài năng. Phước hết, tài năng sẽ mất theo. Một bài viết đăng trên báo Giác Ngộ với tựa đề Sống thiền kể về một ni sư được ngộ đạo trong một tu viện ở Hàn Quốc. “Sau khi ngộ đạo, Ni sư liền bỏ dở trách nhiệm trông coi nấu bếp để ra đi dù đã được sự khuyến khích của các vị tôn túc là nên tiếp tục công quả cho hết thời hạn ấn định. Một vị Bồ Tát cũng hiện ra trong giấc mơ cảnh báo rằng nếu Ni sư không công quả cho trọn vẹn công đức thì sau này không thể thuyết pháp được. Nhưng Ni sư đã bỏ qua tất cả lời khuyên đó để ra đi. Và như dự đoán, Ni sư đã không thể thuyết pháp trong suốt cuộc đời mình dù rất có uy tín về đạo hạnh”.

Một câu chuyện khác kể rằng “Có một thầy Tỳ Kheo trẻ học kém so với đại chúng. Vì biết mình học dở nên thầy rất siêng năng công quả. Những việc khó

khăn nặng nhọc trong chùa đều được thầy xông pha gánh vác như đắp đường, bơm nước, kể cả may quần áo cho huynh đệ. Sau này thầy có dự một khóa học diễn giảng rồi về trụ trì một ngôi chùa ở miền Tây, và bắt đầu đi thuyết giảng đây đó, rất được cảm tình của Phật tử. Nhiều huynh đệ ngạc nhiên vì kết quả bất ngờ này; trước đó ai cũng nghĩ thầy không thể nào ngồi trên bục giảng”.

Những câu chuyện như thế chứng tỏ một quy luật của nhân quả, phước đã tạo ra tài. Chúng ta cứ siêng năng làm các việc công đức rồi các công hạnh khác sẽ mở ra từ từ. Ngược lại, khi kiêu mạn xuất hiện thì những đức tính tốt khác bị đánh vỡ; khi những đức tính tốt bị đánh vỡ thì những nghiệp bất thiện sẽ được gây tạo; khi những nghiệp bất thiện được gây tạo thì phước hết; khi phước hết thì tài năng cũng biến mất. Đó là tiến trình tất nhiên của tâm kiêu mạn.

Thế là từ những thành công tốt đẹp, từ những khả năng đáng quý, từ những ưu điểm nổi bật, chúng ta sẽ khởi lên tâm kiêu mạn. Và rồi tâm kiêu mạn đó sẽ đưa chúng ta trở lại tầm thường như buổi đầu

chưa có gì cả. Ngay khi thành công, mằm mông của thất bại đã có mặt; ngay khi tài giỏi, mằm mông của kém dở đã khởi động; ngay khi được ưu điểm, mằm mông của khuyết điểm cũng sinh ra. Đó là nghịch lý đau đớn, khiến chúng sinh khó lòng bứt phá để vượt lên thành một vị Thánh siêu thoát. Tất cả chỉ vì tâm kiêu mạn.

Hiểu được điều này, chúng ta phải tu tập, phải chuẩn bị trước tâm khiêm hạ rất kỹ lưỡng để đón chờ những thành công đến với cuộc đời mình. Vì do phước đời trước, biết đâu chúng ta sẽ có những thành công đáng kể nào đó trong đời. Bây giờ thì chưa có gì, nhưng một ngày nào đó điều diệu kỳ sẽ tới. Nếu chúng ta không đủ lòng khiêm hạ thì những thành công tương lai sẽ là con đường dẫn đến địa ngục!

Những triều đại vua chúa nối tiếp trong lịch sử cũng không ngoài quy luật nghiệt ngã này. Thông thường các vị vua đầu tiên là những người đi lên từ gian khó, biết sống khiêm tốn vì xuất thân từ quá khứ tầm thường của mình. Chính lối sống khiêm cung giữ mình nghiêm cẩn đó làm cho công đức còn

thành tựu. Nhưng đến những đời con cháu về sau vừa mở mắt chào đời là đã được quý lạ, hầu hạ và lớn lên trong sự tôn xưng của mọi người. Do sống trong môi trường “độc hại” của sự cung kính đó từ bé nên các Công chúa, Hoàng tử dường như khó biết được cảm giác tầm thường kém cỏi là gì, lúc nào cũng tự cho mình là người trên kẻ trước. Họ bị buộc phải kiêu mạn. Vì kiêu mạn nên những đức tính tốt đẹp của cha ông ban đầu không còn tồn tại nữa. Triều đại đi dần đến chỗ suy tàn vì những đời vua sau quá tệ hại.

Ví dụ như vua Lý Thái Tổ khai sinh triều đại nhà Lý là người văn võ song toàn, tài đức kiêm tu. Vua thông thạo binh thư đồ trận, võ học, toán số, tướng số, y lý, văn chương. Vua có thể phi thân qua mái nhà bình thường. Sư Vạn Hạnh là một kỳ nhân phi thường, đã dạy cho vua đầy đủ những khả năng của một lãnh tụ xuất chúng. Vì thế vua mới được trọng dụng vào kinh đô chỉ huy toàn bộ quân giám vệ canh giữ kinh thành trước khi được triều thần đưa lên ngôi. Tài đức của vua đã làm tắt cả triều đình thán phục, nên khi vua Lê Ngọa Triều mất, triều

thần buộc phải nghĩ tới con người uy đức đường bệ, tài năng xuất chúng, đạo đức cao cả này.

Muôn hiểu được những nhân vật phi thường trong lịch sử, các nhà sử học phải cực kỳ thông minh, hoặc phải có nhiều khả năng gần giống như vậy.

Tiếc thay, các nhà sử học khi tái hiện hình ảnh của các vĩ nhân thường không hiểu đầy đủ như thế, vì họ không hề biết các môn học mà người xưa đã am tường, họ chỉ sở trường về văn chương viết lách mà thôi.

Những đời vua kế theo cũng còn giữ được cái đức của Lý Thái Tổ trong tài năng và tu tập Phật Pháp nên được toàn dân tin yêu. Đến đời Lý Cao Tông, Lý Huệ Tông do hết phước nên bị Trần Thủ Độ cướp ngôi. Nhưng một số vương tử chạy thoát qua Cao Ly cũng gây nên những công nghiệp hiển hách, đã từng giúp Cao Ly đánh bại quân Mông Cổ. Lúc đó người Việt chúng ta đã thắng quân Mông Cổ tại hai nơi, một tại quê hương mình, một tại Cao Ly; có người còn làm đến tể tướng Cao Ly.

Triều đại nhà Trần cũng vậy, những vị vua đầu tiên cực kỳ giỏi và mộ Phật Pháp không kém các vua

nhà Lý. Vua Thái Tông quả thật là một thiên sư cư sĩ, đã để lại những tác phẩm thiền học, Phật học giá trị. Vua Thánh Tông, Nhân Tông sống như Thánh. Riêng vua Nhân Tông đã xuất gia để trở thành sơ tổ của thiền phái Trúc lâm Yên Tử. Nhưng những đời vua sau thì kém dần, cuối cùng bị Hồ Quý Ly cướp ngôi, như cách Trần Thủ Độ đã đối xử với nhà Lý. Riêng triều đại nhà Trần đã xuất hiện một Trần Quốc Tuấn vô cùng kiệt liệt. Ông đã lãnh đạo quân đội một cách xuất sắc để đánh bại quân đội Mông Cổ ba lần, giữ gìn vẹn toàn bờ cõi. Cũng như các Hoàng thân khác của nhà Trần, Quốc Tuấn cũng tinh thông võ nghệ, binh thư, đồ trận, và cũng hâm mộ Phật Pháp. Các vương tử nhà Trần và nhà Lý đều giống nhau ở chỗ rất sợ trường về “nội lực”, một công phu đặc biệt của võ học nhằm tạo nên sức mạnh lạ thường, rất giống với Thiền và Yoga. Chính công phu nội lực này đã tạo thành tinh thần bất khuất của tướng sĩ bấy giờ, bên cạnh phong cách hiền lành của đạo Phật. Lớn tuổi, việc nước đã yên, ông bèn đi chuyên sâu về thiền định. Đạo Phật cũng không ra ngoài quy luật đó. Vào

những giai đoạn Phật Pháp hưng thịnh, từ vua tới quan đều mộ đạo và tôn trọng Tăng Ni. Các chùa thường xuyên được lễ bái cúng dường. Tu sĩ là lớp người được nhiều ưu đãi. Sống trong một không khí mà đi đến đâu cũng được mọi người cung kính, lễ bái, tôn sùng thì chỉ có Thánh mới giữ được tâm bất động, còn lại đa phần đều phải thích thú tự hào, và đi dần đến kiêu mạn. Nhưng dù sao nếu từ lúc bắt đầu vào chùa mà người tu được rèn luyện kỹ càng về tâm khiêm hạ thì cũng không đến nỗi bị sự cung kính của mọi người làm cho kiêu mạn quá đáng. Nhưng tiếc rằng một thời gian dài, các chùa không biết chuẩn bị cho người mới tu tâm khiêm hạ, nên trong hoàn cảnh thuận tiện được nhiều ưu đãi, người tu bị tâm kiêu mạn đánh gục.

Các vị chân sư đầu tiên thường là người có đạo hạnh cao cả, mở mang Phật Pháp khiến cho từ quan tới dân đều ngưỡng mộ kính trọng. Những tu sĩ về sau không có gì đặc sắc nhiều nhưng vẫn được hưởng lây sự ưu đãi đó, nên dễ dàng sinh tâm tự tôn kiêu mạn.

Khi đã kiêu mạn rồi thì, như đã biết, các đức tính

của người tu đó mất dần, các nghiệp bất thiện đang được gây tạo và Phật Pháp cũng vì thế mà suy vi. Lúc đó ta sẽ thấy các tu sĩ thường là người tham lam, ích kỷ, giành giật, nói xấu lẫn nhau, vu khống qua lại, tính toán hơn thua, phạm hạnh khuyết lỗi. Những năng lực tâm linh của người tu cạn kiệt dần. Mọi người nhìn vào càng lúc càng cười chê, gièm pha, hủy báng chung cả Phật Pháp. Đó là giai đoạn Phật Pháp thật sự đi vào giai đoạn suy vong nguy hiểm.

Lúc đó có thể có một vị Bồ tát nào đó ở trên cõi Trời thấy như vậy, động tâm phát nguyện sinh xuống cõi người để chấn hưng lại, và Phật Pháp sẽ được tạm thời hưng thịnh lần nữa. Chúng ta may mắn là còn có những vị Bồ tát luôn theo dõi tình trạng Phật Pháp để ra tay cứu giúp.

Tình trạng Phật Pháp hiện nay chưa hẳn là suy, cũng chưa hẳn là hưng. Chưa suy vì ta còn thấy nhiều người theo Phật, còn thấy chùa chiền tiếp tục phát triển, giáo pháp còn được tuyên giảng đầy đó. Nhưng cũng chưa hưng vì tu sĩ vẫn chưa chiếm được niềm tin yêu mạnh mẽ của quần chúng.

Đạo Phật ngày nay chưa được diễm phúc như ngày xưa là được vua chúa tôn thờ, quan lại ngưỡng mộ. Các tu sĩ có người tốt và cũng có người xấu, mà lẽ ra tỉ lệ người chân tu phải chiếm đại đa số mới đúng. Đây là tình trạng lơ lửng.

Trách nhiệm của Tăng Ni Phật tử hiện nay là phải làm thế nào cho Phật Pháp hưng thịnh trở lại rõ rệt, phải chấm dứt tình trạng lơ lửng nửa vời này. Trách nhiệm này rất khó khăn nặng nề, nhưng còn có thể làm được chứ chưa phải là lúc Phật Pháp suy đồi hẳn. Khi Phật Pháp đã suy đồi thì chỉ có Bồ tát mới xuất hiện vực dậy nổi, chứ chúng ta không đủ sức. Nhưng muốn phát huy Phật Pháp, chúng ta phải bắt đầu từ nơi chính mình, chứ không phải bắt đầu xây chùa trước. Chúng ta không nên sốt ruột đi vận động nơi này nơi kia vội mà nên âm thầm tu dưỡng đạo đức nơi chính mình trước. Nhiều ngày tháng tu dưỡng đạo đức và tâm linh sẽ khiến ta có năng lực kỳ lạ để thuyết phục mọi người tu hành chân chính trở lại. Khi đó mỗi lời ta nói ra nặng như núi, mạnh như bão tố, cuốn hút như xoáy nước sâu khiến nhiều người phải thức tỉnh.

Càng lúc càng có nhiều người thức tỉnh tu hành chân chính thì đạo Phật bắt đầu hưng thịnh dần dần trở lại. Đó là con đường đúng đắn nhất.

Người nào đã từng vất vả đấu tranh với lầm lỗi của mình, thanh lọc nội tâm mình, biết tôn trọng mọi người, giữ gìn tâm khiêm hạ, tự xem mình như cát bụi cỏ rác, trải lòng thương yêu muôn loài, âm thầm thiền định nhiếp tâm... sẽ tạo thành cái gọi là đạo lực. Từ đạo lực này, những người nghe ta nói đều bị lay động dữ dội, không thể ngồi yên mà phải bước tới. Thiếu đạo lực, người nghe sẽ nhầm chán dần, vì mơ hồ biết rằng người nói chỉ lập lại suông những gì đã học chứ không thực hành trước.

Người có kinh nghiệm thực hành sẽ hiểu biết đường đi nước bước cặn kẽ hơn, và đương nhiên sẽ trình bày vấn đề kỹ lưỡng chi tiết hơn, do đó người nghe dễ hiểu hơn. Người không thực hành nói quanh co không dính dáng vào thực tế để có thể giúp người nghe biết cách thực hành theo.

Ví dụ khi ta nói về lòng từ bi, nếu đã có thực hành trước, tự nhiên người nghe cảm một sức mạnh thương yêu truyền sang và buộc họ phải thương yêu

tiếp tục truyền sang người khác nữa. Nếu người nói không thực hành, người nghe không thấy cảm động và không cần phải thương yêu ai nữa.

Ngay cả người tu sĩ cũng vậy, nếu nghe giảng từ những tâm hồn rộng thì cũng không muốn thực hành. Vì vậy, muốn cho Phật Pháp hưng thịnh, mỗi người chúng ta phải tu hành siêng năng kỹ lưỡng hơn rất nhiều. Mà việc tu hành phải bắt đầu bằng cách xét lỗi của mình trước. Trong các lỗi về đạo đức, kiêu mạn là cánh cửa đầu tiên mở đường vào cõi quỷ.

Những yếu tố khiến ta kiêu mạn

Một, hơn người khác về tài năng. Đây là nguyên nhân chính đưa đến kiêu mạn rõ rệt nhất. Thông thường thì người có tài vượt hơn người khác dễ được kính trọng nhất, vì vậy người ta hay tranh hơn nhau về tài năng để chiếm được sự ngưỡng mộ thán phục của mọi người. Người có tài rồi thì bị sự khoái trá của cảm giác hơn người chiếm lấy tâm hồn. Đó chính là kiêu mạn vì tài năng. Ví dụ cùng là ca sĩ, người này dễ bị cảm giác là mình ca hay nhất; trong

họa sĩ cũng bị cảm giác tranh mình đẹp nhất. Ngay cả giảng sư Phật học cũng vẫn có ý nghĩ là mình giảng hay nhất.

Vì vậy người có tài phải biết diệt trừ kiêu mạn, biết tôn trọng mọi người, lúc nào cũng mong sao cho mọi người giỏi hơn mình.

Hai, hơn người về địa vị, hoặc bằng cấp. Người có chức quyền lớn hơn thì đương nhiên phải được nhiều người vâng lời hơn, kính trọng hơn. Chính vì thường xuyên được nhiều người kính trọng vâng lời nên kẻ có địa vị lớn dễ bị kiêu mạn vì chức vụ của mình. Ví dụ một người là chủ tịch sẽ bị ý niệm chủ tịch đeo đẳng tâm hồn mình mỗi khi tiếp xúc với người, không quên được. Đúng ra chỉ nên nhớ tới trách nhiệm chủ tịch mà mình phải gánh vác hơn là nhớ đến địa vị chủ tịch đó. Có nhiều người lãnh đạo quốc gia mà thái độ rất khiêm hạ vì họ biết quên địa vị khi tiếp xúc với mọi người.

Ba, hơn người về tuổi tác. Hầu hết mọi người đều bị kiêu mạn về tuổi tác, trừ những người chết non.

Theo tập quán Á Đông, người nhỏ tuổi phải biết kính trọng người lớn tuổi. Đây là nét văn hóa đẹp

của Á Đông. Riêng Việt Nam, để bày tỏ lòng kính trọng, chúng ta còn có rất nhiều đại từ để phân biệt người trên người dưới rõ ràng. Và như thế, khi còn nhỏ, số người lớn tuổi như ông bà cô chú bác anh chị để chúng ta kính trọng đầy khắp chung quanh. Do đó, vô tình chúng ta thành tựu tâm khiêm hạ, mà khi có tâm khiêm hạ, chúng ta sẽ thành tựu nhiều công đức lành về sau. Đến khi lớn dần lên, người lớn để ta kính trọng chết dần, người nhỏ hơn như con cháu em út phải kính trọng ta sinh ra nhiều thêm. Ta bước dần vào một môi trường được kính trọng, ngược hẳn với lúc nhỏ. Đây chính là lúc nguy hiểm vì khi “bị” kính trọng nhiều như thế, chúng ta sẽ rơi vào cảm giác khoái chí của kiêu mạn lúc nào không hay. Ta bị đẩy vào kiêu mạn mà mình không hề muốn. Và như đã nói, kiêu mạn làm hư hỏng tâm hồn nhanh chóng.

Ngạn ngữ Việt Nam có câu: Già sinh tật, đất sinh cỏ, là do ông bà ta đúc kết từ kinh nghiệm cuộc sống thực tế. Ông bà ta đã quan sát người lớn tuổi tự nhiên khó tính cáu gắt, hờn giận, bèn gọi là già sinh tật, mà không hiểu tại sao, bèn cho rằng

chuyện già sinh tật cũng tự nhiên như đất sinh cỏ vậy thôi. Thật ra sinh tật là dấu hiệu tâm hồn bị hỏng, bởi kiêu mạn. Khi chưa bị kiêu mạn bởi tuổi tác, chúng ta dễ là người độ lượng, tha thứ, từ tốn dễ thương. Khi có kiêu mạn vì tuổi tác rồi, những đức tính dễ thương lúc trẻ mất dần, chúng ta bắt đầu xuất hiện thái độ hay cự nự, bỏ cơm không ăn, trách móc hờn dỗi làm con cháu khổ sở. Để tránh bệnh sinh tật lúc già đó, chúng ta phải chuẩn bị tu tập tâm khiêm hạ ngay từ bây giờ, nếu không về già làm khổ con cháu.

Ngay cả người tu sĩ cũng vậy, tuổi đạo càng lớn càng dễ bị kiêu mạn vì hạ tạp. Lễ nghi cung kính trong đạo Phật còn kỹ lưỡng hơn ngoài đời rất nhiều nên người mới tu buộc phải có thái độ rất mực tôn trọng người tu lâu. Và quy luật tâm lý khắc nghiệt đó cũng không buông tha ai cả. Người tu lâu cũng sẽ bị kiêu mạn, thậm chí còn nặng hơn người đời, vì tuổi tác trong đạo, nếu người này không tu tập sâu sắc tâm khiêm hạ.

Thật ra phải tu chứng đến Alahán mới bứng hết gốc rễ của kiêu mạn, theo như Phật nói. Tu đến quả vị

Anahàm thứ ba mà mạn trong năm hạ phần kiết sử cũng còn. Phải chứng hẳn Alahán mới hết hẳn cái kiết sử mạn đó. Do đó bây giờ tuy chưa chứng Alahán, nghĩa là chưa hoàn toàn hết kiêu mạn, nhưng chúng ta khéo tu tập tâm khiêm hạ cũng có thể kèm giữ tâm ý mình để không tạo nghiệp khoe khoang hay khinh thường người khác.

Bôn, khi được người tôn trọng vâng lời. Có nhiều nguyên nhân để được người khác tôn trọng vâng lời, nhưng một khi đã được tôn trọng vâng lời rồi thì tâm kiêu mạn rất dễ xuất hiện. Tâm lý con người ai cũng muốn được tôn trọng, được vâng lời. Ta chỉ thích đến nơi đâu mà ta được tôn trọng, và sẽ tránh xa nơi mình bị coi thường. Người nào cũng cần được yêu thương và tôn trọng. Biết như thế, ta phải quyết tâm tu dưỡng đạo đức để có thể yêu thương và tôn trọng mọi người tràn đầy. Chúng ta tu tập từ bi để yêu thương, chúng ta tu tập khiêm hạ để tôn trọng. Có thể chúng ta không có tiền bạc vật chất để biếu tặng mọi người, đôi khi chúng ta cũng chưa đủ Phật Pháp để san sẻ với người, nhưng chúng ta có thể có rất nhiều tình thương yêu và sự tôn trọng để dâng

tặng cho cuộc đời, cho con người. Lòng thương yêu và sự tôn trọng đó cũng khiến cho nhau được an vui ấm áp.

Phật tử đến chùa không thể tiếp xúc trực tiếp với Đức Phật. Họ chỉ nương tựa vào Tăng Ni để tìm đạo lý, tìm chỗ dựa tinh thần. Nhưng để làm chỗ dựa tinh thần cho Phật tử, Tăng Ni phải có lòng thương yêu rất lớn. Người ta chỉ nương tựa vào nơi có bóng dáng của thương yêu mà thôi. Vì vậy người xuất gia không được giữ lâu lòng hận thù, ganh ghét, ích kỷ. phải nhanh chóng phá vỡ cảm giác đó.

Ngoài ra, chúng ta còn phải tôn trọng Phật tử nữa. Trên nguyên tắc, người cư sĩ phải tôn kính người xuất gia, thậm chí ở Việt Nam người Phật tử còn phải xưng con với Tăng Ni bất kể tuổi tác. Nhưng đạo đức khiêm hạ cũng buộc người xuất gia cũng phải biết tôn trọng người Phật tử trở lại. Chúng ta không được nghĩ rằng bốn phận người cư sĩ phải tôn trọng chúng ta, còn chúng ta thì không bị bắt buộc như thế. Thật ra cả hai đều phải tôn trọng lẫn nhau, chỉ là cách thức mỗi bên mỗi khác. Cư sĩ tôn trọng Tăng Ni theo đúng bốn phận người em, người học

trò. Tăng Ni tôn trọng Phật tử theo đúng bốn phạm của người đệ tử Phật với nhau, của con người và con người với nhau; và còn phải yêu thương người Phật tử như người đi trước với người đi sau nữa. Hãy nhớ rằng hễ là con người, ai cũng cần được, và đáng được thương yêu tôn trọng. Chúng ta không được quên điều này.

Chúng ta không nên đòi hỏi sự tôn trọng cho chính mình, vì đó là tham vọng và kiêu mạn, nhưng chúng ta lại có bốn phạm tôn trọng người. Đây là nguyên tắc của đạo đức.

Chúng ta càng phải khéo léo quý hóa những Phật tử nghèo, bệnh hoạn, tật nguyền vì họ rất dễ tủi thân. Người tu phải đủ đạo lực để nhìn thấy họ đang ngồi lặng lẽ ở một góc nào đó trong sân chùa. Tại sao phải gọi là đủ đạo lực mới nhìn thấy? Bởi vì trước mắt chúng ta đang bị che bởi những người giàu có sang trọng hơn. Nếu không có lòng thương yêu chúng sinh, chúng ta sẽ không thấy được những người nghèo đang có mặt ở chùa.

Tâm kiêu mạn còn sinh ra một khát vọng ghê gớm hơn, chính là tham vọng quyền lực. Đây cũng là một

bản năng rất sâu kín và rất nguy hiểm của con người. Sở dĩ người ta muốn có quyền lực vì quyền lực cho người ta được quyền quyết định số phận của người khác, được người khác phải vâng phục, sợ hãi, cung kính.

Để tranh giành quyền lực, con người đã tước máu khắp cả hành tinh này. Ở mức độ tranh giành quyền lực nhỏ, người ta chỉ công kích nói xấu nhau. Nhưng ở mức độ tranh giành quyền lực lớn như tâm cỡ quốc gia, sự tình không hề đơn giản, người ta sẵn sàng giết nhau không thương tiếc.

Nếu muốn người khác phải nghe lời, chúng ta cũng đang ngầm ngầm có tham vọng quyền lực rồi đó. Người tu đúng thích nghe lời người khác để diệt bản ngã, nhất là được vâng lời những kẻ trí tuệ đạo hạnh thanh cao. Người không biết tu thì thích được người khác vâng lời mình. Đó là dấu hiệu của kiêu mạn, tham vọng, ngã chấp, và dĩ nhiên là tội lỗi.

Kiêu mạn tàn phá công đức, nhân cách

Ở mức độ thấp, kiêu mạn phá dần những đức tính tốt làm cho ta trở nên xấu đi. Ngay cả ý niệm tự cho

mình hơn người khác cũng là xấu rồi.

Còn ở mức độ lớn, kiêu mạn lộ ra bên ngoài khiến ta làm nhiều chuyện ác độc, có thể bị đọa địa ngục về sau.

Kiêu mạn luôn dẫn đến ô nhiễm, đó là nguyên lý tuyệt đối đúng. Ô nhiễm được biểu hiện ra năm điều:

Nóng nảy – Tham ái – Tham dục – Tham vật chất – Chuộng hình thức.

Thứ nhất là nóng nảy. Khi có ngã mạn, chúng ta thường nổi nóng dễ dàng khi có chuyện trái ý nghịch lòng.

Không phải người tu lúc nào cũng xuề xòa buông xuôi thụ động, mà đôi khi phải có thái độ rõ rệt trước việc làm sai trái của người khác. Nhưng khi la rầy, người nổi nóng và người không nổi nóng khác nhau rất xa. Người trầm tĩnh có thể nghiêm mặt để buộc kẻ có lỗi phải biết sợ, nhưng trong lòng không bị “bốc hỏa”. Còn người nổi nóng thì tâm bị “vỡ”, có cảm giác bốc hỏa thật sự trong lòng. Thái độ người này sẽ có vẻ dữ, hung hăng, đôi khi lóc chóc, có thể làm người ta sợ nhưng không phục.

Tâm khiêm hạ làm chúng ta bình tĩnh, và có uy, có thể im lặng nhìn mà vẫn làm kẻ có lỗi phải sợ. Tâm kiêu mạn làm chúng ta nổi nóng, kém uy đức, khiến người khác không phục tùng.

Thứ hai là tham ái. Thứ ba là tham dục. Tham ái và tham dục khác nhau một chút.

Tham ái là tình cảm thương yêu giữa nam và nữ.

Tham dục là sự ham thích về nhục dục. Thông thường thì tham ái đưa đến tham dục, ví như nam nữ yêu nhau rồi tiến đến hôn nhân. Nhưng cũng có khi không cần tình cảm vẫn có tham dục, ví như những trường hợp mua bán dâm mà báo chí vẫn đăng tải.

Khi kiêu mạn tràn đầy thì tham dục và tham ái sẽ từ từ hiện diện, dù trước đó chúng ta giữ được trong sạch. Có những người tu luyện theo một tông phái đặc biệt có thể phát triển loại thần thông chữa bệnh, tiên tri, thay đổi hoàn cảnh. Nhưng vì không khéo giữ tâm khiêm hạ nên người này dần dần bị kiêu mạn chi phối. Và theo quy luật khắc nghiệt của tâm lý, kiêu mạn xuất hiện thì tham ái và tham dục sẽ nổi theo.

Thứ tư là tham vật chất. Trước kia chưa kiêu mạn, chúng ta có thể sống thanh bai giản dị, không cần vật chất nhiều, dễ dàng bỏ thí, sống bình an trong hiện tại, không bận tâm đến sự thiếu đủ của ngày mai, không tích tích lũy. Nhưng nếu có kiêu mạn hiện diện trong tâm, mọi chuyện sẽ từ từ thay đổi. Chúng ta sẽ cảm thấy tiền bạc là quan trọng, thích giàu có, tích lũy, tham lam. Đó chính là dấu hiệu của ô nhiễm.

Thứ năm là chuộng hình thức. Khi còn khiêm hạ, chúng ta chỉ chú trọng nhiều vào nội dung thực chất, vào tâm hồn trí tuệ. Hình thức dĩ nhiên cũng cần phải có nhưng không được quan tâm nhiều. Ví dụ đối với ngôi chùa, ta sẽ quan tâm nhiều về việc tu học của đại chúng hơn là tô điểm cảnh quan; ví dụ đối với việc làm từ thiện, ta sẽ quan tâm đến người cần giúp hơn là phô bày.

Khi nào chúng ta còn giữ được tâm khiêm hạ thì năm ô nhiễm này tạm thời tránh xa mình, chỉ tránh xa chứ không phải mất hẳn. Rồi đến khi nào tâm ta xuất hiện kiêu mạn thì năm ô nhiễm này sẽ ập đến ngay. Vì vậy người tu phải khéo léo giữ gìn tâm

khiêm hạ suốt đời để đừng bị ô nhiễm xâm chiếm. Chúng ta phải cảnh giác thường xuyên đối với tâm kiêu mạn, phải làm sao nhanh chóng nhận ra ý niệm kiêu mạn ngay khi nó vừa mới manh mún. Cái khả năng nhanh chóng nhận ra ý niệm kiêu mạn chính là trí tuệ. Trí tuệ trong đạo Phật chính là khả năng kiểm soát tâm niệm sai lầm của mình; còn những hiểu biết kiến thức chỉ là nền tảng ban đầu mà thôi.

Như chúng ta đã nói, đỉnh cao trí tuệ trong đạo Phật chính là vô ngã. Chúng ta phải luôn luôn nhắm đến cái đỉnh này để giữ lộ trình tu tập của mình không bị sai lệch. Có khi chúng ta rẽ phải một chút, có khi chúng ta rẽ trái một chút, nhưng lúc nào chúng ta cũng nhắm đến cái đỉnh Vô ngã đó, và sẽ không sợ lạc đường.

Tuy nhiên vô ngã không đơn giản chút nào. Có người tu tập thiền định đắc được sơ thiền, thấy tâm mình rỗng rang như hồ thẳm không đáy, có cảm giác như mình buông tay không còn nắm giữ điều gì, nên nghĩ mình đã chứng vô ngã. Thật sự lúc đó bản ngã vẫn còn rất lớn. Rồi đến như nhị thiền dập

tắt vọng niệm, tâm như trời đất bao la khiến hành giả không còn nghi ngờ rằng mình đã chứng rất cao. Đâu ngờ rằng bản ngã vẫn mỉm cười ngạo nghễ.

Chúng ta phải hiểu rằng vô ngã tức là trở thành toàn thể vũ trụ. Ý nghĩa này rất lớn. Vì vậy đừng bao giờ xem thường sự tồn tại nguy hiểm của bản ngã, cũng như đừng bao giờ xem thường giá trị siêu việt của vô ngã.

Thật ra chúng ta vẫn nghe giảng dạy về ý nghĩa vô ngã và đôi khi ngồi thiền có quán vô ngã bằng cách quán thân này hư ảo không phải là ta, những tư tưởng tiếp nối thay đổi này là hư ảo không phải là ta. Chúng ta hy vọng quán vô ngã như vậy sẽ đi đúng đường về vô ngã. Nhưng thật ra tu vô ngã như vậy là thiếu căn bản. Vì sao? Vì chưa khéo léo đi xuyên qua việc tu tập tâm khiêm hạ.

Quán vô ngã như trên cũng tốt, cũng làm thân tâm nhẹ nhàng, vẫn nhiếp tâm được. Nhưng điều rất lạ là kiêu mạn vẫn tiềm tàng tồn tại. Đây quả là điều rất lạ. Chính vì vậy mà chúng ta nói, nếu không tu tập khiêm hạ thì quán vô ngã như trên vẫn chưa kỹ.

Kiêu mạn chỉ là một ý niệm không có thực thể, nhưng chi phối được tâm hồn nhân cách của con người. Đó chỉ là một ý niệm tự cho mình hơn người. Khi quán thân tâm này không thật, chúng ta không đánh thẳng vào ý niệm tự cho mình hơn người đó. Vì vậy tuy thấy tâm hồn có nhẹ nhàng hơn, nhưng chúng ta vẫn chưa gỡ ra được ý niệm tự kiêu.

Do đó, chúng ta phải khôn ngoan đi qua con đường tu tập khiêm hạ để diệt trừ ý niệm kiêu mạn thâm kín đó trước khi đi sâu vào quán vô ngã. Tu tập khiêm hạ để thấy mình tầm thường nhỏ bé như cát bụi cỏ rác, chưa phải là đỉnh cao trí tuệ, nhưng vô cùng cần thiết.

TU TẬP KHIÊM HẠ

Cầu Phật gia hộ

Trước khi tu tập tâm khiêm hạ, chúng ta phải biết lễ Phật cầu gia hộ, vì tất cả công đức lành đều từ công đức tôn kính Phật mà thành tựu. Tôn kính Phật là công đức căn bản của mọi công đức khác.

Có hai cực đoan cần phải tránh, đó là:

Một, chủ trương mọi điều phải tự mình tạo ra, không nhờ cậy đến ai bên ngoài, kể cả Phật. Người chủ

trường như vậy cực kỳ kiêu mạn, nhất là mỗi khi có chút thành công nào đó, và như vậy sự thành công cũng không lâu dài.

Hai, mọi vấn đề đều cầu xin và chờ đợi Thần Thánh giúp đỡ, không chịu cố gắng làm việc hay tạo phước bởi nỗ lực của chính mình. Người như vậy có vẻ khiêm hạ, nhưng thật ra là nhu nhược, yếu đuối và ích kỷ. Dĩ nhiên nếu không có tạo phước thì cũng chẳng có thành công nào đến với mình.

Trung đạo là vừa biết nỗ lực tự thân, vừa biết cầu Phật gia hộ. Sở dĩ chúng ta phải nỗ lực tự thân vì chúng ta biết có luật nhân quả, có gieo mới có gặt. Nếu chúng ta không cố gắng hành động thì không có chuyện gì xảy ra cả. Và chúng ta phải biết cầu Phật gia hộ vì cái ta không có thật, cho nên lòng từ bi và uy lực của Phật vẫn cảm ứng đến tâm hồn mình. Nếu cái ta có thật thì không ai cảm ứng với ai được vì mỗi người là một khối đá cứng ngắc.

Chúng ta sẽ quỳ dưới Phật đài, chân thành phát nguyện: xin mười phương Phật gia hộ cho con lúc nào cũng thấy mình tầm thường nhỏ bé, chỉ như là cát bụi cỏ rác mà thôi, xin cho con biết tôn trọng

mọi người, dù là người nghèo khổ hèn kém.

Nhờ lời khấn nguyện đó, mỗi khi ý niệm kiêu mạn nổi lên, tự nhiên Phật sẽ gia hộ ta phát hiện ra ý niệm đó nhanh chóng, không để ta rơi vào lầm lỗi.

Khi tọa thiền

Khi bước vào tọa thiền, ta bắt đầu công phu bằng cách khởi tâm tôn kính Phật, quán từ bi, và tác ý khiêm hạ. Khi tác ý khiêm hạ, ta phải tự xem mình như cát bụi, như cỏ rác.

Một cô Phật tử đã từng bị bệnh tâm thần lên viếng chùa, Thầy trụ trì nhận thấy nguyên nhân bệnh của cô là do kiêu mạn, nên khuyên cô hãy tác ý xem mình như cát bụi cỏ rác để đối trị tâm bệnh như thế. Vài hôm sau khi được hỏi lại, cô nói không thể xem mình như cát bụi cỏ rác được vì nghĩ mình là con người đàng hoàng. Thầy trụ trì nói cô bị bản ngã cứng quá nên không thể xem mình như cát bụi cỏ rác được, chứ còn rất nhiều người đều làm được như thế. Cô có vẻ nhận ra và ráng thực hành theo, tự nhiên bệnh tâm thần bớt dần, đến độ có thể đi làm việc lại được.

Chúng ta cũng vậy, khi ngồi thiền phải biết xem

mình như cát bụi cỏ rác, và nhớ nghĩ đến công đức của Phật bao la vời vợi không thể đo lường được. Ngày hôm nay chúng ta có làm được một ít công đức như tụng kinh, bố thí, cúng dường, thuyết pháp, cất chùa, thì so với Phật chỉ như hạt cát. Công đức Phật như biển cả mênh mông mà chúng ta chỉ là giọt nước; công đức Phật như ngọn cao sơn mà chúng ta chỉ như hạt bụi.

Khi Đức Phật xuất hiện ở kiếp cuối cùng thì thế giới chưa có phương tiện kỹ thuật như bây giờ, con người chưa thể giao lưu rộng rãi với nhau qua các vùng đất rộng lớn, nên Phật cũng chỉ giáo hóa tại các vùng Nepal, Đông Bắc Ấn Độ. Số người được Phật hóa độ không thể gọi là quá nhiều. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng trước đó và sau đó là khác. Từ vô lượng kiếp trước, Phật đã gieo duyên giáo hóa chúng sinh vô biên vô lượng với vô số hóa thân.

Vì thế, trong kinh điển Đại thừa, Bồ tát Phổ Hiền nói rằng: Ta dùng đạo nhãn xem khắp tam thiên đại thiên thế giới, không thấy có chỗ nào mà Phật không từng bỏ thân mạng vì chúng sinh. Nghĩa là

sự hy sinh của Phật đối với chúng sinh là không bờ bến. Phải có công hạnh vị tha gần như tuyệt đối như vậy, một người mới có thể chứng thành Phật quả. Và chỉ có Bồ tát mới hiểu được điều đó vì các ngài cũng đang thực hành công hạnh Bồ tát nên mới hiểu Phật được như vậy.

Vô số chúng sinh nhờ ơn Phật giáo hóa vẫn an trú cõi Trời. Khi Phật chứng đạo, số Chư Thiên tử đến học đạo với Phật cũng rất đông.

Và sau khi Phật diệt độ, ảnh hưởng của Phật để lại cho nhân loại là vô giá. Ngày nay khi trình độ nhận thức con người tăng cao, những nhà trí thức trên thế giới đều phải công nhận rằng đạo Phật là cao quý nhất trong tất cả tôn giáo của nhân loại.

Chúng ta với tâm trí cạn cợt của phàm phu nên không thể hiểu Phật như các vị Bồ tát. Chính vì hiểu Phật nên Bồ tát Phổ Hiền đã giới thiệu mười hạnh cao quý của chư vị Bồ tát, trong đó, công hạnh ban đầu là nhất giả lễ kính Chư Phật. Ngày nay chúng ta có tu theo bất cứ công hạnh nào cũng phải lấy hạnh tôn kính Phật làm căn bản. Nếu một pháp môn nào, một tôn sư nào giới thiệu các phương

pháp tu khác nhau, nếu thiếu giới thiệu về hạnh tôn kính Phật thì con đường đó vẫn thiếu căn bản. Ví dụ lục độ gồm Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, vẫn thiếu Lễ kính Phật. Hoặc chủ trương cho tâm mình là Phật rồi không thiết tha lễ kính Phật, vẫn là mất căn bản.

Khi ngồi thiền, chúng ta vì hiểu được công đức vô lượng của Phật nên biết mình chỉ là cát bụi cỏ rác. Nếu không hiểu như vậy, chúng ta cứ tưởng mình tài giỏi, cao thâm, quan trọng, hơn hẳn nhiều người; thật là đáng thương! Đôi khi trong đời, chúng ta cũng làm được một số điều hay nào đó, nhưng hãy tỉnh táo nhớ rằng những điều đó chưa đáng là gì so với Chư Thánh. Phải hiểu như vậy, ta mới chân thành xem mình chỉ là cát bụi cỏ rác. Nếu không, dù có khởi nghĩ mình là cát bụi cũng không thành tâm, cũng rất gượng gạo.

Càng có trí tuệ hiểu được Phật thêm chừng nào, tự nhiên tâm ta thêm khiêm hạ chừng nấy, đó là lý do tại sao người có trí thường là người khiêm hạ; ngược lại, người kém trí dễ là người kiêu mạn. Khi đủ tâm khiêm hạ, chúng ta chỉ xin được làm hạt bụi nơi

bước chân Phật giẫm qua mà thôi.

Khi có dịp đạt được những kiến thức đặc biệt

Đôi khi chúng ta may mắn được truyền thụ một số kiến thức đặc biệt nào đó, hoặc do tự mình tìm ra những kiến thức đó, phải nhanh chóng tỉnh táo thấy rằng những hiểu biết đó so với Chư Thánh chẳng đáng là gì cả, vẫn còn cạn cợt, và chưa phải tuệ giác của sự chứng ngộ.

Ví dụ như khi ta học về Tứ Niệm xứ để quán sát thấy Thân là bất tịnh, Thọ là khổ, Tâm là vô thường, Pháp là vô ngã. Chúng ta thực hành và thấy được an lạc. Hoặc theo lý Không của Bát Nhã để quán sát tất cả là không, và cũng cảm thấy tâm có an lạc. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng tất cả điều đó đều là học hỏi của Phật, lập đi lập lại trong tâm mình để bớt vọng tưởng phiền não, chứ chưa hề là sự chứng ngộ sâu xa vi diệu nào cả. Dù có được một ít an lạc vẫn là còn rất cạn so với Chư Thánh.

Chúng ta nhớ câu chuyện về Bồ đại Hòa thượng là một ông già vui tính, mập mạp, lúc nào cũng vác theo một túi vải bụi trên vai. Ngài thường hay chơi

đùa với trẻ, và đôi khi cũng bày tỏ thần thông siêu phàm. Không ai biết được ngài là ai, đến từ đâu, mặc dù cũng tán phục ngài về nhân cách và trí tuệ. Mãi đến khi mất, ngài ngồi kiết già thị tịch sau khi để lại bài kệ:

Di Lặc chân Di Lặc

Hóa thân thiên bách ức Thời thời thị thời nhân Thời nhân thường bất thức.

Nghĩa là:

Di Lặc thật sự là Di Lặc

Đã hóa thân vô số khắp nơi

Lúc nào cũng dạy dỗ mọi người Nhưng người đời thường không biết.

Chúng ta hãy nghĩ một người có thể hóa thân ra vô lượng, hoặc hiện thành hình hài cụ thể, hoặc chỉ là tâm linh, để đến với vô số chúng sinh trong các nẻo luân hồi, thật không thể dùng lời để diễn tả sự vĩ đại như thế. Tâm chúng như thể so với chúng ta hiện nay thì đúng là đại dương so với giọt nước. Chúng ta chỉ ngồi thiền được vài giờ, hiểu một số kinh điển, thương được một ít chúng sinh, đôi khi thuyết được ít bài pháp thì đừng vội thấy mình là to tát. So với

Phật, chúng ta chỉ là cát bụi, đó là cách nói chính xác, không hề cường điệu chút nào.

Ví dụ ở trường Phật học, chúng ta học được bộ kinh Kim Cang, kinh Pháp Hoa, thậm chí bộ kinh lớn Hoa Nghiêm thì cũng chưa là gì ghê gớm cả. Đừng để những sở học đó làm xuất hiện tự hào kiêu mạn trong lòng mình.

Khi giỏi hơn người chung quanh

Có trường hợp do phước quá khứ, cộng với nỗ lực của hiện tại, chúng ta được thành tích giỏi hơn những người chung quanh. Ví dụ như chúng ta được xếp hạng cao trong lớp, hoặc được Phật tử quý mến cúng dường nhiều hơn, hoặc được bằng cấp tốt hơn huynh đệ. Những trường hợp như vậy, chúng ta phải khéo tác ý để ngăn chặn tâm kiêu mạn xuất hiện.

Tác ý như sau.

Thứ nhất, phải nghĩ rằng mình giỏi, còn có nhiều người giỏi hơn, mà giỏi cực kỳ chứ không phải giỏi sơ sơ.

Thứ hai, so với Chư Thánh thì ta chỉ là hạt bụi.

Thứ ba, nếu vì một chút giỏi này mà kiêu mạn thì sẽ mất tất cả, sẽ đọa xuống trở lại sự tầm thường.

Thứ tư, mong cho những huynh đệ chung quanh đó sẽ giỏi hơn mình.

Chúng ta đừng tác ý thấy mình dở hơn huynh đệ trong khi thật sự thì mình giỏi hơn, vì đạo Phật là đạo của sự thật. Tuy nhiên trong cái giỏi hơn đó, chúng ta khéo léo tác ý những điều hợp lý như trên để ngăn chặn tâm kiêu mạn của mình.

Khi thấy người dở kém

Có trường hợp ta gặp phải người dở kém quá đáng. Người kém một chút, vụng một chút thì cũng không làm ta bận tâm. Nhưng một người quá sức tệ thì dễ làm ta khinh thường. Dĩ nhiên là khinh người thì quả báo xấu sẽ đến.

Vì vậy khi gặp phải người quá tệ, chúng ta phải biết khởi tâm từ bi thương xót và cầu mong cho họ vượt qua tình trạng tệ hại đó. Nếu được thì ta sẽ giúp đỡ cho họ vượt qua, chứ tuyệt đối đừng khinh thường. Chính tâm từ bi sẽ ngăn chặn tâm khinh người xuất hiện. Ví dụ như ta gặp những người quá thiếu phước, không nhà cửa, sống lây lất bên vỉa hè. Rồi có khi ta phát hiện ra nhân cách của họ cũng rất tệ. Hai điều đó hợp lại khiến ta dễ khinh thường họ lắm.

Nhưng vì ta là đệ tử Phật, ta phải nhanh chóng khởi từ bi thương xót họ, mong cho họ biết đạo lý, làm được những việc lành chút chút để rồi từ từ vượt qua cảnh khổ. Chúng ta cũng ủng hộ chương trình ổn định cư trú cho người không nhà của nhà nước. Tuyệt đối ta không được ỷ mình là người có phước mà khinh thường kẻ cơ nhỡ.

DẤU HIỆU TÂM KHIÊM HẠ XUẤT HIỆN

Lễ độ

Lễ độ là dấu hiệu của khiêm hạ. Khi có hạnh khiêm hạ, tự nhiên ta luôn bày tỏ thái độ tôn trọng người khác qua lời nói và cử chỉ. Sự bày tỏ như thế được gọi là lễ độ, hay lễ phép.

Cũng có trường hợp người bên trong kiêu căng, nhưng vẫn tỏ ra lễ phép vì quen cư xử theo tập tục, văn hóa của xã hội. Nhưng sự lễ phép đó vẫn có vẻ gượng gạo, không chân thành.

Thái độ lễ phép được biểu hiện qua lời nói nhẹ nhàng, ân cần, kính cẩn, có nhiều tiếng dạ thưa đi kèm, tiếng xưng hô đại từ thích hợp. Ngoài cách nói tôn trọng, lễ phép cũng bao gồm cách lắng nghe với vẻ chăm chú quý hóa những lời nói của người. Biết

nghe cũng là biết tôn trọng.

Rồi nhiều cử chỉ được dùng để bày tỏ sự tôn trọng người như cúi chào, đưa và nhận bằng hai tay, khễ cúi đầu khi buộc phải đi qua trước mặt người khác, vị trí đứng ngồi nằm hợp lý trong hoàn cảnh đó, tư thế đi đứng ngồi nằm đàng hoàng.

Ngay cả huynh đệ ở chung một chùa lâu ngày cũng không được xem thường, vẫn phải cư xử lễ phép với nhau. Những người có trí tuệ, dù thân tình vẫn không cư xử suồng sã. Chính vì luôn luôn cư xử lễ độ với nhau mà tình nghĩa càng lúc càng bền càng đẹp. Làm sao cho người cư sĩ đến chùa lúc nào cũng trông thấy quý thầy cô cư xử nhã nhặn lễ độ với nhau, như khách quý.

Đừng nghĩ mình là tu sĩ thì được quyền xem thường Phật tử. Chúng ta phải tập giữ gìn sự khiêm cung để luôn tôn trọng mọi người, dù Tăng hay tục. Tiếng dạ thưa phải nằm nơi miệng thường xuyên. Lịch sự Tây phương ngày nay thì hay sử dụng từ cảm ơn, xin lỗi. Chúng ta cần học tập những điều tốt như thế.

Lớp trẻ bây giờ kém lễ độ hơn ngày xưa vì không được dạy dỗ kỹ lưỡng. Nhà trường không dạy kỹ, mà

gia đình cũng không hướng dẫn. Chính vì thiếu lễ độ nên trẻ thiếu khiêm tốn; chính vì thiếu khiêm tốn nên trẻ dễ hư hỏng. Khi thấy trẻ hư hỏng nhiều quá thì nhà trường mới nhắc lại phương châm tiên học lễ, hậu học văn (trước phải học đạo đức, sau mới học kiến thức). Dù sao chúng ta cũng thiết thòi mấy mươi năm về giáo dục nhân cách cho trẻ.

Nhật Bản là nước nổi tiếng lễ nghĩa với nền văn hóa đẹp đẽ. Hãy nhìn người Nhật chào nhau một cách chịu cực là cúi gập người xuống để hiểu họ xem trọng lễ phép dường nào. Còn quốc gia nào có lỗi chào hỏi sơ sài cũng chứng tỏ họ hời hợt về văn hóa. Tuy nhiên, hiện nay ảnh hưởng của lối sống Tây phương cũng đang đánh phá vào văn hóa truyền thống của Nhật khiến lớp trẻ đang mất dần nét đẹp trong cung cách quốc gia. Việt Nam cũng phải lấy đó làm bài học cho mình.

Xưng hô cần trọng

Việt Nam ta có một ngôn ngữ mà hệ thống xưng hô đại từ rất phức tạp, bày tỏ rất rõ thái độ, vai vế, thành phần giữa người nói và người nghe. Vì vậy chúng ta phải cẩn thận khi sử dụng đại từ xưng hô

cho khéo léo để bày tỏ sự tôn trọng với người. Chúng ta nên bỏ chữ thẳng, con trước tên gọi. Ví dụ, chỉ nên gọi là Hùng, Sơn, Thúy chứ không nên gọi là thẳng Hùng, Thẳng Sơn, con Thúy... Khi nói về người ở ngôi thứ 3 số ít hay nhiều, nên tránh dùng chữ nó, bọn họ, mấy đứa đó, cái đám đó... Nếu là người ngang hoặc thấp vai vế hơn mình, nên gọi bằng tên khi nói về người vắng mặt. Ví dụ nói rằng: Tuấn đã cho tôi cuốn sách này, và bây giờ tôi xin tặng lại anh. Anh có gặp Tuấn thì nói tôi gửi lời thăm Tuấn. Tuyệt đối đừng nói là: Anh có gặp nó thì nói tôi gửi lời thăm nó.

Người Việt Nam hay có một thói quen xấu là kêu các nghệ sĩ bằng thẳng, con. Ngay cả diễn viên đóng vai Đường Tam Tạng cũng bị gọi là thẳng Đường Tăng. Người lớn kêu nghệ sĩ một cách khinh miệt nên trẻ con cũng bắt chước kêu như vậy. Thật là hỗn láo khi một đứa trẻ kêu thẳng con với các nghệ sĩ đáng tuổi cha mẹ của bé. Đây là một điểm đen trong văn hóa Việt Nam, làm tổn phước rất nhiều.

Người tu trong chùa cũng không thoát ra khỏi cái

thói quen xấu của thế gian đó, và cũng gọi nhau với giọng khinh thường như thế. Có chùa, thầy lớn kêu mấy thầy nhỏ bằng thẳng. Rồi có khi vài thầy kêu quý cô Ni bằng con. Thật là không thể hiểu nổi! Có trường hợp vài thầy quá thân với nhau nên ở sau lưng đã gọi nhau bằng thẳng. Đây là điều không thể chấp nhận trong oai nghi tế hạnh của người tu. Người Phật tử không bao giờ đồng tình với việc quý thầy xưng hô thiếu tôn trọng lẫn nhau. Họ không bao giờ muốn nghe thầy này kêu thầy kia bằng thẳng, nó vì đó là tất cả những người mà họ phải gọi thầy, xưng con.

Rồi tệ hơn nữa, có khi người sư huynh sư tỷ nói chuyện với sư đệ sư muội mình xưng hô bằng mày tao. Có những vùng Phật giáo bị ảnh hưởng phong kiến rơi rớt lại nên người trên có lối xưng hô cực kỳ khinh miệt đối với người dưới. Nghe lối xưng hô kém tôn trọng nhau như thế thì ta biết ngay Phật giáo đó không hưng thịnh, nếu có thì cũng chỉ là bề ngoài. Chúng ta hãy nghe trong các bản kinh Nikaya, các Tỳ Kheo gọi nhau bằng hiền giả. Thật là nhã nhặn và lịch sự! Ngay cả ngài Xá Lợi Phất là thượng thủ

trong chúng mà vẫn gọi các Tỳ Kheo khác là hiền giả. Đúng là tư cách của bậc Thánh. Dĩ nhiên bây giờ chúng ta không thể gọi nhau như ngày xưa, nhưng cũng không được phép gọi nhau một cách hời hợt, suồng sã, thiếu tôn trọng và kém văn hóa. Khi nói chuyện với Phật tử về một thầy hay một cô nào khác, chúng ta phải thêm chữ thầy hoặc cô vào trước pháp hiệu. Nghĩa là Phật tử tôn trọng thầy cô kia ra sao, ta cũng phải tôn trọng như vậy, dù đôi khi vai vế ta lớn hơn thầy cô đó. Ví dụ ta sẽ nói với Phật tử là thầy Minh Trí như thế này, thầy Minh Trí như thế kia; hoặc sư cô Như Tuệ nói là, sư cô Như Tuệ nói rằng...

Biết lắng nghe ý kiến người khác

Một dấu hiệu khác của tâm Khiêm hạ là biết lắng nghe ý kiến của người khác. Ý kiến của người nào chính là đại diện của người đó. Nếu ta tôn trọng con người, ta phải tôn trọng ý kiến của họ. Đó là nguyên tắc căn bản. Dĩ nhiên không phải ý kiến nào cũng đúng, nhưng thái độ biết lắng nghe đã là biểu lộ sự tôn trọng con người. Khi lắng nghe, ta sẽ đồng ý với một số điểm này và không đồng ý với một số điểm

khác, nhưng điều quan trọng của đạo đức là biết quan tâm đến quan điểm của người khác trước. Có một số người có tật hay bác bỏ ý kiến của người khác dù nghe chưa hết câu. Đó là dấu hiệu rất rõ của kiêu mạn. Chúng ta cũng vậy, nếu cứ thích gạt ngang ý kiến của người khác, phải biết là kiêu mạn đã ngự trị trong tâm mình rồi.

Thật ra không phải chúng ta chỉ học lẽ phải, đạo lý ở trường, mà phải biết học ngay trong cuộc đời. Trong nhiều người mà ta tiếp xúc, sẽ có rất nhiều điều đáng cho ta học hỏi từ nơi họ. Đôi khi ta nhìn thấy việc làm của họ và tìm thấy một bài học lớn; đôi khi ta nghe một câu nói của họ và tìm thấy nhiều điều thú vị. Hầu hết ai cũng có điểm hay ở đâu đó. Nếu khiêm tốn, chúng ta sẽ thu hoạch nhiều bài học bổ ích từ nhiều người trong cuộc sống. Còn tâm kiêu mạn sẽ ngăn cản khiến ta không thấy được cái hay của người. Chính tâm kiêu mạn đã thúc đẩy chúng ta hay sẫm soi khuyết điểm của người và bỏ qua ưu điểm của họ. Vì kiêu mạn, chúng ta muốn người chung quanh kém hơn để chỉ còn ta là hay giỏi. Thế nên chỉ cần người khác sơ hở

là ta đã đoán ra khuyết điểm – đôi khi suy diễn nhanh hơn sự thật, (có thể là chỉ cần người đưa tay lên là ta đoán ngay người này sắp móc túi!). Cái khuynh hướng thích nghĩ xấu người khác rõ ràng có nguồn gốc từ kiêu mạn.

Còn khi khiêm hạ, thấy mình tầm thường nhỏ bé, tự nhiên ta dễ nhìn thấy ưu điểm của người để học hỏi. Đó cũng là động cơ khiến ta biết lắng nghe ý kiến của người khác. Rồi những khi tìm thấy những điều hay của người, lòng chúng ta hoan hỷ tán thán. Và khi biết hoan hỷ trước ưu điểm của người, nhân quả sẽ cho chúng ta một quả báo lành tương tự ở vị lai. Khi cảm phục, hoan hỷ tán thán điều lành của người, tự nhiên điều lành đó sẽ dính vào tâm ta, trở thành của ta mà không tốn công huân tập nhiều. Ví dụ ta trông thấy người có đức tính trầm tĩnh và đem lòng ngưỡng mộ. Sau này tự nhiên ta cũng bắt đầu có tính cách trầm tĩnh giống như vậy. Hoặc ta nể phục người siêng năng công quả lao tác, tự nhiên sau này ta cũng siêng năng giống như vậy. Tâm khiêm hạ giống như cái trũng sâu khiến cho bao nhiêu nước đổ dồn về. Người khiêm hạ sẽ từ từ

lấy được vô số đức tính tốt trong thiên hạ. Lão Tử có câu nói nổi tiếng: Tại sao biển cả làm vua của trăm sông, bởi vì biển thấp mà sông cao nên các sông phải châu về. Cũng vậy, vì ta thấp xuống nên những ưu điểm của mọi người tìm về đọng lại. Nếu ta đứng lên cao như ngọn núi đá sừng sững thì các ưu điểm từ từ chảy đi mất cả. Khi kiêu mạn, ta sẽ ngày càng cô độc và cằn cỗi như ngọn núi đá khô khan đó vậy.

Chúng ta nên lưu ý một điểm khá quan trọng khi đang tu tập tâm khiên hạ, đó là tránh quan điểm độc tôn về pháp môn. Thông thường thì khi chúng ta chọn pháp môn nào để tu đều đã nhận định rằng đó là pháp môn hay nhất, ưu việt nhất. Một hệ quả tất yếu phải đến đó là cho rằng mình hay hơn những người đang tu các pháp môn khác. Không biết kết quả tu hành về sau thế nào, nhưng ngay hiện tại thì ta đang rơi vào lỗi kiêu mạn.

Người tu Tịnh Độ tông sẽ nghĩ rằng Tịnh Độ tông là hay nhất; người tu Thiền tông sẽ nghĩ rằng Thiền tông là hay nhất. Rồi ngay trong Thiền tông cũng chia ra thành nhiều trường phái khác nhau, và mỗi

trường phái đó lại cũng nghĩ rằng mình hay nhất. Khi cho rằng mình hay nhất thì một hệ quả khác lại tiếp tục xuất hiện, đó là không tiếc lời chê bai người khác, trường phái khác, tông phái khác, pháp môn khác. Sự chê bai qua lại này làm đạo Phật không bao giờ đoàn kết được.

Quá trình tâm lý trên là điều đương nhiên, nhưng cực kỳ độc hại! chúng ta phải hết sức cố gắng thoát ra cái quy luật tâm lý độc hại đó bằng cách chấm dứt việc cho rằng có thật một pháp môn hoàn hảo hơn hẳn các pháp môn khác.

Thật ra lỗi này không phải bắt đầu do người đệ tử, mà do chính ông thầy. Chính ông thầy đã gieo vào lòng đệ tử cái ý nghĩ rằng tu theo pháp môn của thầy là thù thắng hơn cả, có nghĩa là thầy là hơn cả, và cũng có nghĩa là tương lai người đệ tử này sẽ hơn cả. Ban đầu đến với đạo, người đệ tử chưa bị kiêu mạn xâm chiếm, nhưng lỗi dạy độc tôn của ông thầy đã phá hoại tâm hồn nguyên sơ của đệ tử.

Ngày nay chúng ta phải tự thoát ra khỏi tư tưởng độc tôn đã tàn phá tâm hồn chúng ta cũng như đã gây chia rẽ đạo Phật như thế. Khi chọn một pháp

môn để tu, một vị thầy để theo, chúng ta nên tìm hiểu đường lối đó có giúp chúng ta khiêm hạ hay không, có từ bi hay không. Nếu đường lối đó, vị thầy đó dạy chúng ta biết bất động trước nghịch cảnh, nhưng lại biết bi mẫn trước nỗi khổ của chúng sinh, vậy là vị thầy đó đúng. Nếu vị thầy đó dè dặt không dám chê bai ai vì biết rằng pháp môn nào cũng có ưu có khuyết, pháp môn nào cũng thích hợp với người này và ít thích hợp với người kia, vậy là vị thầy đó chân chính, ta có thể đi theo. Ngược lại, nếu vị thầy đó cứ hứa hẹn một cách dễ dàng rằng tu theo sẽ nhanh chóng cao siêu hơn mọi người, ta nên coi chừng. Nhất là những ông thầy cứ luôn đả kích các đường lối khác với mình, thường dễ là tà sư. Gặp phải những ông thầy như thế, ta nên tránh xa. Ta cũng thấy gần đây trên thế giới xuất hiện nhiều giáo phái mới. Giáo chủ nào cũng tự cho mình là đại diện duy nhất của Thượng đế. Các giáo chủ xảo ngôn một cách tự nhiên, thế nào cũng có người tin. Rồi những người tin theo sẽ giúp quảng cáo thêm cho giáo chủ. Có khi họ cũng lôi kéo được rất đông tín đồ trước khi sụp đổ.

Thỉnh thoảng ta cũng nghe trong Phật giáo có những kẻ tự cho mình bằng Phật, thậm chí hơn Phật, thay thế Phật trong thời đại mới này. Họ cũng khiến nhiều người nhẹ dạ tin theo một thời gian, nhưng rồi sự thật sẽ bày tỏ sau đó không lâu.

Những vị thầy chân chính thường dè dặt khiêm tốn, ít tự đề cao mình, cẩn thận không chê bai người, dù có trí tuệ sâu sắc. Ban đầu vị thầy như thế hiếm được người hiểu nổi nên ít ai theo. Nhưng về sau sẽ có nhiều người được lợi ích vững chắc từ đường lối đó nên sẽ phát triển.

QUẢ BÁO

Khi có tâm kiêu mạn, con đường phía trước đóng lại dần dần. Người này sẽ bế tắc, đổ vỡ thất bại. Dù có khi ta đang tiến bộ trên đường tu, nhưng nếu kiêu mạn đã hiện diện thì sự tiến bộ đó không thể đạt đến vô lượng vô biên được, cứ tiến lên lui xuống mãi. Do đó ta không thể có ngày chứng đạo hoàn toàn.

Trường hợp như có người đời này làm quan huyện, tích lũy một số phước nên đời sau làm quan tỉnh, kiếm thêm một số phước nên đời sau nữa làm vua.

Nhưng do làm vua khởi tâm kiêu mạn nên đời sau
rớt làm dân thường. Khi làm dân thường lại biết tạo
phước nên kiếp sau lại làm quan. Cứ quanh đi quẩn
lại như vậy mãi chứ không thể vượt lên những cõi
cao xa hơn trong vũ trụ.

Còn các vị Bồ Tát diệt được tâm kiêu mạn nên công
đức tiến dần đến vô lượng vô biên, có khi làm vua
cả cõi Trời, từ từ làm lợi ích cho vô số chúng sinh,
làm vị Đại Bồ Tát, cuối cùng chứng thành Phật quả
viên mãn tuyệt đối.

Trong việc tu tập cũng vậy, nếu chúng ta có đạt
được một ít định lực cũng đừng kiêu mạn mà phải
biết mình vẫn còn dở, vẫn còn có thể bị thoái đọa.
Lúc nào chúng ta cũng phải dè dặt cẩn thận, tôn
trọng mọi người, kiểm soát từng ý nghĩ nhỏ để cho
sức định chậm chậm tiến lên từng chút. Còn giữ
được khiêm hạ ngày nào thì chúng ta còn tăng
trưởng công đức ngày đó, còn làm người tu hành
chân chính ngày đó. Đời sau ta tiếp tục thành tựu
đức hạnh, tài năng, và địa vị. Nếu đánh mất tâm
khiêm hạ, những cái tốt trong tâm ta sẽ mất dần,
tan vỡ dần.

Khiêm hạ và từ bi hỗ trợ cho vô ngã

Mục tiêu quan trọng trong việc tu tập Phật Pháp là vô ngã. Có vô ngã mới có giải thoát. Thiền định là con đường chính để đi đến vô ngã. Nhưng hai công hạnh từ bi và khiêm hạ lại là sự hỗ trợ rất lớn. Thiếu hai công hạnh này, chúng ta dễ lạc lối dù có được thiền định cao siêu. Hai công hạnh trên cũng hỗ trợ qua lại cho nhau rất nhiều, vì cùng làm cho ngã chấp mỏng nhạt. Có khiêm hạ, ta dễ thương yêu con người; có từ bi, ta cũng dễ tôn trọng con người. Rồi trong hành trình tu tập phía trước, đôi khi ta cũng làm nên được nhiều điều tốt. Nhưng đó chính là những lúc ta phải nhanh chóng kiểm soát tâm tự hào kiêu mạn của mình, và phải luôn tự nhắc rằng mình chỉ là cát bụi cỏ rác. Đó là câu thần chú linh nghiệm để đối trị tâm kiêu mạn mỗi khi ta muốn tự khen mình, hoặc được ai đó khen ngợi mình.

Hỏi: Người ta có thể xem thường ta nếu ta có thái độ khúm núm khiêm tốn?

Đáp: Còn bị người khác xem thường tức là chưa đủ phước, cứ tiếp tục tôn trọng mọi người. Sau này đủ phước tự nhiên ta lại được yêu mến và tôn trọng.

CHỈ TRÍCH VÀ CHỈ LỖI

PHÂN BIỆT

Làm lỗi là một vấn đề lớn của con người. Trong chúng ta không ai dám nhận từ nhỏ đến lớn mình không hề làm lỗi. Như vậy, một sự thật mà chúng ta phải thấy, phải đối diện là chúng ta luôn sống trong những làm lỗi, làm lỗi của người khác và của chính mình.

Về lỗi làm của chính mình, mỗi người đang từng bước tu sửa. Còn đối với lỗi của người khác, chúng ta phải có thái độ như thế nào?

Người tu hành chúng ta thường sống có lý tưởng, có mục tiêu cao đẹp. Nếu không, người nào có thể từ bỏ gia đình vào chùa sống kiếp tu hành. Chúng ta tin rằng, không ai vì sự khó khăn, thất bại hay thất tình, thất nghiệp, thất vọng mà phải đi tu như một số tiểu thuyết đã nói. Chúng ta hiểu đạo, mến đạo, có nhân duyên nên mới vào chùa tu hành. Bởi vậy, mỗi người ít nhiều đều có mơ ước, mơ ước một ngày nào đó, chúng ta vượt khỏi thân phận phàm phu để bước

vào dòng của những vị Thánh.

Nhưng cũng phải hiểu rằng, từ vị trí hiện tại đến vị trí Thánh hiền, chúng ta phải vượt qua không biết bao nhiêu lầm lỗi từ bản thân mình. Vì Thánh không có gì khác hơn là rất ít lầm lỗi. Không phải kiếp này, còn nhiều kiếp khác nữa, chúng ta phải sửa hết những sai lầm của mình. Cho đến một ngày nào đó, lỗi lầm còn rất ít, chúng ta đã vào được dòng của những vị Thánh. Tất nhiên, đến vị trí của Đức Phật thì sai lầm hoàn toàn không tồn tại nữa.

Như vậy, phải thừa nhận một điều là trên bước đường tu hành, chúng ta vẫn còn phạm lỗi lầm nhưng điều quan trọng là chúng ta biết sửa chữa và vượt qua. Nếu những lỗi lầm được khắc phục sớm thì Phật Pháp nhanh chóng hưng thịnh trở lại. Nếu chúng ta cũng như huynh đệ chúng ta không khắc phục được lỗi lầm, hay lỗi lầm được khắc phục với tốc độ quá chậm thì cũng có nghĩa là Phật Pháp đang suy tàn. Như vậy, lầm lỗi của mình và của người đều ảnh hưởng đến Phật Pháp, đó không phải là vấn đề đơn giản.

Thêm một điều nữa, nếu tinh tấn tu hành, tinh tế

kiểm soát tâm mình, sửa lỗi mình được nhiều, thì chúng ta rất nhạy, rất sắc trong vấn đề nhìn thấy lỗi người khác. (Dĩ nhiên là thấy lỗi người khác nhiều hơn thấy lỗi mình. Vì sống mà tự thấy được lỗi của mình nhiều là điều rất khó, thấy lỗi người khác thì dễ hơn). Đến khi siêng năng kiểm soát tâm mình, đối với lỗi người khác, chỉ cần nhúc nhích một chút là bị ta thấy ngay, và biết ngay người đó thuộc loại người nào. Và lúc đó, chúng ta phải có thái độ đối với lỗi của họ. Có những lỗi ban đầu không có gì nghiêm trọng, nhưng nếu để nó phát triển lâu dài thì sẽ trở thành nghiêm trọng. Cho nên, chúng ta không được để lỗi của mình và lỗi của huynh đệ tiếp tục tồn tại, phải giúp cho huynh đệ vượt qua. (Ở đây chúng ta đang nói về lỗi của người khác, không nói lỗi của mình).

Chẳng hạn, có người nào đó vừa cúng dường đồ tứ sự. Đồ đạc để trong liêu của Tỳ Kheo. Một huynh đệ vào nhận đồ, được cái tốt và reo lên: “Hay quá, mình được đồ tốt”. Lúc đó, nếu nhìn thấy, chúng ta phải nhắc nhẹ nhàng: “Mình được một cái tốt nghĩa là huynh đệ khác không được cái tốt, còn mình

nhận một cái xấu nghĩa là một huynh đệ nào đó sẽ không bị cái xấu.”

Như vậy, căn cứ trên giới luật, chọn cái tốt cho mình trong số đồ lặt vặt của tứ sự cúng dường, người ấy không có gì phạm, không có gì để trách, nhưng trên đạo đức, nó là một cái khuyết lỗ. Tuy người ấy không lấy cắp của ai, không phạm sai lầm gì nghiêm trọng, nhưng đó cũng là dấu hiệu của lòng tham, của sự ích kỉ. Những người như vậy, sau này trong gian khổ của đời sống, sẽ không biết hy sinh, không biết nhường điều kiện thuận lợi cho huynh đệ. Và như vậy, người này cũng không có cơ hội để tạo những công đức lớn, bởi vì chỉ biết nghĩ đến bản thân mình. Người không có công đức lớn, dĩ nhiên, đạo tâm, đạo đức chẳng tiến bộ được nhiều. Chỉ một việc đơn giản như thế nhưng chúng ta thấy ngay là nguy hiểm rất lớn. Nếu chúng ta nhắc nhở đúng lúc, người đó sẽ tỉnh ngộ ngay. Còn trường hợp tham lam, lấy của người khác làm của mình, đó là lỗi cực nặng. Cho nên, người tu phải cẩn thận về lòng tham của mình, phải sống thanh bai, không bao giờ được tham của người khác.

Có những lỗi rất nhỏ, chúng ta thấy mà không ngăn chặn thì người mắc lỗi sẽ trở nên hư hỏng.

Ví dụ: Chùa có qui định là ai muốn ra khỏi khuôn viên chùa phải xin phép. Một hôm, có người vì việc gấp phải chạy ra khỏi chùa, nhưng Thầy trụ trì, Giáo thọ lại đi vắng nên người ấy không xin phép kịp.

Đúng ra, lúc khác phải thưa lại với Thầy trụ trì, nhưng thấy không ai biết nên người ấy im luôn.

Sự việc đúng ra cũng không có gì nghiêm trọng. Bởi vì họ đi ra ngoài cũng vì việc chính đáng, không phải vì mục đích xấu xa. Nhưng nếu biết chuyện mà chúng ta vẫn im lặng, sau này người đó sẽ có thói quen qua mặt người lớn. Từ chỗ qua mặt người lớn, họ coi thường kỷ cương của chùa. Mà kỷ cương của chùa đã bị phá vỡ thì khi làm trụ trì một ngôi chùa nào đó, họ sẽ không tuân thủ theo đường lối chung của Giáo hội. Một khi đã quen dẫm đạp đường lối của Giáo hội thì giới của đạo họ cũng chẳng thiết tha gìn giữ nữa. Cho nên, chúng ta thấy rằng, hễ một lần vi phạm thanh quy lật vật mà không ai sửa, lỗi lầm sẽ được nuôi dưỡng lớn lên và trở thành nghiêm trọng.

Điều này gợi chúng ta liên tưởng đến câu chuyện xảy ra tại một phiên tòa mà người đời thường nhắc đến như một bài học kinh nghiệm cho các bậc cha mẹ trong việc giáo dục con cái. Chuyện kể rằng, trước khi xử tội tử hình một bị cáo, quan tòa hỏi anh ta:

-Nguyện vọng cuối cùng của anh là gì? Anh ta trả lời:

- Tôi muốn được ôm mẹ tôi một lần cuối.

Mong ước thật chính đáng nên người ta vội mời bà mẹ đến. Tưởng người con sẽ ôm hôn mẹ thắm thiết, không ngờ anh ta đánh mẹ một cái rất mạnh làm bà mẹ muốn ngất xỉu. Anh ta ràn rụa nước mắt và nói: “Tại người đàn bà này nên tôi mới bị chết một cách nhục nhã”. Sau đó, anh ta đau đớn kể lại rằng, hồi còn nhỏ, lần đầu tiên khi qua nhà hàng xóm ăn cắp được một cái hộp quẹt về, anh được mẹ khen: “Thằng này khôn”. Cứ thế, lớn lên anh ta trở thành một tên cướp của, giết người.

Trong giai đoạn tu học, có những lỗi nhỏ tưởng không có gì quan trọng nhưng nó là sự đổ vỡ lớn lao về sau. Nguy hiểm như vậy nên khi thấy huynh đệ

phạm lỗi, chúng ta phải hiểu điều đó không đơn giản và tìm cách nhắc nhở để họ sửa chữa.

Chẳng hạn, từ một chuyện rất nhỏ, chuyện một người không tùy thuận huynh đệ, chỉ thích làm theo ý mình, chúng ta hình dung điều gì sẽ xảy ra sau này? Người không tùy thuận huynh đệ là người bướng bỉnh, cũng có nghĩa là chấp ngã nặng, chấp ý kiến mình rất nặng, không tùy thuận được với người khác. Nếu chấp ngã nặng, không sống bằng tâm của huynh đệ, ngã chấp sẽ tăng trưởng và làm cho đạo tâm mình bị thoái lui. Chỉ không tùy thuận một chút thôi, nhưng chúng ta phải hiểu là người này rất khó tu, vì người tu theo đạo Phật là đi dần đến vô ngã. Vô ngã luôn khiến ta có khả năng tùy thuận với mọi người rất lớn, không giữ ý kiến của mình, luôn sống bằng tâm của huynh đệ.

Hoặc chuyện không vâng lời Thầy Tổ:

Thầy đi vắng, dặn ở nhà dọn dẹp cốc phòng, chúng ta ham chơi, không làm. Thầy về, hỏi:

-Tại sao con không làm?

-Dạ con quên, con bận công chuyện nên con quên.

Đúng là quên thật chứ không phải chúng ta cố ý

không vâng lời thầy. Chuyện đó xét lại cũng nhỏ, nhưng thực ra không nhỏ. Vì khi thầy dặn điều gì, chúng ta không chú tâm để đón nhận lời của thầy tức là tâm không vâng lời thầy. Nếu khi thầy dặn dò, chúng ta chăm chú lắng nghe, chắc chắn sẽ không quên. Từ chỗ hơi hợt, không chú ý thành ra chúng ta không vâng lời thầy. Những người không tùy thuận với huynh đệ, không vâng lời thầy thường chấp ngã rất nặng, rất khó tiến đạo. Bây giờ thì nhẹ, nhưng tương lai người này có thể phá đạo. Chấp ngã nặng, sống không tùy thuận thì ích kỷ sẽ tăng trưởng, và còn nhiều chuyện trầm trọng hơn nữa. Ở đây, khi thấy huynh đệ phạm lỗi, chúng ta sẽ xuất hiện một trong ba tình huống, ba thái độ như sau:

-Chỉ trích:

Chỉ trích tức là công kích gay gắt, rêu rao lỗi của người đó ra cho mọi người biết. Trường hợp này xuất hiện khi chấp ngã nặng, từ bi ít. Tại sao khi từ bi ít, chấp ngã nặng, chúng ta sẽ có hành vi chỉ trích người khác khi người đó có lỗi? Đơn giản là vì ta luôn luôn muốn hơn người khác. Đó là tâm lý bí mật. Thay vì muốn làm cái gì hơn người khác, ta chờ

người khác có lỗi để ta hơn. Người ta phạm lỗi gì mà ta không phạm, tức là ta hơn người. Muốn chứng tỏ cho mọi người biết ta hơn người khác thì ta phải chỉ trích. Tâm lý đó rất bí mật. Đó là lý do tại sao người ta thường hay nói xấu nhau. Khi biết người có lỗi, ta đem lỗi đó nói cho người khác nghe là chúng ta đã bị tâm lý bí mật đó chi phối. Cái tâm luôn cho rằng, hễ người khác dở tức mình giỏi, là tâm hơn thua, tâm kiêu mạn, tâm này rất ghê gớm.

-Chỉ lỗi:

Khi thấy người khác có lỗi mà ta lại là người chấp ngã nhẹ, từ bi nhiều, chúng ta sẽ cảm thấy xót xa. Vì chúng ta biết rằng, hễ huynh đệ nào có lỗi thì sau này người ấy sẽ chịu quả báo. Nhìn trên luật nhân quả, người có tâm đạo do chấp ngã nhẹ, từ bi lớn, người đó hiểu nhân quả rất sâu. Từ chỗ xót xa, hai tâm niệm sẽ phát sinh. Một là ta không muốn cho ai biết vì sợ huynh đệ mình bị tổn thương danh dự. Hai là ta tìm cách khuyên can, giải bày để huynh đệ mình đừng phạm lỗi nữa.

-Bỏ mặc:

Đó là ba thái độ chúng ta thường gặp khi đứng trước

lỗi lầm của người khác. Những thái độ đó tùy thuộc vào tâm từ bi và mức độ chấp ngã của mỗi người. Trong ba trường hợp, chúng ta tuyệt đối tránh việc chỉ trích, và cũng tránh luôn sự bỏ mặc, chỉ giúp cho nhau vượt qua lỗi lầm trong tình thương yêu.

NHÂN QUẢ

Không ít người hỏi chúng ta “Tu để làm gì?”. Nhiều người đã nói lên mục đích, thường là nói lên mục đích, là để cho mình trở nên tốt đẹp, giác ngộ, giải thoát...

Thực ra, tất cả các mục đích đó đều bị vị kỷ tiềm tàng chi phối. Và chính sự vị kỷ đó sẽ sinh ra nhiều chuyện rắc rối. Vì sao, vì muốn mình tốt vẫn còn là ích kỷ. Càng đi sâu vào đạo Phật, chúng ta càng phát hiện ra những điều tinh tế mà mỗi người cần phải tỉnh táo để nhìn thấy. Khi chúng ta đi tu, ai cũng mong cho mình trở nên tốt. Nói như vậy, không ai dám nói lý luận của mình là sai. Vậy mà vẫn còn ích kỷ tiềm tàng chi phối.

Đến với Phật, chúng ta đều có một nhân duyên, một khởi điểm gì đó. Hãy đọc lại mấy câu thơ trong cuốn Luận về Nhân Quả.

... Có bao giờ em ước mơ vợ vẫn
Về quê hương ngập ánh sáng tình thương
Cõi nhân gian đã hiện bóng Thiên Đường
Vì thiện pháp giảng đầy trên mọi lối
Đời nhân thế sẽ không còn u tối
Nếu đường đi của Nhân Quả nghiệp duyên
Được tuyên dương thắp sáng khắp mọi miền
Trong em bé cụ già trong tất cả.

(Chân Quang)

Khi hiểu luật nhân Quả, chúng ta luôn luôn ước mơ mọi người đều được biết về nhân Quả. Như vậy, cả thế gian này tự nhiên sẽ tràn ngập đạo đức. Chúng ta ước mơ rằng, những em bé đều được học luật nhân quả. Nhưng điều đó chỉ có thể thực hiện được trên một đất nước mà có Phật giáo. Nếu được như vậy, đạo đức sẽ tăng lên rất mạnh.

Nói chung, chúng ta sống đều có ước mơ. Chúng ta mong cho tất cả mọi người đều thương yêu nhau, đều nhìn nhau bằng ánh mắt trìu mến, tay nắm tay chung một nụ cười, một niềm vui; thế gian này đầy chim ca hoa nở, đầy ánh nắng hồng, đầy hương hoa ngào ngạt như một cõi Thiên Đường và tất cả mọi

người đều có đạo đức, mà nhất là biết thương yêu nhau. Có thể đôi tay chúng ta bé nhỏ, việc làm chúng ta ít ỏi, khả năng của chúng ta không nhiều, nhưng ước mơ của chúng ta không được quyền nhỏ bé. Người tu phải sống như vậy, phải có ước mơ và ước mơ không được quyền bé nhỏ. Chúng ta phải ước mơ, phải hướng đến một lý tưởng tuyệt đối hoàn hảo dù mình không làm được như vậy.

Chúng ta mong cả thế gian này biết thương yêu nhau, mong cho Phật Pháp giảng phủ khắp cả mọi nẻo đường. Nghĩa là, từ những làng quê xa xôi, trên những đồi núi cao, đến những chốn phồn hoa đô hội, ai cũng dựa vào tinh thần Nhân Quả, Từ Bi, Bác Ái của đạo Phật để đối xử với nhau. Nghĩa là chúng ta, ai cũng là một sứ giả đem tình thương yêu, đem đạo đức, đem hòa bình đến cho con người, cho nhân loại.

Mơ ước như vậy, nhưng chúng ta sẽ làm được điều gì? Trước hết, bây giờ mỗi người chúng ta phải gạn lọc tâm mình, phải luôn giúp đỡ huynh đệ trong chùa. Sau này lớn lên, chúng ta có thể vân du thuyết pháp, mở những pháp hội lớn lao đông đảo.

Mơ ước thường lớn lao như vậy, nhưng chúng ta chỉ sẽ làm được rất nhỏ; nếu mơ ước nhỏ thì việc làm của chúng ta còn ít ỏi hơn nữa. Vì vậy, chúng ta phải biết ước mơ, phải biết khát khao sự hoàn hảo, sự tuyệt đối, để rồi dù cho không làm được như mơ ước, chúng ta cũng đã đóng góp được một số điều tốt đẹp cho nhân loại.

Nhưng muốn cho mọi điều tốt đẹp, trước hết, chính người tu chúng ta phải tự hoàn thiện bản thân mình.

Mọi người đều phủ nhận rằng hễ là người xuất gia thì đã hết lỗi lầm. Tăng Ni dù hết sức cố gắng vẫn còn sơ xuất. Đôi khi sự sơ xuất đó lan rộng thì Phật Pháp suy đồi. Nếu sự sơ xuất về đạo đức của Tăng Ni chỉ trong phạm vi hẹp thì Phật Pháp còn được gọi là thịnh đạt. Chúng ta muốn Phật Pháp hưng thịnh thì phải giúp nhau tránh những sơ xuất về đạo đức để niềm tin của mọi người được vững chắc. Như vậy, trước lỗi lầm của mình và của người, chúng ta đều phải có trách nhiệm. Mỗi người phải tự sửa lỗi của mình, đồng thời phải giúp nhau sửa lỗi, không được bỏ mặc khi nhìn thấy lỗi của người khác.

Đến đây, chúng ta nói đến nhân quả, hậu quả của từng việc làm.

Hậu quả của việc chỉ trích

Chỉ trích là đem lỗi của người khác nói rộng rãi cho nhiều người biết, với một cái tâm có thể gọi là ác độc. Vì khi nói lỗi của người khác ra ngoài, mình sẽ làm mất danh dự của họ, còn làm cho người ngoài thoái tâm. Điều này rất nguy hiểm. Những Phật tử hiểu đạo sâu, họ không hoàn toàn lệ thuộc vào chúng ta mà dựa vào giáo pháp để tu tập. Còn những Phật tử không thuần thành, không nghiên cứu nhiều, họ phải dựa vào chúng ta. Họ nghĩ rằng, chúng ta hằng ngày ăn chay, niệm Phật, học hỏi, chắc chắn phải hiểu sâu sắc và thực hành được giáo lý của Phật. Nếu thấy Tăng Ni tu tốt, có đạo đức, họ sẽ tin rằng đạo Phật là một tôn giáo tốt, tiên bộ. Ngược lại, nếu thấy tư cách đạo đức của Tăng Ni kém, họ sẽ nghĩ không tốt về đạo Phật. Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Vì hằng ngày chúng ta sống với thế giới thanh tịnh của Phật, ăn chay, tụng kinh mà tư cách đạo đức vẫn bị sa sút, làm sao họ có thể tin

được đạo Phật là tốt đẹp.

Trong khi đó đạo Phật rất cao đẹp, rất hoàn hảo. Nếu không thực hiện được đạo lý cao cả của Phật, chúng ta sẽ làm ảnh hưởng xấu đến đạo Phật của mình. Không phải người ngoài mà tất cả mọi người chúng ta đều có một điểm chung là dễ dàng được xúc động, được sách tấn, được khuyến khích bởi những tấm gương tốt. Có thể nghe giảng pháp ngày này qua ngày khác, chúng ta cũng không từ bỏ được cái tham, sân, ích kỷ ngự trị trong lòng mình. Nhưng nếu gặp một người tu thiền, đắc đạo, đời sống giới hạnh nghiêm túc, đạo đức cao vời, tự nhiên chúng ta bị một sự thúc đẩy trong tâm là phải học hỏi, phải tu sửa để được như họ.

Đó là một sự sách tấn rất hay. Bởi vậy, nếu đem chuyện xấu của chúng ta ra nói cho Phật tử nghe thì họ sẽ bỏ đạo. Họ sẽ từ chối và không cần phải tiến tu nữa. Còn nếu gặp Phật tử, chúng ta kể chuyện tốt của nhau thì sẽ giúp họ tinh tấn tu hành. Có Phật tử hỏi một Thầy: “Trong chùa này có ai giỏi nữa hay không?”. Người đó suy nghĩ một lát thấy không có ai giỏi hết, nên im lặng, không trả lời. Sau

này nghĩ lại, người ấy vô cùng hối hận. Bởi người ấy thấy các huynh đệ của mình giỏi hơn mình rất nhiều. Có những điều huynh đệ làm được mà mình lại không làm được. Sở dĩ lúc đó người này không thấy ai giỏi hết vì bị kiêu mạn che tâm. Khi nào khiêm hạ, chúng ta mới thấy được ưu điểm của người khác.

Chúng ta tránh chỉ trích vì sự chỉ trích luôn luôn xuất phát từ tâm bất thiện; vì nói xấu người khác, làm tổn thương danh dự của người khác, quả báo sẽ khá nặng. Rồi sau này, chúng ta cũng sẽ phạm đúng những lỗi lầm đó hoặc sẽ không làm được nhiều việc tốt cho Phật sự, không có uy tín để giáo hóa rộng rãi.

Nếu làm cho người này người kia mất hết uy tín, mất hết danh dự thì chúng ta sẽ không có phước, không làm được những việc lớn lao cho Phật Pháp. Vì người làm được những việc lớn trong Phật Pháp phải là người có nhiều phước. Trong đó, cái phước lớn nhất là có uy tín, có danh dự. Vì vậy, làm tổn hại danh tiếng của người khác, chúng ta sẽ không tạo được danh tiếng cho mình. Mặt khác, chúng ta

thường bị bệnh, bị những tai nạn ngăn trở, không thành công trong cuộc đời. Quả báo của việc chỉ trích, nói xấu tưởng đơn giản nhưng thực ra rất nặng nề.

Hậu quả của việc bỏ mặc

Khi nhìn thấy người khác lầm lỗi, chúng ta im lặng bỏ qua là không đúng. Trong kinh Pháp Bảo Đàn: “Đừng nhìn lỗi người, vì khi thấy lỗi người thì lỗi mình đã đến chân” nên chủ trương không nhìn lỗi ai hết. Vì vậy, lầm lỗi của mọi người ngày càng phát triển. Tình trạng đạo đức Tăng Ni hiện nay đôi khi bị phê bình là suy đồi cũng xuất phát từ quan điểm: “Không ai nói lỗi của ai hoặc giúp nhau vượt qua lỗi lầm”. Mấy ngàn năm qua, điều này đã tồn tại và khiến Phật Pháp suy tàn trầm trọng. Bởi vậy, chúng ta không được tiếp tục giữ thái độ thụ động nữa, mà phải tích cực sửa lỗi cho nhau.

Khi thấy người khác có lỗi, chúng ta bỏ mặc thì sẽ bị những quả báo như sau. Quả báo dễ thấy nhất là sau này, nếu phạm lỗi, chúng ta sẽ không được ai góp ý, khuyên ngăn. Thấy người khác có lỗi mà coi như không thấy, kiếp sau chúng ta sẽ không được

nhìn thấy gì nữa. Hoặc nghe người khác có lỗi mà coi như không nghe, kiếp sau chúng ta sẽ không được nghe gì nữa. Hoặc thấy huynh đệ có lỗi, mình là người có duyên, có thể khuyên họ mà mình không nói, thì kiếp sau mình sẽ không nói được gì hết. Nhân quả như thế là điều có thật, không phải chuyện đùa. Đó là lý do tại sao có những người rất hiền lành nhưng bị mù, câm, điếc.

Chúng ta phải chân thành góp ý để huynh đệ tránh được lỗi lầm. Đó cũng là công đức lớn cho Phật Pháp.

ĐỐI VỚI PHẬT PHÁP

Lý tưởng của Phật Pháp là làm cho chúng sinh đều được giác ngộ, đạo đức hoàn hảo. Như vậy, bỏ mặc người khác trong lầm lỗi sẽ dẫn đến nhiều hậu quả và hậu quả lớn nhất là: “Góp phần làm cho Phật Pháp nhanh chóng suy tàn”. Đây là một trọng tội. Chỉ trích đã là sai, bỏ mặc lại càng sai. Chúng ta không được quyền thụ động, bởi thụ động trước lỗi lầm của người khác là mang trọng tội với Phật Pháp. Sai lầm này đã tồn tại quá lâu trong Phật

Pháp, làm cho Phật Pháp suy tàn. Trên thực tế, người tu còn rất nhiều lỗi lầm. Việc cần thiết khẩn trương hiện nay là làm sao giảm được tình trạng phạm lỗi của người tu. Chúng ta không được tiếp tục mắc phải sai lầm ấy mà phải tích cực trong việc sửa lỗi cho người khác và cho chính mình. Tất nhiên, sửa lỗi cho người khác không phải là việc đơn giản. Khi sửa lỗi, chúng ta phải để ý tránh hai điều: không làm mất danh dự của người phạm lỗi và không được để người ngoài thoái tâm, nghĩa là không để người khác mất tín tâm, mất niềm tin vào Phật Pháp.

Một điều cũng cần lưu ý là muốn chỉ lỗi cho người khác, chúng ta phải xét lại tâm mình có một yếu tố quan trọng chưa. Đó là tình thương yêu!

Khi nào thấy đủ tình thương yêu huynh đệ thì chúng ta hãy góp ý, bởi chưa đủ tình thương yêu thì việc góp ý sẽ không đem lại hiệu quả. Tâm lý chung của con người chúng ta là chỉ cảm động, chỉ nghe lời khuyên của những người thực sự thương mình. Do đó, trong cuộc sống, muốn có công đức để sửa lỗi cho huynh đệ, trước hết chúng ta phải tu tập tâm từ. Nếu có tâm từ thương yêu tất cả mọi người thì sau

này mình có thể sửa lỗi được cho nhiều người mà không bị trở ngại. Sửa lỗi cho người khác là một công đức rất lớn. Có thể công đức của việc bố thí Pháp không lớn bằng công đức sửa lỗi cho người khác. Bởi vậy, từ nay chúng ta phải có tâm nguyện cố gắng sửa lỗi cho mọi người. Đây cũng là công đức lành cho cuộc đời tu tập của chúng ta.

Khi có tâm từ, chúng ta cũng tự tin hơn khi sửa lỗi cho huynh đệ. Trong đời sống, ta đã thương yêu, đã đối xử tốt với họ, đến khi cần phải góp ý sửa lỗi, huynh đệ ta sẽ hiểu rằng ta muốn giúp họ tốt hơn chứ không có ý chê bai trách móc. Họ cũng hiểu rằng, không phải ta chỉ tốt với riêng họ mà còn sống tốt với tất cả mọi người. Do đó, họ sẽ dễ chấp nhận lời nói của ta hơn.

Nhưng để đạt được đức độ đủ để góp ý mà huynh đệ lắng nghe thì ta cũng phải tốn nhiều công sức cho biết bao nhiêu việc làm; nhường nhịn, hy sinh, tận tụy trong cả một thời gian dài.

Tất nhiên, phát tâm sửa lỗi huynh đệ, chúng ta không nên coi cái ngã của mình là lớn, không nên nói năng tùy tiện, mà phải thận trọng, tế nhị. Chúng

ta nên gặp riêng để góp ý trong sự thương yêu, khiêm tốn và khéo léo. Khéo léo là phải theo nguyên tắc mà trong Đắc Nhân Tâm, ông Dale Carnegie đã khuyên: “Muốn nói lỗi của ai thì hãy tìm ra vài ưu điểm để khen ngợi trước.”

KHÔNG ĐƯỢC THỤ ĐỘNG

Nếu việc chỉ trích lỗi lầm của người đem lại quả báo xấu thì việc im lặng trước lỗi lầm của họ cũng sẽ dẫn đến điều tồi tệ cho ta. Bởi vậy, không phải ngẫu nhiên mà Khổng Tử đã nói: “Vi nhân nan” (làm người rất khó).

Trong cuộc sống, chúng ta phải cố gắng góp ý để huynh đệ mình sửa lỗi. Nhưng trường hợp không có duyên, chúng ta phải thưa lại với người lớn, với những người có trách nhiệm để huynh đệ được nhắc nhở, được sửa chữa kịp thời. Việc chúng ta im lặng, không nói gì trước lỗi của người khác là một sai lầm.

Tuy nhiên, trong thực tế, có người thưa lỗi huynh đệ lên thầy, lại bị huynh đệ giận. Những lúc như vậy, chúng ta đừng ngại. Khi người ta giận, mình vẫn tiếp tục thưa lỗi họ đến khi nào người đó hết giận thì

thôi. Đừng bao giờ bộc lộ sự hèn nhát, khiếp nhược của mình, vì như vậy, việc sửa lỗi sẽ không có hiệu quả. Chúng ta không nói lỗi ra bên ngoài mà chỉ nói với thầy thì chấp nhận sự giận hờn của huynh đệ, rồi sẽ có lúc họ hiểu được việc làm của ta. Điều quan trọng là trong cuộc sống, chúng ta phải đối xử tốt với họ, phải thương yêu, không hề có ác ý. Nếu có ác ý chúng ta sẽ không cảm hóa được họ.

Nếu trường hợp, một người góp ý huynh đệ mình không được, vội thưa với thầy. Thầy Bổn sư cũng không thể góp ý để người đó sửa lỗi được. Người này cứ ray rứt mãi, không biết làm cách nào. Đối với những người như vậy, chúng ta chỉ còn cách cầu nguyện cho họ, nhờ Phật lực gia hộ, chuyển tâm người đó trong vô hình. Điều này cũng khó thành công, có thể đến năm, mười năm sau, người đó mới có thể chuyển được. Thà như vậy còn hơn là chúng ta bỏ mặc họ trong tội lỗi.

Người Trụ trì, Giáo thọ, hay Tri sự, phải có trách nhiệm đối với các đệ tử của mình, phải siêng năng theo dõi tâm hạnh của Đại chúng, không được hời hợt bỏ qua. Vì như vậy, chúng ta sẽ mắc tội với Phật

Pháp. Điều chúng ta cần lưu ý là phải nhìn tới tâm của đệ tử. Cũng phạm một lỗi đó, nhưng chúng ta phải nhìn đến tận tâm của họ, xem đó là tâm gì, không được khiến trách trên hành vi.

Ví dụ, khi có người sám hối: “Thưa Thầy! Con làm vỡ cái ly”, ta phải hỏi lý do: “Tại sao con làm vỡ?”. Nếu người ấy trả lời: “Dạ, cái ly ai để trên bàn, sát mí bàn, con có công việc vội nên khi ngang qua, tay đánh vào làm cái ly rơi xuống”. Lúc ấy, ta sẽ hỏi: “Ai để cái ly như vậy?”. Khi tìm ra, ta khiến trách người để cái ly, chứ không khiến trách người làm vỡ cái ly nữa. Vì chính người đó để cái ly hờ hững, vô ý nên người khác mới làm đánh rơi ly trong khi vội vã. Xét cho cùng, người để ly mang tội, chứ người đánh vỡ ly không mang tội. Bởi vậy, xét lỗi người khác không phải là chuyện đơn giản.

Trong việc sửa lỗi đệ tử, nếu chỉ xét theo hành vi bên ngoài, chúng ta sẽ trách oan và khiến họ không phục. Chúng ta phải trách lỗi từ trong tâm của họ mới hy vọng sửa được họ. Và khi sửa được lỗi cho đệ tử, chúng ta sẽ có phước lớn. Dạy đệ tử sửa được lỗi từ trong tâm là làm cho họ tốt từ trong tâm,

không phải tốt ở hành vi bên ngoài. Những người đó, sau này sẽ là rường cột của Phật Pháp, làm được nhiều điều tốt cho Phật Pháp. Nếu có được hai mươi đệ tử, họ đều là những người tốt thì chúng ta như được lên thiên đường. Còn nếu dạy hai mươi đệ tử đều trở thành những người hư hỏng, thô lỗ, chúng ta sẽ xuống địa ngục trước họ. Người xưa nói rằng: “Giáo bất nghiêm Sư chi quá”- Dạy mà không nghiêm là lỗi của người thầy. Và lỗi nào cũng có quả báo của nó. Cho nên phải hết sức cẩn thận, xem việc dạy dỗ đạo đức cho đệ tử là trách nhiệm lớn, là lý tưởng cao cả của người làm thầy.

Có trường hợp, trụ trì chùa Ni là một Sư Bà rất đặc biệt, trí tuệ, giới hạnh đều giỏi, nhưng khi nhận xét về những đệ tử của Sư Bà, hầu hết mọi người đều tỏ ra không hài lòng và không tin tưởng. Nguyên nhân do đâu? Nếu có dịp trò chuyện với những người trong chùa, chúng ta sẽ hiểu ra mọi lẽ. Trong lần tranh luận với một vị khách, một Sư cô trong chùa bất đồng ý kiến đã cãi gay gắt. Trong khi đó, vị khách Tăng kia rất ôn tồn nói: “Khi trình bày đạo lý, không nên chủ quan cho mình luôn luôn đúng. Mình

phải khiêm nhường, để đề phòng mình có một chút sai và người ta có thể góp ý với mình được”. Nghe khách nói như vậy, Sư cô đồng ý, nhưng cũng tìm cách khác để cãi, không chịu nhận. Người kia lại nói: “Sư cô bàn cãi đạo lý trong tâm trạng hơn thua rồi. Chúng ta bàn luận đạo lý, mục đích là làm cho chân lý được bộc lộ. Có thể mình đúng, có thể người khác đúng, có thể mỗi người đều có cái sai, nhưng quan trọng là cuối cùng chúng ta tìm ra được điểm chung nhất, hợp lý nhất, có lợi cho mình và cho người khác, chứ không phải bàn đạo lý để mình giành phần hơn. Một đằng là làm cho chân lý được bày tỏ. Một đằng để mình thắng trên lý luận với người kia. Hai mục đích đó khác nhau. Sư cô đã bị tâm hơn thua chi phối rồi”.

Lúc ấy, tự nhiên cô tỉnh ngộ, đứng lên chấp tay cảm ơn người kia và nói rất thành thật: “Từ bao lâu nay không có ai góp ý cho tôi điều này”.

Qua chuyện của Sư cô ấy, chúng ta sẽ tìm được nguyên nhân. Sư Bà là người giữ giới hạnh rất tốt, có trí tuệ, có năng lực, nhưng chỉ sửa lỗi của chúng đệ tử trên hành vi, chỉ căn cứ trên giới luật, giới

điều, căn cứ trên hai mươi bốn thiên oai nghi, không được làm điều này, không được nói điều kia. Cho nên, chúng đệ tử không sâu sắc trong việc sửa lỗi ở nội tâm, không nhìn thấy được lỗi từ trong nội tâm sâu kín. Nguyên nhân đổ vỡ của chùa là vậy. Sư Bà tuy giỏi, nhưng không chú ý đến tâm lý đạo đức của đệ tử. Đây là điều rất tinh tế, và đây cũng là lần đầu tiên môn Tâm Lý Đạo Đức được giảng dạy cho các tu sĩ.

Hành vi bên ngoài chỉ là hình thức mà thôi. Có người chỉ làm một điều tốt để gọi là không vi phạm, nhưng kỳ thực bên trong đầy xấu xa, tội lỗi. Có người nhìn hành vi bên ngoài dường như đang sai trái, nhưng bên trong lại là tâm tốt. Tâm lý đạo đức là vấn đề rất phức tạp, có thể học đến suốt đời chúng ta cũng không hiểu hết mọi vấn đề thuộc lĩnh vực này. Bởi vậy, cả một đời tu hành, cả một đời làm việc, chúng ta phải cố gắng học hỏi và nghiên cứu để bổ sung, hoàn chỉnh tâm lý đạo đức của mình. Trong việc dạy đệ tử và tu hành nội tâm, chúng ta phải để ý từng chút, từng chút, để ý trong tâm sâu thẳm. Vì đạo Phật là đạo của tâm, và chúng ta dạy

đệ tử phải nhìn đến tận tâm, đừng bao giờ chỉ nhìn ở hành vi bên ngoài. Đó là trí tuệ, là bản lĩnh của người tu. Có những việc, nhìn bên ngoài có lỗi, nhưng thực ra bên trong không có lỗi. Nếu chúng ta cứ nhìn bên ngoài để khiển trách, tự nhiên người ta sẽ không phục vì họ biết chúng ta trách sai, biết chúng ta đánh giá sự việc một cách hời hợt.

Nếu là sư huynh có trách nhiệm trong chùa, khi sư đệ có lỗi, chúng ta cũng phải rầy la. Đây là chỗ hết sức cẩn thận. Nếu ngang hàng với nhau, khi góp ý với nhau đã cần có tình thương yêu thì khi làm sư huynh, muốn trách mắng sư đệ, chúng ta cũng phải có tình thương yêu. Không có tình thương yêu thì sư đệ không phục, không nghe lời mình. Đó là lý do tại sao bài Tâm lý đạo đức đầu tiên chúng ta học là bài Tâm từ. Tâm từ bi là tâm căn bản. Không tu được tâm từ bi thì vô lượng, vô số công hạnh sau này chúng ta không làm được. Ngay đến việc chỉ lỗi chúng ta cũng không thực hiện được.

Khi chỉ lỗi người khác, chúng ta cần lưu ý một điều là phải kín đáo, không được bực dọc chỉ trích, rao lỗi của người ra ngoài. Đó cũng là nguyên tắc. Vì

người xuất gia hay người cư sĩ chỉ quyết tâm tu hành, chỉ được thúc đẩy, khuyến khích khi thấy những tấm gương tốt. Khi nghe nhiều chuyện xấu của người xuất gia, cư sĩ sẽ thoái tâm. Nhất là trong hoàn cảnh khó khăn, người ta rất cần sự động viên, sự khuyến khích của người khác. Chúng ta nên đem lại cho họ niềm tin yêu vào cuộc sống, vào con người. Một khi tin rằng trên đời này vẫn còn nhiều người tốt, vẫn có những tấm gương đạo đức cao cả, họ sẽ vượt qua được những khó khăn trở ngại trước mắt.

Câu chuyện về một nữ Phật tử bị tàn phế sau một tai nạn xe lửa khiến nhiều người xúc động. Cô là người hiểu biết nhưng rủi ro bị xe lửa cán đứt hai chân. Một lần, khi qua đường ray, tự nhiên cô bị vấp té, không đứng dậy được, không nhúc nhích được trong khi xe lửa đang lao tới. Xe lửa đã cán qua người cô khiến cô mất đôi chân, phải đi bằng đôi chân giả. Cô vô cùng đau khổ, vì cánh cửa bước vào tương lai của đời cô đang mở ra phơi phới, bỗng dưng đóng sầm lại khi thân hình bị tàn phế. Nhưng điều kì diệu là người con gái đó không ngã gục

trước bất hạnh của cuộc đời mình. Sau khi nghe băng, đọc sách, hiểu ra được nhiều điều, cô bắt đầu làm việc từ thiện. Cô đến thăm một trường mù và thấy rằng những người này còn bất hạnh hơn mình. Người mù thường chỉ tiếp xúc với thế giới bên ngoài qua việc đọc sách bằng chữ nổi. Nhưng sách chữ nổi khó in nên rất hiếm. Không tiếp xúc được với thế giới bên ngoài, tâm tư họ bị trầm uất, mặc cảm, nhiều người bị điên, người mù rất dễ bị điên. Cô hiểu điều đó và đã đọc chuyện vào băng cassette mang đến cho họ. Nhờ đó, những người mù cảm thấy đỡ buồn hơn, đỡ cô đơn hơn. Khi đem lại được niềm vui cho người khác, nỗi buồn trong cô cũng đột nhiên tan biến. Cô quên rằng mình là một người tật nguyền và sống rất vui vẻ, hồn nhiên. Câu chuyện về cuộc đời một cô gái vượt lên số phận, tự hóa giải nỗi buồn của mình bằng cách đem niềm vui đến cho những người bất hạnh đã được báo chí ca ngợi khiến nhiều người cảm phục. Khi đọc báo, nhiều sinh viên đã viết thư bày tỏ lòng cảm phục với cô và cũng muốn làm việc từ thiện như vậy. Người ta chỉ xúc động, muốn làm việc thiện khi thấy

những tấm gương tốt. Vì vậy, trong cuộc sống, mỗi người nên đi tìm những tấm gương tốt xung quanh mình để kể lại cho người khác. Cả bản thân chúng ta cũng phải hoàn thiện tu hành, để lại tấm gương tốt cho đời.

Câu chuyện về một cô giáo đạt danh hiệu giáo viên “Dạy giỏi nhất nước Mỹ” cũng đáng được xem là tấm gương sáng về lòng tận tụy, về sức chịu đựng và vượt lên khó khăn trong cuộc sống mà mỗi chúng ta phải noi theo.

Cô giáo ấy là người Việt Nam nhưng đang định cư tại Mỹ. Cô vốn theo đạo Thiên Chúa nhưng chồng cô là người theo đạo Phật. Chính vì tu đúng theo lý tưởng của đạo Phật nên người chồng đã thuyết phục được cô sang với đạo Phật. Quá trình dạy học của cô rất vất vả. Nhưng nhờ tận tụy và giàu tình yêu thương nên cô đã cảm hóa được học sinh. Danh tiếng “dạy giỏi” của cô mỗi lúc được vang xa. Không những dạy cho học sinh, cô còn dạy cho đồng nghiệp của mình. Những thầy cô giáo không có kinh nghiệm đã tìm đến cô để học hỏi.

Lúc bấy giờ, tại một bang ở Mỹ có một ngôi trường rất lớn, có khoảng một trăm ngàn học sinh. Trong đó, có một số học sinh bị gạt ra khỏi lễ vì thuộc đối tượng phá phách hư hỏng. Những học sinh ấy thường có nguồn gốc từ Việt Nam, Lào, Phi Châu, Nam Mỹ... Phần lớn, chúng không rành tiếng Anh lại không chịu học nên hư hỏng. Nhà trường cho chúng học trong những chiếc thùng xe. Còn những tòa nhà lớn dành cho những học sinh ngoan. Vì những học sinh ấy quá hư hỏng nên không giáo viên nào dạy được. Trường phải thuê giáo viên dạy theo giờ, dạy được giờ nào nhận thù lao giờ đó. Có người dạy giờ đầu rồi không dám dạy giờ sau nữa. Ông Hiệu trưởng nghe tiếng cô và đích thân đến mời. Hai vợ chồng đắn đo suy nghĩ, cuối cùng người chồng khuyến khích cô nhận lời. Khi tới trường, cô đã thấy hai xe cảnh sát đậu ở đây. Cảnh sát phải có mặt thường xuyên bởi bọn học sinh này đi học mang theo cả súng, cả dao. Khi vào trường, cô thấy chỗ này đứng một cặp, chỗ khác đứng một cặp, chúng ôm hôn nhau rất tự nhiên. Bước vào lớp, cô còn chứng kiến nhiều cảnh tượng ghê gớm hơn nữa.

Chúng nó thường đánh nhau, đâm chém lẫn nhau. Thỉnh thoảng, cảnh sát phải chạy vào can thiệp. Đó là chưa kể cảnh con gái ngồi học trong lớp vạch ngược ra, gác chân lên bàn. Không khí lớp học thật đáng sợ. Cô đề nghị với ông Hiệu trưởng:

-Cho tôi một lớp học chính thức nơi tòa nhà, chứ không được học nơi thùng xe.

Ông Hiệu trưởng nói:

-Bà yêu cầu điều gì chúng tôi làm điều đó.

Lớp học lâu ngày không dọn dẹp nên rất bẩn, cô phải tự quét dọn, lau chùi. Thấy cô làm, bọn chúng hỏi:

-Cô làm để làm gì?

Cô trả lời:

-Lớp học cũng giống như cái nhà của mình, mình phải chăm sóc cho nó.

Cô chỉ nói như vậy, nhưng bọn chúng thấy có lý nên mỗi đứa phụ một tay, lớp học trở nên sạch, đẹp, mát mẻ. Trong quá trình dạy, cô thương yêu và tôn trọng học sinh nên đã cảm hóa được chúng. Và bọn trẻ bắt đầu học.

Vài hôm sau, một đứa học sinh người Mỹ vào lớp

học. Việc làm đầu tiên của nó là gác chân lên bàn nằm ngủ. Ba ngày liên tiếp như thế không thấy ai nói gì, đến ngày thứ tư, nó không ngủ nữa và bắt đầu quậy. Nó la hét um sùm để người ta chú ý. Cô hỏi nó:

- Em từ đâu tới?

Nó trả lời:

- Trong tù mới ra.

Cô hỏi:

- Em đi tù vì tội gì?

- Ăn cướp có súng.

Nó lạnh lùng trả lời. Mình mảy nó được xăm từ đầu tới chân. Vậy mà cô thuyết phục được. Nó bắt đầu chịu học và trở thành người giữ trật tự trong lớp.

Đang học, ai nói chuyện, nó quay qua chỉ mặt: “im lặng”.

Cô rất kiên trì dạy dỗ, học trò giỏi lên trông thấy. Khi phát hiện em nào tiến bộ, cô chuyển qua lớp khác ngay, không giữ lại lớp mình nữa. Những học sinh được chuyển qua lớp khác đều trở thành học sinh giỏi. Rồi cũng có nhiều em đậu vào những trường Đại học nổi tiếng. Tên tuổi của cô được nhiều người

biết đến. Năm đó, nước Mỹ chọn được 300 giáo viên giỏi trong toàn Liên bang, sau đó chọn lại còn 60 người. Họ xem cách giảng dạy của từng giáo viên, chọn đi chọn lại còn được 36 người và mời 36 người đó gặp mặt tại thủ đô Washington. Trước khi gặp mặt, họ gửi cho mỗi người một cuốn băng video để biết được 35 người kia. Theo qui định, trong hội nghị, mỗi người chỉ có ba phút để nói về đường lối giảng dạy, giáo dục của mình.

Lúc đầu, cô nói bằng tiếng Việt Nam: “Kính chào quý vị, tôi rất hân hạnh được gặp quý vị ở đây”. Mọi người không hiểu gì cả... Sau đó, cô nói bằng tiếng Mỹ: “Quý vị có hiểu tôi nói gì không?” Mọi người lắc đầu cười. Cô nói tiếp “Bây giờ tôi nói chậm lại quý vị có hiểu không?” Mọi người cũng lắc đầu cười. Cô nói rằng: “Nhiệm vụ của tôi là như vậy. Nhiệm vụ của tôi là giúp những em học sinh không nắm được ngôn ngữ của nước Mỹ, trở nên mặc cảm và bị ruồng bỏ khỏi xã hội Mỹ được hội nhập vào xã hội Mỹ, trở thành học sinh giỏi và trở thành công dân lợi ích cho nước Mỹ”.

Cả hội trường vỗ tay vang dội và nói rằng: “Những

điều cô nói ngắn ngủi đã làm cho cô vượt trội hơn chúng tôi”. (Trong tiếng Anh chữ outstanding dịch là xuất chúng). Và cô được 35 người còn lại nhất trí bầu chọn là “Giáo viên giỏi nhất”. Chính Tổng Thống Mỹ đã trao cho cô phần thưởng cao quý đó. Đây là một niềm vinh dự lớn đối với một giáo viên như cô.

Để có được một câu chuyện cho chúng ta kể trong năm phút, người ta phải cố gắng từng giờ, từng phút, từ năm này qua năm khác, thậm chí phải phấn đấu cả cuộc đời mình. Bởi vậy, chúng ta nên biết ơn những người đã làm nên những “huyền thoại” cho cuộc đời vì họ phải chịu đựng khó khăn, phải nỗ lực biết bao nhiêu mới làm được điều đó.

Câu chuyện của ngài Hư Vân đi thiền sơn ở núi Ngũ Đài cũng vậy. Cứ ba bước Ngài lạy một lạy, đi suốt mấy năm trời mới tới được núi. Khi nghe câu chuyện của một vị Thiền sư, đi ba bước lạy một lạy, lạy Bồ tát Văn Thù, người có trí tuệ sẽ luôn băn khoăn: Tại sao cũng là một con người mà họ có tâm dũng mãnh đến như vậy, có tâm thiết tha tôn kính Phật đến độ như vậy? Tại sao ta cũng là con người mà

không thể hiểu được, không thể làm được điều gì tốt đẹp? Có bản khoán, tự chất vấn mình như vậy, chúng ta mới có ý thức vươn lên, phấn đấu để đạt được những điều tốt đẹp.

Khi nghe những câu chuyện tốt, chúng ta được khuyến khích, được sách tấn. Trí tuệ sâu chừng nào, chúng ta sẽ nhận được bài học đạo đức sâu chừng ấy. Nếu nghe kể những chuyện tốt, mà vẫn hời hợt, chúng ta sẽ không được lợi ích bao nhiêu và cũng không bao giờ tiến bộ.

Không nói lỗi của huynh đệ mình, nhưng chúng ta phải khéo léo nói chuyện tốt của huynh đệ ra ngoài, phải nêu thành tấm gương cho mọi người cùng noi theo. Đối với lỗi lầm của người thân, của huynh đệ, ông bà ta thường dạy: “đóng cửa dạy nhau”. Nhưng muốn làm công đức chỉ lỗi người khác, chính mình phải tu sửa rất nhiều. Khi xét được lỗi mình một cách sâu sắc, chúng ta sẽ thấy được lỗi người khác sâu sắc hơn. Chỉ khác một điều là thay vì chỉ trích gay gắt, chúng ta nói bằng lòng thương yêu. Và khi sâu sắc chỉ lỗi người khác, phước của chúng ta sẽ rất lớn. Vì ta đã làm cho Phật Pháp được hưng thịnh

trở lại.

PHẢI TINH TẾ XÉT TÂM MÌNH

Hiện nay, tình trạng đạo đức của Tăng Ni khắp nơi đang được các bậc tôn túc quan tâm lo lắng. Mỗi người chúng ta phải làm một chiến sĩ, một sứ giả phụ giúp cho các vị tôn túc trong việc làm cho Tăng Ni bớt lỗi lầm. Chúng ta phải có tâm nguyện đó, phải có lý tưởng đó. Nhưng phải luôn luôn thấy lỗi của mình trước, phải thấy lỗi của mình một cách tinh tế từ khi mới manh nha. Đó là trí tuệ trong việc tu hành.

Ví dụ khi nghe một huynh đệ nặng lời với mình, chúng ta có thể rơi vào những trạng thái tâm lý khác nhau. Trước hết, chúng ta có thể nổi sân, giận và cự nự lại. Đó là cái sân thô, người ngoài nhìn vào sẽ thấy ngay.

Trường hợp thứ hai, chúng ta giận nhưng im lặng, quay lưng đi để không bộc lộ thái độ ra bên ngoài. Đó là cách cư xử của người biết tu. Tuy nhiên, dù sao chúng ta cũng có tâm lý tức giận mặc dù đã kiềm chế. Chúng ta vẫn thấy cái giận của mình rất nặng, nghĩa là chúng ta đã thấy lỗi của mình, nhưng

hơi chậm.

Trường hợp thứ ba, khi bị công kích, chúng ta thoáng giận. Cái giận chỉ thoáng qua nhẹ nhàng trong một sát na, nhưng chúng ta vẫn phải thấy được nó, vẫn biết đó là lỗi. Người tu thấy đến như vậy mới là người biết tu.

Trong cuộc sống tu hành, có những lỗi thoáng qua rất nhanh. Nếu vẫn kiểm soát được, chúng ta là người tu tốt. Khi đã đạt được điều này, chúng ta sẽ rất sâu sắc khi chỉ lỗi cho người khác. Tinh tế xét tâm mình sẽ đưa đến kinh nghiệm để nhìn thấy lỗi người. Nhưng chúng ta phải cẩn thận đối với tâm muốn chỉ trích do ngã chấp thúc đẩy. Khi có kinh nghiệm tu hành, gặp người khác có lỗi, chúng ta sẽ không sửa lỗi hơi hột bên ngoài mà chỉ đúng cái gốc nơi tâm của họ. Thấy được cái gốc, người ta dễ vượt qua khỏi lỗi lầm, như vậy phước của ta sẽ tăng trưởng. Do vậy, chúng ta phải cố gắng tu để giúp người khác vượt qua lỗi lầm bằng chính tâm thương yêu của mình chứ không vì ngã chấp.

HÌNH THỨC THỈNH NGUYỆN, PHÁT LỖ, SÁM HỐI RẤT CẦN THIẾT.

Trong chùa nên có hình thức phát lồ, sám hối. Mỗi nửa tháng hoặc một tháng, từng người ra trước chúng nói lên lỗi lầm của mình để quý thầy lớn phân tích nguyên nhân và đưa ra những lời khuyên, giúp người có lỗi vượt qua lỗi lầm. Mỗi người chỉ nên tự nói lỗi của mình, đừng góp ý người khác. Vì góp ý công khai như vậy sẽ rất nguy hiểm. Người ta sẽ tự ái và bản thân người góp ý cũng bị tổn phước.

Ví dụ thấy huynh đệ có lỗi, muốn cho người đó đền kỳ ra sám hối trước đại chúng, chúng ta chỉ nên gợi ý trước buổi phát lồ để họ tự nói ra, không nên nói trong buổi phát lồ. Các thầy lớn sẽ bình tĩnh nghe người kia phát lồ lỗi lầm của mình và sẽ phân tích. Người kia sẽ vượt qua được bằng tâm từ ái thương yêu.

Phát lồ có công đức rất lớn. Khi có lỗi, chúng ta nói cho mọi người biết, lỗi sẽ tự nhiên biến mất. Nếu chân thành xin lỗi và cố gắng vượt qua, mọi người sẽ thương mến ta hơn. Nếu giấu lỗi, chẳng những lỗi của ta vẫn tồn tại, mà còn làm cho người khác ghét mình hơn. Có ba điều để vượt qua lỗi lầm. Đó là phát lồ, lễ Phật và tích cực công quả tạo phước.

Khi mắc phải lỗi lầm, tổn hại cho đại chúng, tổn hại cho Phật Pháp, chúng ta phải làm những việc công quả để bù lại lỗi lầm của mình, dứt khoát không được bỏ qua.

Trong Góp nhặt cát đá có một câu chuyện rất cảm động. Đó là câu chuyện Con đường hầm.

Một kiếm sĩ vì muốn đoạt vợ của người khác nên đã giết người chồng. Ông ta dắt người vợ đi nơi khác. Sau đó, thấy người đàn bà này không tốt nên ông đã bỏ bà ta. Ông hối hận và tìm cách chuộc lại lỗi lầm của mình. Lúc bấy giờ, thấy người từ hai tỉnh muốn qua lại phải vượt qua một ngọn núi, đường đèo nguy hiểm, chỉ cần sẩy chân là không cứu được, ông phát tâm đặng đường xuyên núi. Cứ ban ngày đi xin ăn, ban đêm ông đặng núi, ròng rã không biết bao nhiêu năm. Cho đến một hôm, người con trai của ông quan bị ông ta giết trước kia tìm đến, rút kiếm ra thách đấu để trả thù. Anh ta nói: “Ta không giết người sau lưng, hãy rút kiếm ra đấu với ta”.

Ông này nói rằng: “Ta sẽ dâng mạng sống cho anh, nhưng hãy cho ta đặng xong con đường hầm này”.

Người thanh niên nghĩ đi, nghĩ lại thấy hợp lý nên đồng ý. Thời gian chờ đợi kéo dài. Chờ hoài cũng nản nên anh ta phụ ông đục đường hầm cho nhanh. Hai người đục rờng rã bao nhiêu năm, cuối cùng con đường hầm cũng được thông suốt, người dân qua lại dễ dàng. Lúc đó, ông già ngồi xuống và nói: “Đầu của ta đây, anh hãy cắt đi!”. Người thanh niên quỳ xuống, ôm ông già như ôm người thầy của mình và nức nở: “Thầy! Làm sao con cắt đầu Thầy được”.

Người thanh niên trong thời gian đục đường hầm với ông già đã cảm phục tư cách của ông, một người vừa làm được việc phước để xóa tan lỗi lầm cũ, vừa có tư cách đạo đức. Anh ta nhận ra đây mới thật sự là người thầy của mình. Từ vị trí là một kẻ thù, người đàn ông ấy đã biến thành một vị thầy đáng kính bởi ông đã làm được công đức quá lớn lao.

Như vậy, người trụ trì phải giúp đại chúng thực hiện tốt ba điều: Phát lồ, lễ Phật và công quả tạo phước trong suốt quãng đời tu hành để giúp họ vượt qua những lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH

Nóng nảy (Sân) là trạng thái mất bình tĩnh do bực bội khó chịu gây nên và thường khiến chúng ta phải đưa ra những phản ứng mạnh.

Trạng thái mất bình tĩnh thường có nhiều loại. Khi gặp điều vui mừng, chúng ta cũng có thể rơi vào trạng thái mất bình tĩnh. Nhưng mất bình tĩnh ở đây không phải do bực bội khó chịu nên không thành vấn đề, không gọi là sân. Ví dụ, chúng ta đang ở chùa tu hành. Dĩ nhiên, vì mới tu nên ta chưa dứt được tâm luyến ái. Một hôm, nghe tin cha mẹ đến thăm, ta mừng quá, vội vàng chạy xuống, tay bắt mặt mừng. Đó cũng là trạng thái mất bình tĩnh, nhưng không phải do bực bội khó chịu nên không gọi là sân.

Hoặc do cố gắng học hành, rèn luyện, cuối năm ta được đánh giá cao, được khen thưởng. Nghe tin ấy, ta rất mừng và có những cử chỉ lúng túng, vụng về. Đó cũng là trạng thái mất bình tĩnh nhưng không gọi

là sân.

Vậy, những tâm lý bực bội, khó chịu thường xảy ra khi nào?

Trước hết, tâm lý ấy xuất hiện khi chúng ta bị xúc phạm danh dự hay thân thể. Hay nói cách khác, khi ta bị đánh vào bản ngã. Nếu không đánh vào bản ngã, không xúc phạm tới bản ngã thì chúng ta không nổi sân. Nhưng như thế nào gọi là chạm tới bản ngã? Tùy theo cái mà ta chấp. Hễ chúng ta chấp tới mức độ nào đó mà bị người khác chạm tới thì lúc ấy gọi là bị chạm tới bản ngã và tự nhiên ta sẽ nổi sân.

Chẳng hạn, cái chấp căn bản của con người là chấp cái thân này là ta. Như vậy, ai xúc chạm tới cái thân này thì sẽ có vấn đề, sẽ làm cho mình nổi sân. Có nhiều trường hợp được coi là chạm tới cái thân này .

Ví dụ, mỗi ngày chúng ta đều soi gương hai ba lần và cảm thấy tự hào vì mình là hoa khôi của trường. Một hôm, bỗng dưng có người nhìn ta và cho rằng gương mặt của ta trông đen tối quá. Do chấp cái thân mỗi ngày như vậy nên khi nghe lời nhận xét, ta

cảm thấy giận. Cái bực bội, khó chịu, cái cảm giác mất bình tĩnh cứ trào lên. Trạng thái ấy gọi là sân khi bị lời nói xúc chạm đến thân mình.

Hoặc trong một lần tranh luận, ta bị người khác tát một cái vào má. Cái cảm giác bị tát đau vào má cũng là cảm giác bị xúc chạm vào bản ngã làm cho ta nổi cơn giận dữ. Trạng thái nổi sân do bị xúc chạm vào thân thể là cái chấp thô thiển nhất, căn bản nhất mà ai cũng gặp phải.

Nếu mỗi ngày chúng ta không ngồi thiền điều thân để thấy thân này là vô thường, hư ảo thì khi bị người khác xúc chạm, ta sẽ thấy khó chịu ngay. Ngược lại, nếu mỗi ngày chúng ta đều ngồi thiền điều thân, coi thân này là vô thường, hư ảo lâu ngày cho trở thành đạo lực, thì chúng ta sẽ không chấp thân, trong hoàn cảnh nào cũng có thể bình thản được.

Có một cách chữa “nắc cục” theo kiểu dân gian rất hiệu quả. Đó là tìm cách làm cho người ta nổi giận, làm cho họ phản ứng mạnh, tự nhiên cơn “nắc cục” sẽ biến mất. Có người áp dụng “mẹo” này để chữa “nắc cục” cho một thầy trong chùa nhưng không có hiệu quả. Vì người tu hành không dễ dàng bị kích

động. Có lẽ nhờ quá trình điều thân nên họ không mất bình tĩnh, không giận dữ trong bất kỳ tình huống nào.

Đức Phật thường dạy chúng ta ngồi quán tử thi để thấy cái thân này rồi sẽ chết, sẽ sinh tương, mục tan chỉ còn lại xương không, rồi xương cũng thành tro, bay theo gió mát. Cái quán tưởng khi ngồi thiền là như vậy, chúng ta thấy rất rõ điều ấy nơi bản thân mình. Nhưng với tuổi trẻ, điều ấy sẽ hơi khó được nhận ra vì tuổi trẻ thường chấp thân. Người già hay bệnh hoạn ốm yếu dễ thấy cái thân này vô thường, tàn tạ; còn đang khỏe mạnh, không phải người nào cũng dễ dàng nhận ra điều ấy.

Chúng ta phải cố gắng bỏ chấp thân để rơi vào tình huống nào cũng giữ được thái độ bình tĩnh. Chẳng hạn, khi ra đường, nếu ai đó vô tình làm ta ngã xuống, ta vẫn bình thản, coi như không có việc gì xảy ra. Nếu thấy chúng ta đứng dậy, phủ bụi nhẹ nhàng và đi tiếp, người ta sẽ nể phục người tu mình hơn. Như vậy, đạo tâm của họ cũng tăng trưởng. Đó là về thân thể, còn về danh dự? Danh dự là giá trị của con người. Thông thường, người ta có thể

không chấp thân nhưng vẫn xem trọng giá trị, danh dự của mình. Người ta có thể chấp nhận cái chết nhưng không chấp nhận để cho danh dự bị xúc phạm. Ngày xưa, ở Nhật có một giai cấp gọi là võ sĩ đạo. Họ là những người rất trọng danh dự. Hễ danh dự không còn thì họ tự tử ngay lập tức. Chẳng hạn, trong một trận thách đấu, ai thua, người đó sẽ tự tử ngay vì họ cảm thấy nhục nhã khi danh dự không còn nữa. Có người kể rằng, vào những năm 60, tại Nhật có diễn ra một trận thi đấu bóng bàn trong khu vực Đông Nam Á. Việt Nam cũng đưa vận động viên sang tham gia thi đấu. Sau khi thắng các nước khác, cầu thủ Việt Nam bắt đầu thi đấu với một cầu thủ người Nhật, người này vốn là vô địch thế giới về bóng bàn. Trận đấu diễn ra rất quyết liệt. Cuối cùng, đội Việt Nam thắng. Vận động viên người Nhật ấy đã tự mổ bụng chết ngay tại chỗ. Người Nhật trọng danh dự như vậy đó.

Vậy, người tu chúng ta có trọng danh dự không? Trong đạo Phật có một hạnh là nhẫn nhục Ba-la-mật. Dù người ta có xâm phạm đến mức nào, chúng ta cũng không được giận. Có những trường hợp,

không phải họ chỉ xúc phạm đến ta mà còn xúc phạm đến thầy ta, đến cả Đức Phật nữa, chúng ta cũng phải nhẫn nhục. Nếu quá coi trọng danh dự, phản ứng một cách gay gắt khi bị xúc phạm thì chúng ta là người không nhẫn nhục.

Vì vậy, chúng ta phải sống rất đàng hoàng, giữ gìn giới luật, oai nghi tế hạnh; giữ gìn đạo đức, tác phong nghiêm chỉnh. Mỗi khi ra đường, chúng ta đều mặc áo dài. Thậm chí, khi đi khát thực cũng đi với một phong thái ung dung, không van xin hay cầu cạnh. Nghĩa là chúng ta rất trọng danh dự, luôn giữ phong cách đàng hoàng, không để người khác khinh thường. Nhưng nếu bị người ta xúc phạm mà vẫn không giận, không phản ứng có phải là chúng ta không coi trọng danh dự, không có liêm sỉ không? Và như vậy, vấn đề trọng danh dự đối với người tu hành như chúng ta phải hiểu thế nào cho đúng?

Thật ra, đặt vấn đề trọng danh dự hay không trọng danh dự là chúng ta đã bị cái vị kỷ chi phối, chỉ nghĩ về mình mà thôi. Nếu đứng trên lập trường vô ngã, chỉ vì chúng sinh thì chúng ta sẽ không đặt vấn đề

trọng danh dự hay không. Như vậy, danh dự là một cái gì đó rất hão huyền. Người tu chúng ta không nên đặt vấn đề danh dự. Chúng ta đã không chấp ngã thì danh dự có nghĩa lý gì.

Tuy nhiên, dù không coi trọng danh dự nhưng chúng ta cũng cần phải giữ tư cách đạo đức nghiêm túc, chuẩn mực. Đó là vì lòng thương yêu tất cả chúng sinh, vì sự tín tâm của mọi người. Chúng sinh cần có Phật Pháp để nương tựa, cần có ánh sáng để đi trong bóng đêm. Nhưng Đức Phật đã nhập Niết bàn, giáo pháp chỉ là lý thuyết, chỉ có chúng ta, những người xuất gia mới có thể thấp lên được ánh sáng cho họ, mới có thể làm cho Phật Pháp sống động giữa cuộc đời này .

Cho nên, dù người đời có chửi mắng, có xúc phạm đến mức nào chúng ta cũng phải nhẫn nhục. Chúng ta phải giữ tư cách, đạo đức, giữ sự đường bệ của mình ở mọi nơi, mọi lúc. Làm những điều ấy chúng ta hoàn toàn không vì chính mình mà để chúng sinh có niềm tin với đạo.

Một khi không đặt mục tiêu hướng về chính mình mà hướng về chúng sinh, chúng ta sẽ không bị mâu

thuần giữa cái gọi là nhẫn nhục trước sự xúc phạm của người khác với lối sống nghiêm túc, giữ gìn đạo hạnh.

Trường hợp thứ hai, tâm lý bực bội khó chịu xuất hiện khi tài sản bị xâm phạm.

Tài sản là cái chấp rất nặng của con người. Tại sao như vậy? Chúng ta biết rằng, mọi người, nhất là người đời làm nên đồng tiền rất vất vả. Họ phải đổi bằng mồ hôi nước mắt, quần quật suốt ngày này qua tháng khác mới kiếm được đồng tiền. Cho nên, họ rất quý tài sản đã gây dựng được. Chỉ có những người làm ra đồng tiền quá dễ mới không coi trọng nó. Bởi vậy, người nào xâm phạm đến tài sản của người khác, nhất là những cái mà họ chăm chút, yêu thương, là chạm đến bản ngã của họ và sẽ khiến họ nổi giận.

Ví dụ, chúng ta có một cái ly rất đẹp và hằng ngày luôn nâng niu. Một hôm, có người đến chơi, sơ ý làm rơi xuống đất, vỡ toang. Vì đó là cái ta rất quý nên chắc chắn ta không tránh khỏi sự tức giận.

Chúng ta quý cái gì nghĩa là cái chấp của ta đến mức đó nên dễ dàng nổi giận khi bị người khác xâm

phạm cái đó. Bởi vậy, đã là người tu hành, chúng ta phải biết buông xả, từ bản thân cho đến tài sản, để nếu có bị xúc phạm, chúng ta không cảm thấy nặng nề. Người làm được như vậy là người có tâm tu tốt.

Chẳng hạn, khi nghe cuộc trò chuyện của hai Ni cô, chúng ta sẽ đánh giá được mức độ tu tập của họ.

Trong lúc nói chuyện, một người than phiền:

- Gà hàng xóm cứ qua bới hàng rào của tôi, thật là phiền toái.

Cô kia bảo:

- Nó bới hàng rào chứ nó có bới gì mình đâu mà giận.

Qua phân tích lời nói của hai người, chúng ta thấy, cô thứ nhất chấp rằng tài sản của mình trải rộng từ nhà cửa, sân vườn, cây cỏ đến hàng rào. Cho nên, khi ai chạm đến những tài sản ấy là chạm đến bản ngã của cô. Còn cô thứ hai đã biết thoát ly dần dần tài sản nên cảm thấy việc đụng chạm đến hàng rào không liên quan đến mình. Đó là người có tâm tu tốt, tiến bộ.

Tóm lại, trong ba cái chấp của người đời, chấp thân và chấp tài sản là cái chấp thô thiển, ở mức độ thấp.

Còn chấp danh dự là chấp ở mức độ cao hơn. Người có liêm sỉ, có học thức thường coi trọng danh dự. Thậm chí có người trọng danh dự hơn cả mạng sống, hơn cả tài sản của mình. Họ thà chấp nhận cuộc sống nghèo khổ chứ không bao giờ chịu xu nịnh, cầu cạnh người khác. Trái lại, người tầm thường không coi trọng đời sống tinh thần, nhiều khi không cần danh dự. Với họ, thân thể, tài sản là quý hơn tất cả. Đôi khi, vì tiền bạc vật chất, họ sẵn sàng chấp nhận luôn cúi, bắt chấp sự xúc phạm của người khác.

Còn chúng ta, những người sống đời tu hành phải vượt lên ba điều chấp ấy. Mặc dù vẫn xác định rằng thân thể, tài sản không là gì đối với ta nhưng nếu không cẩn thận, không tu tập vững vàng, chúng ta cũng sẽ bị sự chấp thân và chấp tài sản ấy chi phối.

Ví dụ, đang đi trên đường bỗng dưng ta bị sụp chân một cái, ngã rất đau. Ta sẽ rất khó chịu và phiền trách những người làm đường không cẩn thận, không lấp những chỗ đã đào làm cho ta ngã đau khi đi trong đêm tối. Chỉ khó chịu, phiền trách như vậy

thôi nhưng rõ ràng ta đã bị chấp thân chi phối. Còn về tài sản, người tu hành đương nhiên phải vượt qua. Nếu chúng ta không cẩn thận, không vượt qua được, thì chấp ngã sẽ rất nặng. Vì trong đạo Phật, Đức Phật đã dạy chúng ta không được tích lũy tài sản, tập sống một cuộc đời vô sản. Vì vậy, chấp tài sản sẽ làm cho chúng ta trở nên phàm tục. Theo luật nhân quả, không chấp chừng nào, chúng ta lại có chừng ấy. Nếu có của cải, tài sản chúng ta đem bố thí cho người khác thì khi cần, tự nhiên của cải lại đến với chúng ta. Đây là một điều rất lạ.

Có chuyện kể rằng: Thiên Chúa giáo có một vị Thánh tên là Don Bosco. Ông theo một dòng tu chuyên về giáo dục. Lúc ông đi tu, mẹ ông nói: Một ngày nào mà mẹ biết trong túi con có đến mười franc thì mẹ không nhìn mặt con nữa.

Ông là người rất thương mẹ. Vì vậy, trong suốt thời gian tu hành, ông không bao giờ dám giữ tiền vì sợ mẹ biết, mẹ sẽ từ bỏ. Khi có tiền, ông liền mang cho người khác. Vậy mà, tiền cứ mỗi lúc một phát sinh. Ông càng lớn lên, đạo đức càng tăng trưởng. Vì một khi đã có hạnh bố thí thì các công hạnh khác cứ thể

mở ra. Ông vốn chuyên về giáo dục nên thường đưa những đứa trẻ lang thang, hư hỏng về nuôi nấng, dạy dỗ. Công lao của ông rất lớn. Một lần, ông có ý định xây một ngôi trường lớn để những đứa trẻ ấy có chỗ học hành đàng hoàng. Tất nhiên, đó mới chỉ là ý định thôi vì ông không có sẵn tiền. Điều kì lạ là ý định chỉ mới nảy sinh, ông đã được một người đưa đến cho một xe tiền. Đó chính là cái phước có được do sự tích cực bố thí của ông. Cứ thế, suốt cả cuộc đời lo cho chúng sinh và giáo dục cho mọi người những điều tốt đẹp, ông đã được phát thần thông. Ông có trực giác có thể đoán trước được nhiều việc. Sau này, con chiên đến xưng tội chỉ quỳ trước ông, chưa cần nói điều gì, ông đã biết tất cả. Khi ông qua đời, tòa Thánh Vatican đã phong Thánh cho ông, mở thành dòng Don Bosco đến bây giờ. Như vậy, nhờ phước bố thí mà ông đã được thù thắng.

Trường hợp thứ ba khiến tâm lý khó chịu, bực bội phát sinh là khi kẻ dưới không vâng lệnh.

Khi có chức quyền, chúng ta thường chấp địa vị của mình. Chấp địa vị có nghĩa là chúng ta luôn nghĩ rằng mình có quyền lực nên người dưới nhất thiết

phải nghe theo, dù có khi người đó lớn tuổi hơn mình. Nếu họ không vâng lời, chúng ta cảm thấy mình bị xúc phạm vì nghĩ họ không tôn trọng chức vụ mà mình đang có. Trong khi đó, chúng ta đã xem chức vụ ấy là bản ngã của mình. Do vậy, khi người dưới không vâng lời, chúng ta thường nảy sinh tâm lý khó chịu và có khi nổi sân.

Ví dụ, khi có việc phải ra ngoài, chúng ta dặn đệ tử làm một việc gì đó. Khi trở về, việc vẫn chưa được tiến hành. Lúc đó, với tư cách là một người thầy, chúng ta cảm thấy mình bị xúc phạm và sẽ nổi giận. Đó là sự nổi giận do bị người khác xúc phạm đến địa vị, uy tín của mình.

Nhưng cần lưu ý một điều, dù giận chúng ta cũng phải bình tĩnh. Nếu nóng nảy, trách mắng đệ tử hết lời thì họ sẽ mất đi lòng kính trọng đối với thầy mình. Chúng ta phải nêu gương tốt cho đệ tử. Nếu mình còn sân quá, làm sao giữ được lòng tôn trọng của họ suốt cuộc đời. Như vậy, khi thấy một đệ tử làm điều sai trái hoặc không vâng lời, chúng ta phải xét lỗi đó từ tâm, phải bình tĩnh xét hỏi nguyên nhân gây nên lầm lỗi, đừng bao giờ chỉ dựa vào hành

động mà trách mắng họ.

Đối với những trường hợp bướng bỉnh, không vâng lời hoặc thờ ơ không chú ý đến lời dạy của thầy, chúng ta phải coi đó là cái bệnh cần phải được sửa từ trong tâm. Đó là những người có đạo đức kém, sau này họ khó làm được việc lớn. Nghĩ như vậy, chúng ta mới tránh được sự nóng nảy, giận dữ.

Người không biết tôn trọng vâng lời đã là sai, chúng ta giận dữ, nóng nảy lại càng sai, càng chứng tỏ là ta chấp chức quyền của mình quá nặng. Vì vậy, trong quá trình tu hành, nếu được giữ chức gì, chúng ta phải tác ý làm sao để khi gặp chuyện, chúng ta sẽ không chấp cái chức đó mà nổi sân. Chẳng hạn, một người nào đó được bầu làm lớp trưởng, hay chúng trưởng. Người đó sẽ nghĩ rằng: mình có thể bị chấp bởi cái chức này, và khi đã chấp, nếu ai đó xúc phạm, mình sẽ nổi sân. Hiểu như vậy, người ấy phải làm thế nào để đừng chấp? Hãy nghĩ rằng, cái chức này là không có thật, cái thân này như cát bụi, cỏ rác. Đó là “câu thần chú” mà chúng ta nên luôn luôn tâm niệm. Khi đưa ra ý kiến, nếu gặp sự phản đối của người khác, chúng ta

vẫn bình thản, từ tốn giải thích, thuyết phục họ. Dần dần rồi họ sẽ hiểu và lắng nghe ý kiến của ta. Nếu có gì nghiêm trọng, chúng ta lại thưa lên quý thầy lớn. Đó là thái độ điềm tĩnh, đúng mực của kẻ tu hành.

Ngoài ba trường hợp ấy, còn có trường hợp khác cũng làm nảy sinh tâm lý bực bội, khó chịu. Đó là trường hợp bị người khác cướp ngang lời nói hoặc phủ nhận ý kiến.

Ý nghĩ, tư tưởng là cái ta của mỗi người. Đa số chúng ta đều chấp như vậy. Cho nên, ai cướp ngang lời hoặc phủ nhận ý kiến là chạm đến bản ngã của ta. Lúc ấy, không phải đơn giản là ý kiến bị phủ nhận mà danh dự của ta cũng bị xúc phạm. Chính sự xúc phạm đã đó khiến ta nổi sân. Tục ngữ Việt Nam có câu “cướp lời cũng như cướp của” cũng chứng tỏ quan điểm này.

Tóm lại, khi nào bản ngã và những cái chấp thuộc về bản ngã tức ngã sở bị xâm phạm, bị xúc phạm thì chúng ta sẽ nổi sân.

THÁI ĐỘ VÀ PHÂN LOẠI

Thái độ

Người nổi giận thường có nét mặt dữ dằn, lời nói to, hành động thô bạo. Có khi quá giận, người ta còn nói tục, chửi thề. Các triết gia còn cho rằng, người nóng là người ngu, người điên vì trong lúc nóng giận, họ thường có những quyết định sai lầm, những hành động liều lĩnh, không suy xét đúng sai. Sự giận dữ có thể làm mất tư cách của con người.

Kinh Phật có nói rằng: Người nào hay nổi sân thì kiếp sau sẽ trở thành xấu xí. Câu nói của Đức Phật nghiệm ra thật chí lý. Bởi khi giận dữ, tất cả vẻ xấu xí của chúng ta đều hiện ra bên ngoài: mắt trợn, mặt nhăn, miệng gằm, khiến cho người khác kinh hãi. Kiếp sau điều ấy sẽ trở thành cố định, hay gọi là quả báo. Trong cuộc sống hiện tại, nhìn gương mặt ai xinh đẹp, chúng ta sẽ nghĩ đời trước người đó hiền lành, nhân hậu. Còn những người có vẻ dữ dằn, xấu xí có thể là do đời trước họ hay nổi sân, ánh mắt giận dữ đã rớt tới đời này.

Nhìn thái độ biểu hiện bên ngoài, tưởng chừng những người hay giận dữ có một bản tính mạnh mẽ, nhưng thực chất, họ có một nội tâm yếu ớt. Vì tâm

và thân vốn ngược nhau. Người có thân mạnh là người làm được nhiều việc, hăng hái, năng nổ nhưng tâm chưa hẳn đã mạnh. Tâm mạnh là tâm trầm tĩnh, không dễ dàng bị kích động.

Trong giao tiếp, chúng ta thấy người nào không biết giận, gặp việc gì cũng trầm tĩnh, người đó rất đáng sợ vì bên trong họ tiềm tàng một năng lực tinh thần rất lớn. Những người ấy rất có bản lĩnh. Nếu là người tốt, họ có thể được ví với Thánh, nếu là người xấu, sự hiểm độc của họ thật khôn lường. Ngược lại, những người hay nổi nóng thường có vẻ ngoài dữ dằn nhưng không đáng sợ.

Người tu hành thường không có mưu mô, hiểm độc, nhưng cũng không được phép sân. Vì sân là biểu hiện của sự yếu đuối trong tâm hồn. Vì vậy, cần lưu ý một điều, trong chúng nếu người nào còn sân, chúng ta không nên giao làm việc đạo một mình. Vì tâm hồn họ còn yếu đuối, nhu nhược, dễ xảy ra sai sót. Những người bình thản trước mọi việc, gặp chuyện không sân, gặp của không tham là người có thể làm việc đạo một mình mà không sợ xảy ra sai sót. Đây là kinh nghiệm quý báu rất cần trong việc

dạy đệ tử sau này.

Người trầm tĩnh là người có thể tin tưởng được. Đó là lý do tại sao trong cuộc sống, người trầm tĩnh, không nóng giận luôn luôn được ngợi ca, quý mến. Trong đạo Phật, sự bình thản không nổi nóng là dấu hiệu của một công phu tu hành chín chắn. Yêu cầu không nổi sân đối với người tu hành rất cao. Vì nổi sân là biểu hiện của sự tu tập không kỹ lưỡng, công phu không vững vàng. Nhưng vượt qua cái sân không phải là điều dễ dàng. Chúng ta phải vào được sơ thiền, phá được năm triền cái mới vượt qua được cái sân. Năm triền cái đó là:

- Tham ái, hay là tham.

- Sân.

- Thùy miên.

-Trạo cử hay là trạo hồi.

-Nghĩ.

Khi học về thiền, chúng ta sẽ phân tích kỹ từng vấn đề. Trong năm triền cái, chúng ta cần hiểu rõ hơn một chút về trạo cử. Trạo cử tách ra khỏi trạo hồi nghĩa là hay máy động tay chân. Người không chứng chạc, hay nhúc nhích cử động, hay hấp tấp

gọi là trạo cử. Người tu thiền đến mức vào được sơ thiền sẽ thấy khoan thai, điềm tĩnh, thư thái ung dung, không còn trạo cử (hấp tấp) nữa.

Liên quan đến vấn đề này, chúng ta cần hiểu thêm về sự hối hận. Hối hận thường có ba loại:

-Một, là hạng người phàm phu không biết hối hận.

Đó là những người phàm phu, không biết tội phước nên khi đã lầm lỗi, vẫn không tỏ ra hối hận.

-Hai, là người biết tu tập, biết tội phước nhân quả, khi làm lỗi họ biết hối hận về những gì mình đã gây nên.

-Ba, là người tu có tiến bộ. Những người này dù biết rất rõ nhân quả tội phước nhưng khi làm lỗi vẫn không hối hận...

Đây là trường hợp của người đã vượt ra được cái trạo hối. Khi tâm đã vào được định sơ thiền, nếu phạm phải sai lầm, họ biết rất rõ điều đó và biết rõ nhân quả tội phước mà vẫn không hối hận. Không hối hận nhưng không bao giờ họ tái phạm. Quyết tâm không tái phạm lỗi lầm của họ rất mạnh. Điều đáng nói ở đây là những người này khi đã phạm phải sai lầm, tâm họ bình an, không bị ray rứt bởi lỗi

lầm nhưng họ không bao giờ tái phạm. Đó là sự khác biệt giữa họ với hạng người phàm phu, không hồi hận vì không biết nhân quả tội phước, và cứ thế, tiếp tục mắc phải lỗi lầm.

Để chứng tỏ là người tu tốt, tu có tiến bộ, chúng ta không bao giờ nổi sân. Không nổi sân là kết quả của công phu thiền định vững chắc. Nhưng đa phần, vì không chú trọng đến công phu thiền định, không quyết tâm phá được triền cái để vào được sơ thiền, chúng ta có thể bị nổi sân mỗi khi gặp chuyện trái ý. Người đã vào được sơ thiền, sân sẽ không còn nữa gặp bất cứ chuyện gì, họ vẫn không hề nổi giận. Nói không hề nổi giận có nghĩa là không còn một chút bực bội nào nữa dẫu chỉ là một hạt bụi nhỏ. Khi đạt đến mức độ như vậy, họ thực sự đã vượt qua được cái sân. Hay nói cách khác, đây là cái không sân đã đạt đến mức lý tưởng của người có tu tập thiền định.

Chúng ta cần phải hiểu rằng, giữa tứ thiền và tứ quả có sự khác nhau. Trong tứ thiền, chỉ cần vào đến sơ thiền, chúng ta đã vượt qua được sân. Còn trong tứ quả của Sa môn, phải vào đến nhị quả, người tu

hành mới bắt đầu bớt được sâu, và đến tam quả mới dứt được sâu. Vì vậy, ở mức độ ban đầu, tứ thiên cao hơn tứ quả và sơ thiên cao hơn sơ quả.

Phân loại

Sâu thường có nhiều loại. Chúng ta cần phân biệt bốn trạng thái tâm lý của sâu: Nổi nóng, hung dữ, thù hận và giận hờn. Những trạng thái này có những điểm tương đối giống nhau. Ngoài ra, chúng ta còn bắt gặp một trạng thái tâm lý nữa là ác độc. Nhưng ác độc không thuộc về sâu nên chúng ta không đề cập ở bài này.

Trong bốn trạng thái trên, nổi nóng là trạng thái đơn giản nhất và rất dễ gặp. Đó là cái sâu bất ngờ, là trạng thái mất bình tĩnh khi gặp chuyện trái ý, khiến ta nhất thời có những phản ứng vụng về.

Hung dữ là thái độ mạnh mẽ dễ xúc phạm người khác. Đó là trạng thái tâm lý tương tự như sâu nhưng bản chất không phải là sâu. Người hung dữ là người có cá tính mạnh, có tinh thần mạnh mẽ nên thường làm cho người khác phải sợ. Mỗi khi xảy ra chuyện, thần sắc của họ, cử chỉ, lời nói của họ tỏ ra hăm dọa, đe bẹp tinh thần và ý chí người khác, làm

cho người ta phải sợ hãi. Người hung dữ cũng dễ tạo nghiệp. Có khi, vì hung dữ, họ có những nhục hình đối với người khác.

Sự nóng nảy và hung dữ rất gần nhau. Cả hai đều là thái độ phản ứng mạnh. Nhưng hung dữ có kèm theo tâm ác độc, muốn hại người. Người hung dữ thường xúc phạm người khác bằng cách chửi mắng thậm tệ, có khi đánh đập, thậm chí có thể giết người nữa. Mặc dù bên ngoài, có khi người hung dữ rất bình thường, không biểu lộ cái sân, nhưng bản chất của họ vẫn là tàn nhẫn.

Đối với những người tàn bạo, sự ác độc biểu hiện ngay ở việc dùng nhục hình với người khác. Nhiều khi sự ác độc, tàn nhẫn không bộc lộ ở thái độ bên ngoài nhưng lại gây nên đau khổ tột cùng cho người khác. Ví dụ như những lời vu khống hoặc nói xấu, chúng không hề đơn giản. Đó cũng là biểu hiện của sự tàn nhẫn, ác độc.

Thù hận cũng là giận ghét nhưng nuôi dưỡng lâu dài sự buồn bực và có ác tâm muốn trả thù. Tâm thù hận gây nên nghiệp rất lớn. Chúng ta biết rằng, tư tưởng đời này sẽ tạo ra nhân cách ở đời sau. Mỗi

một ý nghĩ ở đời này đều tạo thành con người của chúng ta ở đời sau. Bởi vậy, trong hiện tại, nếu để tư tưởng thù hận kéo dài thì đời sau, chúng ta sẽ trở thành một con người hay chấp, hay thù hận. Một khi đã có lòng hận thù, chúng ta sẽ tìm mọi cách để hại người.

Trong cuộc sống, có những trường hợp xảy ra rất đơn giản. Nhưng nếu có bản chất thù hận, người ta sẽ nuôi dưỡng nó và chờ cơ hội trả thù. Cứ như vậy, oán thù sẽ chồng chất trên cuộc đời này. Điều đó thật nguy hiểm. Vì vậy, chúng ta không nên nuôi tâm thù hận. Với người tu hành, trái tim càng không có chỗ cho lòng hận thù ngự trị.

Ở đây phải lưu ý một điều, thù hận khác với nổi nóng. Nổi nóng chỉ là trạng thái tâm lý xảy ra nhất thời, sau đó chúng ta không giận nữa. Còn thù hận thường kéo dài nên mỗi khi nghĩ đến là chúng ta cảm thấy giận, thấy ghét. Nếu có ai hỏi về người mà chúng ta đang thù hận, chúng ta lại muốn nói xấu người đó, đó là dấu hiệu chắc chắn chúng ta đang nuôi một mối thù hận với họ. Sự giận ghét kéo dài quá lâu sẽ biến thành thù hận. Người đời có mối thù

lớn, thường gây nên nghiệp lớn. Người tu hành không có tâm lý thù hận, nhưng ở mức độ nhẹ vẫn còn dễ buồn giận kéo dài. Chúng ta phải quan sát kỹ để tự hóa giải, không được nuôi dưỡng nó.

Giận hờn là sự buồn bực ở mức độ nhẹ, có khi kéo dài nếu người mình có tình cảm không làm vừa lòng mình. Tâm lý giận hờn thường gặp ở phụ nữ. Đối với nam giới, giận hờn chỉ xuất hiện trong những mối quan hệ tình cảm sâu sắc hơn (tình yêu nam nữ chẳng hạn). Vì có liên quan đến tình cảm nên giận hờn không phải là vấn đề nghiêm trọng.

Như vậy, người phàm phu dễ bị cả bốn tâm trạng đó chi phối. Trong bốn tâm lý đó, người tu hành có thể còn bị nổi nóng và giận hờn. Tâm lý thù hận và hung dữ chúng ta rất ít gặp. Nhưng nếu không kiểm soát tâm kỹ, chúng ta vẫn bị nó chi phối. Tuy nổi nóng và giận hờn là hai mức độ nhẹ nhưng chúng ta cũng phải cố gắng vượt qua vì những điều đó làm cho người tu hành bị giảm đạo lực và tổn phước. Bởi vậy, lúc nào chúng ta cũng phải trầm tĩnh, buông xả không giận hờn.

Trường hợp trong chúng có nhiều người, nhưng ta

chỉ thương yêu đặc biệt một người. Nếu người đó làm điều gì không vừa ý ta là ta giận. Tình cảm như vậy hẹp hòi quá. Tình cảm hẹp hòi cũng làm ta dễ xao động giận hờn.

NHÂN QUẢ

Chúng ta thường nghe: Một chút lửa sân đốt tan cả rừng công đức. Trong cuộc sống, chúng ta làm phước rất nhiều, nhưng chỉ vì một lúc nổi sân, làm một việc quá đáng, gây thành cái tội, bao nhiêu phước chúng ta đã làm cũng trở nên vô nghĩa.

Ví dụ, có một người không biết giận điều gì, châm lửa đốt nhà. Hậu quả là không chỉ nhà ông cháy mà mấy chục căn nhà bên cạnh cũng hóa thành tro bụi. Chỉ một chút nóng giận, người ấy đã gây nghiệp quá lớn. Bản thân kẻ đó không biết tạo phước, lại gánh thêm tội nặng vì đã làm cho bao nhiêu người rơi vào cảnh màn trời, chiếu đất, họ phải trả nợ ấy cho đến kiếp nào mới xong? Sự giận dữ có thể gây nên hậu quả rất nghiêm trọng, bởi vậy, chúng ta phải hết sức cẩn thận, phải biết kiềm chế bản thân mình.

Có khi chỉ một lời nói ác, chúng ta cũng làm mất hết

công phu tu tập từ lâu. Đó là trường hợp buông những câu thề, những lời nguyện rửa xúc phạm đến người khác trong khi bực bội.

Có một người mới xuất gia, khi nói về lý tưởng tu hành của mình, người ấy thề rằng: Vào chùa tu mà hoàn cảnh không đàng hoàng là quay về liền. Đúng ra, người ấy không nên nói như vậy mà phải thề rằng:

-Dù gặp bất cứ hoàn cảnh nào, mình cũng phải giữ vững lòng tu.

Những người như vậy không tu được bao lâu. Đúng là sau đó người ấy đã hoàn tục theo lời thề không hay đó.

Trường hợp vì giận hờn chúng ta bỏ ngang những công đức mà mình đang theo đuổi, có nghĩa là quả báo lành ở vị lai cũng sẽ gãy ngang. Trong khi đó, trong đạo Phật của chúng ta, hạnh nguyện nào cũng phải đạt đến vô lượng, vô biên, đến tuyệt đối. Tu theo đạo Phật là chúng ta đi tìm tính chất tuyệt đối, đi tìm cái vô lượng vô biên ấy. Tích lũy phước cũng vậy. Chúng ta phải tích lũy đến khi không còn giới hạn nữa, phải đi tìm mãi hết kiếp này sang kiếp

khác, đừng bao giờ cho là đủ. Nếu đang làm việc tốt, vì một phút giây nóng nảy, giận dữ mà chúng ta không tiếp tục nữa là chúng ta đã ngừng lại công đức, đã không đi đúng con đường của Phật Pháp. Phật được xưng tụng là lưỡng túc tôn, phước và huệ là vô biên. Đi trên con đường của Ngài, chúng ta cũng phải đi đến vô cùng, làm việc gì cũng phải làm đến viên mãn, đến không còn giới hạn.

Ví dụ, có một người làm việc trong Hội từ thiện. Do bất đồng, gây gổ với các hội viên, người đó không làm nữa. Điều này cũng có nhân quả ở kiếp sau.

Ứng với thời gian làm việc từ thiện, người ấy được hưởng một đoạn đời vinh quang, sung sướng. Sau đó, tự nhiên tất cả sụp đổ, họ trở lại làm một người nghèo khổ bình thường. Điều này ứng với thời gian người ấy giận dữ, bỏ ngang việc làm từ thiện. Bởi khi bỏ việc giữa chừng, họ đã gây ra không ít khó khăn cho người khác. Những gì họ làm quen, mọi người phải vất vả làm lại từ đầu.

Có một Phật tử làm trong ban hộ tự của một ngôi chùa nhỏ tại một vùng quê. Một lần, vì cãi cọ bất đồng với mọi người, anh ta không đến chùa, không

lo cho chùa nữa. Thấy vậy, có người khuyên anh không nên xử sự như thế. Vì nếu anh sân, bỏ công việc của chùa thì kiếp sau sự nghiệp của anh đang thành công nửa đường sẽ bị gãy đổ. Người Phật tử phải biết nhẫn nhục để thực hiện trọn vẹn công đức của mình.

Trong quá trình làm phước, không phải lúc nào chúng ta cũng gặp thuận lợi. Bởi vậy, người làm công đức phải bền tâm, kiên trì. Nhiều khi chúng ta muốn làm phước nhưng có rất nhiều khó khăn trở ngại. Trong đó có cả sự công kích chống đối, hạ nhục của người khác. Nhưng như đã xác định từ đầu, chúng ta không coi trọng danh dự bản thân mà chỉ coi trọng lợi ích của người khác. Do đó, dù gặp trở ngại, ta vẫn phải nhẫn nhục chịu đựng, vượt qua để làm trọn vẹn công đức mà mình đang theo đuổi, đừng bao giờ vì tự ái mà bỏ công việc nửa chừng. Lúc nào cũng vậy, để theo đuổi công đức, chúng ta phải rất bền tâm, vững chí, không được yếu đuối. Nói rằng người hay nổi sân là người yếu đuối, chính là như vậy. Một khi đã yếu đuối, chúng ta sẽ không làm được công đức lâu dài.

Thật ra, mức độ nguy hiểm của việc nổi nóng không lớn. Nhưng về mặt nhân quả, sự nóng giận của chúng ta sẽ làm mất niềm tin nơi Phật tử, khiến họ bất mãn. Có những Phật tử rất khắt khe trong việc đánh giá, luôn đòi hỏi chúng ta phải có đạo đức vững chắc. Nếu lúc nào đó, tình cờ nghe chúng ta nổi giận cãi nhau, những Phật tử dễ dãi chỉ than phiền, nhưng những người khắt khe sẽ mất niềm tin và dần dần không đến chùa nữa.

Có một chuyện đơn giản vì không biết kiềm chế nên người tu chúng ta đã làm mất niềm tin và sự kính trọng của Phật tử. Đó là chuyện hai Thầy ở chung một cốc vì một chuyện nhỏ đã nổi sân. Một người rất thích đọc sách, lúc rảnh rỗi thường mượn sách người kia đọc. Một hôm, phát hiện trong tủ, ngoài kinh Phật còn có một vài cuốn tiểu thuyết, nghĩ rằng người kia không đọc nên người này đã tự ý đem những cuốn sách ấy ra nhóm lửa. Người kia về giận dữ, người này cũng bực bội, nổi sân và gằn giọng: “Tôi không đọc sách của thầy nữa”. Ngay lúc đó, một cư sĩ đứng gần chứng kiến được sự việc nên rất bất mãn. Từ đó, ông không bao giờ đến cốc nữa.

Do đó, vì thương yêu chúng sinh, để giữ tín tâm và sự tinh tấn cho họ, chúng ta phải cố gắng giữ bình tĩnh, không được nổi sân dù trong bất kỳ tình huống nào.

NGUYÊN NHÂN

Có nhiều nguyên nhân làm nảy sinh tâm lý nóng nảy:

Nguyên nhân chính là do chấp ngã nặng. Cái gì chạm đến bản ngã của ta, đều làm ta khó chịu và dễ nổi sân.

Một nguyên nhân quan trọng nữa là do tâm kiêu mạn. Kiêu mạn luôn luôn gây ra nóng nảy.

Nguyên nhân khác cũng không kém phần quan trọng là do nhiệt tình làm điều tốt, nhiệt tình bảo vệ điều thiện. Những người nhiệt tình làm điều tốt, bảo vệ điều thiện cũng dễ có thái độ nóng nảy.

Chẳng hạn, vì nhiệt tình bảo vệ môi trường, ủng hộ việc bảo vệ rừng nên khi nghe tin có nạn phá rừng, chúng ta sẽ rất căm phẫn, căm phẫn những người đang tiêu diệt sự sống của trái đất. Hoặc nghe chuyện người ta đi săn cá voi, chúng ta cũng nổi giận, vì cá voi là một loài linh vật, có trí tuệ rất kì

diệu mà đúng ra con người phải bảo vệ.

Có lúc, chúng ta tỏ thái độ bất bình, khinh bỉ khi nhìn thấy những người giàu có, sang trọng ngồi trên xe hơi mà vứt rác bừa bãi xuống đường một cách thiếu văn hóa. Đó là trạng thái sân xảy ra do nhiệt tình bảo vệ cái tốt.

Chúng ta phải có ý thức giữ văn hóa, văn minh tối thiểu khi ra đường: không vứt rác bừa bãi; gặp đèn xanh, đèn đỏ, phải dừng lại nơi vạch trắng, không được vượt qua, những người tu hành tỏ ra sốt ruột, đứng vượt qua vạch trắng trong khi chờ đèn đỏ hoặc vứt rác bừa bãi khi ra đường sẽ khiến người ta nghi ngờ về giới luật. Đó là người không giữ kỷ cương, nề nếp. Những việc đó tuy nhỏ nhưng thuộc về văn hóa, chúng ta phải luôn có ý thức giữ gìn.

Ví dụ như trong chùa có một người được phân công làm hương đăng, dọn dẹp chánh điện, lau quét tượng Phật. Để biểu lộ lòng tôn kính Đức Phật, lúc nào người ấy cũng lau quét rất sạch sẽ; chăm hoa, thắp hương, thắp đèn cẩn thận. Nhưng một hôm, một huynh đệ vô ý băng ngang qua chánh điện và để lại những vết chân bẩn. Dù có tâm rất tốt nhưng

người ấy vẫn giận sôi lên. Đó cũng là trường hợp nổi nóng do nhiệt tình làm điều tốt.

Hoặc có khi chúng kiến cảnh người khác chửi mắng Thầy, chúng ta không chịu nổi liền phản ứng lại một cách gay gắt. Bởi Thầy là người có đạo hạnh, nuôi dạy chúng ta từng li từng tí. Đối với cuộc đời chúng ta, ngoài cha mẹ ra, Thầy là tất cả. Vì lòng tôn kính Thầy, chúng ta làm như vậy để bảo vệ Thầy là việc làm đúng đắn. Nhưng không biết kiềm chế, để nổi giận là chúng ta đã bị sân chi phối.

Như vậy, người tu chúng ta cần phải khéo léo tách rời sân và sự nhiệt tình. Rất nhiệt tình làm điều thiện, rất nhiệt tình bảo vệ điều tốt nhưng chúng ta không được nổi sân. Đây là điều rất khó mà chúng ta phải cố gắng thực hiện cho bằng được. Để làm được điều đó, chúng ta phải xác định cái sân ấy có nguồn gốc từ đâu. Phải chăng, nó xuất phát từ chỗ chúng ta ghét người ác, người xấu, người bất thiện? Hiểu được nguồn gốc gây nên sân, trong từng trường hợp chúng ta sẽ có những cách ứng xử đúng mực.

Chẳng hạn, vì thiết tha trong việc bảo vệ rừng cho

trái đất này nên chúng ta phạm một lỗi là căm ghét những người phá rừng. Ở đây, cần phải tách hai thái độ này ra. Nghĩa là chúng ta rất nhiệt tình bảo vệ rừng nhưng nguyện không còn ghét họ nữa. Nếu có dịp, chúng ta phải lên tiếng để bảo vệ rừng. Đối với những người si mê không biết tội phước, tiếp tục phá rừng thì chúng ta xót thương cho họ, vì họ đã làm điều lầm lỗi. Vấn đề giết cá voi cũng vậy. Rất nhiệt tình bảo vệ loài cá voi, chúng ta lên tiếng nói, nhưng trong thâm tâm, chúng ta không giận, không ghét người giết cá voi mà thương xót cho họ.

Khi nhìn thấy người khác xả rác bừa bãi ngoài đường phố, chúng ta nhiệt tình bảo vệ văn minh đường phố nhưng không giận ghét, cũng không tỏ ra khinh bỉ. Những thái độ khinh bỉ, hay giận ghét đều làm cho chúng ta rơi vào bất thiện pháp.

Trường hợp lau dọn chánh điện mà huynh đệ mình để vài vết chân bẩn lên đó thì chúng ta nên nhiệt tình, lấy khăn lau lại. Đối với những người xúc phạm đến Đức Phật, đến những bậc Thầy tôn kính, chúng ta nên nhớ một điều: Nếu Phật còn tại thế, người ta mắng trước mặt Ngài, Ngài cũng không giận. Thầy

chúng ta cũng vậy, chắc chắn Người cũng không giận khi bị xúc phạm. Vậy tại sao chúng ta lại giận? Do vậy, chúng ta cũng không nên giận dữ, chỉ xót xa cho người không biết đã xúc phạm bậc tu hành chân chính mà thôi.

Có một Thầy trưởng chúng luôn theo công thức riêng của ông như hai với hai là bốn vậy. Ông quan niệm: “Hễ còn sân tức là còn si mê”. Mà với ông, si mê đồng nghĩa với tham ái. Bởi vậy, lúc nào ông cũng cảnh giác chúng về mặt này. Ông thường thử xem quý thầy còn nổi sân hay không bằng cách kích động, chửi mắng. Người nào bị ông kích động mà nổi sân là ông kết luận người ấy còn tham ái. Chuyện nghe có vẻ lạ nhưng đó cũng là cách để chúng ta cảnh giác, người nào còn hay nổi sân phải cẩn thận.

Một nguyên nhân khác làm cho ta nóng nảy là nhân quả chê bai, chỉ trích người nóng tính. Trước đây, chúng ta tự hào mình tu hành chứng chạc, trầm tĩnh nên thường chê bai người nóng tính. Chúng ta biết rằng, theo nhân quả, nếu chê bai, chỉ trích người, chúng ta sẽ bị quả báo phạm đúng những điều đó.

Trong trường hợp này, chúng ta sẽ trở thành người nóng nảy. Kinh nghiệm cho thấy, chúng ta đừng bao giờ chỉ trích lỗi của người khác. Nếu biết người khác có lỗi, chúng ta chỉ nghĩ đến lòng thương xót mà thôi. Vì những điều chúng ta chê bai, coi thường ấy sẽ trở lại với chính mình.

TU TẬP

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự nóng nảy. Mỗi người chúng ta phải tự xem xét mình đã rơi vào nguyên nhân nào để tìm cách khắc phục.

Trường hợp tâm dễ xao động, dễ mất bình tĩnh. Chúng ta phải tập tọa thiền, kiểm soát tâm, giữ tâm yên tĩnh từng giây, từng phút. Khi ngồi thiền, chúng ta tập kiểm soát tâm, lúc nào cũng theo dõi kiểm soát tâm mình. Và khi bước vào giai đoạn kiểm soát tâm, trong cuộc sống, làm bất cứ việc gì chúng ta cũng chỉ biết có tâm thôi. Đó là thiền định. Đây là điều rất lạ, lúc ấy chúng ta không còn để ý tới công việc mà chỉ để ý tới tâm mình, nhưng công việc lại tự nhiên suôn sẻ.

Khi phá được năm triền cái , sắp đạt được sơ thiền

thì sân sẽ mất. Như vậy, tâm chúng ta dễ nhẩn nhục, không còn nổi nóng nữa. Sau này, đến môn thực tập thiền quán, chúng ta sẽ nghiên cứu kỹ hơn vấn đề này.

Trường hợp tâm kiêu mạn

Chúng ta phải tu tập hạnh khiêm hạ, lúc nào cũng xem mình như cỏ rác, như cát bụi. Cần lưu ý nhất là khi chúng ta bắt đầu thành công, có quyền chức, địa vị, được nhiều người tôn kính. Đó chính là lúc tâm kiêu mạn xuất hiện, chúng ta dễ rơi vào bẫy nổi sân.

Thông thường, khi có nhiều người tôn trọng, nhiều người vâng lời, ca ngợi, chúng ta cảm thấy mình là người quan trọng, lời nói của mình là chân lý, và lúc đó ai nói ngược lại ý mình, mình sẽ nổi sân. Như vậy, chúng ta đã trở nên kiêu mạn. Thử nghĩ, chúng ta đang là biểu tượng của đạo đức, của sự từ bi, nhẩn nhục, trầm tĩnh, bây giờ tự nhiên nổi sân, người ngoài sẽ đánh giá như thế nào. Đây là điều rất đáng lo sợ. Mỗi người chúng ta phải có ý thức tu tập tâm khiêm hạ để góp phần diệt trừ sân hận. Trường hợp do nhiệt tình với điều thiện

Vì nhiệt tình với điều thiện, chúng ta trở nên nóng nảy, nhưng dù nóng nảy, cũng phải tiếp tục làm điều thiện. Nhiều điều thiện sẽ tạo nên phước để chúng ta tăng trưởng đức hạnh. Điều quan trọng là phải cố gắng tách riêng nhiệt tình và nóng nảy. Rất năng nổ làm điều thiện, bảo vệ điều thiện, nhưng chúng ta phải trầm tĩnh khi công việc không được suôn sẻ hoặc bị người khác chống đối, không ghét bỏ người làm điều lầm lỗi.

Trường hợp do nhân quả khen chê

Khi đã cố gắng sửa đổi mà vẫn không hết nóng nảy, chúng ta phải nghĩ là đời trước mình đã từng chê ai đó nóng nảy. Bây giờ, chúng ta phải làm ngược lại, nghĩa là phải biết khen ngợi những người trầm tĩnh. Trong mười hạnh Phổ Hiền có câu: “Nhất giả lễ kính chư Phật, nhị giả xưng tán Như Lai”. Xưng tán Như Lai là ca ngợi Đức Phật, cũng có thể hiểu là ca ngợi các bậc Thánh. Khi ca ngợi tất cả ưu điểm của các Ngài, dần dần chúng ta sẽ có những ưu điểm đó. Nhân Quả là vậy. Cho nên, chúng ta phải biết lợi dụng Nhân Quả để rèn luyện đức hạnh, vượt qua những sai lầm của mình, ở đây là vượt qua cái sân.

Đối với những người nóng tính, chúng ta cũng không chê bai hay chỉ trích mà trong thâm sâu, chúng ta âm thầm cầu nguyện cho họ được trầm tĩnh lại. Khi chúng ta cầu nguyện như vậy, trong tâm họ sẽ được tốt hơn và dần dần trầm tĩnh. Nhưng điều tuyệt vời là có khi người ta chưa trầm tĩnh, chúng ta đã đạt điều đó trước họ. Đó là Nhân Quả. Khi muốn người khác làm điều tốt và cầu nguyện điều tốt cho người khác thì tự nhiên chính chúng ta đã được hưởng điều tốt đó.

Trường hợp lỗi nổi sân, phải thành tâm sám hối trước đại chúng

Khi lỗi nổi nóng, chúng ta phải ra trước đại chúng mà sám hối. Có như vậy, chúng ta mới dừng lại được, không tiếp tục phạm lỗi nữa. Có câu chuyện về một bậc chân tu mà chúng ta cần phải học hỏi. Người đó thật tuyệt vời, đức hạnh như một bậc Thánh. Quanh năm, suốt tháng người ta thấy ông chẳng bao giờ làm lỗi hay phiền não điều gì. Một lần, sau khi cùng làm việc với các huynh đệ, buổi trưa ông y áo ra quả đường đánh lễ đại chúng xin sám hối. Mọi người đều ngạc nhiên không hiểu

chuyện gì. Thì ra, trong lúc làm việc có chuyện trái ý, trong lòng ông nổi sân lên. Tất nhiên, không ai biết ông nổi sân, vì không bao giờ ông lộ ra vẻ mặt bên ngoài. Như vậy, dù không nói điều gì nặng nề, không có cử chỉ gì không phải với ai, chỉ là cái sân tự mình biết thôi nhưng ông vẫn xem là cái lỗi phải sám hối với đại chúng. Con người như vậy thật đáng khâm phục. Nếu biết sám hối, biết đem lỗi của mình ra phát lồ trước đại chúng, ta sẽ không phạm lỗi nữa. Như vậy chúng ta sẽ vượt qua được những tập khí, những cái nghiệp của mình. Công đức phát lồ trước đại chúng là công đức rất lớn. Cho nên chúng ta phải nhớ, mỗi khi nổi sân, chúng ta nên ra quá đường sám hối đại chúng. Nhờ vậy, chúng ta sẽ dứt được tập khí sân.

HẠNH CHÂN

THẬT

ĐỊNH NGHĨA

Chân thật là không nói dối. Trước khi hiểu vì sao phải chân thật, chúng ta nên tìm hiểu qua việc nói

dối.

Nói dối vốn là vấn đề liên quan đến giới. Khi thọ năm giới cư sĩ, chúng ta được căn dặn không được nói dối. Sau đó, khi thọ Sa di mười giới, chúng ta cũng được răn dạy không được nói dối. Đến lúc thọ Tỳ kheo, giới nói dối được chia làm hai: giới trọng và giới khinh.

Giới trọng là giới nói dối xưng mình đã đắc đạo trong khi sự thật mình chưa đắc đạo. Mặc dù người nói dối biết rất rõ điều đó nhưng họ vẫn cố ý. Đó là giới cực trọng và người phạm giới ấy sẽ mang tội cực ác, khi chết sẽ đọa ác đạo. Đó còn gọi là giới Ba La Di.

Giới khinh là giới nói dối ở mức độ nhẹ hơn, tội không nặng lắm. Nhưng xét về đạo đức, tâm thích nói dối là tâm bất thiện làm chúng ta khó tu, tâm không thể vào định được. Xét trên giới luật, giới khinh được tính theo tội phước và là một sự ngăn cấm. Về mặt đạo đức, đó cũng là một sự thương tổn nghiêm trọng.

Trong bốn giới trọng của Tỳ Kheo, các giới tuy nặng nhưng không bằng giới nói dối xưng mình đắc đạo.

Vì khi chưa đắc đạo, kiến giải của chúng ta còn nông cạn, hiểu biết chân lý còn kém. Nếu có người vì tin tưởng sự tuyên bố của chúng ta để theo học hỏi, nhưng chắc chắn sẽ có nhiều đạo lý vi diệu mà chúng ta không hiểu, hoặc hiểu sai, hoặc hiểu không hết. Thế rồi chúng ta giải thích sai, hướng dẫn sai, đưa người đi vào nguy hiểm. Hậu quả thật khôn lường.

Đó là chưa kể đến những người vì tham vọng khát khao danh lợi phù ảo, muốn được mọi người tôn kính. Người đó biết rõ mình không đắc đạo, nhưng vẫn nói dối, vẫn xưng mình đắc đạo. Không thể chấp nhận người đi tìm vinh quang bản thân bằng cách đó. Mặt khác, khi nói dối, họ đã gieo rắc những tà kiến sai lầm cho người khác khi giải thích bừa bãi nhiều vấn đề đạo lý. Những người có tham vọng như vậy thường không xứng đáng là người tu theo đạo Phật vì người theo đạo Phật bao giờ cũng hướng đến sự giải thoát, từ bỏ tất cả những ham muốn riêng, ngay đến bản ngã của mình.

Có lẽ chúng ta còn nhớ câu chuyện Ông già Chồn với ngài Bá Trượng. Chuyện kể rằng, có một ông già

hay vào nghe ngài Bá Trọng giảng pháp ở pháp đường. Một lần, sau khi nghe giảng xong, ông già vẫn không chịu đi. Ngài Bá Trọng nghĩ đây là một người không bình thường, bèn hỏi: “Ông là ai”? Ông già trả lời: “Bạch Hòa thượng, con không phải là người. Con là con chồn ở sau núi. Năm trăm đời trước, đời Đức Phật Ca Diếp, con là một vị Tăng tu hành. Một hôm, có người hỏi con: “Người đã đắc đạo có còn bị luật Nhân Quả chi phối hay không?”. Con trả lời: “Không”. Thế là từ đó con bị đọa làm thân chồn năm trăm kiếp mà không biết mình phạm lỗi gì. Nay con mong Hòa thượng cho con một lời giải thích để con hiểu ra sự thật mà thoát được thân chồn này. Ngài Bá Trọng nói: “Ông hỏi lại ta”. Ông già trịnh trọng hỏi: “Bạch Hòa thượng, người đắc đạo có còn bị luật Nhân Quả chi phối không?”. Ngài Bá Trọng trả lời: “Người đắc đạo không còn hiểu sai về luật Nhân Quả nữa (nghĩa là hiểu rất sâu sắc)”. Nghe vậy, ông già đại ngộ ngay. Ông nói với ngài Bá Trọng: “Vậy là con thoát được thân chồn, xin Hòa thượng lấy nghi thức dành cho Tăng mà tống táng cho con”. Nói xong, ông già biến mất.

Trưa hôm đó, ngài Bá Trọng họp chúng lại để thông báo chuẩn bị làm lễ tang cho một vị Tăng. Mọi người rất ngạc nhiên vì trong chùa không có ai vừa qua đời cả. Ngài bảo mọi người đi theo mình. Vòng ra sau núi, đến một cái hang, họ thấy một con chồn đang phơi xác, bèn mang về thiêu và tống táng đàng hoàng như một vị Tăng.

Chúng ta thấy, trong trường hợp này, ông già Chồn không phải là người nói dối, xưng mình đắc đạo. Chỉ vì hiểu sai, trả lời thiếu cân nhắc mà ông bị rơi vào tà kiến nặng và bị đọa làm thân chồn. Như vậy, nếu không phải là người đắc đạo mà tự xem mình đã đắc đạo, giải thích giáo lý sai lệch, chắc chắn chúng ta sẽ đọa ác đạo nặng hơn. Người tu hành nếu để điều ấy xảy ra thật quá đau lòng.

Ngày xưa, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn khoảng mấy trăm năm, có một vị Tỳ kheo tên là Mahadeva (Đại thiên) chỉ mới tu được một thời gian đã tuyên bố với mọi người rằng ông đã chứng ALaHán. Nghe vậy, nhiều người cũng tin. Nhưng những người gần gũi với ông nhận thấy ông còn nhiều sơ hở trong cuộc sống. Có người hỏi: “Thưa thầy, tại sao bậc

ALaHán còn có những sơ hở như vậy?” (có 5 điều, ở đây không tiện trình bày). Ông trả lời: “Đúng, ALaHán vẫn còn năm điều sơ hở như vậy”. Thế là từ đó, theo cách trả lời của ông ta, trong giới tu sĩ xuất hiện một lối hiểu mới: Alahán còn có những điều hạn chế, những sơ hở trong cuộc sống. Cũng vì thế mà phát sinh lý luận Đại thừa. Lý luận này coi thường quả vị Alahán, ca ngợi Bồ Tát đạo, tu để thành Phật. Về sau, quan điểm đó xuất hiện trong các kinh. Gần đây, khi học giáo lý của đạo Phật, chúng ta thấy có việc chia ra các Thừa. Trong đó, Thanh Văn thừa- Alahán không được tôn trọng. Thời Đức Phật, Alahán lại được tôn vinh ngang hàng với Phật. Như vậy, có những trường hợp do hiểu nông cạn, giải thích không đúng, một số người đã gây nên sự chia rẽ, hiểu sai về đạo Phật.

Thời gian gần đây, trong một số luận bản, chúng ta gặp nhiều giáo lý không được chuẩn nhưng lại được ngợi ca như là giáo lý cao siêu của đạo Phật. Thậm chí, có người hạ thấp giá trị chứng ngộ của Phật xuống mức ngang bằng một triết gia. Họ cho rằng, Đức Phật ngồi dưới cội Bồ Đề chứng đạo chỉ là ngồi

suy nghĩ. Hiểu về Đức Phật như vậy quả thật rất hời hợt. Cách hiểu này khiến cho nhiều người khi nghiên cứu về đạo Phật cũng nghĩ là đạo Phật nông cạn. Đó là những tà kiến thật tai hại. Hiểu sai như vậy, nếu không có những phước đức khác kiềm chế, chính bản thân họ phải chịu quả báo rất nặng và còn góp phần làm cho đạo Phật chóng suy tàn.

Trên thế giới, trường hợp nói dối xưng mình đắc đạo không chỉ có một hay hai mà tồn tại rất nhiều.

Trường hợp giáo chủ Sokohara bên Nhật lập ra đạo Om là một ví dụ. Ông tự xưng là người chứng ngộ trong đạo Phật, dựng lên một đạo lai giữa Thiên tông của đạo Phật với một thần đạo nào đó. Vậy mà vẫn có sức cuốn hút được rất nhiều tín đồ, kể cả những người trí thức. Nhiều Tiến sĩ, Bác sĩ, Kỹ sư, đã theo đạo ấy. Sự thật, ông ta không phải là người tu hành chân chính. Tham vọng của ông là muốn chiếm quyền lực ở nước Nhật. Bởi vậy, ông ta đã tích lũy vũ khí hóa học, sinh học, tích lũy những hơi độc. Khi bị phát hiện, ông ta đã rải hơi độc trong đường xe điện ngầm làm chết và bị thương rất nhiều người. Chúng ta đừng nghĩ những người học cao,

hiểu rộng sẽ có trí tuệ phân biệt được đúng sai.

Không hẳn là như vậy.

Qua trường hợp đó, chúng ta có thể rút ra một điều; Một khi con người cảm thấy thiếu những giá trị tinh thần, họ sẽ khát khao điều đó vô cùng, khi có đối tượng nào đáp ứng được nhu cầu của họ về mặt tinh thần, về tâm linh, người ta sẽ không ngần ngại đi theo. Xã hội Nhật văn minh, giàu có, vật chất thừa thãi nhưng đạo Phật tại đó không đủ uy đức làm chỗ nương tựa cho quần chúng. Vì thế, khi ông ta lập ra một đạo mới nói về tâm linh, người dân dễ dàng bị thu hút. Họ không ngờ đó là tà đạo.

Ở phương Tây cũng vậy, không ít người đã nói dối xưng mình là sứ giả, là con của Đức Chúa Trời và lập ra những giáo phái mới. Họ cũng làm nhiều chuyện sai trái trong giáo phái của mình. Họ đâu phải là một vị Thánh thật sự. Chúa Jésus là người có bản lĩnh rất tuyệt vời nên Ngài tuyên bố xác quyết mình là con của Đức Chúa Trời. Nhiều người không có bản lĩnh cũng xưng như vậy. Do đó, họ làm những chuyện sai trái trong giáo phái của mình. Khi bị cảnh sát phát hiện, bao vây thì trong nhà thờ,

họ giết tất cả các tín đồ, rồi tự tử. Thật đau lòng khi trong thực tế đã xảy ra những chuyện như vậy. Có những giáo phái rất kì lạ như Cổng Thiên đường ở Texas. Họ dựa vào kiến thức khoa học về người ngoài hành tinh, rủ nhau mặc quần áo tràng hoàng rồi cùng tự tử để linh hồn được theo đĩa bay hay sao Chổi nào đó về hành tinh khác sống một cuộc đời bình an hơn. Đó là những tư tưởng rất kì quái, thiếu cơ sở nhưng vẫn có rất nhiều người, kể cả những người có trình độ tin theo. Như vậy, chúng ta nghiệm ra một điều rằng, học vấn ngoài đời không đủ sức giúp con người thoát khỏi tà kiến. Vì vậy, mặc dù rất cần kiến thức, vẫn phải học không ngừng, học cả tiếng Anh, tiếng Hoa cho thật giỏi, phải hiểu biết một số kiến thức về khoa học, v.v... nhưng chúng ta đừng bao giờ nghĩ những kiến thức ấy là chỗ dựa để mình sống và tu hành. Chính đạo đức, thiên định, nhân quả, mới là những yếu tố giúp chúng ta đứng vững trong chánh kiến.

Những người phạm vào giới đại vọng ngữ đó, tội rất nặng. Vì họ đã lợi dụng, đã hưởng thụ sự tôn kính của người khác trong khi mình hoàn toàn không

xứng đáng. Do đó, theo luật nhân quả, sau này họ sẽ ở vào những vị trí rất hèn hạ, ở dưới đáy địa ngục, ngạ quỷ hay súc sinh.

Giới khinh là giới nói dối nhẹ nhàng, bình thường hơn. Nhưng đó cũng là một biểu hiện của tâm bất thiện. Chúng ta biết rằng, muốn nhiếp tâm vào định, con người cần có nhiều yếu tố, đòi hỏi phước quá khứ và cả một đạo đức rất sâu dày. Những tâm từ bi, tâm khiêm hạ phải được huân tập thật vững chắc, pháp môn tu phải thật đúng, thật căn bản.

Tuy nhiên, ngoài những yếu tố đó, chúng ta phải chú ý đến một yếu tố quan trọng nữa là tâm chân thật. Người chân thật là người can đảm nhìn thẳng sự thật. Họ khách quan đi tìm sự thật nên dám nhìn nhận lỗi lầm của mình. Từ đó, họ nhìn thẳng vào tâm mình để phê phán đúng hay sai, động hay tĩnh.

Người sống không chân thật thường có biểu hiện bệnh vực mình khi có lỗi. Chẳng hạn, khi nấu cơm, một người do sơ ý hoặc không có kinh nghiệm đã để cơm vừa sống, vừa cháy khét. Người đó đã biện minh cho mình bằng cách đổ lỗi cho khách quan: nào do nước, do gạo, do củi, những người ấy thường

không dám nhìn nhận sự thật mà luôn bào chữa cho những sai lầm của mình. Có những trường hợp, trong tâm người ta đang bênh vực chính mình, không nhìn nhận lỗi nhưng không biểu hiện ra bên ngoài. Trong cuộc sống, chúng ta thường gặp những người hay cãi khi giận dữ. Nếu là người chân thật, họ sẽ nhận ra mình đang bị sâu và tìm cách vượt qua. Người không chân thật sẽ không bao giờ nhận ra điều đó mà luôn đổ lỗi cho người khác (cho rằng vì người ta ngang bướng, người ta xúc phạm nên mình nổi giận). Người luôn biện minh cho mình là người không chân thật. Người như vậy không thể tu lâu dài được.

Do can đảm nhìn sự thật, can đảm nhận lỗi của mình, người chân thật dần dần kiểm soát được tâm mình, tăng trưởng được đạo đức. Tâm chân thật và tâm thiện thường đi đôi với nhau. Người làm việc thiện không có điều gì phải che giấu hay dối trá. Họ làm gì việc gì cũng kiểm soát, cân nhắc phải trái, đúng sai.

Người chân thật thường làm việc đúng, việc thiện. Khi có lỗi, người ta biết lỗi của mình và nếu được

người khác chỉ lỗi, họ thành thật nhận ngay. Người không nói dối cũng không bao giờ muốn làm điều ác. Cho nên, nói tâm chân thật và tâm thiện đi đôi với nhau là vậy.

Người nói dối là người không nói đúng sự thật. Nếu người nói thật, việc xảy ra như thế nào, họ trình bày như thế ấy và luôn cảm thấy tâm thanh thản, thì ngược lại, người nói dối phải tác ý, phải khởi tâm, dựng chuyện cho hợp lý và cố ghi nhớ để lần khác không nói sai đi. Chính vì vậy, tâm của họ rất mệt mỏi. Đó cũng là lý do khiến tâm không vào định được. Tâm vào định là tâm không khởi vọng tưởng. Trong khi đó, người nói dối luôn phải đặt điều, phải khởi ý, tưởng tượng nên vọng tưởng sẽ khởi mãi. Như vậy, con đường tu của người ấy không bền. Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln, người đã đấu tranh xóa bỏ được chế độ nô lệ ở Mỹ từng nói một câu rất chí lý: Ta có thể lừa dối một người trong một lúc nào đó, ta có thể lừa dối mọi người trong một lúc nào đó, nhưng ta không thể lừa dối mọi người mãi mãi. Sở dĩ ông nói như vậy vì ông quan niệm rằng: Chân lý có sức mạnh, sự thật có sức mạnh, cuối

cùng rồi nó cũng phơi bày. Vì vậy, cái hay nhất của con người là sống trên đời biết làm việc lớn thì đừng làm điều gian dối. Một vị tổng thống mà hiểu được như vậy và lấy đó làm kim chỉ nam cho mọi hành động của mình là điều rất quý. Con người ấy sẽ sống rất chân thật, làm chính trị mà không bao giờ sử dụng thủ đoạn.

Trong tiểu sử của Washington, vị tổng thống Mỹ đầu tiên, có ghi một câu khiến nhiều người rất ngạc nhiên: “Ông suốt đời không hề nói dối”. Đối với chúng ta, những người tu hành hiểu đạo, việc không nói dối hay ít nói dối cũng là điều dễ hiểu. Nhưng là tổng thống, lại là tổng thống nổi tiếng của một cường quốc, luôn phải đối phó với những tình huống éo le trên chính trường phức tạp mà không hề nói dối là điều rất đáng ngạc nhiên và cảm phục.

Những người ấy phải đạt đạo đức sâu dày đến mức nào mới có thể sống được như thế.

Chúng ta thấy rằng, những bậc vĩ nhân thường sống rất chân thật. Càng có vị trí cao trong xã hội, người ta càng ý thức trong việc giữ chữ tín. Vì sao? Vì họ hiểu rằng, sự thật có sức mạnh rất lạ kỳ. Dù bị che

đây, cuối cùng sự thật cũng vẫn là sự thật. Nếu vì một chút lợi danh nào đó mà nói dối, khi bị người đời phanh phui ra ánh sáng, uy tín của họ sẽ không còn nữa. Vì vậy, tốt nhất là nên sống đời chân thật.

Vậy, người ta thường nói dối vì mục đích gì?

Phần lớn, người ta nói dối vì hai mục đích: vì lợi ích của mình và vu khống để hại người.

Nói dối để làm lợi cho mình thường có nhiều tình huống. Chẳng hạn, nói dối để che đậy tội lỗi của mình (vì không muốn người khác xem thường, hoặc để mình không bị trừng phạt), nói dối để lừa gạt nhau, lấy tiền bạc, của cải, hoặc học trò nói dối thầy cô rằng ba mẹ mình bị ốm để được nghỉ học.

Với những người tu hành, nói dối thường nhằm mục đích rất đơn giản: che đậy lỗi lầm của mình. Còn với người đời, sự nói dối phức tạp hơn, nguy hiểm hơn.

Người ta nói dối chủ yếu vì lợi cho mình. Có trường hợp vì ghét ai đó, họ nói xấu để người khác cùng ghét. Ông bà ta thường nói: Khi thương, thương hết cả nhà. Khi ghét lại mượn người ta ghét giùm là như vậy. Đây cũng là một loại nói dối để hại người khác. Có trường hợp nói dối còn nặng hơn nhiều. Đó là

nói dối để vu khống hại người khiến cho người khác bị bắt, bị tù đày hoặc bị trả giá bằng cả mạng sống.v.v... Như vậy, người nói dối là người có tâm rất ác độc.

Câu chuyện về một Sư cô quán chúng cũng đáng để chúng ta suy nghĩ. Trong chúng có ba mươi hai người. Một hôm, có một Phật tử đến xin cúng dường và hỏi cô trong chúng có bao nhiêu người để cúng cho đủ. Sư cô trả lời: “Ba mươi lăm người”. Khi người Phật tử về rồi, trong chúng có người hỏi: “Cô ơi! Chúng mình có ba mươi hai người sao cô nói đến ba mươi lăm?”. Sư cô giải thích: “Phương tiện mà, nói hơn ba phần, nếu có ai đến, mình sẽ cho lại họ”.

Thực ra, Sư cô chẳng tham gì cho mình, chỉ là lo xa mà thôi. Nhưng nói dối như vậy cũng làm tổn phước, không giữ được đạo đức. Nếu có khách Tăng đến, chúng ta chấp nhận san sẻ bớt phần trong chúng cho họ, không cần phải làm như thế. Từ đó, mỗi lần Sư cô lên tòa giảng, chúng cứ nghi ngờ không biết cô nói đúng hay không. Chỉ một lần nói dối thôi, Sư cô đã làm mất niềm tin trong chúng. Vì vậy, tốt nhất

là chúng ta nên sống một đời chân thật thênh thang.

Cũng có khi chúng ta nói dối để đem lại lợi ích cho người khác, nhưng trường hợp này rất hiếm. Ví dụ, có một người muốn xin vào học cơ bản Phật học. Vì thông cảm cho hoàn cảnh của họ, vì nhiệt tình, chúng thưa với các Thầy trong Ban giám hiệu. Khi quý Thầy hỏi, chúng ta nói toàn những điều tốt về họ: nào là học giỏi, có chí, hoàn cảnh khó khăn, v.v... Trong khi đó, sự thật mình chẳng biết rõ sức học của người ấy như thế nào. Như vậy, chúng ta đã nói dối nhưng với mục đích giúp đỡ người khác. Đó là trường hợp nói dối làm lợi cho người.

Sau này, khi dạy dỗ đệ tử hay Phật tử, chúng ta nên nhớ một nguyên tắc: Đừng vì lợi ích của bản thân mà nói dối người khác. Chúng ta chấp nhận sự thiệt thòi, nghiêm túc giữ gìn uy tín, giữ đúng hạnh chân thật của người tu để đạo được bền vững. Nếu sống quanh co, luồn lách, hay nói dối thì chúng ta sẽ làm mất niềm tin nơi người khác. Người xưa có câu: Nhất sự bất tín, vạn sự bất tin. Một khi đã mất uy tín thì ngàn việc sau dù nói đúng, người ta cũng không

tin mình nữa.

PHÂN LOẠI

Khi có người hỏi Phật: Bạch Thế Tôn, có phải là chúng ta luôn luôn phải nói đúng sự thật hay không? Đức Phật trả lời Không. Tại sao như vậy? Đức Phật phân ra bốn loại nói dối và nói thật.

-Nói thật đem lại thiện pháp cho người nghe.

-Nói thật đem lại bất thiện pháp cho người nghe.

-Nói dối đem lại thiện pháp cho người nghe.

-Nói dối đem lại bất thiện pháp cho người nghe.

Xét từng trường hợp, chúng ta sẽ thấy mình nên nói thật hoặc nói dối trong trường hợp nào.

Trường hợp thứ nhất: nói thật đem lại thiện pháp cho người nghe.

Ví dụ, chúng ta nói với mọi người rằng, trong cuộc sống có luật nhân quả. Đó là luật rất công bình, chi phối tất cả mọi suy nghĩ và hành động của ta. Người gieo nhân nào sẽ được quả đó. Người nào bố thí sẽ được giàu sang, khiêm hạ sẽ được địa vị, sống một đời vị tha, giàu đức hy sinh thì sẽ được đắc đạo.

Hoặc chúng ta nói với mọi người cuộc đời này là vô

thường, là biến dịch, mỗi người nên sống thanh thang như lục bình trôi, đừng bám víu hay chạy theo danh lợi tầm thường. Nói những điều đó là chúng ta đã nói sự thật, làm cho người nghe được lợi ích, hấp thụ được một đạo lý ở đời. Đó là sự nói thật mà đem lại thiện pháp.

Một ví dụ khác, Khi biết một vị thầy, một sư cô nào đó tu hành rất chân chính, sở đắc tâm linh, có giới hạnh nghiêm túc, chúng ta liền kể cho người khác nghe. Nếu cư sĩ được nghe những điều tốt đẹp về các vị ấy, họ sẽ tăng thêm tín tâm đối với đạo. Đó là ta đã nói thật đem lại thiện pháp cho người nghe.

Trường hợp thứ hai: nói thật đem lại bất thiện pháp cho người nghe.

Ví dụ, có hai người vốn không thích nhau. Người này nói xấu người kia, đôi khi nói rất nặng lời. Chúng ta nghe được, thật thà kể lại cho người kia nghe, không thêm bớt một lời. Người ấy giận quá, tìm gặp người kia gây gổ. Như vậy, vô tình lời nói thật của chúng ta làm tăng sự chia rẽ, rạn nứt trong quan hệ giữa hai người. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc làm tăng sự chia rẽ, gây căm hận giữa con

người với nhau trong cuộc đời. Đó là trường hợp chúng ta nói thật đem lại bất thiện pháp cho người nghe.

Thời Pháp thuộc có câu chuyện mà người ta thường kể cho nhau nghe để cười vui về sự ngây ngô, thật thà của con người. Nhưng thực ra, đó là bài học mà mọi người phải lưu ý trong việc ứng xử. Thời đó, thực dân Pháp khủng bố, lùng bắt những người theo kháng chiến rất dã man. Có người chạy vào trong nhà một người Thượng, vội vã nói: “Cho tôi trốn vào cái lu. Nếu bọn chúng tới khám xét, anh đừng có nói”. Lát sau, lính Pháp kéo đến hỏi: “Có đứa nào chạy vô đây trốn không?”. Người kia thật thà: “Không đâu! Nó trốn trong cái lu mà dặn tôi không nói”. Lính

Pháp giở nắp lu, lôi người kia ra bắn. Đó cũng là nói thật nhưng đem lại bất thiện pháp, đem lại tổn hại cho người.

Trường hợp thứ ba: nói dối đem lại thiện pháp cho người nghe.

Ví dụ, Trong một buổi trưa, mọi người đang chỉ tịnh nằm ngủ, có một người huynh đệ định trốn ra ngoài.

Thấy vậy, chúng ta liền nói: Sư phụ đang ở ngoài đó, coi chừng bị Sư phụ phạt. Người kia sợ quá đành nằm xuống ngủ tiếp. Thực ra, chúng ta đã nói dối để người huynh đệ của mình đừng phạm thanh quy. Lời nói dối đó đem lại thiện pháp nhưng không bền. Vì trước sau huynh ấy cũng biết sự thật và đâm ra âm úc. Lần sau, nếu có dọa nữa, người ta cũng không sợ hoặc có khi nói thật họ cũng không tin. Còn nhiều trường hợp cũng khiến ta nói dối. Ví dụ như khi có người hỏi: Đạo Phật làm cho người ta đắc đạo, có thần thông, trí tuệ. Vậy đã có ai đắc đạo chưa? Vì muốn người ta tin đạo, theo đạo, chúng ta không tiếc lời ngợi ca khi nói về đạo Phật. Nghe chúng ta nói về đạo Phật tuyệt vời như vậy, người kia liền quy y làm Phật tử. Sau đó, thấy những lời nói của chúng ta không hoàn toàn đúng sự thật, vẫn còn những người theo đạo Phật mà tham sân ganh tị, họ bất mãn và bỏ đạo. Cho nên, nói dối đem lại thiện pháp thường không bền, chỉ mang tính nhất thời mà thôi.

Trong đạo Phật, những trường hợp như vậy tồn tại rất nhiều. Thời xưa, có vị phát hiện ra vài ý hay

trong giáo lý, muốn phổ biến nhưng sợ không có người tin, bèn soạn thành những bài kinh nói rằng Phật thuyết. Khi viết, họ cũng bắt đầu: Như thị ngã văn nhất thời Phật tại Xá Vệ thành... đọc những kinh ấy, người ta cứ tưởng là Phật thuyết nên rất tin và chấp nhận giáo lý của họ. Xét về giáo lý, những lời kinh ấy cũng hay, cũng có lợi cho người tu hành. Nhưng xét về đạo đức, nó hoàn toàn không có tính chân thật vì không phải do Phật thuyết mà do người sau tạo ra. Có rất nhiều kinh điển trong đạo Phật không phải do Phật thuyết. Ở đây, chúng ta không tiện nói rõ bài kinh nào, nhưng trong quá trình học, mỗi người phải nhận ra điều đó.

Vừa qua, ở Mỹ có diễn ra một Hội nghị. Trong đó, có nhiều học giả nghiên cứu về Phật giáo nổi tiếng trên thế giới tham dự. Họ thảo luận về vấn đề cần xác định bài kinh nào là do Phật thuyết, bài kinh nào không phải. Lần ấy, có cả Đức Đạt Lai Lạt Ma tham dự. Họ dựa vào tư tưởng và ngôn ngữ để chứng minh rất chặt chẽ và có sức thuyết phục rằng các bài kinh này xuất hiện sau thời Đức Phật. Chẳng hạn, họ chọn trong bài kinh những từ ngữ mà thời

Đức Phật chưa có để chứng minh rằng, bài kinh đó xuất hiện sau Phật thuyết rất xa.

Ví dụ, từ xã hội chủ nghĩa xuất hiện vào khoảng thế kỷ XIX-XX, thời Lenin. Nếu cuốn sách nào được khẳng định là ra đời từ thế kỷ thứ XIII mà trong đó có sử dụng từ ấy, chúng ta biết ngay là không đúng sự thật. Chắc chắn nó phải được viết sau thế kỷ thứ XX, không thể xuất hiện trước đó. Hoặc một cụm từ khác, cụm từ bảo vệ môi trường sinh thái. Cụm từ này phải xuất hiện từ cuối thế kỷ XX. Nếu bây giờ, cuốn sách nào bàn về vấn đề môi trường sinh thái mà người ta cho là được viết từ thế kỷ thứ V thì chúng ta biết là không có thật. Chắc chắn cuốn sách được ra đời từ thế kỷ XX trở về sau. Tương tự như vậy, có một số bài kinh ý cũng rất hay, nhưng các nhà nghiên cứu lại nhận ra một số từ vào thời Đức Phật chưa có. Từ đó, họ kết luận trong đạo Phật, có nhiều bài kinh do người đời sau viết, họ đã chứng minh vấn đề rất chặt chẽ, không ai có thể phủ nhận được. Cuối buổi hội nghị, ngài Đạt Lai Lạt Ma đã phát biểu: Công trình nghiên cứu của quý vị rất tốt, rất hợp lý nhưng tôi vẫn tin những bài kinh đó

đều là Phật thuyết. Ngài chỉ nói như vậy, chỉ nói bằng niềm tin chứ không bằng lý trí và lý luận. Ngài chỉ tin thôi, không chứng minh gì cả. Do đó, bây giờ ai muốn tin cứ tin, ai muốn tìm sự thật cứ đi tìm sự thật. Nếu chịu khó nghiên cứu, học hỏi, dần dần chúng ta sẽ hiểu điều đó. Sự thật là có những bài kinh không do Phật thuyết nhưng từ lâu chúng ta vẫn nghĩ là Phật thuyết nên mãi tôn thờ. Tác giả những bài kinh ấy thường đề cao lời kinh của mình, cho là vua trong các loại kinh. Đức Phật không bao giờ nói như vậy. Ngài chỉ nói đạo lý và tất cả được ghi chép lại, không hề ngợi ca kinh sách của mình.

Trường hợp thứ tư: Nói dối đem lại bất thiện pháp.

Chính vì nói dối, chúng ta đã gây nên hậu quả: chia rẽ mọi người, làm cho họ căm ghét nhau. Chuyện không có, chúng ta lại nói có, làm cho tất cả rối tung lên, hoặc đặt điều vu khống để hại người khác. Đó là điều không tốt.

Như vậy, trong bốn cách đó, người tu hành nên dùng cách thứ nhất: nói thật đem lại thiện pháp. Ngoài ra có những sự thật không nên nói. Chúng ta

chỉ nói những sự thật mà mình biết chắc là có lợi cho người. Những sự thật gây hoang mang, chia rẽ hoặc làm người ta thoái tâm chúng ta không nên nói.

Hai trường hợp cuối, người tu hành không nên dùng. Dù nói dối đem lại thiện pháp cho người, chúng ta cũng không nên. Đó không phải cách đem lại lợi ích lâu dài cho người khác. Nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ mất uy tín vì những lời nói dối dù đầy thiện chí ấy.

YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI XUẤT GIA:

Người xuất gia nên tránh nói dối trong mọi tình huống. Vì những lý do sau:

Chân thật là biểu hiện của đạo đức

Người có đạo đức mà nói dối sẽ làm mất niềm tin đối với Phật tử. Đôi khi, có những lời nói dối vì những chuyện vặt vãnh, chúng ta cứ nghĩ là vô hại nên không bận khoăn nhưng thực ra, hậu quả lại rất nặng nề.

Ví dụ, khi có việc cần, chúng ta phải xin phép ra khỏi chùa. Vừa đến cổng, có người gặp và hỏi ta đi đâu. Vì không muốn lời thôi, mất thời gian trong khi

đang vội nên ta trả lời qua loa cho xong chuyện: “À, Thầy sai tôi đi mua thuốc một chút”. Chắc chắn nghe nói Thầy sai đi, không ai dám thắc mắc điều gì nữa. Sự thật, lúc đó chúng ta ra ngoài vì việc riêng. Rõ ràng, sự nói dối ấy rất nhỏ nhặt và vô hại. Nhưng cứ nói dối như thế, lâu ngày sẽ thành một tật xấu rất khó sửa, khiến chúng ta không còn uy đức nữa.

Chúng ta biết rằng, uy đức của người tu được tạo nên bởi lời nói. Nếu sống một đời chân thật, không biết nói lời dối trá, chúng ta sẽ có uy đức rất lớn. Khi đó, mỗi lời chúng ta nói ra đều là những câu thần chú. Mỗi lời chúc của chúng ta đều đem lại cho người khác những điều tốt đẹp. Sở dĩ những người tụng thần chú thường rất linh nghiệm là do họ chú tâm, biết mượn uy lực của Phật. Đây là điều rất lạ, càng nghiệm ra chúng ta càng thấy đúng. Khi học về thiền, chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ hơn sự lợi, hại của câu chú. Câu chú có thần lực của nó. Người tu hành có đạo đức, sống chân thật thì lời nói cũng sẽ có uy lực như thế.

Có một chuyện xảy ra tại một Tiểu bang ở nước Mỹ,

cho đến bây giờ người ta vẫn chưa giải thích được nguyên nhân. Tại một phiên tòa, khi sắp xử một vụ trọng án thì trời bất chợt đổ mưa. Mưa tầm tã, mưa dữ dội khiến phiên tòa không sao tiến hành được, đành phải hoãn lại để xử vào ngày hôm sau. Không ngờ hôm sau trời lại mưa tiếp, mưa quá lớn. Trong khi chờ đợi, Chánh án phiên tòa, là một người da đen, viết lên tờ giấy một câu nửa đùa nửa thật: “Trời không được mưa nữa” ký tên vào đó, rồi vứt sang một bên. Trời bỗng ngưng mưa, thế là vụ án xử xong. Mọi việc tưởng sẽ chìm vào quên lãng. Nhưng có một điều lạ là sau đó trời ngưng mưa trong một thời gian dài. Hạn hán xảy ra khắp nơi. Cho đến một hôm, nhân viên thư ký sực nhớ lại chuyện xảy ra ở phiên tòa lần trước, người ấy bỗng nghi ngại điều gì bèn thưa với ngài Chánh án: “Thưa Ngài, Ngài vui lòng ký lại lệnh khác”. Ông Chánh án nhìn tờ giấy chợt nhớ ra điều gì liền viết: “Thôi! Trời mưa trở lại” và ký tên. Sau đó, quả thật trời đã mưa trở lại.

Đây là một chuyện lạ. Báo chí đã từng đưa tin, nhưng không sao giải thích được. Có vẻ như đây là

sự trùng hợp ngẫu nhiên. Nhưng sự việc diễn ra nhanh quá, linh nghiệm quá nên không ai dám kết luận điều gì. Thực ra, cũng có thể người ấy có uy lực động đến trời đất. Có được uy lực ấy là do họ có đức lớn, sống chân thật, phán đoán mọi chuyện chính xác. Như vậy, chúng ta có thể hiểu là trong thời gian làm việc, vị Chánh án kia rất công minh, không bao giờ kết tội oan cho người khác. Do đó, uy đức của ông ngày càng được nâng cao. Đến một lúc nào đó, tiếng nói của ông có thể làm động cả đất trời.

Chúng ta phải sống một cuộc đời thánh thiện, quang minh chính đại để không phải che giấu điều gì. Đến lúc đó, lời nói của chúng ta sẽ có uy lực, sẽ được linh nghiệm. Quan trọng hơn nữa là chúng ta đem lại được thiện pháp cho người khác. Đó là điều hạnh phúc nhất và cũng là đạo đức nhất. Bởi vậy, tâm thiện và tâm chân thật luôn đi đôi với nhau. Nhiều khi chúng ta chấp nhận thiệt thòi một chút về mình để được nói thật, được sống thật. Đây là chỗ thử thách rất lớn đối với chúng ta. Nếu mỗi một lần phải chịu thiệt thòi vì nói thật mà chúng ta vẫn

không ngại thì sau này, đức của chúng ta sẽ rất lớn, đức càng lớn, chúng càng dễ dàng cảm hóa được người khác.

Khi giảng kinh, thuyết pháp, chỉ nên dẫn những câu chuyện có thật để bài pháp có giá trị lâu dài.

Chúng ta đừng bao giờ kể những câu chuyện không có thật, chuyện bịa. Có nhiều câu chuyện cổ của Phật giáo rất khó sử dụng vì tính chân thật không cao. Chúng ta đừng quá nhiệt tình khi kể những câu chuyện ấy để chứng minh rằng đạo lý của mình là đúng. Bởi vì, dẫn những chuyện không có thật, chúng ta sẽ không đem lại giá trị lâu dài cho bài pháp. Nếu kể chuyện từ thời Đức Phật để minh họa cho bài giảng, chúng ta phải cân nhắc kỹ càng, phải đánh giá mức độ chân thực của nó.

Đọc Kinh Bách Dụ chúng ta sẽ gặp rất nhiều chuyện bịa, chuyện tưởng tượng. Trong kinh có câu chuyện hai đệ tử xoa bóp chân cho Thầy. Chuyện kể rằng, trong khi xoa bóp, vì lý do nào đó, hai người gây nhau. Một người lấy cây đập vào cái chân của Thầy mình mà người kia đang xoa bóp. Người kia tức quá cũng trả thù bằng cách lấy cây đập vào

chân mà người này đang xoa bóp. Cứ thế, ông Thầy bị đập qua đập lại đến gần chết.

Thực ra, câu chuyện cũng có ý nghĩa riêng của nó. Qua việc làm của hai đệ tử, người ta muốn nói rằng: Trong đạo Phật, nếu cứ chia ra nhiều tông, nhiều phái công kích lẫn nhau, cuối cùng chính đạo Phật sẽ bị tổn thương nặng nề. Đạo lý rất hay nhưng chuyện kể lại hoàn toàn không có thật. Kinh Bách Dụ là như vậy. Cho nên, những câu chuyện trong ấy chúng ta có thể kể để nghe cho vui, không nên kể như một dẫn chứng, chứng minh cho đạo lý của mình.

Hiện nay, những câu chuyện “cổ tích” như vậy còn lưu truyền rất nhiều. Nếu cứ dựa vào đó để chứng minh cho đạo lý của mình thì đạo lý ấy sẽ không vững chắc. Đây là điều chúng ta cần lưu ý. Xã hội ngày càng văn minh, con người càng có nhu cầu xét lại, kiểm nghiệm lại mọi điều. Họ chỉ muốn nghe và tin những điều đã được thể nghiệm.

Vì vậy, nếu nói về Luật Nhân Quả, gieo nhân nào gặt quả đó mà chúng ta chỉ dẫn chứng minh họa bằng những câu chuyện cổ tích, có Bụt, Tiên hiện

ra giúp đỡ người nghèo khổ, tốt bụng, trừng phạt những kẻ ác độc thì chắc chắn chỉ thuyết phục được trẻ con mà thôi.

Vì những chuyện rút ra từ đạo Phật không nhiều, lại có những chuyện không thật nên trong cuộc sống, chúng ta phải tích lũy những câu chuyện có thật về đạo lý ở đời để làm tư liệu cho những bài giảng pháp. Chẳng hạn, chuyện về một sư cô được hưởng chính sách ưu đãi rất tuyệt vời khi sang Mỹ là câu chuyện đáng kể cho mọi người nghe khi giảng pháp. Khi còn ở Việt Nam, cô thường đi làm thuốc chữa bệnh cho người nghèo và xem đó là niềm vui trong cuộc đời dù phải chịu nhiều vất vả. Khi sang Mỹ, tự nhiên cô được xếp vào danh sách những người được hưởng chính sách ưu đãi, được chăm sóc y tế không phải đóng lệ phí. Trong khi đó, những người khác, thậm chí những người tàn tật, muốn được như vậy phải chạy lo thủ tục rất khó khăn. Kể chuyện của Sư cô, chúng ta nhằm mục đích chứng minh cho cái quả mà cô có được do quá trình làm phước khi còn ở Việt Nam. Những câu chuyện như thế có sức thuyết phục người nghe hơn.

Sống trong thời đại văn minh, có trình độ hiểu biết cao, người ta không thích nghe những câu chuyện tưởng tượng.

Tuy nhiên, cũng có nhiều giai thoại về các bậc Thánh nghe có vẻ thần bí nhưng lại rất thật. Chúng ta cần phải kể để xác chứng giá trị tâm linh của đạo Phật.

Ví dụ, chuyện Ngài Đặng Ấn Phong bay lên hư không. Ngài vốn là người tu thiền đắc đạo, có thần thông. Một hôm, Ngài cùng các đệ tử đi qua một cánh đồng. Gặp cảnh binh lính đang đánh nhau dữ dội, Ngài nói: “Ta phải cứu cái nạn này”. Nói rồi, Ngài bay lên hư không, cầm gậy chỉ xuống. Binh lính hai bên thấy vậy sợ quá, lui quân không đánh nhau nữa.

Câu chuyện có vẻ hoang đường nhưng lại có thật. Nhiều học giả có thể không tin vào những chuyện như vậy. Nhưng là người trong đạo Phật, chúng ta biết giá trị tâm linh sâu sắc và cao siêu của đạo Phật nên rất tin. Những câu chuyện đó giúp chúng ta xác chứng lại một điều: Ngoài những đạo đức trong đời sống, đạo Phật còn có những giá trị tâm

linh rất cao, nhất là khi người tu hành đạt đến một mức độ nào đó. Đây là những câu chuyện có thật, chúng ta phải sử dụng và phổ biến rộng rãi, càng nhiều càng tốt.

Vào khoảng thập niên 80 của thế kỷ XX, khi hệ thống Xã Hội Chủ Nghĩa ở Liên Xô chưa tan rã, người ta bắt đầu nghiên cứu về sự thần thông, về các ngoại cảm, về năng lực tâm linh trong đạo Phật. Họ sang Việt Nam để thu thập những tài liệu có liên quan đến những người có năng lực thần thông đang được lưu trữ trong đạo Phật hoặc trong dân gian.

Nhưng rất tiếc, Việt Nam chúng ta không tích góp những tài liệu đó nên không cung cấp được gì.

Người ta nghiên cứu rất kỹ vấn đề này. Họ tin và khai thác tất cả những tư liệu, những lời đồn đại về phép thần thông của Phật giáo Việt Nam để nghiên cứu.

Nói những điều này, chúng ta không thể không liên hệ đến cái gọi là thế giới vô hình, thế giới của ma quỷ, của các vong linh vẫn đang hiện hữu mà mắt thường không nhìn thấy được. Có nhiều người chủ trương không nói đến thế giới vô hình vì cho rằng

điều này trái với khoa học. Như vậy, những người ấy đã tỏ ra khiếp sợ khoa học. Trong khi đó, khoa học chưa phải đã tiến đến mức cuối cùng, còn nhiều điều khoa học chưa biết, chưa giải thích được. Bổn phận của chúng ta là phải bảo vệ sự thật, nói đúng sự thật. Sự tồn tại của thế giới vô hình, của những vong linh ma quỷ xung quanh ta là điều có thật. Nói như vậy, không phải là mê tín dị đoan mà là chúng ta nói sự thật. Một khi đã nói sự thật, chúng ta không có điều gì phải sợ hãi cả.

Trong cuộc sống, có những huyền thoại vô lý nhưng cũng có những huyền thoại là có thật. Điều quan trọng là chúng ta phải phân biệt được đâu là thật và đâu là giả.

Nhân giả dối không thể đưa đến quả chân lý

Chúng ta tu hành là đi tìm chân lý, đi tìm sự thật, tìm lẽ phải, nhưng nếu tâm bị khuynh hướng gian dối che phủ thì chúng ta sẽ **không có trí tuệ để nhìn thấy lẽ phải.**

Ví dụ, khi nghe kể một câu chuyện, chúng ta không nhận định được đâu là đúng, đâu là sai. Hoặc khi

trong Chúng có chuyện bất hòa, tranh cãi với nhau, đúng ra chúng ta phải phân định ai đúng ai sai để giảng hòa nhưng chúng ta lại không nhận ra. Sở dĩ như vậy là do trước kia chúng ta hay nói dối nên bị quả báo, bây giờ không hiểu được sự thật. Đó là nhân quả.

Sâu xa hơn, người hay nói dối sẽ không có phước giác ngộ chân lý.

Ví dụ: Phật nói vô ngã, cái ta là không có thật. Nghe điều này, nếu sống chân thật, chúng ta sẽ hiểu rằng Phật nói đúng. Tuy lúc đầu, chúng ta có cảm giác là mình có một cái ta khác với mọi người, nhưng đó chỉ là ảo giác. Khi tu đến một mức độ nào đó, ảo giác sẽ tan biến, sự thật là chúng ta đã chứng được vô ngã. Sở dĩ tin lời Phật dạy là do chúng ta biết sống một đời chân thật, biết tạo nên cái phước để hiểu được chân lý, hiểu được đạo lý cao siêu. Nếu là người sống không chân thật, luôn giả dối, khi nghe Phật nói như vậy, họ không thể nào hiểu được, họ không có phước để cảm nhận được điều đó.

Tương tự như vậy, người có phước do sống đời chân thật nên hiểu rằng, cuộc đời này là vô thường hư ảo,

chẳng có gì tồn tại mãi. Hiểu như vậy, bản thân họ sẽ không tham đắm và không mong cầu điều gì. Còn người giả dối không thấy được sự thật là do họ không có phước. Như vậy, hiểu được đạo lý là điều hoàn toàn không đơn giản.

Có trường hợp, người tu hành phát được trực giác, biết được những chuyện kì lạ cũng do hạnh chân thật đem lại. Trước họ, nếu trong tâm có điều gì khuất lấp, gian dối chúng ta sẽ không che giấu được. Vì một khi họ đã gieo nhân chân thật, không sự thật nào có thể qua mắt họ được.

Người hay nói dối còn chịu quả báo nữa là hiểu sai về nhân quả nên hay làm nhằm qua việc bất thiện. Trong Thiền Lâm bảo huân, có câu chuyện như sau: Có lần, một Thiền sư trong cơn nhập định, Ngài chợt thấy một hồn ma đang bị đeo gông hiện ra, mình mẩy bị lửa đốt, đứng tựa nơi cửa. Ngài hỏi: “Ông là ai, tại sao lại rơi vào tình cảnh này?”. Hồn ma trả lời: “Thưa Thầy, lúc trước tôi là Tri sự của chùa này. Khi người ta cúng dường tiền bạc cho chúng Tăng, tôi đem tiền đó cất Tăng đường. Tôi làm sai luật nên đã bị quả báo phải xuống địa ngục.

Bây giờ, xin thầy lấy số tiền bằng số tiền cất Tăng đường cúng dường lại cho chúng Tăng để cầu siêu giùm tôi”. Nói xong, hồn ma biến mất. Vị Thiền sư ấy làm đúng như vậy, lấy tiền quỹ đúng bằng số tiền cất Tăng đường, thiết trai tăng cúng dường cho người y áo, vật phẩm đủ cả. Ngay đêm đó, Ngài lại thấy hồn ma hiện ra nhưng với một gương mặt khá đẹp và nói: “Nhờ công đức của Ngài, tôi đã được sinh lên cõi Trời, ba đời sau tôi sẽ xuống làm Tăng trở lại”.

Qua câu chuyện, chúng ta thấy ông Tri sự là người lo cho Chúng chứ không nghĩ gì cho riêng mình. Nhưng tiền được cúng dường cho Tăng mà đem làm Tăng đường là không đúng. Nếu hiểu sai hoặc hiểu không hết về Nhân Quả, chúng ta sẽ dễ làm sai, làm nhầm qua việc bất thiện và phải chịu quả báo như vậy. Cho nên, chúng ta phải hiểu Nhân Quả chính xác để không làm sai, không làm điều bất thiện. Nhiều khi chúng ta cứ tưởng mình làm điều thiện nhưng thực ra đã làm điều bất thiện (như trường hợp của ngài Tri sự kia) chính vì không hiểu đúng Luật Nhân Quả.

Người có tật nói dối còn bị quả báo là **không nhìn thấy sự cao cả của các bậc Thánh nên không thể khởi tâm cung kính**. Đó cũng là một thiệt thòi lớn. Muốn chứng Thánh, chúng ta phải cung kính các bậc Thánh. Đó là Nhân Quả rất rõ ràng và vững chắc, không thể phủ nhận được. Ngày xưa, khi có vị nào đắc đạo, Đức Phật luôn cho họ biết Nhân Quả, nghĩa là cho biết họ đã từng cung kính, cúng dường Phật hay một vị Alahán nào, từ kiếp nào để bây giờ được đắc đạo.

Tích lũy phước cung kính các bậc Thánh là điều rất quan trọng. Bởi vậy, không phải ngẫu nhiên mà chúng ta cho rằng, **nền tảng đầu tiên của mọi tâm hạnh đạo đức là lòng tôn kính Phật**.

Người có nhân giả dối thường không hiểu hết Phật, nên lòng tôn kính Phật của họ rất hời hợt. Kết quả là họ không đủ phước để tư cách của họ được tăng trưởng. Nếu tu hành suốt đời họ cũng chỉ là một vị Tăng tầm thường. Những người có lòng tôn kính Phật thật vô lượng, vô biên sẽ trở thành một bậc cao Tăng, uy đức ngời sáng, mọi người đều kính nể. Nhiều khi, chung quanh chúng ta có những vị

Thánh ẩn thân, sống giản dị. Nếu không biết, sinh tâm coi thường các vị đó thì chúng ta cũng không được lợi ích. Ngược lại, nếu hiểu được và kính trọng họ, chúng ta sẽ có phước.

Một điều nữa cần lưu ý là người giả dối không đánh giá đúng tình trạng tâm của mình nên không thể làm chủ được tâm. Và như vậy, họ không thể đạt thiền định. Vì không đánh giá được tâm mình nên người nói dối thường hay biện minh, bênh vực, che đậy lỗi lầm của mình. Đó là tự dối mình. Những người tự dối mình sẽ không có ý thức sửa tâm, không làm chủ được tâm. Một khi đã không làm chủ được tâm thì không thể đạt được thiền định.

Đó là Nhân Quả của việc nói dối. Khi nói dối, chúng ta sẽ bị nhiễm vào tâm và chịu rất nhiều thiệt thòi: Không có trí tuệ để nhìn thấy sự thật, không nhìn thấy được tâm mình; không có phước để phán đoán hoàn cảnh bên ngoài và nhiều khi còn làm những điều bất thiện. Người sống một đời chân thật, những điều đó không xảy ra.

Có lẽ chúng ta còn nhớ câu chuyện về vị Tỳ Kheo và con ngỗng nuốt chiếc nhẫn. Câu chuyện là một

tâm gương sáng về hạnh chân thật. “Một lần, vị Tỳ Kheo nghiêm trang, đàng hoàng đi khất thực buổi sáng. Khi đến một gia đình giàu có, ông được chủ nhà cung kính mang vật thực ra cho vào trong bát. Trong lúc sót vào bát, chiếc nhẫn của bà ta lỏng quá, rơi xuống đất. Thấy vậy, vị Tỳ Kheo nghĩ thông thả sẽ chỉ cho chủ nhà biết. Vì vốn ít nói, lại giữ oai nghi khi đi khất thực nên ông không nói vội. Không ngờ, một con ngỗng từ đâu chạy lại, nuốt mất chiếc nhẫn. Ông không biết làm thế nào. Khi chủ nhà đã quay vào, ông vẫn còn đứng đó. Chủ nhà rất ngạc nhiên. Lúc này, bà ta mới phát hiện ra mình mất chiếc nhẫn trên tay. Bà vội vàng chạy ra và hỏi: “Thưa Thầy, Thầy có thấy chiếc nhẫn của con không?”. Vị Tỳ Kheo im lặng, không trả lời. Vì ông sợ nói thật thì con ngỗng sẽ bị giết. Ông lại là người sống rất chân thật, không nói dối bao giờ. Ông đứng đó, không biết giải quyết bằng cách nào. Bà chủ nhà tiếp tục hỏi: “Thầy có thấy không, chiếc nhẫn con mới rơi ở đây thôi, khi con sót bát cho Thầy”. Dù bị nghi là lấy chiếc nhẫn, ông cũng im lặng. Bà chủ nhà giận dữ, túm áo ông nói: “Ông lấy

chứ còn ai vào đây. Nãy giờ chỉ có thầy với tôi thôi”. Bà nặng lời chưa đủ còn đánh vị Tỳ Kheo bầm cả mặt mày. Lúc ấy, có lẽ nghiệp của ông cũng vừa hết nên con ngỗng tự nhiên vật vã rồi ngã lăn ra chết. Lúc này, ông mới thều thào: “Tôi thấy con ngỗng nó nuốt...”. Bà chủ nhà hoảng hốt la lên: “Trời ơi! Sao Thầy không nói cho con nghe”. Ông Thầy trả lời: “Nói rồi cô giết con ngỗng thì sao?”

Câu chuyện kết thúc. Không biết sự thật như thế nào, nhưng chúng ta tin đó là câu chuyện có thực. Trên đời này, những người cương quyết không nói dối, thà bị đánh cũng không nói dối và cũng không nỡ nói thật để hại người, hại vật như vậy không phải là không có. Đó là hạnh chân thật của người tu hành.

Họ không nói thật vì nói thật sẽ hại người khác, phạm vào lòng tử bi, nhưng cũng không muốn mất hạnh chân thật nên im lặng chịu đựng.

Trong cuộc đời, nhiều khi chúng ta cũng rơi vào những tình huống như vậy. Có lúc chúng ta bị người khác hiểu lầm, hiểu sai mà phải chịu đựng, chấp nhận thiệt thòi để không phải nói dối điều gì. Có thể

lúc ấy, nếu giải bày sự thật, chúng ta sẽ lấy lại được sự trong sạch, nhưng người khác sẽ bị tổn hại.

Chúng ta tin rằng chính sự chịu đựng, chấp nhận thiệt thòi đó sẽ làm phước đức của chúng ta tăng trưởng gấp bội lần. Vì nhân quả và phước báo không phải tự nhiên mà có. Con người phải trải qua những thử thách, gian nan, những cay đắng trong cuộc đời mới có được.

Chuộng sự thật là tinh thần của các nhà khoa học

Các nhà khoa học vì chuộng sự thật, đi tìm sự thật, đã khám phá không biết bao nhiêu quy luật của thế giới, của tự nhiên, của lịch sử xã hội và con người. Họ không chấp nhận những lời giải thích, những kết luận vô căn cứ cũng như không bao giờ chấp nhận sự lạc hậu. Nhờ vậy, ngày nay chúng ta được hưởng những thành tựu khoa học kỹ thuật của họ, được sống trong một xã hội đầy đủ tiện nghi.

Ngày xưa, ông cha ta giải thích nạn lũ lụt hằng năm bằng câu chuyện thần thoại rất hấp dẫn: Sơn Tinh, Thủy Tinh. Và một thời, người ta tin đó là sự thật. Nhưng ngày nay, có những người không tin, không

chấp nhận lời giải thích đó nên cố công đi tìm sự thật. Nhờ đó, họ đã tìm ra được nguyên nhân và giải thích một cách rất khoa học.

Trong lịch sử, nhiều sự thật bị che đậy hay bóp méo đã được tìm thấy. Những nhà khảo cổ, nhà sử học đã tìm được những sự thật bị che phủ bởi lớp bụi thời gian trong lịch sử Ai Cập cổ đại mà chúng ta không thể biết.

Tuy nhiên, cũng có một số tôn giáo mâu thuẫn với khoa học vì thiếu tinh thần chuộng sự thật. Họ thích tưởng tượng, thêu dệt nên những chuyện hoang đường, thần thánh để giải thích mọi việc một cách hời hợt. Ví dụ, trong kinh Cựu Ước, người ta cho rằng Chúa tạo ra trời đất trong sáu ngày và nghỉ một ngày. Do đó, ngày nay chúng ta có một ngày nghỉ trong tuần vào ngày Chủ nhật. Đến bây giờ, nhân loại mới khám phá ra điều nêu trong kinh là chuyện không có thật. Người ta biết chắc rằng không có Thượng đế nào tạo ra trời đất trong sáu ngày cả. Làm gì có chuyện Chúa tạo ra trời đất, muôn vật, tạo ra mặt trời quay quanh trái đất và

thấp những hàng nên đẹp trên bầu trời vào ban đêm. Sau đó, Chúa lấy đất nặn hình người rồi thổi hơi vào đó để tạo nên con người làm chủ các loài vật. Chúa tạo nên ông Adam. Người đàn ông ấy sống cô đơn, buồn quá đã rút ba xương sườn của mình để tạo nên bà Eva v.v...

Có thể coi Chúa Jésus là một vị “Bồ Tát thị hiện”, qua Do Thái để cải cách đạo Do Thái từ kinh Cựu ước. Lúc bấy giờ, một số người Thiên Chúa giáo cũng chống Chúa Jésus nên ông mới bị họ bắt và đóng đinh trên cây thập giá. Nếu tách riêng những lời dạy của Chúa Jésus, chúng ta sẽ thấy những lời ấy rất giống đạo Phật.

Đạo Phật có tính khoa học, thể hiện ở chỗ chuộng sự thật. Cho nên, không những có nhiều điều phù hợp với khoa học mà đạo Phật còn gợi ý cho khoa học. Chẳng hạn, đạo Phật cho rằng, vũ trụ đất trời do nhiều nhân duyên mà có, do nhiều yếu tố hợp thành, trong đó có nghiệp thiện ác của chúng sinh tác động vào.

Như vậy, điều đạo Phật nói không sai với khoa học. Và theo khoa học, cái gì trên đời này cũng có

nguyên nhân, cũng do nhiều yếu tố hợp thành. Tuy nhiên, có một điều khoa học chưa thấy được trong các nguyên nhân đó là nghiệp chúng sinh tác động vào rất lớn. Đây là điểm Phật giáo gợi ý cho khoa học, trong đó có cả vấn đề về nhân quả.

Sở dĩ gần đây trên thế giới liên tiếp xảy ra những vụ ném bom khủng bố của những người Hồi giáo là do giáo lý của họ. Bởi vậy, chúng ta không thể vô tư tu hành, phải biết lo lắng về vấn đề này. Trách nhiệm của chúng ta là phải lưu tâm bảo vệ Phật Pháp.

Trong nghề nghiệp, người cư sĩ phải biết tôn trọng sự thật. Nhất là người làm nghề Luật sư, đừng bao giờ vì quyền lợi của mình mà bóp méo sự thật, bênh vực thân chủ một cách quá đáng. Chúng ta phải dạy cư sĩ điều đó.

Một điều cần lưu ý, đạo Phật chúng ta cũng nên xét lại một số các tư liệu lịch sử, xuất xứ của một số giáo lý.

Ví dụ **Sử 33 Vị Tổ**. Theo các nhà sử học, trước ngài Thần Hội không có tư liệu nào nói về các vị Tổ, Bạt Tu Mật Đa- Bát Nhã Đa cũng không có, chỉ từ ngài Thần Hội mới có tư liệu. Từ đó, họ kết luận Sử 33 Vị

Tổ là do ngài Thần Hội soạn ra.

Hoặc việc ngài Trí Khải nói về 5 thời pháp giáo chẳng hạn. Ông cho rằng, 12 năm đầu, Đức Phật giảng A Hàm, 9 năm sau Phương Đẳng, 21 năm Bát Nhã, 6 năm Pháp Hoa-Niết Bàn. Điều này, các nhà sử học cũng phủ nhận. Họ cho rằng, trong các kinh A Hàm, có những bài kinh Phật giảng lúc về già, có những bài Đức Phật giảng lúc gần nhập Niết Bàn. Như vậy, làm sao khẳng định Phật giảng A Hàm là trong khoảng 12 năm đầu. Thực ra, phải hiểu rằng, Đức Phật giảng A Hàm trong suốt cả cuộc đời mình.

Như vậy, những điều nghi vấn trong lịch sử Phật giáo, chúng ta cần phải xét lại. Hoặc những điều người xưa truyền lại không đúng sự thật, chúng ta phải có trách nhiệm sửa lại cho đúng, phải mạnh dạn làm điều đó mà không sợ mình phạm thượng, xúc phạm Tổ sư.

Trong quá trình đi tìm sự thật, đôi khi các nhà sử học không cảm nhận được các điều mâu thuẫn nên đã bỏ qua. Bởi vậy, dù rất chuộng sự thật nhưng chúng ta không nên quá tin mà phải nghiên cứu, tìm

tòì và phải biết phân biệt đâu là sự thật.

Tóm lại, nói dối có hậu quả rất nghiêm trọng. Không những nó ảnh hưởng đến việc tu tập của mình mà còn ảnh hưởng đến uy tín của Đạo và lợi ích của chúng sinh. Vì thế, chúng ta phải chuộng sự thật, cố gắng tu tập và truyền đạo đến với tất cả mọi người để đạo Phật ngày càng hưng thịnh hơn trong tương lai.

BÌNH ĐẰNG

BÌNH ĐẰNG KHÁC VỚI SAN BẰNG QUYỀN LỢI

San bằng quyền lợi là buộc mọi người chỉ nhận được một số quyền lợi giống nhau, dù họ có phước khác nhau, dù họ bỏ ra công sức khác nhau, dù họ đem lại hiệu quả khác nhau.

Chữ Lục hòa trong cách sống của chư Tăng nhiều khi cũng được hiểu là san bằng quyền lợi như vậy, mọi người đều có quyền lợi như nhau, không ai nhiều quyền lợi hơn ai. Trong cộng đồng người tu, điều này có thể chấp nhận được vì người tu không đòi hỏi quyền lợi dù công sức bỏ ra rất nhiều.

Nhưng rất khó nếu điều này được áp dụng trên toàn xã hội.

Hầu hết ai cũng có vị kỷ tiềm ẩn, ai cũng muốn được công bằng, người làm nhiều phải được hưởng nhiều. Công bằng cũng là tính chất của luật nhân quả, người có phước nhiều phải được hưởng sung sướng nhiều hơn. Trong xã hội, người nào đóng góp công sức nhiều, người đó phải được hưởng quyền lợi nhiều hơn. Đó là tính công bằng của xã hội. Cho nên, xã hội không thể buộc mọi người phải hưởng quyền lợi giống nhau, trong khi khả năng của họ khác nhau. Người thông minh hơn, tài năng hơn, làm việc hiệu quả hơn, không thể hưởng mức lương như người không có tài năng, không có trí tuệ. Nếu buộc mọi người hưởng quyền lợi giống nhau dù họ đem lại hiệu quả khác nhau sẽ phá vỡ sự phân đấu cá nhân, vì thực tế là ai cũng còn tâm lý vị kỷ, và đòi hỏi sự công bằng.

Do đó, san bằng quyền lợi, buộc mọi người hưởng quyền lợi giống nhau là một điều không thể thực hiện được. Đó là việc làm phá vỡ luật công bằng và làm nhiều người nảy sinh tâm lý chán nản.

Chỉ trong môi trường của người tu theo đạo Phật, điều này mới có thể thực hiện được ở một chừng mực nào đó. Trong đạo Phật, trong một Đại chúng, có người làm được nhiều việc, có người làm được ít việc. Người làm được nhiều việc thường không chấp, họ buông xả được tính vị kỷ của mình, chấp nhận đời sống san bằng quyền lợi. Tất nhiên, việc san bằng quyền lợi, chỉ áp dụng được trong chùa một phần thôi, có khi không được hoàn toàn. Khi những người trong Chúng có phước vượt trội, họ là người tu tập được nhiều, đóng góp được nhiều cho Đại chúng. Dù không mong nhiều quyền lợi, dù muốn chia đều quyền lợi cho Chúng nhưng phước đã đến riêng với họ. Họ bắt đầu được nhiều Phật tử mến mộ. Do phước tự nhiên, trí tuệ họ được mở mang, họ có thể thuyết pháp, giảng kinh, làm được nhiều việc nổi bật hơn. Thế là, những vị trụ trì, những thầy bậc trên ưu ái, dành cho họ những đặc quyền đặc lợi. Dù không muốn nhưng họ cũng bắt đầu được hưởng. Rồi Chúng khác cũng không lấy làm khó chịu vì phước của họ xứng đáng được hưởng như thế.

Như vậy, buộc mọi người phải sống bằng nhau trong quyền lợi là điều rất khó thực hiện. Trên tâm nguyện, người tu theo đạo Phật có học pháp Lục hòa nên dễ dàng chấp nhận hưởng quyền lợi bằng huynh đệ cho dù họ đóng góp nhiều hơn. Nhưng có những trường hợp, chùa cũng không làm được điều đó vì phước của mỗi người có sự sai biệt.

Ngoài xã hội, điều này tuyệt nhiên không thể thực hiện được. Những người có tài năng, có trí tuệ phải được hưởng quyền lợi nhiều hơn. Như vậy, bình đẳng không phải là san bằng quyền lợi.

Bình đẳng là thái độ đạo đức trong giao tiếp với mọi người.

Nếu san bằng quyền lợi là cơ chế của tổ chức, ở trong chùa hay ngoài thế gian, thì bình đẳng là thái độ của đạo đức khi đối xử với mọi người.

Hai khái niệm này hoàn toàn khác nhau.

Trong đối xử, bình đẳng ngược với sự thiên vị. Người xuất gia, đối với Phật tử phải có sự bình đẳng. Phật tử đến chùa, có người nghèo, người giàu. Trước hai hạng người như vậy, nếu giữ được sự bình đẳng, chúng ta sẽ không có sự phân biệt đối xử với họ.

Như vậy, chúng ta là người có đạo đức bình đẳng. Nhưng giữ được thái độ này là điều hoàn toàn không đơn giản, không phải ai cũng có thể làm được. Người ngoài thế gian cũng như người trong đạo thường có nhiều lý do để đối xử thiên vị.

Thứ nhất, chúng ta thường đối xử thiên vị người có duyên với mình từ những kiếp trước, (duyên ở đây có nghĩa là duyên lành). Trong những kiếp trước, có thể họ đã ưu ái, đã giúp đỡ mình. Kiếp này gặp lại, dù không cố ý nhưng tự nhiên chúng ta vẫn thiên vị họ, vẫn đối xử tốt với họ hơn những người khác.

Chẳng hạn, do duyên kiếp trước chi phối nên có người đến xin xuất gia, thầy trụ trì nhận ngay, có người lại bị từ chối. Trong đối xử, nếu không có sự bình đẳng cũng do duyên đời xưa. Mặc dù trong lòng không có sự phân biệt, không thương ai nhiều hay ghét ai nhiều hơn, nhưng duyên đời xưa chi phối rất mạnh nên chúng ta có sự thiên vị, không bình đẳng trong đối xử. Chỉ vì đây là điều thuộc về nhân quả nên chúng ta rất khó vượt qua. Ngay cả trong gia đình, cha mẹ đối với con cái cũng không đồng đều, vẫn có sự thiên vị. Thực ra, con nào cũng

do mình sinh ra nên không có lý do gì để cha mẹ ghét bỏ, đối xử phân biệt. Nhưng do duyên chi phối nên nhiều khi cha mẹ lại thương những đứa con quậy phá mà không để ý đến những đứa ngoan hiền. Có những tình cảm kì lạ như thế. Những sự thiên vị đó, chúng ta chỉ có thể giải thích được bằng nguyên nhân thuộc về duyên đời trước mà thôi.

Thứ hai, chúng ta thường đối xử thiên vị với những người có nhiều ưu điểm. Điều này cũng đã được nhắc đến trong bài Tâm từ. Người có ưu điểm là người có nhan sắc, có vẻ đẹp nổi trội hoặc sang trọng hơn so với người khác. Mặc dù người ta không có duyên với mình lắm, nhưng vì những điểm nổi trội đó mà chúng ta hay để ý đến họ, thiên vị họ. Sự thiên vị nhiều khi cũng ẩn chứa một sự cầu cạnh, mong rằng người ta sẽ đoái hoài tới mình, giúp đỡ mình. Dù khác nhau về mức độ nhưng nó vẫn là biểu hiện của sự vị kỷ.

Thiên vị không phải là đạo đức. Đó là điều mà tất cả chúng ta, người xuất gia hay cư sĩ, cũng đều dễ phạm phải. Nếu tu tập không vững chắc, đạo lực không mạnh mẽ, chúng ta sẽ dễ rơi vào tình trạng

đôi xử thiên vị.

Hiện nay, tình trạng người xuất gia đôi xử phân biệt với cư sĩ đến chùa, phân biệt giữa người giàu và người nghèo là một tình trạng rất phổ biến và bị than phiền khắp nơi. Nếu quý Phật tử nào chưa rơi vào trường hợp ấy là người có phước, đã gặp được những vị tu hành chân chính. Không ít người tỏ ra rất bất mãn khi thấy có nơi, các thầy chỉ ân cần, vồn vã với những Phật tử giàu có và tỏ ra lơ là với những người nghèo khổ.

Để lý giải điều này với Phật tử, chúng ta chỉ có thể nói rằng vì đời trước những người ấy đã tạo phước, biết quan tâm đến người khác. Phước sẽ hiện ra trên gương mặt rạng rỡ, ánh mắt khả ái, tiền bạc nhiều, tướng người sang trọng, nên họ có một lực thu hút sự chú ý của người khác, được người khác trân trọng. Khi đến chùa, họ cũng thu hút sự chú ý của người xuất gia. Người nghèo thường là người ít phước, họ không được sự chú ý của người khác. Đó là luật công bằng, công bằng đến nghiệt ngã mà chúng ta phải chấp nhận.

Nhưng về phía người xuất gia, nếu biết tu tâm, biết

giữ tâm mình thanh tịnh, đứng trước mọi người, mọi cảnh, tâm vẫn không chạy theo. Họ luôn luôn kiểm soát tâm mình. Đứng trước hai đối tượng ấy, có thể phước của người giàu thu hút tâm họ, nhưng vì sức định trong lòng họ vững chắc nên tâm họ không bị hút về đó. Họ vẫn ở lại với tâm mình, không bị chi phối bởi sự giàu sang hoặc gương mặt rạng rỡ. Dù là niệm Phật hay tu thiền, người biết tu tập thường không bị chi phối bởi ngoại cảnh. Có khi đang niệm Phật, tuy nói chuyện với người khác nhưng họ vẫn ở lại với câu niệm Phật trong tâm, không hướng ra ngoại cảnh. Người tu thiền lúc nào cũng kiểm soát tâm tịnh hay động, dù nói chuyện với người khác hoặc làm việc gì. Sức định càng sâu, họ càng ít bị ngoại cảnh chi phối. Đây là vấn đề tế nhị của tâm và cũng là vấn đề khó hiểu. Người không tu tập vững chắc, tâm thường bị ngoại cảnh lôi cuốn ra bên ngoài. Người có công phu tu tập vững chắc, họ sẽ ở lại với tâm của mình. Vì vậy, người giàu hoặc người nghèo không ai có thể cuốn hút họ được. Điều này biểu hiện ra ở cách ứng xử bên ngoài. Đó là lòng từ bi, tâm bình đẳng.

Người giữ được tâm mình trong định là người có trí tuệ. Vì là người có trí tuệ nên họ thường chú ý đến người nghèo khổ nhiều hơn. Sở dĩ như vậy là do họ biết người nghèo khổ dễ bị mặc cảm về thân phận nghèo hèn của mình. Khi đến chùa, những người ấy thường không dám gặp thầy trụ trì. Họ loanh quanh làm lụng việc gì đó hoặc khi nghe thầy nói chuyện, họ cũng chọn một chỗ ngồi kín đáo, không dám lộ mặt ra.

Nếu có công phu tu hành vững chắc, tâm ổn định, người xuất gia sẽ nhận ra được thái độ mặc cảm, buồn tủi của người nghèo, nhất là người tật nguyền, để tỏ lòng thương yêu và quan tâm đến họ nhiều hơn. Chính tình yêu thương và sự quan tâm đúng mực của chúng ta sẽ giúp họ vơi đi những mặc cảm vốn tồn tại cố hữu trong lòng họ. Đó là đạo đức bình đẳng. Thực ra, trong trường hợp này, đối với những người có trí tuệ, sự bình đẳng lại mang một ý nghĩa khác, linh hoạt hơn. Bình đẳng nhưng lại thiên vị đối với người nghèo. Những người giàu có thường sinh tâm kiêu ngạo về sự giàu sang của mình. Nếu được ân cần vỗ vãi, họ càng dễ kiêu ngạo hơn. Với

những người như vậy, chúng ta không thiên vị cũng không sao, vì chùa này không quan tâm sẽ có chùa khác quan tâm.

Có những Phật tử cậy chỗ giàu sang, khi cúng dường công quả thường yêu cầu chùa phải làm theo ý mình. Gặp những trường hợp ấy, chúng ta phải dứt khoát không bao giờ nghe theo. Mục đích của chúng ta là để diệt cái ngã của họ, diệt tâm kiêu mạn về sự giàu có của họ. Tất nhiên, sự lạnh lùng nghiêm khắc của chúng ta có khi không đem lại hiệu quả vì người ấy có thể đến chùa khác và sẽ được ân cần đón tiếp. Hoặc kết quả có thể xảy ra ngược lại, người ấy không bao giờ đến chùa nữa. Nhưng chúng ta vẫn phải kiên quyết cho họ một bài học. Có thể họ được đón tiếp ân cần ở chùa khác, nhưng dù sao họ cũng hiểu rằng, có ít nhất một nơi không có chỗ cho tâm kiêu mạn của họ ngự trị. Những người nghèo thường lui tới chùa là những người mến chùa, cần tình yêu thương. Nếu chúng ta không tiếp, họ sẽ cảm thấy lạc lõng, mặc cảm cho thân phận mình. Vì vậy, chúng ta phải thương yêu những người nghèo khổ, bù đắp cho họ những thiếu

thôn trong đời sống tinh thần. Đối với những người tật nguyền, chúng ta càng phải quan tâm hơn nữa để xóa dần trong họ những nỗi mặc cảm, giúp họ tự tin hòa nhập với cuộc đời.

Nếu là người quản chúng, chúng ta phải tạo cơ hội đồng đều cho chúng tu học và công quả, không phân biệt dòng dõi, tài năng. Như vậy là chúng ta đã giữ được đạo đức bình đẳng.

Người tu hành thường có ba việc: tu, học và làm việc.

Tu bao gồm nhiều việc ngời thiền, lễ Phật, tụng kinh... Học có thể hiểu một cách rộng rãi: học trên lớp, tự học ở nhà, học với Thầy. Người quản chúng phải đào tạo điều kiện cho Chúng thực hiện hai điều này. Phải tạo điều kiện cho họ nhưng không được thiên vị. Người có điều kiện học, chúng ta phải giúp cho họ được học, giúp cho họ có thì giờ để tu. Đối với người xuất gia, tu là việc quan trọng nhất. Vì vậy, lười biếng, không tu tập là điều không thể chấp nhận được. Người tu hành có thể học ít, nhưng tu là phải luôn luôn tinh tấn, không tinh tấn tu hành thì không xứng đáng làm một người xuất gia.

Vấn đề ở đây là không thiên vị. Người trụ trì, giáo thọ, tri sự hay quản chúng phải tạo điều kiện đồng đều cho họ học hành, tu tập. Có khi có duyên với người này nhiều, với người kia ít, nhưng chúng ta phải quan tâm đến tất cả mọi người, quan tâm đến từng người, từng căn cơ một. Nếu để cho người nào đó lồi cuồn bởi cái phước của họ, chú ý nâng đỡ họ thì chúng ta là người không có đạo lực. Trong từng lúc, từng nơi, chúng ta phải cẩn thận, đừng để thiên vị bởi phước của người khác. Vì thiên vị với người có phước sẽ làm cho chúng ta mất đi đạo đức bình đẳng.

Nếu là người có trách nhiệm, chúng ta nên chú ý nhiều đến những người trí tuệ kém cỏi, căn cơ còn kém, tánh tình chưa được đàng hoàng. Vì dù sao họ cũng đã có chí nguyện xuất gia. Những người có phước, tự họ có thể đi được, có thể đứng vững trên đôi chân của họ được. Người không có phước, chúng ta phải kèm cặp, quan tâm nhắc nhở nhiều hơn. Đó chính là đạo đức của người quản chúng. Việc công quả với người tu hành cũng rất quan trọng. Vì thế, chúng ta phải lưu ý tạo điều kiện cho

họ công quả. Nếu không công quả, người xuất gia không thể nào tiên đạo.

Người trụ trì thường mắc phải sai lầm ở chỗ hay phạt những người có tánh xấu, thường phạm lỗi bằng cách bắt họ làm những việc nặng nhọc. Đó là điều nguy hiểm cho Đại chúng về sau. Vì sai họ làm như vậy, chúng ta cứ tưởng là phạt họ nhưng thực chất là tạo điều kiện cho họ công quả. Sau này họ sẽ có phước, sẽ là người lãnh đạo trong chùa. Một khi người có tánh tình xấu làm lãnh đạo trong chùa, điều gì sẽ xảy ra? Chắc chắn chùa không còn là nơi tu hành nghiêm túc nữa. Những người tu tốt sẽ không chịu đựng được, cuối cùng sẽ bỏ đi .

Sẽ có người thắc mắc tại sao người không tốt lại được làm lãnh đạo? Đây cũng là điều hợp lý theo luật nhân quả. Vì trước kia, họ bị người lớn ghét, bắt công quả nhiều, bây giờ họ được hưởng phước, được làm người lãnh đạo.

Theo Luật Nhân Quả, chúng ta cần lưu ý: những người có đạo đức, muốn đào tạo để thành người lãnh đạo tốt sau này, chúng ta phải bắt công quả nhiều hơn. Người lãnh đạo chúng có đạo đức sẽ rất

tốt cho chùa. Những chùa có người lãnh đạo như vậy sẽ là nơi tu học nghiêm túc, là nơi Phật tử có thể chọn làm chỗ nương tựa vững chắc cho mình. Những chùa tốt sẽ góp phần làm cho Phật Pháp ngày càng hưng thịnh.

Về căn bản, chúng ta tạo cơ hội cho đại chúng công quả đồng đều, để họ có phước, tu hành được tinh tấn. Nhưng chỉ công quả trong chùa chưa đủ, người xuất gia phải biết làm công quả ở ngoài chùa. Vì nếu công quả giới hạn trong phạm vi chùa, mỗi người lo làm việc tốt cho nhau thì người tu chỉ tiến được đạo đức chứ không tiến được phước. Người trụ trì phải tạo điều kiện cho chúng công quả ngoài chùa, thường xuyên làm việc từ thiện để tạo phước về sau.

Có những ngôi chùa làm được những việc rất đáng tán thán, ngợi ca, như một ngôi chùa, khi cần thiết, có đến 42 người trong chúng hiến máu. Phải thấy rằng, không có phước gì lớn bằng phước hiến máu cứu người. Người ta có thể cho tiền bạc, nhưng hiến máu không phải ai cũng làm được. Người ta gọi đó là bố thí nội tài.

Chúng ta cần lưu ý, không thiên vị, nhưng cũng không san bằng quyền lợi. Vì như đã nói ở trên, san bằng quyền lợi là phá vỡ nhân quả. Trong chúng, khi đối xử với mọi người, chúng ta phải luôn luôn tạo cơ hội đồng đều cho họ. Tuy nhiên, làm được hay không còn tùy thuộc vào họ. Có người, đến giờ tu, rất tinh tấn nhiếp tâm. Có người vẫn ngồi đó nhưng tâm không ở với họ mà đi lang thang. Có người lễ Phật với lòng tôn kính thiết tha. Nhưng cũng có người lễ Phật một cách hời hợt. Như vậy, Nhân Quả lúc này là tự họ gieo chứ không phải chúng ta nữa. Trách nhiệm của chúng ta là tạo điều kiện đồng đều cho tất cả mọi người. Còn dụng tâm, nỗ lực đến đâu là tùy họ. Càng về sau, phước của mỗi người sẽ tách ra dần dần. Người tốt sẽ đi theo con đường tốt. Người chưa tốt tự nhiên sẽ dừng lại, sẽ bị rơi lại đằng sau. Đó là lẽ đương nhiên, chúng ta không thể cưỡng lại được, mặc dù lòng mình vẫn bình đẳng thương yêu. Đừng bao giờ nghĩ rằng, bình đẳng là điều gì cũng phải bằng nhau, nghĩa là, mọi người chưa đạt được điều này thì người khác cũng không thể đạt được điều kia. Hiểu như vậy là sai lầm, là

kìm hãm sự phát triển, sự tu hành tinh tấn của mỗi cá nhân.

Chẳng hạn, khi có người tu tốt, trí tuệ mở ra, được nhiều Phật tử quý mến, duyên giáo hóa của họ cũng đã đến, chúng ta không nên cản lại. Chúng ta đừng vì lý do bao nhiêu người khác chưa ra giáo hóa, giảng dạy mà ngăn cản việc giảng pháp của họ. Làm như vậy là chúng ta bắt đầu rơi vào bệnh san bằng quyền lợi. Khi phước của họ đã khác, duyên của họ đã đến, chúng ta phải tùy duyên mà tạo điều kiện cho họ phát huy khả năng, làm những việc Phật sự lớn hơn. Đó không phải là sự thiên vị. Đó là một hành xử đúng với luật nhân quả.

Trong đối xử, chúng ta cần phải giữ sự trung đạo. Nghĩa là lòng chúng ta vẫn thương yêu đồng đều, không thiên vị, vẫn muốn cho mọi người đều tốt. Nhưng khi ứng xử hành động, chúng ta phải tùy duyên, tùy phước, tùy nhân quả của mỗi người, không nên áp đặt và không san bằng quyền lợi. Hay nói cách khác, giữa bình đẳng và san bằng quyền lợi có sự khác nhau, chúng ta phải phân biệt cho rõ để áp dụng cho đúng, tránh phạm phải những sai

lầm. Đây là điều khó mà những bậc trụ trì cần lưu ý. Nếu không cẩn thận, không giữ được tâm, chúng ta sẽ thiên vị trong đời xử.

Nếu một lúc nào đó, chúng ta rơi vào cực đoan, không thấy được nhân quả nên san bằng quyền lợi, trong khi phước của mỗi người bắt đầu có sự sai biệt là chúng ta đã cưỡng lại nhân quả, chúng ta đã phạm sai lầm. Đây là chỗ người tu phải cẩn thận. Nói đến đạo đức bình đẳng là nói đến việc phán xét bên ngoài nhiều hơn, mặc dù có sự kiểm soát ở tâm.

BÌNH ĐẲNG BIỂU LỘ ĐẠO ĐỨC

Người có phước luôn luôn tạo sự thu hút đối với mọi người. Ngược lại, người có tội, người nghèo khổ thường tạo ra sự thờ ơ ghẻ lạnh. Nếu tu tâm từ bi ít, không thương người nghèo khổ, chúng ta sẽ bị phước của người giàu sang thu hút, trở nên thiên vị. Lúc ấy, chúng ta sẽ thành một người cực bộ, thiên vị cá nhân. Như vậy, làm sao chúng ta xứng đáng là tàng cây che mát cho mọi người?

Đối với chúng ta, tu tập tâm từ bi là yêu cầu căn

bản, là điều kiện tiên quyết để hiểu sâu sắc những vấn đề về đạo đức và áp dụng có hiệu quả những vấn đề ấy trong cuộc sống. Tâm từ bi không chỉ tu một ngày, hai ngày mà phải tu tập cả một đời. Mỗi ngày, khi lễ Phật, khi ngồi thiền, chúng ta phải quán từ bi, thương yêu mọi người. Chừng nào khi tiếp xúc mọi người, những người nghèo làm cho chúng ta thương yêu nhiều hơn là lúc ấy chúng ta đã đi đúng con đường của kẻ tu hành. Trong đời xử, chắc chắn chúng ta sẽ biểu lộ được đạo đức bình đẳng.

Người có đạo lực là người không bị sự sai biệt của ngoại cảnh chi phối, không bị kẻ có phước kéo tâm mình chạy về phía họ. Trong giao tiếp, chúng ta cần giữ được tâm từ bi đồng đều với mọi người dù đó là người phước nhiều hay kẻ phước ít. Tăng Ni hiện đang bị phê phán rất nhiều về thái độ vồn vã với người giàu và thờ ơ với người nghèo.

Chúng ta nên nhớ rằng, đối với những người giàu sang, chúng ta có đối xử ân cần hay không, điều ấy không quan trọng. Đi đâu họ cũng được đối xử ân cần. Họ đến chùa hoặc đến với bạn bè cũng được điều đó. Có những người giàu rất thán phục khi thấy

chúng ta đối xử tốt với người nghèo. Còn ân cần vồn vã với họ, có khi chúng ta lại bị coi thường. Có một số Phật tử giàu sang tỏ ra khinh thường khi thấy người tu chúng ta đến thăm. Họ nghĩ rằng, chúng ta đến cầu sự cúng dường của họ. Bên ngoài nhiều khi không biểu hiện, nhưng trong tâm họ đã xuất hiện tâm lý coi thường. Người tu chúng ta phải cẩn thận, dè dặt khi tiếp xúc với những người giàu có. Tất nhiên, chúng ta không “vơ đũa cả nắm”, nhưng phải thừa nhận rằng, người giàu thường kiêu ngạo và dễ nghĩ xấu cho người tu. Bởi vậy, chúng ta cần phải giữ thái độ bình thản khi giao tiếp với họ. Tuyệt đối không được đối xử lạnh nhạt, thờ ơ với người nghèo mà ân cần vồn vã với người giàu. Phải cho họ thấy được sự khác biệt giữa chúng ta với người đời.

Để thực hiện được điều đó, người tu phải có một bản lĩnh vượt lên trên cái thường tình, có thể thờ ơ bất cần với người giàu, nhưng lại ưu ái với người nghèo.

Nói như vậy, không phải người nào đến chùa chúng ta cũng xem xét vấn đề giàu nghèo. Sở dĩ chúng ta thương người nghèo, vì họ dễ bị mặc cảm, dễ tủi

thân. Còn cái chúng ta quan tâm, chú ý thật sự đối với những Phật tử khi đến chùa là cái tâm. Tâm ở đây nghĩa là tâm đạo, là mức độ hiểu đạo, mức độ ham thích tu tập của họ. Vì vậy, xét về mặt này, chúng ta không nên phân biệt giàu nghèo. Có trường hợp đến với chùa là những người giàu sang có tâm đạo, chúng ta nên quý trọng họ. Một khi hiểu đạo, những người ấy sẽ không nghĩ xấu, nghĩ lệch lạc khi được chúng ta đối xử tốt.

Tóm lại, trong cách cư xử, nếu là người “sáng mắt” (hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng), chúng ta sẽ nhận ra ở người giàu tâm đạo của họ đến mức nào và sẽ có thái độ thích hợp. Nếu là người kiêu ngạo, chúng ta giữ thái độ thờ ơ, lạnh lùng để cho họ một bài học đạo đức trong cách sống. Nếu là người có tâm đạo, chúng ta phải đối xử tốt với họ như bao người khác.

ÁP DỤNG ĐẠO ĐỨC BÌNH ĐẲNG TRONG ỨNG XỬ

Với Phật tử

Chúng ta cố gắng đối xử từ ái với người nghèo khổ vì họ rất dễ mặc cảm. Người giàu có trong cuộc

sống vốn dễ được ưu ái, và vì thế cũng dễ sinh tâm kiêu mạn. Chúng ta dành cho họ sự hờ hững cũng rất cần thiết để chữa căn bệnh kiêu mạn ấy. Đối với người có tâm, chúng ta luôn luôn đối xử tốt.

Với huynh đệ

Chúng ta đừng kết thân riêng với một vài người tạo thành mầm mống chia rẽ cho Tăng đoàn về sau. Vì khi kết thân với một vài người, có thể người cùng ở chung lâu, người có duyên với mình, chúng ta sẽ hay lui tới, gắn bó với người đó mà không quan tâm đến những người xung quanh. Lâu ngày, điều đó sẽ trở thành mầm mống của sự chia rẽ.

Vì vậy, chúng ta phải cẩn thận, dù là người có duyên với mình hay người có nhiều ưu điểm, chúng ta cũng cố gắng giữ thái độ bình thường như với người khác. Chúng ta có thể gần gũi với những người ấy để học hỏi, nhưng đừng vì vậy mà kết thân riêng. Chính sự kết thân riêng sẽ tạo nên sự ích kỷ, dẫn đến ganh tỵ.

Với chúng do mình kiểm soát

Trong chúng, rất nhiều người sống với nhau, chắc chắn sẽ có người tốt với chúng ta, có duyên với

chúng ta, nhưng chúng ta vẫn cố gắng giữ lòng mình, để đối xử một cách bình đẳng, không phân biệt. Đây là điều rất khó, không phải ai cũng dễ dàng thực hiện được. Nếu không cố gắng, chúng ta sẽ mất đạo lực, sẽ quên thiên vị, đối xử không bình đẳng với mọi người. Dần dần, khi đi làm việc đạo, chúng ta sẽ bị thái độ thiên vị đó chi phối và trở nên cục bộ địa phương. Nếu là trụ trì, tri sự, chúng ta hãy cho mọi người cơ hội đồng đều trong việc tu học, đừng bao giờ ưu tiên người này, chèn ép người khác. Nếu có vài người ngang bướng với mình, chúng ta không nên ác cảm mà hãy thương yêu để hóa độ họ.

Người cư sĩ cũng phải đối xử bình đẳng với nhau

Trong xã hội, có nhiều tầng lớp người, bên cạnh những người giàu có còn không ít những người nghèo khổ, những kẻ bất hạnh. Người cư sĩ nên đối xử bình đẳng với nhau. Những người nghèo, mình nên quan tâm, thương yêu giúp đỡ nhiều hơn. Với những người hiểu đạo, dù ít hay nhiều, mình cũng nên quý mến. Nếu là người hiểu đạo sâu sắc, hãy

xem họ là những người thiện tri thức của mình, cùng đi với nhau để học hỏi. Những người chưa hiểu đạo nhiều, hãy quan tâm giúp đỡ để họ hiểu thêm về đạo.

Ví dụ, biết những nơi có thầy giảng hay, chúng ta nên rủ nhiều người cùng đi. Hoặc có cuốn băng nào hay, phải chuyển cho nhau nghe, cuốn sách nào hay, phải khuyên nhau đọc. Người hiểu đạo phải tạo điều kiện cho những người khác đến với đạo. Những Phật tử nếu có tu tập từ bi sẽ làm được điều đó.

Đối với Tăng Ni, người cư sĩ nên tôn kính nhưng cũng phải bình đẳng, nghĩa là không nên thiên vị thầy này hay cô khác. Mặc dù có những vị đáng cho mình học, có những vị còn phải tu tập nhiều nhưng cư sĩ đều phải tôn kính, đều phải học hỏi. Phật tử khi quy y cũng cần lưu ý một điều này; quy y Tăng có nghĩa là quy y mười phương Tăng. Vì vậy, không phải chúng ta chỉ biết một mình Thầy Bổn Sư, mà đi bất cứ nơi nào, nếu gặp những vị Tăng Ni tu hành chân chính, chúng ta đều phải kính trọng.

Có một thời gian, Phật tử có quan niệm là, đối với Tăng Ni, dù làm lỗi thế nào họ cũng một mực kính

trọng. Quan niệm này cũng có nhiều cái hay, thể hiện sự bao dung, độ lượng của Phật tử đối với người tu hành. Nhưng vô tình, quan niệm ấy đã góp phần nuôi dưỡng những phần tử xấu trong Phật Pháp, làm ảnh hưởng đến uy tín của đạo, làm cho Phật Pháp nhanh chóng suy tàn. Phật tử cần phải khắt khe hơn nữa, phải đặt lòng tôn kính cúng dường của mình đúng chỗ, đúng đối tượng. Có như vậy, chúng ta mới gạn lọc dần những đối tượng kém phẩm chất, lợi dụng Phật Pháp để thỏa mãn nhu cầu của mình.

Xây dựng lại Phật Pháp không chỉ là trách nhiệm, là sự cố gắng tu hành của Tăng Ni, mà trong đó còn có trách nhiệm của Phật tử. Nếu Phật tử đồng lòng khắt khe trong việc đánh giá người tu hành, chắc chắn sẽ không còn người xuất gia tùy tiện, bừa bãi. Như vậy, trong quá trình làm cho Phật Pháp hưng thịnh trở lại, có sự đóng góp không nhỏ của quý Phật tử.

Đức Phật luôn luôn biểu lộ thái độ hiền lành, đúng mực trong cư xử. Có chuyện kể rằng:

Vào thời Đức Phật, một lần một số chư Tăng cãi cọ

với nhau (các vị này chắc tu hành chưa rốt ráo không như những vị Alahán), họ gây gổ với nhau và chia thành hai phe. Thấy vậy, Đức Phật khuyên với giọng rất từ tốn:

-Này các Tỳ Kheo, các ông đừng cãi cọ với nhau nữa, đừng tranh cãi nữa, đừng bất hòa nữa.

Phật nói rất từ tốn nhưng các vị đang trong cơn hăng say, trong cơn hơn thua hiểu thắng nên không nhin được và trả lời:

-Thế Tôn cứ nghỉ ngơi cho khỏe, việc này tụi con phải nói cho ra lẽ.

Đức Phật nói:

-Thôi đủ rồi, các ông đừng có tranh cãi nữa, đừng có bất hòa nữa.

Các ông ấy lại nói:

-Bạch Thế Tôn! Hãy lui về yên nghỉ cho có sức khỏe, Ngài hãy để các con làm cho ra lẽ.

Đức Phật khuyên ba lần mà các vị ấy vẫn không nghe, vẫn cứ cãi nhau. Đức Phật cảm thấy những người ấy bướng quá, Ngài không nói nữa mà dùng biện pháp khác. Ngài không ở lại chùa nữa mà ra đi. Khi Ngài đi rồi, Phật tử làm âm lên. Họ kéo đến

trách chư Tăng và tuyên bố từ nay sẽ không cúng dường nữa.

-Quý Thầy cần thì hãy đi nơi khác khất thực, không được ở làng mạc, thị trấn của chúng tôi nữa. Chúng tôi sẽ dứt lòng, không ai cúng dường cho quý Thầy nữa, nếu các Thầy còn tranh cãi để Đức Thế Tôn phải rời chỗ này ra đi.

Lúc đó, Đức Phật đi đến khu rừng Sùng Bò, nơi có ba vị Tôn giả Alahán đang sống. Đó là ngài A-nu-rud-dha, Nan-di-ya và Kim-bi-la. Ba Ngài sống với nhau rất hòa hợp. Đức Phật đến thăm ba vị và nói chuyện với họ rất lâu. Sau này, chúng ta đã dựa vào cuộc trò chuyện ấy soạn thành một bài kinh. Đó là kinh Sống Hòa Hợp.

Trước sự đấu tranh dữ dội của các Phật tử, trước áp lực kinh tế và áp lực của các tín đồ, các Thầy không dám tranh cãi nữa. Lúc đó, Đức Phật trở về chùa tiếp tục dạy dỗ các chư Tăng.

Như vậy, thái độ của cư sĩ đối với Tăng Ni cũng rất quan trọng. Quý Phật tử phải giữ thái độ bình đẳng, không nên thiên vị hay cục bộ địa phương, đừng

quan niệm mình là người địa phương nào thì tìm chùa của địa phương đó để ủng hộ. Làm như vậy là quý Phật tử đã thiên vị trong đời xử. Còn một điều mà Phật tử cũng cần lưu ý; là việc nhiều Phật tử không đánh giá quý thầy, quý cô trên đức hạnh, mà đánh giá trên cơ sở những cảm nhận bên ngoài hơi hợt, cảm tính của mình. Chẳng hạn, Phật tử thường tỏ ra ngưỡng mộ những vị Thầy có giọng tụng kinh hay, có gương mặt hảo tướng, hoặc những thầy có Phật tử đông, có uy thế. Đó là sự đánh giá không chính xác. Những Phật tử có sự đánh giá chân chính là những người biết nhìn vào đạo hạnh, vào tâm của người thầy. Nếu chú ý về đạo hạnh, chúng ta sẽ chọn được người xứng đáng để đặt lòng tôn kính của mình, để thừa sự học hỏi. Đó là sự gạn lọc khách quan cũng là đạo đức bình đẳng của người tu sĩ.

PHẢI TÙY BỆNH CHO THUỐC

Bình đẳng có nghĩa là tâm mình không thiên vị, là thương yêu tất cả mọi người. Nhưng cách chúng ta cư xử mỗi người sẽ mỗi khác vì tâm tình, trình độ của mỗi người không giống nhau.

Với người còn tự ái

Những người này khi phạm lỗi, chúng ta chưa thể nói thẳng lỗi của họ. Vì người hay tự ái, khi bị chỉ lỗi sẽ dễ nổi giận. Chúng ta chỉ khuyên họ lễ Phật và tác ý khiêm hạ. Một khi đã lễ Phật, đã tác ý khiêm hạ, coi thân mình như cỏ rác, cát bụi thì họ sẽ không còn tự ái như trước. Lúc đó, chúng ta có thể nói lỗi của họ một cách thẳng thắn mà không sợ họ nổi giận. Chẳng những không giận, họ còn cố gắng tu tập, sửa lỗi.

Với người tự ti mặc cảm

Người tự ti mặc cảm là người cho rằng mình kém cỏi. Ở đây, chúng ta cần phân biệt hai loại người. Có người cho rằng mình kém cỏi vì họ có tâm khiêm hạ. Có người cho mình kém vì họ tự ti, mặc cảm. Người nghĩ rằng mình kém (vì khiêm hạ) là người có đạo đức, chắc chắn họ sẽ tiến bộ. Còn người nghĩ mình kém rồi sinh ra buồn bã, chán nản, không còn nghị lực phấn đấu nữa thì không phải là người có đạo đức. Đó là người đã rơi vào bệnh mặc cảm tự ti.

Những người này thường chưa đủ tự tin. Họ không

tin rằng mình sẽ làm được điều tốt, không tin mình sẽ tiến đạo khi tu tập. Với họ, chúng ta đừng khuyến khích bằng cách khen ngợi. Vì nếu khen không đúng, chúng ta sẽ làm họ tăng bản ngã. Từ tâm tự ti, họ có thể sinh tâm tự tôn với lời khen hảo huyền. Với những người này, chúng ta chỉ khuyên họ tạo phước, vị tha hy sinh. Phước vị tha sẽ đem lại tự tin. Đây là hệ quả rất kỳ lạ. Nếu không giúp đỡ người khác, chúng ta sẽ rụt rè, mất tự tin; nếu sống tốt với mọi người, chúng ta sẽ tự tin hơn.

Với người không có duyên

Với người không có duyên, chúng ta đừng cầu cạnh làm mất tư cách của mình và cũng dễ bị họ khinh thường. Nhất là đối với những người giàu mà không có duyên với mình, nếu cứ ân cần, vồn vã, chúng ta sẽ bị họ khinh thường. Bản phận của chúng ta là đối xử tốt với mọi người, đừng cầu cạnh ai dù đó là người giàu sang hay quyền thế. Đối với những người như vậy, chúng ta chỉ hóa độ bằng cách cứ bình thản làm lợi ích cho người khác. Thấy chúng ta lo lắng cho mọi người, dần dần họ sẽ hiểu.

Với người có duyên, ưu ái mình.

Chúng ta nên cẩn thận để giữ duyên, nghĩa là đừng nhận của người ta nhiều quá. Chúng ta không nên ỷ lại vào sự ưu ái của họ, đến lúc hết duyên, hết nợ lại xa nhau. Nếu thấy người đó đáng quý, có tư cách, muốn tình cảm được bền bỉ dài lâu, chúng ta nên đem đạo lý cho họ, và ít nhận tiền bạc của họ. Có như vậy, duyên mới giữ được lâu bền.

Có một Hòa thượng nổi tiếng, đến ở nhờ nhà của một Phật tử. Người đó chăm sóc rất chu đáo, còn cất một cái cốc sau vườn để Hòa thượng tu cho yên tĩnh. Được ba năm, hình như nợ hết, người Phật tử có điều bất mãn về Hòa thượng. Hòa thượng không thể ở được nữa, phải ra đi. Từ đó hai bên không nhìn nhau nữa. Có thể đó là do mình đã hưởng hết duyên với người khác nên ê chề cay đắng như thế. Như vậy, trong vô lượng kiếp luân hồi, chúng ta đã gieo duyên với người khác. Nếu gieo duyên đời trước bền bỉ thì người ta sẽ gắn bó với mình mãi mãi. Ngược lại, duyên gieo không nhiều, gặp một thời gian ngắn rồi cũng sẽ ra đi. Từ đó, chúng ta rút ra bài học: khi đối xử tốt với con người, lòng tốt của mình cũng phải bền bỉ và vô hạn, đừng vì một lý do

nào mà ngừng lại nửa chừng. Bất đắc dĩ phải xa nhau vì hoàn cảnh thì đành chịu. Còn nếu có thể gặp được, lúc nào chúng ta cũng phải cố gắng sống tốt với nhau để giữ duyên bền bỉ trong vô lượng kiếp luân hồi sắp tới.

Với người có lỗi

Với người ít kiên nhẫn, tinh thần chưa vững mạnh, nếu họ phạm lỗi, chúng ta phải chăm sóc, nhắc nhở nhiều hơn. Có như vậy, họ mới vượt qua lỗi lầm và đi tiếp con đường tu hành. Nếu chúng ta lạnh lùng, ghét bỏ, hoặc căn cứ theo luật quá nghiêm khắc, họ sẽ không tiếp tục theo đạo được nữa. Lúc đó, đạo của chúng ta sẽ mất đi một người.

Ví dụ, trong chúng có người phạm tội ăn cắp. Với người tu hành, đó là tội rất nặng, không chấp nhận được. Nhưng chúng ta cũng đừng vội căn cứ theo luật mà đuổi họ ra khỏi chùa. Lúc ấy, chúng ta phải bình tâm quan sát tâm tính, quá khứ của họ, nguồn gốc gia đình họ như thế nào, vì sao họ phạm tội ăn cắp. Nhiều khi, đối với người có thể chữa được, chúng ta không chữa để họ tốt hơn, chúng ta cũng tổn từ bi. Như vậy, đạo sẽ mất một người, Phật cũng

mất một chúng sinh. Trong khi Phật muốn tất cả chúng sinh đều được đạo để tu, chúng ta khát khe quá làm chúng sinh xa rời đạo cũng là điều không đúng.

Trong cuốn Tình yêu cuộc sống (tiếng Anh là Love of life), kể về một người bị lạc vào một vùng ven bờ biển, không có lương thực nên bị đói thê lương. Cho đến một ngày, có một chiếc tàu ghé vào bờ. Người trên tàu tìm thấy anh ta đang nằm lả và mang lên tàu, cứu sống. Khi tỉnh lại, trong suốt tuần đầu, họ thấy anh ta có miếng bánh nào đều bỏ vào bọc ni lông, cất giấu dưới giường. Thủy thủ thấy lạ báo cho thuyền trưởng biết. Thuyền trưởng nói: “không phải anh ta là người xấu. Người nào vừa thoát chết đói cũng đều bị cái đói ám ảnh quá nặng nên bị bệnh tích lũy lương thực”.

Có những người xuất thân từ một gia đình quá nghèo, cha mẹ ra ngoài đường thấy cái gì cũng nhặt nhạnh mang về. Những người con sinh từ gia đình đó, cũng bị ảnh hưởng, đôi khi thành ra ăn cắp vặt. Cho nên, lâu ngày trở thành cái tật khí, tật khí xuất thân từ gia đình hèn kém đáng thương. Nếu

biết họ vừa ăn cắp món đồ của huynh đệ, chúng ta phải suy xét để có cách xử sự hợp lý, hợp tình. Nếu lỗi của họ do tập khí gia đình để lại, chúng ta nên khuyên bảo, tìm cách dìu họ đứng lên, không được ruồng bỏ họ. Đó là đạo đức của người tu.

Nhưng với những người kiêu mạn, khó bảo, đôi khi sự im lặng, lạnh lùng là cần thiết. Vì dạy dỗ người kiêu mạn rất khó. Chính Phật cũng thú nhận rằng rất khó độ cho người kiêu mạn. Trong Kinh Pháp Hoa diễn tả ý này khi để cho 500 Tỳ kheo bỏ pháp hội ra đi. Người kiêu mạn phạm lỗi rất khó khuyên răn. Nhiều khi, chúng ta chỉ dùng sự im lặng. Trước thái độ im lặng của chúng ta, dần dần họ phải xét lại và rời đi cái ngã.

Như vậy, mặc dù lòng rất bình đẳng, không thiên vị, nhưng chúng ta phải tùy bệnh cho thuốc.

THANH QUY CỦA CHÙA PHẢI ĐẶT TRÊN NỀN TẢNG BÌNH ĐẲNG

Chùa phải có thanh quy đặt trên nền tảng của sự bình đẳng. Nếu thanh quy của chùa lỏng lẻo, trong chúng sẽ kết thân riêng từng nhóm, gây chia rẽ.

Hoặc nếu cho tiếp xúc với Phật tử một cách dễ dãi,

tu sĩ sẽ nảy sinh tình cảm thiên vị, tạo thành những Phật tử riêng. Nguyên nhân chính là do đường lối, tổ chức của chùa kém. Chúng ta hy vọng lớp Tăng Ni trẻ sau này có cách thức quản trị chặt chẽ hơn.

Muốn vậy, chúng ta phải nghiên cứu về quản trị hành chánh. Có thể đến lớp học hoặc mượn sách về đọc để tìm hiểu xem các công ty xí nghiệp, các cơ quan, các tổ chức ở thế gian, họ tổ chức quản trị hành chánh như thế nào. Từ đó, áp dụng trong đường lối của chùa mình cho chặt chẽ, nghiêm túc.

VẤN ĐỀ HỢP TÁC VỚI NGƯỜI CÓ DUYÊN VÀ CÓ KHẢ NĂNG

Trong cuộc sống, để đạt được hiệu quả công việc, chúng ta phải gắn bó hợp tác với người có khả năng và có duyên với mình. Tuy nhiên, đừng để mất sự quan tâm đến người khác. Vì nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ rơi vào thái độ thiên vị trong đối xử.

Theo đạo đức bình đẳng, chúng ta chấp nhận cho người có phước hưởng thành quả nhưng vẫn quan tâm, ưu ái đến những người chưa đủ khả năng, chưa đủ phước.

VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG NAM NỮ TRONG XÃ HỘI

Trong xã hội, tùy theo quan niệm của mỗi địa phương, mỗi thời đại mà giữa người nam và người nữ có sự đối xử khác nhau. Có nơi người ta rất coi trọng phụ nữ. Ngược lại, có xã hội, người phụ nữ không được coi trọng đúng mức.

Ví dụ: Trong xã hội Âu Mỹ, người nữ bao giờ cũng được ưu tiên (Lady first). Người đàn ông được xếp hàng thứ năm, sau súc vật. Nhưng ở xã hội Hồi Giáo, người đàn bà chỉ là công cụ cho người đàn ông. Như vậy, trong đối xử luôn có sự biến thiên, không có sự bình đẳng.

Ở nước ta, trong xã hội phong kiến, người phụ nữ bị xem thường, không có vai trò vị trí trong xã hội. Họ tồn tại gần như là cái bóng của người đàn ông.

Trong xã hội hiện nay, vấn đề bình đẳng giữa nam giới và nữ giới rất được quan tâm. Giữa họ đã có sự bình đẳng. Người phụ nữ ngày càng giữ những vị trí quan trọng trong xã hội, chiếm ưu thế so với người nam. Trong xã hội văn minh, hiện đại, mọi công việc dần dần đều được thay thế bằng máy móc, người phụ nữ có nhiều cơ hội hơn. Họ vẫn có thể đảm

nhệm được những việc quan trọng nhưng lại không phải bỏ ra quá nhiều công sức, không phải lao động tay chân.

Như vậy, giữa nam và nữ đã có sự bình đẳng. Tuy nhiên, còn một vấn đề cần phải quan tâm nữa. Đó là quan niệm về nghiệp của con người. Từ xưa đến nay, người ta vẫn quan niệm rằng người nữ nặng nghiệp hơn người nam, bởi vậy, lúc nào người nữ cũng phải chịu thiệt thòi, thua sút người nam một chút. Đó là quan niệm không đúng. Quan niệm này chỉ do các “đấng mày râu” đặt ra để có lợi cho họ mà thôi.

Theo quan niệm của đạo Khổng, người phụ nữ phải chịu rất nhiều thiệt thòi, đau khổ. Đàn ông có quyền năm thê bảy thiếp trong khi đó, phụ nữ chỉ chính chuyên một chồng. Còn nhiều điều bất công khác mà người phụ nữ phải chịu đựng, nhất là những luật tục cổ hủ.

Tuy nhiên, vai trò của người phụ nữ trong gia đình và trong xã hội có sự biến thiên theo thời gian, tùy theo từng xã hội. Có nơi, người vợ đi lấy chồng và có thể lấy được nhiều người. Có xứ, người phụ nữ đi

làm dâu, làm vợ, tức là làm dâu làm vợ cho tất cả mấy anh em trong một gia đình. Mỗi lần đi chợ, người vợ chỉ cần ra lệnh mua cái gì, còn những người kia răm rắp làm theo.

Có xã hội, người vợ được quyền làm chủ. Nhưng cũng có những xã hội người vợ chỉ làm đầy tớ. Khi chồng ăn cơm, vợ phải đứng hầu. Như vậy, rõ ràng quan niệm cho rằng người phụ nữ nặng nghiệp là không đúng. Vì nếu nặng nghiệp, tại sao có xã hội lại tôn trọng, ưu tiên người phụ nữ nhiều hơn nam giới?

Chúng ta không nên quan niệm nam hay nữ nặng nghiệp. Điều đó tùy thuộc vào mỗi người. Nếu ai quen ngược đãi phụ nữ, coi phụ nữ là công cụ, kiếp sau sẽ bị đầu thai thành người nữ trong xã hội ngược đãi phụ nữ.

VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG TĂNG NI -BÁT KÍNH PHÁP

Người ta kể rằng, vào thời Đức Phật, dì của Đức Phật xin xuất gia, Ngài không cho. Khi ngài A Nan năn nỉ tha thiết quá, Phật đồng ý nhưng với điều kiện phải tuân thủ tám điều. Trong tám điều đó,

Phật có yêu cầu: Dù người Ni một trăm tuổi hạ vẫn phải tôn kính đánh lễ một Tỳ Kheo Tăng dù chỉ một tuổi hạ.

Vấn đề ở đây là Phật đã đặt giai cấp của người Ni thấp hơn hẳn giai cấp của Tăng. Từ đó hình thành quan niệm cho rằng người nữ nặng nghiệp hơn người nam. Thực ra, nếu đặt vào bối cảnh lúc bấy giờ chúng ta sẽ hiểu đúng hơn ý nghĩa lời yêu cầu của Đức Phật. Bối cảnh lúc đó là người Ni đầu tiên lại là dì của Phật. Nếu để một cách bình thường, Tăng Ni bình đẳng thì những Tỳ Kheo khác sẽ rất sợ bà. Họ sợ cũng là điều hợp lý vì bà là dì Đức Thế Tôn, người đã từng nâng niu, bú mớm cho Phật từ khi còn nhỏ. Công của bà rất lớn. Hơn nữa, bà thuộc dòng dõi Hoàng tộc, lại xuất gia khi đã lớn tuổi. Những Tỳ Kheo Tăng nhỏ tuổi, những người thuộc giai cấp khác gặp bà, chỉ dám gọi là Lệnh Bà. Như vậy, đối với những Tỳ Kheo Ni khác xuất gia theo bà, các Tỳ Kheo Tăng phải đối xử như thế nào? Họ cũng phải một mực kính trọng. Từ đó, sẽ nảy sinh tình trạng các Tỳ Kheo Ni coi thường các Tỳ Kheo Tăng, làm mất tôn ti trật tự, không còn bình

đẳng nữa. Như vậy, thực tế lúc đó, nếu Phật để mọi người bình đẳng thì sẽ sinh ra mất bình đẳng. Nghĩa là từ chỗ sợ di Đức Phật, người Tăng sẽ có truyền thống cung kính với người Ni.

Phật sợ tình trạng đó xảy ra nên đã đặt ngược vấn đề, dù lớn tuổi hạ, Tỳ Kheo Ni vẫn phải tôn kính Tỳ Kheo Tăng. Nhờ vậy, sau này, những người Ni xuất gia không dám dựa thế Kiều Đàm Di Mẫu mà coi thường quý Tăng. Nếu không triệt cái ngã của họ, chẳng những họ không tu được mà trong đạo Phật còn xuất hiện truyền thống người Tăng gặp người Ni phải sợ hãi, cung kính. Dần dần sẽ gây nên sự bất bình đẳng giữa Tăng và Ni.

Hiện nay, người Tăng được đứng ở vị trí cao hơn người Ni. Điều đó cũng có lợi, nhưng đôi khi do cách xưng của người Việt Nam (Thầy-Con), chúng ta có cảm giác người Ni bị hạ thấp quá. Ở nước ngoài, đại từ nhân xưng đơn giản hơn (I - You) nên không thấy rõ sự cách biệt đó. Tuy nhiên, khi xưng hô khiêm tốn và có vẻ hạ mình như vậy, quý cô đã hạ được cái ngã của mình rất nhiều, nên có đức. Ngược lại, khi

được quý cô xưng con, cái ngã của quý thầy lại tăng lên. Khi đó, quý thầy bị tổn đức.

Những thầy có đạo đức, rất sợ điều này. Còn những thầy không biết, cho rằng Bát kính pháp là chân lý tuyệt đối, luôn coi thường quý cô. Những người đó, kiếp sau sẽ được làm Ni, để hiểu rằng trong một đất nước mà Bát kính pháp nặng nề như vậy, người Ni sẽ được đối xử như thế nào.

Ngày xưa, sống trong rừng núi vắng vẻ, người Ni phải ở gần người Tăng để được Tăng bảo vệ. Thời đó, trộm cướp hoành hành khắp nơi. Trong luật Tứ Phần, người ta còn ghi lại chuyện một Tỳ Kheo Ni bị hãm hiếp. Do vậy, để đảm bảo an toàn cho người Ni, Phật dạy Tỳ Kheo Ni phải an cư những nơi gần đó có Tỳ Kheo Tăng. Nghĩa là Tăng có trách nhiệm bảo vệ Ni.

Bây giờ, vấn đề an ninh được Nhà nước chú trọng tăng cường nên ít xảy ra những bất ổn đối với người Ni. Hơn nữa, các Tỳ Kheo Ni sống thành từng cộng đồng, có tổ chức nên an toàn hơn. Do vậy, chúng ta chủ trương cần bình đẳng hơn trong quan hệ giữa Tăng và Ni. Nhiều khi do giữ Bát kính pháp, người

Ni vẫn xưng con với các thầy. Điều đó cũng không có gì sai, nhưng người có đạo đức bình đẳng sẽ tỏ ra bần khoản. Họ sợ không giữ được tâm mình, cái ngã của mình tăng lên.

Đối với Phật tử cũng vậy, sự tôn kính nên để trong lòng. Có thể các Phật tử đến chùa không nhất thiết phải xưng con với người xuất gia.

Tóm lại, con người thường có sự sai biệt về phước. Đó là chênh lệch rất tự nhiên và hợp lý. Trước tình trạng đó, chúng ta không được san bằng quyền lợi. Tuy nhiên, cũng không vì những sai biệt về phước mà chúng ta đối xử quá thiên vị, quá chênh lệch giữa người này với người kia. Một điều cần lưu ý là đạo đức của người tu buộc chúng ta phải quan tâm đến người khác, phải chú ý nhiều hơn đến thân phận những người thấp kém, những người nghèo khó, tật nguyền, những người ít học, v.v...

Ngoài việc đối xử bình đẳng, chúng ta phải biết quan tâm đến người khác. Điều đáng quan tâm với họ không phải là giàu sang hay nghèo hèn mà là cái tâm của họ, tâm đạo của họ. Dù giàu hay nghèo, nếu có tâm đạo, họ đều đáng để chúng ta

yêu thương, trân trọng. Và trước sự sai biệt như vậy, chúng ta cũng phải tùy bệnh cho thuốc. Có trường hợp, chúng ta đối xử ân cần sẽ đem lại lợi ích cho họ. Có trường hợp, chúng ta nên hờ hững, lạnh lùng để họ nhận ra và sống tốt hơn. Phải đặc biệt lưu ý, trong đối xử, chúng ta đừng bao giờ nghĩ đến lợi ích của mình, đừng cầu cạnh quyền lợi cho mình. Điều quan trọng là chọn thái độ cư xử như thế nào để có lợi cho người khác.

NHẪN NHỤC

ĐỊNH NGHĨA

Nhẫn là nhịn, là chịu đựng phần kém, phần thiệt thòi về mình. Trong tiếng Việt, chữ nhịn có cùng nghĩa với chữ nhẫn của Trung Quốc. Có thể coi chữ nhẫn mà chúng ta dùng hôm nay có nguồn gốc từ tiếng Hán và đã được Việt hóa. Nhục là hèn kém, đáng xấu hổ. Như vậy, nhẫn nhục là chịu đựng sự hèn kém, nhục nhã, đáng xấu hổ.

Trong trường hợp nào chúng ta phải chịu đựng và sự chịu đựng ấy được coi là nhẫn nhục?

Chúng ta thường nhẫn nhục trong trường hợp bị xúc phạm bởi người bằng mình hoặc dưới mình.

Ví dụ, chúng ta cảm thấy bị xúc phạm khi một người nhỏ hơn mình lại hỗn với mình. Nhưng khi bị xúc phạm, chúng ta vẫn bình thản chịu đựng, không có sự phản ứng gì trước sự xúc phạm ấy. Như thế là chúng ta đã nhẫn nhục. Hoặc một người “bằng vai phải lứa” với chúng ta lại nặng lời hoặc tỏ ra lấn át chúng ta, nhưng lúc ấy chúng ta không phản ứng, phải chịu đựng phần thiệt thòi về mình, đó cũng là sự nhẫn nhục.

Trường hợp thứ hai, chúng ta là người nhỏ, bị người lớn chèn ép, tước đoạt hết quyền lợi, phải gánh chịu những vất vả, cực nhọc cho người khác. Sự chịu đựng đó được gọi là nhẫn nhục.

Ngoài ra, chúng ta còn phải chịu đựng, nhẫn nhục khi rơi vào những hoàn cảnh khốn khó. Chẳng hạn, gặp lúc thiếu thốn, đói khổ, chúng ta không bi quan, không ngã gục, phải chịu đựng để vượt qua. Sức chịu đựng ấy cũng được coi là nhẫn nhục.

Ở đây, chúng ta cần phân biệt nhẫn nhục với những trạng thái tâm lý khác. Nếu bị người khác xúc phạm,

chúng ta không giữ được bình tĩnh thì sẽ rơi vào tâm sân (nóng nảy). Nhẫn nhục không phải là phản nghĩa của nóng nảy. Nóng nảy là mất bình tĩnh, là đưa ra những phản ứng mạnh. Trong khi đó, nhẫn nhục là chịu đựng sự xúc phạm mà không phản ứng. Người vượt lên tâm sân sẽ giữ được trầm tĩnh, không phản ứng. Nhưng thái độ trầm tĩnh ấy chưa hẳn là nhẫn nhục. Vì ẩn sau vẻ ngoài trầm tĩnh ấy thường có nhiều tâm trạng khác nhau.

Trước hết là sự thâm hiểm. Chúng ta biết rằng, người có lòng dạ thâm hiểm luôn tỏ ra bình tĩnh, không phản ứng trước sự xúc phạm của người khác. Nhưng họ nuôi trong lòng sự oán hận, ước muốn trả thù. Đây là trường hợp rất nguy hiểm.

Có trường hợp bị hiếp đáp, bị xúc phạm nhưng người ta không phản ứng. Mặc dù bên ngoài họ có vẻ như trầm tĩnh, nhưng thực chất bên trong họ mang tâm trạng sợ hãi. Đó không phải là nhẫn nhục mà là nhu nhược.

Như vậy, nhẫn nhục khác với những tâm lý ấy. Nhẫn nhục là chịu đựng mọi việc với tâm tha thứ, không nhu nhược cũng không nuôi sự giận ghét trong lòng.

Vì vậy, khi gặp trường hợp bên ngoài trầm tĩnh chúng ta phải xét nội tâm bên trong để đánh giá. Cần phân biệt rõ đâu là nhẫn nhục, đâu là thâm hiểm, đâu là nhu nhược, yếu đuối.

Người tu hành phải biết nhẫn nhục, chịu đựng.

Trong Đại chúng đôi khi cũng xảy ra những va chạm nhỏ, mỗi người phải nhẫn nhục, không nuôi hờn giận trong lòng. Trong cuộc sống cũng vậy, không phải lúc nào bước ra làm Phật sự, chúng ta cũng gặp thuận lợi. Nhiều khi chúng ta phải đối mặt với những nghịch cảnh éo le. Có người do bất đồng quan điểm, tìm mọi cách công kích, chỉ trích, ngăn cản việc làm của mình. Thậm chí, có lúc chúng ta bị vu khống, bị người ta đặt điều nói xấu, nhưng dù bị oan, lúc đó chúng ta cũng phải chịu đựng. Làm được điều này không phải dễ.

Như vậy, nếu không trang bị cho mình một sức nhẫn nhục cao, chúng ta sẽ không vượt lên được những khó khăn và sẽ chuốc lấy thất bại. Ngay từ bây giờ, mỗi người chúng ta phải tu tập, rèn luyện sức chịu đựng để đối phó với những khó khăn, những nghịch cảnh trong cuộc sống.

Ngày trước, người đi tu phải chịu đựng rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Họ thiếu lương thực, quần áo, thiếu những nhu yếu phẩm hằng ngày. Không xin được gạo, quý Thầy phải ăn rau rừng, phải tự cuốc đất trồng khoai lang chế biến để dành dùng trong những lúc đói. Chưa hết, họ còn bị cái rét giày vò, đêm không ngủ được. Khi ngồi thiền phải lấy y sa đi quấn quanh chịu đựng. Đó là chịu đựng vì hoàn cảnh khôn khó.

Sau này, đời sống của những người tu hành đỡ khó khăn hơn vì xã hội ngày càng tiến bộ. Tuy nhiên, khó khăn mà chúng ta có thể gặp phải là sự chống đối hoặc những ác cảm của người khác. Chúng ta phải chuẩn bị một tâm tư để đón nhận. Trước hết, bây giờ chúng ta phải tập chịu đựng những bất như ý trong đời sống tu hành của mình. Khi bị một huynh đệ nào nói nặng lời hay hiếp đáp, chúng ta phải biết cảm ơn họ vì chính họ đã tạo những điều kiện tốt nhất để chúng ta tập hạnh nhẫn nhục. Chúng ta phải thấy rằng, những đau khổ, khó khăn trong cuộc sống thật vô cùng quý giá. Nếu sống một cuộc đời yên ả, dễ chịu, chúng ta sẽ mất hết ý

chí, nghị lực, sẽ không có cơ hội rèn luyện sức chịu đựng. Bởi vậy, nhẫn nhục là một hạnh rất quan trọng để làm tăng đạo lực của người tu hành. Đó là lý do vì sao trong cuộc đời tu hành của Đức Phật luôn có ông Đề Bà Đạt Đa đi theo quấy phá. Đức Phật bị quấy phá từ bao nhiêu kiếp. Cho đến khi thành Phật, Ngài cũng không thoát khỏi sự quấy phá ấy. Sở dĩ như vậy vì trong mọi công phu tu tập, để có được đạo lực, đạo hạnh, nhẫn nhục và tinh tấn đóng một vai trò rất quan trọng. Để có hạnh nhẫn nhục, chúng ta rất cần nghịch cảnh để rèn luyện. Nhắc đến điều này, chúng ta nhớ lại câu thơ của một nhà sư:

Không đau khổ lấy chi làm chất liệu

Không buồn thương sao biết chuyện con người.

Quả thật, không đau khổ chúng ta sẽ không có điều kiện rèn luyện bản thân mình. Liên hệ đến đời sống của những người lính trong quân ngũ, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn giá trị của những gian khổ, khó khăn. Nếu không chịu đựng những tháng ngày huấn luyện nhọc nhằn, dầm mưa dãi nắng; nếu không chịu những hình phạt nặng nề, làm sao họ có thể đương

đầu với hy sinh gian khổ, quyết sống chết với kẻ thù?

Người ta kể rằng, những trường võ bị, đào tạo sĩ quan trên thế giới cũng như ở Việt Nam có kỷ luật rất nghiêm khắc. Trong thời gian huấn luyện, học viên phải trải qua một tuần lễ gọi là tuần huấn nhục. Khi bước vào tuần huấn nhục, gia đình, người thân không dám đến thăm, vì khi đó học viên bị đày đọa đủ điều mà không được từ nan bất cứ điều gì, kể cả những điều nhục nhã nhất. Họ rèn luyện cho con người sức chịu đựng, sức nhẫn nhục đến như vậy. Môi trường tu hành cũng vậy. Nếu đào tạo không nghiêm khắc, không có phương pháp, Tăng Ni khi ra trường sẽ không có tài năng, đạo đức lẫn bản lĩnh. Nếu không có bản lĩnh, chúng ta sẽ sợ hãi, khiếp nhược, rút lui khi lâm vào cảnh khổ. Như vậy, sẽ không ai dám dấn thân vào vùng sâu, vùng xa để làm việc đạo, giáo hóa chúng sinh.

Hiểu được điều này, chúng ta sẽ không tỏ ra khó chịu hay giận hờn mỗi khi bị huynh đệ xúc phạm. Nếu có bị người lớn chèn ép, chúng ta cũng vui mừng, coi như đó là những điều kiện thử thách lòng

nhẫn nhục của mình. Có không ít trường hợp phiền não, đầy nước mắt nhưng chúng ta hãy xem đó là cơ hội để tu hành. Chúng ta tâm niệm rằng, chịu đựng như vậy, khi ra ngoài làm Phật sự, việc khó khăn nào chúng ta cũng vượt qua được. Chỉ cần nhớ một điều, chịu đựng nhưng không phải sợ hãi, cũng không phải giận hờn nuôi dưỡng thù oán bên trong, mà là tâm tha thứ, tâm buông xả, không phiền não. Đó chính là tâm nhẫn nhục của đạo Phật.

NHẪN NHỤC LÀ THÀNH TỰU CỦA ĐẠO LỰC

Người tu hành thường có đức nhẫn nhục. Chúng ta phân biệt hai loại nhẫn nhục: Nhẫn nhục bằng sức mạnh của thiền định, bằng kết quả của thiền định và nhẫn nhục bằng tư duy chân chính.

Về sức mạnh của Thiền định

Chúng ta từng nghe câu chuyện về ngài Bạch Ẩn. Ông là tấm gương tiêu biểu về hạnh nhẫn nhục. Ngài thuộc dòng Lâm tế ở nước Nhật. Một hôm, không hiểu vì lý do gì, Ngài bị thầy đánh rơi từ trên

thêm xuống. Vì chùa ở trên dốc núi nên Ngài bị rơi xuống rất sâu và bất tỉnh. Khi tỉnh dậy, Ngài đã ngộ đạo. Ngài đến trình thầy và được thầy chấp nhận. Sau đó, Ngài về làng quê chăn bò thuê. Việc làm này không rõ nhằm mục đích gì, có thể là Ngài muốn rèn luyện hay hàm dưỡng điều gì đó. Khi sống ở làng, Ngài cũng ăn chay, tụng kinh lễ Phật, tỏ ra hiền lành nên mọi người gọi là ông sư, và ai cũng thương quý Ngài.

Ngài cất chòi ở và chăn bò thuê được một thời gian thì trong làng xảy ra chuyện. Một cô gái chưa chồng bỗngưng bụng ngày một to. Khi cha mẹ tra hỏi, lúc đầu cô chối quanh co, sau đó cảm thấy không ổn nên cô đã đổ tội cho ông sư. Có lẽ cô cho rằng như vậy là đỡ rắc rối nhất. Cha mẹ cô nghe vậy, đến mắng chửi Ngài thậm tệ. Ngài chỉ hỏi: “Vậy à” rồi im lặng. Từ đó, người làng coi Ngài không ra gì nữa. Giá trị quan trọng nhất của một người tu là phạm hạnh trong sạch. Ngài phạm tội nặng như vậy, còn gì giá trị nữa. Khi đứa bé được sinh ra, người ta mang đến giao cho Ngài nuôi. Ngài nhận em bé nhưng không biết nuôi như thế nào. Hằng

ngày, Ngài phải ẵm em bé đi xin sữa hàng xóm. Thời gian trôi qua chừng vài năm, cô gái cảm thấy ray rứt bèn thú thật, bỏ đứa bé không phải là vị sư tội nghiệp kia mà là anh chàng bán cá ngoài chợ. Biết sự thật, cha mẹ cô gái đến xin lỗi Ngài. Lúc này, Ngài cũng chỉ nói: “Vậ à”, rồi trả đứa bé lại cho mẹ nó, coi như không có chuyện gì xảy ra. Đó là một tấm gương nhẫn nhục tuyệt vời. Ngài đã chịu đựng sự vu khống, sự nhục nhã, mất thể diện, mất danh dự một cách bình an, không hề oán ghét giận hờn. Quả là một sự nhẫn nhục rất tiêu biểu, rất đúng nghĩa.

Trong bài Khiêm hạ, chúng ta đã bàn về vấn đề danh dự của người tu hành. Người tu không coi trọng danh dự, vì còn đặt vấn đề danh dự nghĩa là vẫn còn chấp ngã. Nhưng không phải vì thế mà chúng ta sống bừa bãi, phóng túng. Dù không coi trọng danh dự nhưng chúng ta vẫn sống rất đàng hoàng, nghiêm túc. Sống như vậy là chúng ta muốn giữ tín tâm cho mọi người đối với Phật Pháp. Nhìn gương tu hành đứng đắn, nghiêm túc của chúng ta, người đời sẽ tin con đường Phật Pháp là chân

chính. Mặt khác, lối sống nghiêm túc, có đạo đức sẽ sớm đưa chúng ta đến sự giải thoát, giác ngộ.

Chúng ta đừng nghĩ rằng, sống đàng hoàng, đứng đắn để được người đời ca ngợi, tôn trọng. Hiểu như vậy, chúng ta sẽ tránh được sự nhầm lẫn, một lúc nào đó xem danh dự, thể diện là quan trọng.

Trở lại trường hợp Ngài Bạch Ẩn, chúng ta thấy Ngài tu rất đúng, không coi trọng danh dự, thể diện nên đã nhẫn nhục một cách phi thường. Trong khi đó, Ngài vẫn sống rất đàng hoàng, nghiêm túc. Đó là thái độ rất đúng của người tu theo đạo Phật. Trong cuộc sống, có lúc bị người khác chỉ trích, nói xấu, chúng ta cũng không phản ứng, không trả đũa, không cãi chính, không biện minh, lòng không hề oán hận, tiếp tục sống cuộc đời rất đàng hoàng, đạo đức tốt đẹp. Người sống như vậy là người biết nhẫn nhục cao độ.

Nhìn bên ngoài, nhẫn nhục có vẻ nhu nhược nhưng bên trong là sức mạnh của nội tâm.

Người có tâm hồn yếu đuối, hay xao động không thể gọi là người nhẫn nhục. Nhẫn nhục là có một sức mạnh, giữ tâm mình không bị xao động, lung lay,

không bị hoang mang. Nghĩa là đứng trước lời nói xấu của người khác, chúng ta vẫn không hoang mang, lo lắng cho danh dự bị tổn thương, tìm cách cải chính. Khi bị người ta xúc phạm chửi mắng, chúng ta vẫn không dao động, không giận hờn, không buồn bã. Giữ được tâm vững vàng như vậy, phải có một sức mạnh nội tâm rất lớn.

Những người tâm còn ích kỷ không bao giờ nhẫn nhục được, vì ích kỷ sẽ đưa đến chấp ngã nặng, hễ chấp ngã nặng, chúng ta không chịu đựng được sự xúc phạm.

Tâm tự ái cũng làm cho chúng ta không nhẫn nhục được, vì tự ái là coi trọng thể diện. Người tu theo đạo Phật phải vô ngã mới nhẫn nhục được.

Tâm còn xao động cũng không thể nhẫn nhục được. Vì dễ xao động, khi người ta xúc phạm, chúng ta sẽ mất bình tĩnh và không còn nhẫn nhục. Muốn trị xao động, muốn nhẫn nhục được, chúng ta phải thiền định.

Người hay giận hờn, thù hận cũng không chịu đựng được xúc phạm nên không thể nhẫn nhục được.

Tóm lại, tâm còn ích kỷ, tự ái, xao động hay thù hận

đều không thể chịu được sự xúc phạm của người khác nên không thể nhẫn nhục.

Nhẫn nhục khác với nhu nhược, yếu đuối, vô tâm quý

Khi làm lỗi, người ta góp ý nhưng chúng ta vẫn trơ ra, không biết hối hận, không biết lỗi, vẫn tiếp tục làm. Đó không phải là nhẫn nhục mà gọi là trơ lì.

Trong đạo Phật, chúng ta gọi là vô tâm quý, không biết hổ thẹn. Ví dụ, khi bị phát hiện, một người có tật ăn cắp vặt vẫn im lặng, tỏ ra bình tĩnh, không hổ thẹn, coi như không có gì xảy ra. Sự im lặng đó không phải là nhẫn nhục mà trơ lì.

Trong bài Hạnh chân thật, chúng ta đã nhắc đến ba hạng người. Hạng đầu tiên là vô tâm, hạng thứ hai là hối và thứ ba là bất hối.

Người vô tâm là người khi mắc phải lỗi lầm, được người khác chỉ lỗi vẫn không mắc cỡ, không hổ thẹn. Theo ngôn ngữ của người đời, đó là người “mặt dày”. Những người này thường không biết thiện ác tội lỗi, nhân quả, là người rất đáng sợ.

Hạng người thứ hai là người biết được nhân quả tội

phước. Khi đã làm điều gì lầm lỗi, được người khác chỉ lỗi họ thường hối hận. Đây là người biết tu, là người rất tốt.

Hạng người thứ ba là người khi làm lỗi, biết mình có lỗi nhưng lòng không hề hối hận, không hề ray rứt.

Không hối hận nhưng quyết tâm không bao giờ phạm lỗi nữa. Đây là hạng người chứng được Sơ thiền. Người chứng Sơ thiền sẽ đạt được bất hồi.

Quyết tâm không phạm lỗi của họ rất mạnh.

Đối với chúng ta, biết lỗi và biết hối hận cũng là một công phu tu hành nghiêm túc. Đạt được điều đó là chúng ta đã trở thành người tốt.

Trong cuộc sống, chúng ta gặp những trường hợp tương tự như nhẫn nhục nhưng thực chất đó là người không có lòng tự trọng, vì cầu danh lợi nên chịu hèn kém, nịnh bợ luôn cúi. Đó là hạng người vô liêm sỉ, không có tiết tháo. Trường hợp này thường xảy ra ngoài đời, trong đạo ít khi gặp phải. Chẳng hạn, có người thấy người khác giàu sang, bèn lân la kết thân. Khi người giàu tỏ ra khinh thường, sai làm hết việc này sang việc khác, thậm chí chửi mắng, họ cũng cười xem như chẳng có gì quan trọng. Như

vậy, không thể gọi là nhẫn nhục. Đó là cầu cạnh, luôn cúi, nịnh bợ. Nhẫn nhục của đạo Phật là không có sự cầu cạnh, không mong muốn điều gì cho mình.

Những người chịu đựng nhục nhã, hạ thấp phẩm giá để mong được ích lợi cho mình mà dân gian gọi là “chịu đấm ăn xôi”, là người không có liêm sỉ, là kẻ tiểu nhân với tư cách tầm thường, hèn hạ. Biểu hiện bên ngoài của hạng người này rất giống nhẫn nhục nhưng hoàn toàn không phải. Chúng ta cần chú ý phân biệt cho đúng. Bởi vậy, khi tiếp xúc với những người giàu có, quyền thế, chúng ta phải kiểm soát tâm mình. Nếu bị người ta đối xử không đàng hoàng mà mình vẫn nhịn, phải xét lại tâm mình xem việc mình nhịn là nhẫn nhục hay nịnh bợ, muốn cầu cạnh điều gì.

Sống ở đời chúng ta thường gặp những kẻ tiểu nhân, sẵn sàng bán rẻ danh dự, phẩm giá để cầu danh lợi. Người tu theo đạo Phật luôn tỏ ra quân tử, có thái độ bất cần, thấy lợi không ham, thấy danh không màng. Chúng ta chỉ cần sự tinh tấn, cần có đạo đức cao dày, cần có phước và trí tuệ để giáo

hóa chúng sinh.

Người khiếm nhược, sợ hãi không biết làm gì khi bị chèn ép là người nhu nhược. Vì khi bị chèn ép, trong lòng họ cũng giận hờn, cũng uất ức nhưng không dám phản ứng vì người ta có thể lực hơn mình. Ví dụ, một tù nhân bị cai ngục đánh đập, hành hạ nhưng anh ta vẫn chịu đựng. Trường hợp này gọi là nhu nhược. Tuy có sự chịu đựng, nhưng là chịu đựng vì không có khả năng phản ứng, không có khả năng trả đũa nên không phải là nhẫn nhục theo đúng nghĩa của đạo Phật.

Có trường hợp, người ta không phản ứng lại việc người khác chèn ép hay xúc phạm mình không phải vì yếu thế mà không muốn sự việc trở nên phức tạp, để lại hậu quả xấu. Như thế gọi là người biết nhẫn nhục. Câu chuyện về hai đứa bé với một cái bóp nhặt được trên đường là một ví dụ.

Một thằng bé trông cũng to con đang đi trên đường, chợt thấy cái bóp của ai đó đánh rơi. Nó vừa nhặt lên xem thì một đứa bé khác, nhỏ hơn nó, ở đâu chạy tới đòi chia đôi số tiền có trong bóp. Nó không chịu vì muốn trả lại cho người bị mất. Đang dùng

dằng, bỗng nó nhìn thấy một người đàn ông loay hoay tìm kiếm một vật gì. Hỏi ra, biết cái bóp nhặt được là của ông ta, nó vui vẻ trả lại. Người đàn ông mừng quá, mở ra xem. Tất cả tiền bạc, giấy tờ trong bóp vẫn còn nguyên. Ông bèn lấy ra năm chục ngàn để “hậu tạ” nó. Thằng bé dứt khoát không lấy. Nó giải thích ngắn gọn: Nếu con muốn thì đã lấy hết rồi, con không trả lại chú đâu. Nghe vậy, ông ta cảm ơn nó rồi rít rồi đi. Người đàn ông vừa đi khỏi, thằng bé nhỏ hơn nói:

-Mày đưa tao hai lăm ngàn.

-Tiền gì?

- Vì tao với mày cùng nhặt được, ông ta cho năm chục thì phải chia đôi, mày hai lăm tao hai lăm.

-Lúc nãy mày không thấy tao trả lại hết cho ông ta rồi à?

-Tao không cần biết, ông ta cho năm chục tức mày hai lăm tao hai lăm, còn trả là việc riêng của mày, tao không biết.

Hai đứa cứ cãi qua cãi lại như vậy một lúc. Thằng nhỏ đòi đánh thằng lớn vì không đưa tiền cho nó. Thằng lớn bỗng đâm đầu chạy. Người ta hỏi nó:

“Chẳng lẽ con không đánh lại nó hay sao mà bỏ chạy?”. Nó trả lời: “Đâu có, nếu con đánh lại là nó chết, con phải chạy để đừng đánh nó”.

Đó chính là sự nhẫn nhục đúng nghĩa. So sánh với trường hợp thứ nhất, chúng ta thấy có sự khác biệt.

Sở dĩ người tù bị cai ngục đánh mà phải cắn răng chịu đựng vì anh ta biết rằng mình không làm gì được người ta, quyền hành nằm trong tay họ.

Trường hợp này, đứa bé lớn thừa khả năng đánh lại nhưng nó không đánh.

Như vậy, người có khả năng mà vẫn chịu đựng, không phản ứng, không trả đũa là người có sức nhẫn nhục rất cao. Trong cuộc sống, ta gặp không ít trường hợp chịu đựng bởi không dám hoặc không đủ sức phản ứng, nhưng trong lòng vẫn nuôi âm ức, chờ cơ hội phục thù: “rồi sẽ biết tay ta”. Đó không còn là nhẫn nhục nữa.

Chúng ta cần phân tích tâm để thấy sự khác nhau giữa hai trường hợp này. Tất nhiên, đây là điều không đơn giản. Vì cái khó là ở việc phân tích hai cái tâm. Một bên vì yếu thế nên phải nhịn nhưng trong tâm luôn luôn muốn trả đũa. Tâm muốn trả

đũa khi bị người khác xúc phạm là tâm rất mạnh. Một bên thừa khả năng, dư thế lực mà vẫn nhịn, không trả đũa do tâm vui làm mất đi ước muốn trả đũa. Đa số chúng ta đều bị tâm trả đũa thôi thúc. Hễ bị xúc phạm, chúng ta muốn phản ứng lại ngay. Bởi vậy, tâm không trả đũa là tâm rất quý. Gốc nhãn nhục là ở nơi tâm ấy.

Người tu hành phải tu như thế nào trong thâm sâu của tâm không còn ý muốn trả đũa nữa ngay cả trong trường hợp dư thế lực. Như thế, chúng ta đã thành tựu được nhãn nhục, không phiền não, không giận hờn, không phản ứng, dù mình dư điều kiện để làm điều đó. Những người thoát được tâm muốn trả đũa rất đáng được ngợi ca, trân trọng.

Nhãn nhục là phẩm chất của người biết tự trọng, biết giữ phẩm giá, không sợ hãi, nhưng giữ lòng bình thản tha thứ. Chỉ những người tu tập hạnh vô ngã khiêm hạ, tự xem mình là cỏ rác mới nhãn nhục được. Chúng ta biết rằng, bao nhiêu công hạnh đạo đức đều tập trung ở ba tâm hạnh ban đầu là Tôn kính Phật, Từ bi và Khiêm hạ. Từ ba tâm này, vô số tâm hạnh khác được mở ra.

Nhẫn nhục có liên quan đến tâm khiêm hạ. Người thấy mình như cỏ rác, cát bụi sẽ dễ nhẫn nhục hơn. Mỗi đêm khi ngồi thiền, chúng ta đều quán mình là cát bụi, là cỏ rác, khi bị người khác chửi mắng, xúc phạm, chúng ta sẽ bình thản, không thấy gì đáng giận nữa.

Người ta kể rằng, vua Phillippe xứ Macédoine, cha của Alexandre Đại đế (người từng đem quân đi đánh từ Hi Lạp qua Ấn Độ, chiếm cả một vùng đế quốc rất rộng lớn qua Trung Đông, Ai Cập đến Ấn Độ) là người rất tinh tế. Ông cho rằng, bệnh chung của tất cả các ông vua trên thế giới này là kiêu ngạo. Bởi vậy, ông dặn người hầu đứng ở đầu giường, mỗi buổi sáng, khi ông vừa thức dậy, câu phải nói với ông đầu tiên là: Philip, người phải nhớ rằng người chỉ là một con người tầm thường mà thôi. Làm như vậy là ông muốn nhắc nhở mình suốt cuộc đời ông không được kiêu ngạo. Vì kiêu ngạo thường đem lại thất bại cho con người. Vì thế, trong cuộc đời làm vua, ông trị dân rất thành công. Con trai ông là Alêchxăng Đại đế, từng chinh phục khắp nơi cũng là người đa mưu, túc trí.

Thời đó, vua Philip muốn cất quân sang đánh chiếm một nước lân cận. Thấy nguy cơ vua Philip sẽ xâm lược đất nước mình, trong khi dân chúng lo vui chơi không phòng bị, nhà hùng biện Demothène đã đứng lên hô hào, kêu gọi dân chúng đoàn kết, rèn luyện để chống lại kẻ thù. Ông mắc tật nói ngọng nên hằng ngày, ông ra bờ biển để viên sỏi lên lưỡi gào thi với sóng biển để luyện giọng. Cứ như thế, sau này ông đã trở thành một nhà hùng biện nổi tiếng thời cổ. Ông đứng giữa đô thị khuyên dân chúng phải biết tai họa mà vua Philip sắp giáng xuống đất nước mình. Thám tử của vua Philip ghi lại tất cả những lời Demothène nói trước dân chúng và mang về trình cho vua Philip xem. Đó là những lời công kích gay gắt vua Philip. Đọc xong, nhà vua không giận lại khen Demothène nói hay: “Trẫm mà trực tiếp nghe những lời này chắc trẫm cũng chống lại chính mình”. Tuy vậy, vua Philip vẫn cất quân sang đánh và thắng lợi vẻ vang. Ông chiến thắng bởi ông là một ông vua, vừa là một nhà minh triết. Cái sáng suốt của ông không chỉ thể hiện ở sự khôn ngoan, ở chiến thuật bên ngoài mà còn thể hiện ở sự kiểm

soát trong tâm của mình. Người ta khâm phục vua Philip là như vậy.

Giỏi việc bên ngoài mà vẫn kiểm soát được tâm bên trong, đó là điều rất hay mà người tu theo đạo Phật cần để ý. Khi trở nên giỏi giang, gánh vác được mọi việc, chúng ta phải thường xuyên kiểm soát tâm mình, nhất là tâm kiêu mạn. Như vậy, tâm khiêm hạ là nền tảng để chúng ta tu tập được những tâm này.

Có trường hợp nhẫn nhục vì từ bi

Chúng ta từng nghe câu chuyện vị vua tiền thân của Phật.

“Để tránh cho dân chúng thoát khỏi cảnh chiến tranh, Ngài bỏ đi, nhường nước của ông cho vua nước địch. Đức Phật vô lượng kiếp từng làm vua do Ngài có phước lớn. Ngài làm vua cai trị thiên hạ với tất cả lòng thương yêu. Lúc bấy giờ, dân số vẫn còn ít nên vua thường trực tiếp đến thăm từng người dân. Ai có chuyện gì, Ngài đều chăm sóc chu đáo. Do ngân quỹ quốc gia thường dành cứu trợ dân nên nhà vua không trang bị cho việc võ bị quân sự. Lực lượng, quân sự của Ngài rất yếu. Nước láng giềng biết điều đó nên cất quân sang đánh chiếm. Khi

thám tử ở biên giới chạy về cấp báo, vua ngồi suy nghĩ rất lâu. Ngài thấy rằng, nếu chống lại chắc chắn chín mươi phần trăm thất bại thuộc về nước mình. Như vậy, sự hy sinh xương máu của dân chúng là quá lớn. Hơn nữa, vị vua kia cũng là người biết cai trị dân. Nghĩ vậy, Ngài đã hạ lệnh cho quân sĩ không cầm vũ khí. Các quan tướng, lính tráng mở cửa thành đứng hai bên chờ quân nước kia tiến tới. Xong đâu đấy, Ngài nhảy lên lưng ngựa chạy trốn. Khi dẫn quân âm âm kéo đến, ông vua nước kia vô cùng ngạc nhiên khi thấy dân chúng yên lặng, binh sĩ không ai chiến đấu. Ông tiến vào thành, quan lại cũng đứng yên như đang đón tiếp. Ngai vàng trống rỗng, hỏi ra mới biết ông vua kia đã chạy mất rồi. Ông ngửa mặt lên trời cười và nói rằng: “Thằng kia nghe tiếng đã sợ chạy mất rồi, nhưng biết đâu nó lại kết tập lực lượng, quay lại đánh mình”. Ông ra lệnh truy nã và hứa sẽ trọng thưởng cho ai bắt được vị vua này.

Sau khi rời thành, Ngài đi lang thang trong rừng, đào củ, ăn lá cây sống cho qua ngày. Quần áo Ngài cũng đã rách rưới trông thật thảm hại. Một hôm, trên

đường rừng, Ngài gặp một người Bà la môn. Người ấy hỏi thăm Ngài có biết đường về kinh thành xứ đó hay không. Ngài hỏi: “Để làm gì?”. Ông ta trả lời: “Dạ, tôi nghe đồn ông vua trị vì xứ ấy là người rất tốt, thường giúp đỡ mọi người. Tôi ở xa đến, hoàn cảnh của tôi vô cùng bi đát. Bây giờ, năm sáu bà vợ và mấy chục đứa con tôi đều rơi vào hoàn cảnh như vậy. Nếu không được giúp đỡ, chắc gia đình tôi phải chấp nhận một kết cục bi thảm là chết đói. Nghe tiếng ông vua ấy tốt, tôi quyết tìm đến để được giúp đỡ”. Nghe vậy, Ngài thốt lên: “Trời ơi, ông vua đó chính là ta đây”. Người Bà la môn ôm nhà vua vừa khóc vừa nói: “Trời ơi! Tôi đi tìm Ngài để Ngài giúp đỡ tôi, không ngờ Ngài thân tàn ma dại như vậy biết làm sao được”. Suy nghĩ một lúc, Ngài nói: “Thôi được, ta còn cách giúp người. Người trói ta lại, đem nộp cũng được một món tiền kha khá”. Người đàn ông hoảng hốt: “Trời ơi! làm sao con làm được điều đó”. “Người cứ làm theo lời ta đi. Ta chỉ có một thân, một mình không sao, năm sáu bà vợ với mấy chục đứa con người mới quan trọng”. Nghe Ngài phân tích, người đàn ông xiêu lòng, lấy dây thừng trói vua

dẫn về. Ông vua đang ngự trị ngai vàng lúc bấy giờ mừng quá, vì nghĩ sẽ trừ được hậu hoạ. Sau khi ban thưởng rất trọng hậu cho người Bà la môn, ông hỏi: “Người làm thế nào bắt được hắn?”. Người Bà la môn kể lại đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong, nhà vua rất xúc động. Ngài không ngờ trên đời này còn có người tốt đến thế, luôn sẵn sàng hi sinh vì người khác, không nghĩ đến bản thân mình. Ông cảm thấy bao nhiêu năm chinh chiến, tranh giành, chiếm đoạt, mình không cao cả bằng con người ấy, con người lúc nào cũng chỉ biết hy sinh, nhường nhịn. Nhà vua thức tỉnh, Ngài xin lỗi và cởi trói cho vị vua nhân đức kia. Sau khi trả lại ngôi vua, hai bên kết nghĩa bang giao.

Như vậy, hành động của Ngài là biểu hiện của Đức nhẫn nhục cao cả. Sự nhẫn nhục ấy xuất phát từ tâm từ bi chứ không vì lợi ích cá nhân.

Từ chuyện vị vua rời bỏ ngai vàng (tiền thân của Đức Phật) ấy, chúng ta liên hệ đến trường hợp vua Trần Thái Tông ở Việt Nam. Khi ông mới lên ngôi, Mông Cổ kéo quân sang xâm lược nước ta. Lịch sử còn ghi lại, vó ngựa Mông Cổ đi đến đâu, cỏ cây

không mọc được đến đó. Quân Mông Cổ rất hùng mạnh. Chúng đem quân xâm chiếm khắp nơi, từ châu Á đến châu Âu. Bởi vậy, khi nghe tin Mông Cổ sắp đem quân sang đánh nước ta, vua Trần Thái Tông rất lo sợ. Ngài nghĩ rằng, nếu đương đầu với chúng, chắc chắn sẽ tẩm máu không biết bao nhiêu sinh linh vô tội. Ngài bàn với Thái sư Trần Thủ Độ nên đầu hàng cho muôn dân thoát khỏi cảnh núi xương sông máu. Ông Trần Thủ Độ trả lời một cách cương quyết: “Nếu Bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần đi đã”. Lúc đó, ông Trần Thủ Độ cương quyết chiến đấu vì ông có niềm tin là mình sẽ chiến thắng. Dù có quyết đoán và đôi khi thủ đoạn, nhưng quyết tâm của ông đã giúp chúng ta chiến thắng quân Mông Cổ, mở ra một trang sử oai hùng trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Cho đến bây giờ, thế giới vẫn chưa hết băn khoăn, không hiểu vì sao một đất nước nhỏ bé như Việt Nam lại chiến thắng được quân Mông Cổ. Người ta đặt vấn đề nghiên cứu lại những bài học chiến thắng quân Mông Cổ của Việt Nam.

Chúng ta đã ba lần chiến thắng quân Nguyên

Mông. Hai lần sau là công của vua Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông. Có nhiều nguyên nhân đem lại những chiến thắng vẻ vang ấy. Trong đó có một nguyên nhân vô cùng quan trọng là cuộc kháng chiến được dẫn dắt bởi những vị minh quân, có đạo đức cao dày. Trong “Bạch Đằng giang phú”, ông Trương Hán Siêu đã ngợi ca:

Anh minh hai vị Thánh
quân

Sông đây rửa sạch mấy lần
giáp binh

Giặc tan muôn thuở
thanh bình

Bởi đâu đất hiểm, cốt mình
đức cao.

Trương Hán Siêu là một mưu thần của Hưng Đạo Vương, cùng với Vương vạch ra những quyết sách đánh giặc, nhưng lại cũng là người thâm lặng ít bộc lộ.

Một điều chúng ta phải ghi nhận là các bậc vua quan đời Trần: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Thủ Độ, Trần Hưng Đạo, đều

ngưỡng mộ đạo Phật. Họ đều là những Thiền sư, có đạo đức. Trần Hưng Đạo là người có sở đắc tâm linh rất sâu. Ông có đạo đức, có tu tập, và có công lớn với đất nước. Vì thế, người đời tôn thờ ông như một vị Thánh (Đức Thánh Trần).

Như vậy, việc Trần Thủ Độ cũng như các đời vua Trần sau này quyết tâm chiến đấu chống Mông Cổ mà không nhẫn nhục là đúng hay sai? Phải chăng, hành động chống lại ngoại xâm một cách ngoan cường như vậy là không đúng với hạnh nhẫn nhục của đạo Phật?

Ở đây, chúng ta cần lưu ý một điều, ở vào hoàn cảnh của các vị ấy thì không thể nghĩ đến cá nhân nữa mà phải đặt vấn đề đại thể, vấn đề của quốc gia, dân tộc. Cho nên, vị vua (trong câu chuyện tiền thân Đức Phật) nhẫn nhục là vì dân. Các vua Trần quyết đánh cũng vì dân chứ không phải vì sự nghiệp của riêng mình.

Vẫn biết rằng, nhẫn nhục là đạo đức cao quý mà mỗi chúng ta phải tu tập, rèn luyện nhưng không phải trong bất kỳ tình huống nào chúng ta cũng nhẫn nhục. Chúng ta cần lưu ý đến quyền lợi của

nhều người mà có thái độ ứng xử phù hợp. Với bản thân mình, một khi đã tu hạnh vô ngã, khiêm hạ thì chúng ta sẽ nhẫn nhục được. Nhưng khi biết thái độ, quyết định của mình có liên quan đến quyền lợi của mọi người, chúng ta phải cân nhắc. Trong đánh giá người khác cũng vậy, chúng ta phải xem thái độ ứng xử của họ liên quan đến lợi ích cá nhân hay quyền lợi của nhiều người, không được đánh giá một cách phiến diện, một chiều.

NHẪN NHỤC LÀ BIẾT TRẢ CHO HẾT NGHIỆP

Trong vô lượng kiếp luân hồi, chúng ta đã tạo rất nhiều nghiệp. Có thể trong vô lượng kiếp trước, chúng ta đã gây ra không biết bao nhiêu điều không tốt, làm khổ không biết bao nhiêu người. Vì vậy, chúng ta hãy nghĩ rằng, mình có mặt trên cuộc đời này là để trả cho hết những nghiệp đó. Nếu gặp khó khăn, trắc trở trong cuộc sống, chúng ta cũng phải nhẫn nhục, chịu đựng để trả những nghiệp mà mình đã gây ra trong quá khứ. Đó là sự công bình. Chúng ta chỉ mong như vậy thôi, mong nhẫn nhục tu hành để thành Con người đúng nghĩa, đừng nghĩ đến

điều gì xa xôi, tu để thành Thánh, hay thành Bồ tát. Có những nghiệp chúng ta đã tạo nên trong quá khứ, kiếp này hiện ra cho chúng ta trả. Nhưng cũng có những nghiệp không hiện ra kiếp này, mà hẹn đến mấy kiếp sau. Đừng nghĩ hễ kiếp này gieo điều gì, chúng ta trả liền ngay điều đó. Có những nghiệp hẹn đến năm mươi kiếp sau, có khi một trăm kiếp sau, chúng ta mới gặp nhân duyên để trả.

Chúng ta còn nhớ chuyện ngài Triệu Thủ Viên án - Ngô Đạt Quốc sư trong Thủy Sám. Mười đời trước khi làm Ngô Đạt Quốc sư, Ngài đã từng làm Viên án. Vì tâu oan, Ngài đã giết chết một người. Oan hồn theo đuổi mãi đến mười kiếp mới báo thù được, bằng cách nhập vào thân Ngài làm thành mụn ghẻ mặt người khiến Ngài đau đớn vô cùng.

Như vậy, không phải mỗi nghiệp đều được trả liền. Không ai trong chúng ta lại không từng gây nghiệp. Có nhiều nghiệp, chúng ta đã tạo nên trong vô lượng kiếp quá khứ nên bây giờ phải có sức mạnh chịu đựng, trả cho hết những nghiệp ấy. Biết vậy, khi bị xúc phạm đến bản thân, chúng ta phải chịu đựng, không phản ứng, không oán thù để tránh tạo

thêm nghiệp mới, tạo thêm oan trái mới cho đời sau.

Có câu chuyện tiền thân của Phật lúc còn là Đạo sĩ tu trong rừng. Thời đó có một ông vua tên là Ca Lợi. Một hôm, ông cùng các cung nữ vào rừng dạo chơi. Khi mọi người tản ra dạo chơi, ngắm cảnh, các cung nữ đến bệ đá thấy một Đạo nhân đang ngồi bất động, gương mặt an tĩnh, hiền lành. Các cô liền đặt cây trái lên cúng dường, đánh lễ và hỏi pháp. Vị Đạo sĩ thuyết pháp cho các cô nghe. Lần lượt, các cung nữ khác đến rất đông, ngồi quanh vị Đạo sĩ để nghe thuyết pháp. Lúc đó, nhà vua đang dạo chơi bỗng nhận ra xung quanh mình không còn một ai. Ông đi tìm và bắt gặp hình ảnh một Đạo sĩ ngồi giữa đang say sưa nói, chung quanh là các cung nữ yêu quý của mình chăm chú lắng nghe. Lòng tự ái trỗi dậy (cũng là nghiệp xưa nay đã đến lúc đòi), ông hỏi Đạo sĩ một cách xúc xược: “Ông ở đây làm gì?”. Đạo sĩ trả lời: “Thưa Đại vương, tôi ở đây tu hạnh nhẫn nhục”. “Được”, vua vừa nói vừa rút gươm ra chặt đứt cánh tay phải của ngài Đạo sĩ. Cánh tay rơi xuống, máu tuôn xối xả. Vua hỏi: “Sao, nhẫn

được không?”. Đạo sĩ trả lời: “Thưa Đại vương, tôi nhẫn được”. Ông vua vung gươm lần nữa, cánh tay trái rơi xuống. Ông lại hỏi: “Sao, nhẫn được không?”. “Thưa Đại vương, tôi nhẫn được”. Nhà vua lại vung gươm lên chém và hỏi: “Sao nhẫn được không?”. “Dạ được”. Vua lại vung gươm lần nữa và hỏi “Nhẫn được không?”. Đạo sĩ vẫn bình thản: “Dạ nhẫn được”. Lúc này, hình như nghiệp quá khứ đòi xong rồi, nhà vua bỗng thấy hối hận. Ngài buông gươm quỳ xuống trước mặt Đạo sĩ xin sám hối. Máu ra nhiều quá không cứu được, vị Tiên nhân đã chết. Trước khi nhắm mắt, Ngài nói: “Tôi nhẫn nhục được, tôi không oán thù Đại vương, tôi vẫn thương yêu Đại vương như mọi người, và tôi nguyện sau này khi thành Phật, người đầu tiên tôi độ sẽ là Đại vương.”

Quả thật, sau này thành Phật, Ngài đã độ cho vị vua ấy. Kiền Trần Như, người đệ tử đắc Alahán đầu tiên chính là ông vua đã chém Ngài khi xưa. Ngài đã giữ lời hứa, không oán thù vì Ngài hiểu đó là nghiệp quá khứ mà mình phải trả.

Các vị Bồ tát nhẫn nhục vì hơn ai hết, các Ngài nhớ

đích xác mình đã làm gì, chuyện đã xảy ra ở đâu, bây giờ là lúc phải trở lại trả nghiệp. Vì vậy, các Ngài không bao giờ giận, cũng không động tâm, không phiền não. Chúng ta cũng vậy, đã gây ra nhiều nghiệp từ quá khứ, bây giờ gặp lại những oan trái, phải biết kiên nhẫn chịu đựng. Đó là thái độ đúng nhất của người đệ tử Phật.

Ví dụ, khi gặp một người nào đó, dù chúng ta không làm điều gì sai trái nhưng tự nhiên họ ghét mình cay đắng, chúng ta cảm thấy rất khổ tâm. Nhưng đến lúc nào đó, trong một giấc mơ bất chợt chúng ta thấy được trong tiền kiếp đã có oan trái với họ. Có thể mình với họ đã từng gặp nhau trong chiến trận, Khi đó, mình là người chiến thắng, hả hê vui sướng, còn họ thất bại ôm buồn giận cho đến kiếp này, khi gặp lại, họ thù ghét và tìm cách hại mình đủ điều. Vì giấc mơ đã hiện ra cho biết điều đó nên bây giờ chúng ta hiểu và không còn buồn giận nữa. Đây là trường hợp nhẫn nhục do nhớ đích xác được nghiệp quá khứ mình đã gây ra.

Thời Đức Phật, tại làng nọ có một gia đình sinh được một cô con gái rất xinh đẹp. Người cha biết coi

tướng số. Nhìn con gái quý tướng đầy đặn, ông nói rằng, con gái ông phải làm đến ngôi Hoàng hậu, nghĩa là danh vọng tột đỉnh. Bởi vậy, ông phải kén một chàng rể đàng hoàng, danh giá. Đang trong giai đoạn kén rể, một hôm trên đường đi, cô gái gặp Đức Phật đang đi khất thực. Nhìn Ngài, cô ngạc nhiên quá đỗi vì không ngờ trên đời này lại có một người đẹp trai, hảo tướng đến như vậy. Cô vội vàng chạy về nói với cha: “Thưa cha, con đã gặp người xứng đáng”. “Người đó như thế nào?”. “Con người vô cùng tốt, vô cùng đẹp, tướng vô cùng quý, chỉ có điều là đang đi tu” Ông nói: “Để cha xem sao”. Nói rồi, ông đi vào rừng hướng về nơi Đức Phật đang đi. Đức Phật biết được tâm ông ta nên dùng thần thông in lại dấu chân Ngài lên mặt đất (bình thường Ngài đi rất nhẹ).

Bàn chân Đức Phật có một cái xoáy ở giữa, như là bánh xe pháp. Khi vào rừng, nhìn thấy dấu chân, ông già nói: “Không xong rồi” và quay về. Ông nói với vợ: “Không được rồi bà ơi, người này là vị Thánh, bàn chân rất đầy lại có xoáy ở giữa”. Bà vợ thương con gái quá nên thuyết phục chồng: “Thôi kệ,

Thánh thì Thánh, tu thì tu, cũng có thể làm vua được. Con mình đã thích rồi, đừng để nó buồn”. Hai vợ chồng cùng với con gái dắt nhau vào rừng gặp Ngài. Lúc ấy, Đức Phật đang bình lặng ngồi thiền. Ông già đứng chào và nói: “Thưa ông, tôi là người giàu có ở làng này, tôi có một đứa con gái duy nhất, sắc đẹp của nó cũng không thua kém ai. Đã đến lúc cần phải chọn cho nó một nơi xứng đáng để gởi tâm thân. Nó có quý tướng đặc biệt. Thấy Ngài cũng rất quý, tôi muốn chọn Ngài làm con rể. Mặc dù Ngài đang tu hành, nhưng nếu Ngài đồng ý về làm rể của tôi thì Ngài sẽ được tất cả”. Ông huyền thuyên, hứa hẹn rất nhiều. Đức Phật trả lời: “Từ rất lâu, Như Lai đã vứt bỏ tất cả mọi tham muốn tầm thường ở thế gian này. Ái dục chỉ làm cho người ta đau khổ. Còn tâm thân gọi là đẹp, mỹ miều có nghĩa lý gì đâu. Đó chẳng qua là cái túi da mỹ miều chứa đựng bên trong những điều hôi thối. Một ngày kia, thân sẽ già nua, tàn tạ héo úa, da sẽ nhăn nheo, tóc bạc, mắt tí hí, lưng còng... Nếu nhìn kỹ bản chất, sẽ không có gì là đẹp, đừng chấp vào sắc đẹp. Như Lai từ lâu đã vượt qua những ham muốn tầm thường như vậy”.

Biết không thuyết phục được, hai vợ chồng tiu nghỉu ra về. Cô gái nghe vậy, không hiểu rõ đó là đạo lý, cứ tưởng rằng người kia chê mình xấu, chửi mình bên ngoài đẹp đẽ mỹ miều nhưng bên trong hôi thối. Cô đâm ra giận và nuôi lòng oán hận. Quả thật, ông già coi tướng đúng. Sau này vua Udena (tức vua Ưu Điền) rước bà về làm Hoàng hậu.

Nhưng trong lòng bà vẫn nuôi mối căm thù đó. Một lần, nghe tin Đức Phật tới xứ mình, bà ra lệnh toàn dân đứng hai bên đường để chửi Ngài. Lúc đó, đường sá rất hẹp. Người đứng hai bên chỉ tay vào gần chạm mặt Ngài. Cứ thế, họ xếp hàng hai bên chửi máng Ngài thậm tệ. Ai chửi hay đều được Hoàng hậu trọng thưởng. Ngài A Nan đi với Ngài không chịu nổi cảnh người ta xúc phạm Đức Phật bèn thưa:

- Bạch Thế Tôn, dân xứ này không ưa mình, thôi chúng ta đi nơi khác.
- Đi đâu, nếu nơi đó người ta chửi nữa thì sao?
- Dạ, mình đi chỗ khác nữa.
- Nếu đi nữa cũng gặp người ta chửi thì sao?
- Dạ, mình lại đi nữa. Đức Phật nói:

- “Không phải, nghiệp xuất hiện chỗ nào sẽ hết ở chỗ đó”.

Nói rồi, Ngài ôm bình bát đi tiếp. Nơi nào có người đang chờ Ngài đến để chửi, là Ngài đến nơi đó. Cứ thế, nghe người ta chửi chỗ này xong, Ngài lại đến chỗ khác tiếp tục nghe chửi. Ngài A Nan vẫn lẻo đẻo theo sau để được nghe chửi cùng Ngài.

Ngày hôm đó, không ai cúng vật gì, hai thầy trò nghe chửi no và nhịn đói trở về. Hôm sau, vẫn ôm bình bát, Ngài đi vào làng. Dân chúng cũng đứng xếp hàng chờ chửi. Không một chút ngần ngại, Ngài đến ngay những chỗ họ đang đứng. Qua hết con đường này, rồi lại đến con đường kia, người người đang đứng chờ Ngài để chửi, Ngài vẫn không nói gì. Thêm một ngày nữa, Ngài nhịn đói để nghe chửi rồi trở về nhà.

Ngài A Nan vô cùng đau khổ. Đến ngày thứ tư, dân chúng bắt đầu không chửi nổi nữa. Thấy Ngài vẫn tiếp tục ôm bình bát đi một cách thong dong, họ chỉ đứng nhìn với ánh mắt ngạc nhiên pha lẫn niềm thán phục mặc cho Hoàng hậu ra lệnh tiếp tục chửi. Ngài cứ lặng lẽ đi. Người ta cứ lặng lẽ nhìn. Thấy

dân chúng không chửi nữa, Hoàng hậu hạ lệnh quyết liệt hơn. Cũng chỉ được một vài người chửi một hai câu rồi dừng lại. Họ không dám chửi nữa vì nhìn thấy gương mặt của Ngài rạng rỡ, bình an, mà tử bi quá. Dần dần, Ngài đã hóa độ được dân chúng xứ này.

Sở dĩ Đức Phật nhẫn nhục phi thường như vậy vì Ngài biết trong một kiếp xa xưa nào đó, Ngài đã xúc phạm đến danh dự của người khác. Không chỉ xúc phạm Hoàng hậu, Ngài còn chạm đến dân xứ đó. Chuyện người ta đến đòi hỏi cưới xin chỉ là một cái mốc, một cái duyên của hiện tại để quả báo xuất hiện. Đó không phải là nhân chính. Cái nhân chính đã nằm ở nhiều kiếp trước, lúc Ngài xúc phạm cả một xứ dân.

Chúng ta không nên nhầm lẫn nhẫn nhục với thái độ ươn hèn, cầu an, ích kỷ khi nhìn thấy người khác bị ức hiếp, bị nguy hại.

Chẳng hạn, trên đường đi gặp tên cướp đang giật dây chuyền của một cô gái, chúng ta không được nhẫn nhục mà bỏ qua. Đó là thái độ ươn hèn, cầu an, ích kỷ, chứ không phải nhẫn nhục. Trong trường

hợp này, nếu có học được món võ nào, chúng ta hãy làm người anh hùng cứu giúp người. Nếu lượng sức mình không làm nổi, chúng ta phải tri hô, kêu cứu để mọi người giúp đỡ. Hãy nhớ rằng, nhẫn nhục chỉ vì mình là điều đơn giản, nhưng liên quan đến người khác chúng ta phải cẩn thận, cần chọn thái độ ứng xử thích hợp.

Lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã chứng minh điều ấy. Không phải lúc nào cha ông ta cũng nhẫn nhục. Dù rất yêu chuộng hòa bình, nhưng khi cần thiết, nhân dân ta cũng đứng lên chiến đấu ngoan cường để bảo vệ nền độc lập, tự do cho dân tộc. Có nhiều người có thể được chúng ta cảm hóa bởi thái độ nhẫn nhục. Khi họ nặng lời, xúc phạm, chúng ta vẫn hiền lành, nhẫn nhục, dần dần họ đổi tâm thương cảm. Nhưng với không ít người, chúng ta cần có thái độ nghiêm khắc để dạy cho họ bài học, ngăn không cho họ tiếp tục gây ra lầm lỗi. Bởi những người ấy thường có bản chất hung dữ. Thấy chúng ta nhẫn nhục, họ tự rút ra một chân lý, sống ở đời muốn thành công phải hung dữ, phải biết lần lượt người khác giành

quyền lợi về mình. Chúng ta từng nghe những kẻ không có lương tri quan niệm: “Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ” hoặc “Mạnh được yếu thua”. Với những con người như vậy, đức nhẫn nhục của chúng ta không thể cảm hóa được, nên phải có thái độ rõ ràng, dứt khoát kẻo đôi khi sự nhẫn nhục của mình lại gây nên tai họa cho người khác. Đối với kẻ thù xâm lược, nhẫn nhục càng không đem lại hiệu quả, chúng ta cần mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn vì bản chất của bọn xâm lược, dù ở bất kỳ thời đại nào, cũng đều tàn bạo.

Có khi rơi vào hoàn cảnh khốn cùng, sức khỏe hao tổn mà vẫn đủ ý chí chịu đựng, đó là con người dũng, có hùng lực. Người tu chúng ta cần được như vậy. Dù gặp hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn, khổ sở, bệnh tật, tâm chúng ta vẫn không lay chuyển, không mất ý chí, không từ bỏ lý tưởng.

CÁI NHẪN CỦA NGƯỜI CÓ TU TẬP THIỀN ĐỊNH

Người đạt được Sơ thiền, khi bị xúc phạm, thường không động tâm

Người ngoài nhìn vào thấy họ rất trầm tĩnh, không động tâm và cho là họ rất nhẫn. Nhưng thực chất,

họ không cảm thấy mình nhẫn vì tâm không có bụi phiền não khởi lên. Họ rất bình thản, bình an. Khi chúng ta nói họ rất nhẫn nhục dù bị xúc phạm, họ cho rằng không có gì để nhẫn. Đó là sức mạnh của thiền định. Người chứng từ Sơ thiền trở lên bắt đầu có được điều đó.

Tâm nhẹ nhàng nên có thể khởi thành từ bi hoặc khôì hài để hóa giải thù oán.

Thường khi gặp nghịch cảnh, gặp chuyện trái lòng, chúng ta phải chịu đựng. Nếu sức chịu đựng chưa mạnh, chúng ta phải dùng hết cả tâm mình để chịu đựng. Như vậy, chúng ta không còn tâm để làm được gì nữa.

Ví dụ, có người nào đó vô cớ chửi mắng mình. Họ rất thô lỗ, giận dữ, nói những lời xúc phạm. Lúc đó, chúng ta cũng nhịn, cũng chịu đựng, cúi đầu im lặng, nhưng sự chịu đựng đó che hết cả tâm. Chỉ chịu đựng thôi cũng gọi là nhẫn nhục, nhưng như vậy đạo lực của chúng ta chưa nhiều.

Ngược lại, có trường hợp bị xúc phạm, chúng ta chịu đựng nhưng tâm còn “du”, nghĩa là chúng ta không phải dùng nhiều tâm lực để chịu đựng. Lúc đó,

chúng ta có thể nghĩ ra điều gì vui vẻ, nói một câu khôi hài để hóa giải sự căng thẳng.

Một ví dụ đơn giản nhất: Hôm nay đến phiên mình nấu cơm, không hiểu sao sư huynh luôn tỏ ra khó chịu, cứ phiền trách mình ngay trước mặt các cư sĩ. Khi thì huynh chê cơm sống, khi cho rằng nấu thức ăn không ngon. Lúc đó, nếu sức chịu đựng cao, ta sẽ khôi hài một câu: “VẬY mà hôm qua có người khen em giống sư huynh đó”. Nghe vậy, tất cả mọi người cùng cười. Chính câu nói đùa rất đúng lúc này đã làm mất đi không khí căng thẳng ban đầu. Trong hoàn cảnh như vậy, chúng ta vẫn nghĩ được câu khôi hài là do tâm mình còn “du”, không phải là sự chịu đựng quá sức đến nỗi che hết cả tâm, khiến chúng ta cúi đầu chịu đựng, ôm buồn khổ trong lòng.

Người xuất gia phải có khả năng nhẫn nhục cao độ để làm gương cho Phật tử.

Nếu vào chùa, thấy chúng ta phiền trách nhau, nói qua nói lại, giận hờn nhau, Phật tử sẽ cho là chúng ta tu chưa tốt, chùa không thanh tịnh, họ sẽ nản chí, và dễ thoái tâm. Vì thể diện của chùa, chúng ta phải

nhẫn nhịn. Đó cũng là công đức lớn. Trong hoàn cảnh khó khăn, Phật tử thấy chúng ta vẫn bình thản, vẫn chịu đựng được, họ sẽ tin ở Phật Pháp. Trước khi nhẫn nhục được bằng thiền định, chúng ta nên tập nhẫn nhục bằng tư duy chân chính.

Ví dụ, khi bị người ta mắng chửi, chúng ta nhịn vì nghĩ theo nhân quả, chắc đây là là chuyện oan gia đòi trước, do mình đã từng xúc phạm đến họ nên bây giờ họ mắng lại. Đó là tư duy thứ nhất, theo nhân quả mà nhịn. Tư duy thứ hai, chúng ta biết ơn người này vì nhờ họ chửi mắng mà mình tập được sức chịu đựng. Đây là thiện trí thức nhắc chúng ta nhớ lúc nào mình cũng là cỏ rác, là cát bụi. Hoặc có khi đó là suy nghĩ, nhờ sự nhẫn nhịn của mình mà người ta hiểu ra và được cảm hóa. Đây là vì từ bi mà nhịn. Cao hơn, chúng ta nhịn vì nghĩ đến thể diện của chùa, của Phật Pháp, đến niềm tin của Phật tử. Công đức của sự nhẫn nhục vì mục đích này rất lớn. Như vậy, trước khi đạt được thiền định để có được nhẫn nhục tự nhiên, chúng ta nên nhẫn nhục bằng tư duy.

Cần phân biệt từng trường hợp để thực hiện nhẫn

nhục một cách đúng nghĩa. Trước sự công kích của người khác, lúc nào chúng ta cũng phải bình tĩnh suy xét, xem người ta nói sai hay đúng. Nếu thấy điều người ta phê bình, công kích là đúng, chúng ta nên dừng việc đang làm lại, thay đổi và tìm cách sửa sai. Chúng ta cần tránh cả hai thái độ: phản ứng, chống lại một cách gay gắt hoặc im lặng, không để ý đến lời người khác. Biết sai mà vẫn cố gắng đến cùng sẽ rơi vào bệnh chủ quan duy ý chí, cuối cùng chuốc lấy thất bại thảm hại. Trường hợp thấy việc mình làm hoàn toàn đúng, người ta góp ý, chỉ trích sai, chúng ta vẫn chịu đựng sự công kích của họ để tiếp tục công việc đang làm. Như vậy gọi là giữ lập trường kiên định.

Nói đến nhân nhục, người ta thường nhắc lại câu chuyện nổi tiếng: “Tây Thi- Nữ Hoàng Ngô quốc”. Thời đó, Ngô Vương Phù Sai đem quân đánh chiếm nước Việt (không phải Việt Nam bây giờ) và bắt Việt Vương Câu Tiễn về làm nô lệ. Đó là mối nhục lớn đối với một vị vua. Việt Vương Câu Tiễn ngày ngày vẫn hầu hạ vua Ngô một cách chu đáo, tận tụy. Thậm chí, một lần Phù Sai bị bệnh rất nặng, các

Thái y hoang mang không biết phải làm thế nào, Câu Tiễn đã xin được ném phân Phù Sai để định bệnh. Việc làm của Câu Tiễn khiến vua Phù Sai và các quan trong triều vô cùng cảm phục. Ngô Vương Phù Sai tin rằng vua nước Việt đã hoàn toàn quy phục, không còn ý định trả thù. Sau khi khỏi bệnh, Phù Sai cho Câu Tiễn trở về nước. Việt Vương Câu Tiễn hằng năm vẫn dâng cống phẩm đều đặn cho vua Ngô. Lúc đầu là vàng bạc, châu báu, sau là các loại gỗ quý để vua Ngô xây Cô Tô đài, cuối cùng là tiến cống mỹ nhân để vua vui chơi giải trí. Trong số các mỹ nhân được dâng nạp có nàng Tây Thi sắc đẹp “ngiên thành, đổ nước”. Một mặt, vua Câu Tiễn dặn những người đẹp phải làm cho Ngô Vương Phù Sai mê đắm, suốt ngày vui chơi trong Cô Tô đài mà quên hết mọi công việc triều chính. Một mặt, ông củng cố binh lực và rèn luyện ý chí bằng cách “nằm gai nếm mật”. Khi thời cơ đến, quân đội của Câu Tiễn kéo sang đánh, Phù Sai không kịp trở tay. Cả thành Cô Tô chìm trong biển lửa và Phù Sai cũng chết một cách bi thảm.

Giai đoạn làm nô lệ cho Phù Sai, Câu Tiễn đã nhẫn

nhục chịu đựng một cách đáng khâm phục. Nhưng đó không phải là sự chịu đựng nhẫn nhục của đạo Phật. Đó là sự thâm hiểm, nhẫn nhục nhằm mục đích trả thù.

Hàn Tín ngay từ nhỏ đã bộc lộ tài năng thiên bẩm. Ông rất giỏi về quân sự, nghiên cứu binh thư đồ trận, gặp ai cũng bàn bạc. Một lần, ra chợ, ông ta gặp một kẻ du côn. Hắn đứng dạng chân và yêu cầu ông phải chui qua, nếu không hắn sẽ giết. Hàn Tín suy nghĩ một lát rồi chui qua. Người kia cười đắc chí. Hắn cho rằng, như vậy không phải anh hùng. Nếu thực sự là anh hùng thì thà chết chứ không chịu nhục. Hắn không biết rằng Hàn Tín là con người nuôi chí lớn. Con người ấy sẵn sàng nhịn nhục để bảo toàn thân mình, tránh rắc rối với những việc trước mắt, giấu giếm khả năng võ nghệ siêu phàm của mình để sau này còn làm được việc lớn trong thiên hạ. Sau này, được làm tướng, chẳng những không giận, ông còn thưởng cho người kia. Ông muốn cho thiên hạ biết mình không phải là kẻ tiểu nhân. Đây là trường hợp người có chí lớn nên nhịn được những điều nhỏ nhặt.

Trường hợp Mạc Đĩnh Chi của nước ta cũng là tấm gương về nhẫn nhục. Ông sinh ra trong một gia đình rất nghèo, cha chết sớm, bản thân lại xấu xí. Tuy vậy, ông vẫn cố gắng học hành và đỗ Trạng nguyên. Khi đi sứ bên Tàu, ông được vua nước ấy nể phục và phong làm Trạng nguyên. Như vậy, ông được làm Trạng nguyên cả hai nước. Sự chịu đựng gian khổ để học thành tài của Mạc Đĩnh Chi tuy vì mục đích cầu sự nghiệp, nhưng tâm ông tốt, không làm điều gì ác nên vẫn gần với nhẫn nhục của đạo Phật.

Người tu theo đạo Phật luôn nhẫn nhịn được mọi điều, từ điều nhỏ đến điều lớn. Chúng ta nhẫn nhục không phải để cầu mong sự nghiệp, mong danh dự. Vì chúng ta quan niệm cái ta này không có thật nên nhẫn nhục của đạo Phật vẫn khác so với nhẫn nhục của người đời. Nhưng nếu nghĩ sâu hơn, chúng ta có chí lớn là cầu thành Phật thì những chuyện khác là nhỏ nhặt, cần bỏ qua.

Trong Thoát vòng tục lụy có câu chuyện về Ngọc Lâm Quốc Sư. Một lần, bị vu cáo là giết người, bị bắt giam vào ngục nhưng ông vẫn không biện minh.

Đối với người tu hành, bị vu không giết người là tội rất nặng. Sau đó, sư huynh Ngọc Lam đã minh oan cho ông.

Tại sao bị hàm oan mà ông không cãi, lại rất bình an? Lý do rất đơn giản. Với ông, danh dự chỉ là cái hão huyền nên ông không cần. Người tu hành chúng ta cũng không cần. Điều đem lại bình an cho chúng ta chính là sự vô tội, sự trong sạch của mình. Khi thực sự trong sạch, chúng ta sẽ bình an, mọi chuyện khác chỉ là nhân quả, nghiệp duyên. Điều đáng ngại là lúc trả nghiệp chúng ta lại tạo tội, làm cho tâm bất an. Nếu lúc trả nghiệp, bị người ta vu khống nhưng thật sự trong thâm sâu mình không có tội, hoàn toàn trong sạch thì tâm chúng ta sẽ rất bình an. Như vậy, sống một đời trong sạch, không tội lỗi là chỗ dựa để người tu chúng ta được bình an trong cuộc sống này.

CUỘC SỐNG VỊ THA

KHÁI NIỆM

Vị tha là vì người khác. Tha là tha nhân, là người

khác .

Cuộc sống vị tha là một cuộc sống mà chúng ta sống để làm lợi ích cho người khác, không còn sống cho mình nữa. Đây là một cuộc sống tốt đẹp mà xưa nay tất cả các bậc Thánh đều mơ ước và phấn đấu để đạt được.

Mỗi tôn giáo đều có những tiêu chuẩn nhất định để đánh giá tín đồ của tôn giáo mình. Đạo Thiên Chúa thường làm lễ phong Thánh cho những tín đồ, những tu sĩ có công hạnh đặc biệt theo tiêu chuẩn của họ. Đạo Phật cũng có cách đánh giá những vị tu hành để tôn lên bậc Thánh. Đó là những người chứng ngộ tâm linh, có đời sống đạo hạnh, hay nhờ tu thiền, niệm Phật, họ có được những điều vi diệu trong cuộc sống, có những thần thông, phép lạ, có trí tuệ, làm lợi ích cho mọi người.

Theo tiêu chuẩn, mỗi tôn giáo có rất nhiều vị được xem là những bậc Thánh. Đạo Phật có vô số Thiên sư, những bậc Alahán, những vị Thánh chứng quả, những vị Tổ, những vị Đại Sư. Có những vị không nổi tiếng lắm, nhưng khi tịch, thiêu ra có Xá lợi, cũng được xem như đã chứng Thánh. Ở các tôn

giáo khác, tùy theo lòng mộ đạo, công trạng đối với đạo mà một người cũng được xem là Thánh.

Trên thế giới, những nhà khoa học, những nhà xã hội học với tâm tình của những người không tôn giáo, có cách đánh giá một bậc Thánh ở những góc độ khác. Vì vậy, những người được phong Thánh theo tiêu chuẩn xã hội thì không nhiều. Chúng ta thấy, thế giới có những danh nhân, có những vĩ nhân và chỉ có một vài vị Thánh nhân. Đến nay, những vị Thánh nổi tiếng được cả thế giới công nhận là Thánh Gandhi. Đây là trường hợp rất hiếm hoi. Đức Phật cũng được thế giới coi là một vị Thánh. Chúa Jésus cũng được thế giới xem là vị Thánh. Hoặc Khổng Tử, nhà triết học nổi tiếng cũng được xem như là một vị Thánh. Nghĩa là số người được coi như một vị Thánh rất ít ỏi.

Chúng ta học bài Cuộc sống vị tha là để tìm ra một mẫu số chung về tư cách hay tiêu chuẩn của một vị Thánh trong đạo Phật cũng như trong tâm tình của con người trên thế giới.

Cuộc sống vị tha là tiêu chuẩn chung khi đánh giá một vị Thánh, được đạo Phật ca ngợi mà thế giới

cũng ngợi ca. Không cần biết người đó theo tôn giáo gì, không cần biết người đó giữ chức vụ gì, chỉ cần thấy họ sống rất từ ái, rất vị tha so với tất cả mọi người, có năng lực lớn để làm được nhiều việc cho cuộc đời, có sức ảnh hưởng rất lớn đến con người và luôn luôn vì con người, vì nhân loại, người ta đã ca ngợi họ là một bậc Thánh.

Dựa vào trình độ tâm linh của đạo Phật, một vị Thiền Sư có thể có sở đắc tâm linh, một đời đi thuyết pháp trong đạo Phật, trong lãnh vực tôn giáo cũng có khi chúng ta gọi là Thánh nhưng thế giới không công nhận. Trong đạo Phật, có vô vàn các Thiền sư, người chứng Đạo. Có thể chúng ta ca ngợi, coi đó là những vị Thánh, nhưng người ngoài đạo Phật chỉ thấy đó là những tu sĩ bình thường. Tiêu chuẩn đánh giá con người khác nhau như vậy. Gạt ra ngoài vấn đề tiêu chuẩn đánh giá con người, chúng ta thấy cuộc sống vị tha là một cuộc sống đẹp. Người thực hiện được cuộc sống này, có thể thuyết phục được không chỉ đối với người trong tôn giáo mà còn với cả người ngoài tôn giáo. Có thể đời này chúng ta thực hiện cuộc sống vị tha ít, nhưng

trên căn bản mỗi người phải sống vị tha. Biết đâu ở những đời sau, chúng ta có năng lực lớn hơn, có cuộc sống vị tha ảnh hưởng nhiều hơn, làm lợi ích lớn lao hơn cho nhân loại.

Vậy, tại sao cuộc sống vị tha là một cuộc sống đẹp mà mọi người đều ca ngợi? Bởi vì từ lâu, do bản năng chấp ngã mãnh liệt, chúng ta bị khuynh hướng vị kỷ tồn tại chi phối mọi ý nghĩ, lời nói, việc làm. Từ đó, trong cuộc sống, chúng ta chỉ biết sống cho mình, làm bất cứ điều gì cũng vì lợi ích của mình trước. Khi còn bé, chúng ta tranh giành miếng ăn, miếng uống, tình thương đối với anh em. Lớn lên, có thể dùng mọi thủ đoạn để tranh giành tiền tài, quyền lực cho mình. Thế giới này đầy áp khổ đau là vì cuộc sống vị kỷ. Trong Tứ Diệu Đế, khổ được coi là một thực tế, một thực tại của cuộc sống mà nguyên nhân của khổ là do lòng ích kỷ. Cho nên, cuộc sống vị tha là một cuộc sống giúp người ta thoát được đau khổ. Chưa cần tu tập những pháp cao siêu, chỉ cần sống một cuộc sống vị tha, chúng ta đã đem lại cho tâm mình sự an lạc.

Trong cuộc sống này, chúng ta không thiếu những

điều phiền muộn, những ray rút khổ đau, những ưu tư trăn trở. Khi ấy, tìm đến một vị thầy, chúng ta sẽ được thầy dạy một cách quán để đối trị đau khổ.

Ví dụ: Khi có chuyện buồn trong gia đình, chúng ta tìm đến một vị thầy để tìm sự thanh thản. Thầy sẽ dạy ta hãy quán thể gian này là vô thường, thân này là bất tịnh, rồi cũng chôn sâu trong ba tác đất. Quán như vậy, chúng ta sẽ bớt đi những khổ đau, phiền muộn. Khi than phiền về bệnh tật, thầy sẽ dạy ta quán thân này là vô thường, hư ảo, ngày nào đó thân rồi cũng mất, chẳng có gì phải phiền muộn, âu lo. Khi tâm sự, trong cuộc sống hay bị người ta ganh tỵ, tranh giành quyền lợi, chúng ta sẽ được quán là hãy xem cuộc đời này như một giấc mộng, phù du, hư ảo... Và khi thực hành, nhờ quán các pháp đều là hư ảo, chúng ta cũng có được đôi chút yên tâm, có được phần nào thanh thản. Nhưng sự thật, những phép quán đối trị phiền não ấy chỉ trị trên ngọn mà không trị được gốc, chẳng khác nào người bệnh uống thuốc tây, hết bệnh này sẽ sinh ra bệnh khác. Chẳng hạn, khi đối diện với cuộc sống, chúng ta cảm thấy có nhiều điều không như ý, nhiều việc

không thành công, những ganh tỵ oán hờn làm ta mệt mỏi. Nếu ngôi quán thế giới này như một giấc mơ, vô thường không đáng để cho mình đắm luyện, chúng ta thấy lòng cũng bớt đi sầu não. Nhưng thực chất lại xuất hiện một bệnh khác. Đó là tâm trạng thờ ơ lãnh đạm với cuộc đời, dần dần giết chết tâm tử bi của mình. Đây lại là một hệ quả phụ rất nguy hiểm.

Khi học Bát Nhã, chúng ta phải cẩn thận. Pháp Bát Nhã được ca ngợi là cao tột. Trong lục độ, Bát Nhã nằm ở giai đoạn cuối cùng. Khi học Kinh Pháp Hoa, chúng ta thấy quan niệm cho rằng Kinh Pháp Hoa thù thắng hơn tất cả các pháp khác, trừ Bát Nhã Ba La Mật. Nghĩa là ai cũng ca ngợi pháp môn Bát Nhã, pháp môn mà theo đó người tu thấy cuộc đời này là hư ảo, là rỗng không. Tuy nhiên, không phải pháp môn Bát Nhã là tuyệt đối ưu điểm. Nó làm cho chúng ta có vẻ tự tại với cuộc sống này khi nhìn tất cả là hư ảo, nhưng nó vẫn còn phản ứng phụ, phát sinh một bệnh phụ là làm cho chúng ta mất tâm tử bi, thờ ơ lãnh đạm với cuộc sống này.

Người hiểu Bát Nhã sâu, tâm có thể vào định được.

Nếu thường xuyên quán thân này là giả, tâm này là giả, cảnh vật chung quanh đều là giả, chúng ta cũng có thể vào định được. Nhưng đó là cái quán cạn của Bát Nhã. Nếu quán sâu hơn nữa, pháp môn Bát Nhã còn nhiều điều vi diệu hơn. Chúng ta có thể đạt được lý thậm thâm Bát Nhã, lý Bát Nhã rất sâu. Người hiểu lý Bát Nhã cực kỳ sâu tự nhiên tâm sẽ vào định, có thể viết thành sáu trăm quyển Bát Nhã khác nhờ những kiến giải vi diệu như vậy. Bộ Kinh Bát Nhã để lại trong kinh tạng hiện nay là sáu trăm quyển, không có kinh bộ nào dài hơn. Một vài vị Hòa Thượng đã dịch ra tiếng Việt Nam nhưng vì theo lối văn xưa nên không được nhiều người hưởng ứng. Chỉ một chữ “không” thôi nhưng nói đi, nói lại, mở rồi đóng cũng không hết ý. Nếu một người ngộ được lý Bát Nhã, có thể tiếp tục viết sáu trăm quyển khác, và tâm tự nhiên vào định. Lý Bát Nhã vi diệu như vậy. Thật ra không một pháp môn nào có đầy đủ tất cả những ưu điểm, sẽ có ưu lẫn khuyết. Pháp môn Bát Nhã cũng vậy, dù được thuyết pháp sáu trăm quyển, mọi người đều ca ngợi là cao tột, nhưng Bát Nhã vẫn có những khuyết

điểm. Điều quan trọng là chúng ta hiểu và vận dụng như thế nào cho đúng.

Nếu nói quán tất cả là hư ảo, nghĩa là chúng ta chỉ trị bệnh ở ngọn thì thế nào là trị bệnh tận gốc?

Chúng ta cần hiểu một điều, nguyên nhân của mọi đau khổ đều do vị kỷ. Đây là một nguyên lý, một chân lý mà Phật đã nói. Nếu cảm thấy có phiền muộn trong cuộc sống, chúng ta đừng chữa trên ngọn, hãy chữa ngay tại gốc của nó. Đó là chữa tâm vị kỷ của mình. Tất nhiên, chữa từ gốc là điều không đơn giản.

Nếu để xoa dịu nỗi buồn, chúng ta có thể quán cuộc đời là vô thường. Nhưng để thật sự nhổ được cái gốc đau khổ, chỉ có một cách là trị dứt tâm vị kỷ của mình. Để làm được điều này, chúng ta phải có công phu rèn luyện một thời gian dài. Trong thời gian đó, chúng ta sẽ có một cuộc sống vị tha để trị được tâm vị kỷ của mình. Lúc ấy, đau khổ sẽ thật sự vắng bóng.

Cho dù cuộc đời mình đầy bất hạnh, là một người tật nguyền, một người bệnh tật hay một người nghèo khổ, ít học, nhưng nếu sống một đời thật sự

vị tha, không vị kỷ thì những mặc cảm, những nỗi buồn ấy sẽ tan biến trong tâm hồn chúng ta. Vì đời sống vị tha sẽ đối trị, sẽ diệt được vị kỷ. Đó là chân lý mà từ ngày xưa, Phật đã nêu ra trong Tứ Diệu Đế. Cuộc sống vị tha là cuộc sống tuyệt vời nhất, luôn đem lại lợi ích cho những người chung quanh vì lúc nào chúng ta cũng sống vì họ.

Ở phạm vi nhỏ, chung quanh được hiểu là trong một ngôi chùa, trong lớp học, trong một gia đình, láng giềng, dòng họ, Ở phạm vi rộng, đó là cả một cộng đồng xã hội, một thế giới. Tùy năng lực mà tâm vị tha, đời sống vị tha có ảnh hưởng đến mức độ nào. Như vậy, khi đã có một đời sống vị tha, trước hết những người chung quanh được lợi ích, và chính bản thân chúng ta cũng xóa tan mọi đau khổ.

Vì khuynh hướng vị kỷ chi phối quá mạnh nên chúng ta luôn tìm sự thỏa mãn bằng những ước vọng từ thấp đến cao. Thấp nhất là ăn ngon, mặc đẹp, đời sống cao sang. Cao hơn là thỏa mãn những giá trị tinh thần: được mọi người nể trọng, cung phụng. Cao hơn nữa là được danh tiếng, được

quyền uy. Những người trong đạo thì cầu mong được đắc đạo, được chứng ngộ, được thành Phật. Đó là do trong tận thâm tâm chúng ta vẫn còn tham vi tế. Chúng ta luôn muốn đem lại cho mình lợi ích chứ không muốn mất đi. Nếu nói tu là mất đi, là bỏ đi bớt, thậm chí đánh mất luôn chính mình, chúng ta cảm thấy kinh sợ, vì nó chạm đến lòng tham của mình quá mạnh. Học về pháp Ba La Mật, chúng ta sẽ thấy có hai trường hợp. Có người cho rằng, tu để được đắc đạo, được giác ngộ, được thành Phật.v.v... và đó cũng là lý tưởng của người tu hành. Có người lại hiểu rằng, tu là để mất, mất hết, mất luôn cả chính mình. Trường hợp thứ nhất là người có căn cơ thấp. Trường hợp thứ hai là người có căn cơ cao. Họ có chánh kiến, lòng tham mỏng nhạt, lòng vị kỷ ít và có trí tuệ từ kiếp nào nên khi nghe tu không cần phải thêm mà được bớt đi, họ cảm thấy thích thú.

Như vậy, những cái tham và sự ích kỷ vẫn tiếp tục tồn tại chi phối chúng ta, làm cho chúng ta tiếp tục đau khổ. Ngoài đời, chúng ta đau khổ vì những tham vọng của thế gian, như được tiền bạc, giàu

sang, danh vọng, tình cảm. Khi vào đạo, chúng ta sẽ đau khổ vì những mục tiêu của đạo: muốn có bằng cấp cao, muốn trở thành Thượng Tọa, Ni Sư, muốn có chùa to, có nhiều đệ tử. Những mục tiêu ấy sẽ làm ta đau khổ. Ngay cả những mục tiêu thuộc về tâm linh, mong được đắc Đạo, được giác ngộ, nếu không cẩn thận cũng sẽ làm ta đau khổ. Nói không cẩn thận vì nếu hiểu hai từ giác ngộ, đắc đạo là không thật, chúng ta sẽ không đau khổ. Nếu hiểu đó là thật thì sẽ đau khổ vì nó.

Trong thực tế có những trường hợp như vậy. Trong sử có câu chuyện về sáu vị Tổ ở Trung Hoa. Nơi pháp hội của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn có Thượng tọa Thần Tú là bậc lãnh đạo đại chúng và ai cũng mong rằng Ngài được Ngũ Tổ truyền Y bát. Y bát biểu tượng cho tâm linh, chỉ có người đã đắc đạo, đã giác ngộ mới xứng đáng được truyền Y bát. Khi nghe tin Ngài Huệ Năng đã lãnh được Y bát đó, trong Tăng chúng xảy ra một cuộc chống đối dữ dội (trừ Ngài Thần Tú). Như vậy, chúng ta thấy gọi là giác ngộ hay đắc đạo, cuối cùng cũng chỉ là một tham vọng trá hình, và làm cho người ta tiếp tục đau

khổ.

Thế giới này đầy áp những đau khổ là do người ta chỉ biết sống cho mình, hưởng về mình. Vì vậy, vị tha là một cuộc sống cao cả, đẹp đẽ mà xưa nay tất cả các bậc Thánh đều ca ngợi, đều tán thán. Tâm vị tha đi ngược lại bản năng chấp ngã, ngược lại khuynh hướng vị kỷ, và làm cho cuộc đời này vui đi đau khổ. Cuộc sống vị tha có thể chữa được nhiều bệnh tâm lý, nhiều phiền não của chúng ta, và làm cho cuộc sống này hạnh phúc hơn. Trong cuộc sống, có người mang những mặc cảm buồn bã, nếu biết làm nhiều việc từ thiện, vị tha họ sẽ vượt qua được những đau khổ. Những pháp quán đối trị phiền não chỉ là tạm thời.

NGƯỜI XUẤT GIA PHẢI THỰC HIỆN BẰNG ĐƯỢC CUỘC SỐNG VỊ THA

Người xuất gia không thể sống vị kỷ. Hiện nay, tình trạng đạo đức của Tăng Ni bị suy thoái cũng do lối sống vị kỷ chi phối. Khi khoác áo tu hành, bước vào đạo, chúng ta mang hy vọng đi tìm một đời sống

giải thoát. Nếu vẫn sống vị kỷ, chúng ta không xứng đáng sống đời tu hành. Người xuất gia phải sống đời sống vị tha. Lý tưởng giải thoát và cuộc sống vị tha là một, vì chung một tính cách vô ngã. Giải thoát là vượt khỏi ngã chấp, đời sống vị tha cũng vượt khỏi ngã chấp. Nếu thiết tha đi tìm đời sống giải thoát, chúng ta phải thực hiện bằng được đời sống vị tha. Dù chưa tu tập được nhiều nhưng từng giờ, từng phút trong cuộc sống này, chúng ta đều sống cho huynh đệ, sống cho mọi người. Sống như vậy là chúng ta đang đi dần trên con đường giải thoát, ngã chấp của chúng ta cũng đang bị đánh phá dữ dội. Muốn được giải thoát phải vượt qua chấp ngã. Có nhiều con đường để chúng ta vượt qua chấp ngã. Con đường cuối cùng là đi bằng định và tuệ. Nhưng trước khi đi bằng con đường ấy, chúng ta phải có đời sống hết sức vị tha. Nghĩa là luôn luôn sống vì người khác, không còn sống cho riêng mình. Đời sống vị tha cũng chính là kết tinh của một đời sống đạo đức. Chúng ta đã học rất nhiều về đạo đức. Dù học bình đẳng, chân thật, học cách góp ý chỉ lỗi, hay học khiêm hạ... và sau này có thể học thêm

nhieu nữa, chúng ta cũng nhằm mục đích thành tựu được một điều duy nhất, cuộc sống vị tha. Đó là một cuộc sống đẹp nhất của con người, cũng là lý tưởng mà người xuất gia phải theo đuổi. Chúng ta phải sống vì mọi người, từ việc rất nhỏ nhất cho đến những việc rất lớn lao. Dù đang theo đuổi một công trình lớn lao: đem Phật Pháp đến cho con người, hoặc cất nhà dưỡng lão, cất trại mồ côi... nhưng chúng ta vẫn nhớ không được bỏ qua những việc rất lặt vặt trong đời sống khi việc đó có lợi cho người chung quanh.

Tận sâu trong tâm hồn, chúng ta ghi nhớ điều ấy. Nghĩa là không sợ gian khó cực khổ, không tiếc công, tiếc sức, không cần biết cuộc sống mình an vui hay đau khổ, chỉ cần cho người khác mà thôi. Chúng ta chắm dứt tất cả mục tiêu trong cuộc sống của riêng mình để từ đây chỉ còn một mục tiêu duy nhất là làm lợi ích, đem lại an vui cho người khác. Như vậy, chúng ta sẽ không còn đau khổ dù sự vất vả tất bật có thể tăng lên bội phần.

Nếu cho rằng, tu là để đạt sự tự tại, an vui, giải thoát là chúng ta đã bị lừa mị bởi những ngôn từ hoa

mĩ ấy. Vì như vậy là chúng ta đang đi tìm cái gì đó cho riêng mình. Người chỉ biết tu để sống một đời an vui tự tại là người đi ngược với đạo Phật. Có những người suốt cuộc đời không hề đi tìm điều gì cho mình, chỉ vất vả lo cho người khác, nhưng chính họ mới thực sự là người đang an vui.

Những người nhập thất phải cẩn thận; vì khi chưa phải là một người đạt được cuộc sống vị tha, đang bị vị kỷ chi phối, tâm từ bi chưa thật sự rộng mở mà bước vào thất tinh tấn tu hành, đối diện với mình, họ dễ bị vị kỷ, chấp ngã chi phối. Mỗi ngày, chấp ngã cứ lớn dần lên, công đức bị hao tổn mà họ không hay biết. Chỉ có những người công đức quá khứ rất lớn, tâm vị tha rộng mở, đời sống hết sức từ ái, khi vào thất mới thật sự yên tâm. Họ sẽ không phát triển bản ngã hay vị kỷ.

Tục ngữ có câu: “Kính thầy mới được làm thầy”. Muốn có cuộc sống vị tha, chúng ta phải tìm đọc những tấm gương đời sống vị tha của các bậc Thánh trong đạo Phật và trên thế giới để phát khởi lòng ngưỡng mộ, làm nhân ban đầu cho mình. Nếu chưa bao giờ biết ngưỡng mộ ai về đời sống vị tha,

chúng ta sẽ không tìm được đời sống vị tha cho mình. Vì đây là nhân quả. Hãy nhớ rằng, kính ai điều gì, chúng ta sẽ thành tựu được điều đó.

Trước hết, chúng ta phải biết ngưỡng mộ Đức Phật. Từ vô lượng kiếp, Ngài đã sống cuộc sống vị tha. Đến bây giờ, tâm Phật vẫn bao phủ và gia hộ cho tất cả những ai có tâm thành. Trong kiếp cuối cùng, Ngài đi tu cũng là thực hiện lý tưởng vì chúng sinh. Cha Ngài là vua Tịnh Phạn đã sợ Ngài sẽ từ bỏ cung điện đi tu nên đã cho Ngài đầy đủ các cuộc vui. Nhưng những cuộc vui xao động của thế gian cuối cùng cũng trở nên nhàm chán. Đức Phật cũng không còn vui khi Ngài hiểu được cuộc sống bên ngoài vô cùng phức tạp và đầy đau khổ. Chúng ta thường nghe kể lại điều này ở câu chuyện ngụ ngôn. Đức Phật đi qua bốn cửa thành nhìn thấy sinh, lão, bệnh, tử và trong lòng cảm thấy bất an. Do có phước, Ngài được sống trong Hoàng cung đầy đủ tiện nghi, được mọi người chiều chuộng. Khi bước ra ngoài, Ngài mới thấu hiểu nỗi vất vả, khổ nhọc của người dân. Ngài luôn băn khoăn, phải làm điều gì cho con người đừng đau khổ nữa?

Chính động cơ vị tha đã thúc đẩy Ngài rời bỏ Hoàng cung làm người xuất gia. Không phải bây giờ mà trong vô lượng kiếp trước, tất cả cuộc sống của Ngài cũng chỉ vì chúng sinh. Nếu có đạo nhân, chúng ta sẽ nhìn thấy được những kiếp xưa của Đức Phật và lòng ngưỡng mộ của chúng ta sẽ không còn biên giới. Ngài có thể bỏ thân mạng mình cho người khác một cách dễ dàng, có thể hy sinh cả một đời để vì mọi người mà không bao giờ tiếc nuối. Công hạnh tích lũy lòng thương yêu con người với đời sống vị tha của Ngài là vô lượng, vô biên. Đức Phật quả là một tấm gương lớn về đời sống vị tha mà chúng ta phải chiêm nghiệm, phải suy ngẫm, phải tán thán, phải ngưỡng mộ.

Ngay cả các vị Alahán nhiều khi bị hiểu lầm là trầm không trệ tịch, là thụ động sống cho mình cũng là những người có cuộc sống vị tha. Chúng ta thấy ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên sống rất cực khổ, rất vất vả cũng vì lo cho chúng Tăng, cũng vì bảo vệ Tăng đoàn. Ngài chứng Alahán nhưng không hề tiêu cực hay thụ động.

Một lần, Đức Phật gặp ba tôn giả Alahán sống trong

khu rừng, sống rất lặng lẽ, Ngài đã khen ba tôn giả sống chỉ vì an lạc, hạnh phúc của Chư Thiên và loài người. Trong khi đời sống các vị rất lặng lẽ, ban ngày đi khát thực, đêm về tọa thiền bất động, rồi cuối cùng cũng sẽ nhập Niết Bàn. Sống tĩnh lặng như vậy nhưng Đức Phật vẫn khen là sống vì lòng thương yêu đối với chúng sinh. Đây cũng là điều vi diệu mà chúng ta không thể hiểu được. Có lẽ do tâm từ của một vị Alahán lan tỏa rộng lớn nên ngay cả khi Ngài không làm gì nhưng trong thế giới vô hình, biết bao nhiêu chúng sinh vẫn được lợi ích.

Ngài Anan có một cuộc sống vị tha thật là tuyệt vời. Ngài theo hầu Phật một cách nghiêm túc, tôn kính và chu đáo. Chính được Ngài Anan lo toan chu đáo nên Phật không bận tâm nhiều, được tiện nghi trong đời sống để đi thuyết pháp. Như vậy, qua việc hầu Phật, Ngài Anan đã làm lợi ích thật nhiều cho chúng sinh. Khi tiếp xúc với người khác, từng lời nói của Ngài đều đem lại lợi ích cho họ. Lúc chưa chứng Alahán, Ngài đã thuyết pháp làm cho người khác chứng được Alahán. Công đức của Ngài thật lớn lao.

Ngài từng xin đức Phật cho người nữ được xuất gia. Đây cũng là một công đức lớn đối với chúng sinh. Vì theo quan niệm của người Á Đông, người nữ nặng nghiệp hơn người nam. Vậy, phải tạo cơ hội cho họ tu hành để hết nghiệp. Nếu không, họ sẽ không có cơ hội để tăng trưởng được phước duyên.

Sau khi Phật tịch, Ngài Anan đã chứng Alahán và được vào hàng Tất Bát La để trùng tuyên lại Kinh điển. Sau này, ngài Hư Vân một lần nhập định lên cõi trời Đâu Suất đã trông thấy ngài Anan đang theo hầu Bồ tát Di Lạc, ủng hộ cho Bồ tát Di Lạc làm việc Phật Pháp. Như vậy, Ngài đâu phải bỏ đi, vẫn làm vì lợi ích của chúng sinh.

Cái tâm từ của một vị chứng ngộ sẽ lan tỏa đem lại lợi ích vô cùng cho chúng sinh, nhất là thế giới vô hình. Thế giới vô hình cảm nhận tâm đó mạnh hơn chúng ta rất nhiều. Có khi sống gần một vị Thánh chúng ta không biết rõ, nhưng những người chung quanh trong thế giới vô hình lại cảm nhận được điều đó rất mạnh. Nhờ vậy, họ được lợi ích nhiều hơn. Ta phải hiểu rằng có khi bên ngoài lặng lẽ, ít làm việc, nhưng kỳ thực các vị Alahán có một cuộc sống rất vị

tha.

Gần đây, người ta thường ngợi ca Mẹ Theresa, một nữ tu sĩ Công giáo. Cả một đời, Mẹ sống cho người nghèo, cho người bệnh và tấm gương của bà lan tỏa, ảnh hưởng đến mọi người. Rất nhiều người đã đi tu theo bà, và cũng một đời xả thân để xoa dịu nỗi đau khổ cho cuộc đời. Đó là một tấm gương rất đẹp, rất đáng trân trọng. Khi học theo bà sống đời vị tha, nhiều người cũng chấm dứt được đau khổ. Vì vậy, những nữ tu sĩ theo Mẹ Theresa chắc chắn cũng là những con người rất hạnh phúc, rất an vui. Vì họ không lo gì cho mình, chỉ lo cho người bệnh, người nghèo. Khi bà chết, cả thế giới đều xưng tụng, ngợi ca, có những quốc gia còn để cờ tang.

Tuy nhiên, chúng ta đã biết, cái gốc của đau khổ là do ích kỷ, do kém đạo đức. Muốn nhỏ được gốc đau khổ cho cuộc đời, phải làm sao cho người ta có đạo đức. Bởi vậy, theo quan điểm của đạo Phật, việc bà làm tuy rất đẹp nhưng chưa thực sự “búng” được cái gốc đau khổ. Vì bà không đặt nặng vấn đề đạo đức. Trong đạo Phật chúng ta có Hòa Thượng Hư Vân suốt đời vì Phật Pháp, không ở chùa đã hoàn thành,

không sở hữu tài sản. Ngài Hư Vân là một tấm gương vị tha vĩ đại. Đời sống của Ngài vô cùng đơn giản. Với những manh áo tầm thường, vài con dao cạo tóc, Ngài đã đi hết nơi này đến nơi khác làm việc Phật Pháp, giáo hóa chúng sinh. Khi thấy dân chúng khổ, Ngài tìm cách ra tay giúp đỡ. Khi thấy hai bên đánh nhau, Ngài khuyên người ta dừng lại binh đao. Những nơi Tổ Đình hoang phế, Ngài tìm cách phục hồi, trùng tu, xây dựng lại Tăng chúng, giữ lại kỷ cương, giữ lại giới luật mà giáo hóa... Ngài chẳng bao giờ đến chùa to mà ở. Khi giáo hóa, ngài cũng không phân biệt pháp môn. Gặp người niệm Phật, Ngài dạy niệm Phật. Gặp người thoại đầu, Ngài dạy thoại đầu. Cả một đời, Ngài cứ sống như thế. Và Ngài thọ đến hơn một trăm hai mươi tuổi mới viên tịch.

Khi Trung Hoa lục địa được Đảng cộng sản Trung Quốc giải phóng, Ngài đang ở Hương Cảng (Hong Kông). Lúc bấy giờ ai cũng lo sợ cho Ngài vì nghĩ rằng người cộng sản Trung Hoa không tin tôn giáo, họ sẽ chống báng và làm khó dễ Ngài. Mọi người khuyên Ngài nên ở lại Hương Cảng. Nhưng Ngài

không chịu vì lúc đó ở lục địa chỉ có Ngài là bậc tôn
túc. Nếu Ngài không về, Tăng Ni không có chỗ dựa
và sẽ tan tác. Mặc dù biết sẽ gặp rất nhiều khó
khăn nhưng Ngài vẫn từ già Hương Cảng, trở về
Trung Hoa lục địa. Quả thật, trong thời gian đầu,
chính quyền vì chưa hiểu, chưa thông cảm, vậy mà
Ngài vẫn thản nhiên, lòng không chút sợ hãi hay
oán hờn. Sau khi Ngài lành bệnh, chính quyền ở
Bắc Kinh mới hiểu và mời Ngài thành lập Giáo hội
Phật giáo. Tuy không giữ chức vụ gì quan trọng
nhưng Ngài đứng đó làm chỗ dựa tinh thần cho
Tăng Ni. Nhờ vậy, người ta vững tâm tu hành, giữ
được giếng mối của đạo. Ngài có thần thông, biết
trước được những thảm nạn khi về Trung Hoa lục
địa, nhưng vẫn không sợ. Ngài chấp nhận để giữ
được chỗ dựa tinh thần cho Tăng Ni, từ đó tạo điều
kiện phát triển Phật Pháp. Tấm gương vị tha của
Ngài Hư Vân thật quá vĩ đại. Là người xuất gia,
chúng ta phải phấn đấu để đạt được đời sống vị tha
tuyệt vời như vậy.

Để đạt được cuộc sống vị tha, mỗi khi làm việc gì
chúng ta hãy đặt lại câu hỏi. Xuất gia để làm gì? Lễ

Phật để làm gì? Ăn cơm, uống nước, nghỉ ngơi để làm gì? Đi học để làm gì? Nhìn thấy huynh đệ tự hỏi mình phải làm gì?

Hỏi như vậy và tự trả lời, chúng ta sẽ kiểm soát được mình. Cũng làm những công việc như mọi người nhưng chúng ta đừng nghĩ làm cho mình mà phải nghĩ là làm lợi ích nhiều cho chúng sinh sau này. Chúng ta ăn cơm, uống nước cũng nghĩ rằng để có sức mà lo làm Phật sự. Khi mệt nằm nghỉ cũng đừng nghĩ để cho mình khỏe mà sức khỏe này là để cúng dường Tam Bảo, để lợi ích nhiều cho cuộc đời này. Những lý tưởng cao siêu có thể chúng ta chưa làm được, nhưng trong ý nghĩ của mình, chúng ta luôn luôn nghĩ những điều rất thánh thiện, rất vị tha.

Khi nhìn thấy chúng sinh, nghĩ đến thế giới, chúng ta tự hỏi mình phải làm gì? Chẳng hạn, thấy đạo Phật đang suy thoái, chúng ta phải băn khoăn, phải nhận ra rằng, chính lối sống của Tăng Ni làm cho đạo Phật yếu đuối. Tăng Ni phải chủ động, phải có sức mạnh để chống đỡ khi có khó khăn trở ngại. Sở dĩ trong thực tế, Hồi Giáo đi đến đâu, đạo Phật suy

yếu đến đó là do sức sống của đạo Phật yếu. Nguyên nhân chính là do từng người chúng ta không có tâm vị tha mạnh mẽ. Chúng ta còn sống cho mình nhiều quá. Chẳng hạn, ở Ấn Độ, cộng đồng người Hoa theo đạo Phật khá đông. Nhờ có họ mà đạo Phật hiện diện tại nước này. Vậy mà, ngày nay nhóm Hồi Giáo đã khủng bố và đuổi hết người Hoa ra khỏi Ấn Độ. Trong tương lai, Ấn Độ sẽ không còn Phật giáo. Trước tình trạng đó, chúng ta sẽ làm gì? Phải thường xuyên đặt những câu hỏi như thế.

Hoặc nhìn thế giới cứ xung đột, xâu xé lẫn nhau, luôn đem lại sự bất an, chúng ta làm được điều gì? Nếu không bao giờ ray rứt về những điều đó, chúng ta là người sống vị kỷ. Người có cuộc sống vị tha không bao giờ bình yên, thanh thản được. Họ luôn cảm thấy ưu tư và thấy mình phải có bổn phận, có trách nhiệm đối với cuộc đời này. Đó mới đúng là người Phật tử chân chính.

Chúng ta hãy thành thật tự trách mình mỗi khi thấy tâm mình xuất hiện những tư tưởng ích kỷ. Việc xây dựng tâm hồn vị tha, đời sống vị tha là việc rất khó

khăn, phải trải qua một thời gian dài. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tu tập từng ngày.

Chẳng hạn, đối với người tu, ích kỷ thường biểu hiện ở sự ham muốn mình có được nhiều tiền, có chùa to, có danh tiếng. Hoặç khi nhìn thấy những người xung quanh rơi vào hoàn cảnh khó khăn mà chúng ta làm lơ, tự nhiên tâm vị kỷ sẽ lớn lên. Khi có chuyện không hay xảy ra, chúng ta lại đổ lỗi cho người khác, đó cũng là biểu hiện của một đời sống vị kỷ. Hãy cứ nhận lỗi về mình, chúng ta sẽ có một đời sống vị tha.

CẢN THẬN GIỮA LÝ TƯỞNG VÀ THAM VỌNG

Về lý tưởng và tham vọng, chúng ta đã được học ở những bài trước. Ở đây, chúng ta chỉ tìm hiểu mối quan hệ giữa lý tưởng và tham vọng với cuộc sống vị tha.

Chúng ta nên nhớ rằng, làm phước chưa hẳn là vị tha. Vì đằng sau việc làm phước ấy có thể còn tâm niệm cầu phước. Mà cầu phước là thái độ hoàn toàn vị kỷ. Đôi khi, nhìn bề ngoài, việc làm phước có vẻ như vị tha, nhưng thật sự vị kỷ đang lớn dần lên trong tâm chúng ta. Có nhiều người rất năng đi chùa

lạy Phật, nhưng chỉ để cầu cho mình bao nhiêu điều tốt đẹp. Vì vậy, càng đi chùa nhiều càng tăng trưởng vị kỷ.

Chúng ta cần phân biệt giữa lý tưởng và tham vọng. Người có lý tưởng và tham vọng đều có chung một điểm là họ đều có hoài bão lớn, mục tiêu lớn, dự định lớn. Đó có thể là dự định sẽ cất một ngôi chùa rất lớn, xây một trường đại học Phật giáo bề thế nhất Đông Nam Á, hoặc đó là ước mơ mở được một trại mồ côi để tập trung được vài trăm ngàn trẻ mồ côi về nuôi dưỡng, v.v... Nhưng trong những hoài bão, những dự định lớn lao đó, đâu là lý tưởng, đâu là tham vọng? Chúng ta phải hiểu rằng, nếu thật sự vì Phật Pháp, vì chúng sinh, người có những mơ ước, hoài bão như vậy là người sống có lý tưởng. Nhưng nếu làm để cầu mong một điều gì đó cho mình, danh tiếng, lợi lộc chẳng hạn, thì đó là tham vọng. Nói cách khác, cả hai có những điểm rất giống nhau nhưng hễ vì mình là tham vọng, vì người là lý tưởng. Bởi vậy, khi có những mơ ước, những dự định lớn, chúng ta phải cẩn thận xét kỹ tâm mình, xem đó là vì mình hay vì chúng sinh, vì Phật Pháp.

QUAN ĐIỂM ĐỐI VỚI HẠNH PHÚC

Chúng ta sống là để đi tìm hạnh phúc. Vì sống mà không có hy vọng, không có hạnh phúc là một cuộc sống vô nghĩa. Nhưng hạnh phúc vốn rất mong manh và không dễ dàng tìm được. Chúng ta phải luôn luôn hy vọng rằng, mình sẽ tìm thấy hạnh phúc trên cuộc đời này. Hy vọng như vậy để chúng ta cố gắng sống, cố gắng vượt qua những khó khăn gian khổ, vượt qua những thử thách nghiệt ngã của cuộc đời. Chừng nào con người không còn hy vọng, chừng đó họ sẽ bị cuộc đời làm cho ngã gục.

Khi còn nhỏ sống trong vòng tay cha mẹ, chúng ta hy vọng lớn lên sẽ thành đạt, có cuộc sống giàu sang, danh vọng. Càng lớn lên, con người càng hy vọng điều đó. Hôm nay còn khó khăn, người ta hy vọng vài năm nữa rồi cuộc sống sẽ khá hơn, sung sướng hơn. Đến khi gần đất xa trời, không còn hy vọng được nữa, họ lại hy vọng vào kiếp sau. Vì niềm hy vọng về cuộc sống hạnh phúc phía trước mà chúng ta vượt qua tất cả. Nghĩa là chúng ta sống để đi tìm hạnh phúc. Đó là mục đích, là khát vọng lớn lao, mãnh liệt của con người. Ngay cả

những người bất hạnh, sống lang thang lê lết bên lề đường xin ăn, họ vẫn yêu vô cùng sự sống và hy vọng vào ngày mai tươi sáng vẫn không lụi tắt trong lòng họ. Nếu đã hoàn toàn tuyệt vọng, họ sẽ không kéo dài cuộc sống của mình trong khổ đau như vậy.

Là đệ tử Phật, chúng ta phải có một quan điểm rõ ràng về hạnh phúc. Chúng ta thừa nhận sống để đi tìm hạnh phúc. Nhưng với người tu hành, hạnh phúc là gì? Chúng ta sẽ đi tìm hạnh phúc cho chính mình, hay sẽ dành cuộc đời này đi tìm hạnh phúc cho người khác? Đặt lại câu hỏi đó một lần nữa, chúng ta suy nghĩ cho thấu đáo để sống một cuộc đời đúng nghĩa.

Rõ ràng, người đệ tử Phật phải sống cuộc sống vị tha, sống là để đi tìm hạnh phúc cho người khác chứ không phải cho bản thân mình. Có thể trước đây, cuộc sống của chúng ta còn nhiều đau khổ, còn những nỗi bất an và chúng ta cũng đã từng hy vọng một ngày nào đó, mình được sống một cuộc đời hạnh phúc. Nhưng bây giờ, chúng ta không còn hy vọng điều đó nữa. Với người tu hành chúng ta,

hạnh phúc lớn nhất là đem lại được hạnh phúc cho người khác.

Như vậy, điều quan trọng là để đem lại hạnh phúc cho người khác, chúng ta phải làm gì? Trước hết, chúng ta phải hiểu điều này, hạnh phúc là do tâm vị tha chứ không phải do phước. Nói như vậy có vẻ hơi mâu thuẫn, nhưng nghĩ một cách sâu sắc, điều đó hoàn toàn đúng. Chẳng hạn, có những người trước kia hay bồ thí, làm phước nên họ được nhiều phước và đời này họ có được cuộc sống giàu sang. Nhưng giàu sang không hẳn là hạnh phúc. Chúng ta đã đọc được điều này rất nhiều trong những cuốn sách viết về Nhân Quả. Có tiền nhiều và có hạnh phúc là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Nhiều người sống trên đồng vàng nhưng vô cùng đau khổ. Họ chỉ hơn những người nghèo là có cuộc sống vật chất thoải mái, còn hạnh phúc vẫn thuộc về lĩnh vực của tâm.

Một người nghèo về vật chất nhưng sống một đời vị tha vẫn an vui, hạnh phúc, và họ cũng tạo được phước cho đời sau. Như vậy, người có phước do tâm vị tha, đời này sẽ an vui. Còn người có phước do

tâm cầu phước ở đời trước, đời này có thể giàu sang nhưng lại sống bất an. Vì tâm cầu phước là tâm vị kỷ. Chúng ta cần phân biệt được điều đó. Hạnh phúc thật sự vẫn là do tâm vị tha đem lại. Có thể chúng ta chưa làm được điều gì lớn lao, chỉ cần sống vị tha thôi, chúng ta đã thấy mình rất hạnh phúc vì đi đúng nguyên lý Tứ Diệu Đế của Phật. Vì vậy, chúng ta đừng mất thì giờ tự ám thị mình là người hạnh phúc, luôn mang vẻ mặt an lạc, thỏa mãn. Vì hạnh phúc không phải do ám thị mà có, hạnh phúc là do đời sống vị tha đem lại. Nhiều khi chúng ta được dạy, là đệ tử Phật, phải tự tại an vui, đi đứng đoan trang, lúc nào cũng nở nụ cười trên môi, gương mặt phải thanh thản. Thực ra, đó là lối sống ích kỷ, chỉ nghĩ về mình. Chúng ta đừng bận tâm về điều đó, đừng tự ám thị mình là người hạnh phúc. Hãy bận tâm chăm chiêu đi tìm hạnh phúc cho mọi người. Có thể lúc nào chúng ta cũng tất bật, vội vã nhưng vì tâm mãi lo cho người khác nên không bao giờ đau khổ đến với tâm mình. Hai chữ tự tại có vẻ thanh thoát, nhưng nếu chỉ đi tìm cái đó cho mình, chúng ta vẫn bị vị kỷ chi phối. Mà vị kỷ có mặt

thì sẽ kéo theo những đau khổ, bất an.

Với cuộc sống vị tha, hạnh phúc dần dần tràn ngập mà chúng ta không ngờ được. Suốt cuộc đời lo cho người khác, đến một lúc nào đó tự nhiên chúng ta thấy cuộc đời mình tràn ngập niềm vui. Nhưng đừng bao giờ dừng lại đó để hưởng thụ, hãy tiếp tục bận tâm lo cho mọi người. Nếu tự mãn với hạnh phúc mà mình đang có nghĩa là chúng ta bắt đầu lui bước. Nếu chỉ biết hưởng thụ hạnh phúc, niềm vui dù niềm vui đó do đời sống vị tha lúc trước tạo nên, là chúng ta bắt đầu rơi trở lại lối sống vị kỷ. Như vậy, chúng ta sẽ không đi tới được đời sống vị tha vô lượng, vô biên. Đây là điểm rất khó, rất tinh tế trong tâm mà chúng ta phải tỉnh táo để thoát ra. Sở dĩ một vị Phật thành được Phật quả là do các công hạnh của Ngài vô hạn, vô biên. Ngài làm phước mãi, sống vị tha mãi, không bao giờ dừng lại để hưởng niềm vui .

Người tu theo hạnh Bồ Tát Ba La Mật vô lượng vô biên không bao giờ biết dừng lại để hưởng thụ.

Chúng ta cũng vậy, nếu sống đời sống vị tha thì tâm mình tự nhiên xuất hiện niềm vui nhưng đừng bao

giờ dừng lại để hưởng niềm vui trong tâm đó, hãy cứ tiếp tục bận tâm để lo cho người khác.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ PHẬT KHI THẤY THẾ GIỚI NÀY CHƯA BIẾT ĐƯỢC CHÁNH PHÁP

Trên thế giới này, người biết đạo không nhiều. Bên cạnh đó, còn không ít người rơi vào tà kiến. Họ chưa tin vào Nhân Quả, chưa tin luân hồi, cũng không tin rằng có Niết Bàn tuyệt đối, là nơi giải thoát thật sự. Rất nhiều người trên thế giới chưa biết được điều đó. Bởi vậy, người đệ tử Phật không bao giờ được ngổ ngời khi thấy thế gian này chưa hiểu được Chánh pháp. Đây cũng là lời nguyện khi quy y. Một ngày nào đó, quỳ trước tượng Phật, nhận mình là đệ tử Phật, xin nương tựa Phật, tôn thờ Phật, chúng ta phải phát nguyện là sẽ đem Phật Pháp đến với mọi người, từ gia đình đến xã hội.

Khi quý Phật tử quy y, ngoài việc thọ trì Tam quy, Ngũ giới, cần phải thọ thêm Thất nguyện (Bảy điều nguyện). Bảy điều nguyện này có thể chúng ta đã được nghe, nhưng phải được xác quyết lại trong buổi lễ quy y. Bảy điều nguyện đó được sắp xếp từ

thấp đến cao:

Thứ nhất, Phật tử tập ăn chay dần dần, từ ít ngày lên nhiều ngày.

Thứ hai, Phật tử phát nguyện học hỏi giáo pháp không biết mệt mỏi. Có thể học hỏi trực tiếp từ những vị thầy, cô tu hành chân chính, hoặc từ những bài giảng, những cuốn sách có giá trị.

Thứ ba, Phật tử phải phát nguyện lễ Phật, tọa thiền, vì đó là sự thực hiện tu hành tâm linh.

Thứ tư, Phật tử phải phát nguyện suốt đời siêng năng làm việc từ thiện.

Thứ năm, Phật tử phát nguyện phải Phật hóa gia đình, làm cho tất cả những người thân trong gia đình, họ hàng mình đều biết Phật Pháp, nhất là đối với trẻ em.

Thứ sáu, Phật tử phát nguyện sẽ đem Chánh pháp đến với những người chưa biết, để cho họ tìm được an vui trong cuộc sống này.

Thứ bảy, Phật tử phát nguyện phải kiên cường giữ đạo trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn gian khổ nào. Đây là bảy lời nguyện khi quy y chúng ta phải thọ trì. Không chỉ là những lời nguyện mà chúng ta phải

thực hiện cho bằng được. Người Phật tử ngày đầu tiên đến làm đệ tử Phật nhận được bảy điều nguyện này, sẽ là những người rất năng nổ, tích cực, chân chính. Và nếu tất cả Phật tử đều được như vậy, chúng ta sẽ thấy Phật giáo có nhiều đổi thay, đạo Phật sẽ tích cực hơn, năng động hơn, làm lợi ích cho thế giới nhiều hơn.

Có người cho rằng, người có lòng từ sẽ bận tâm về sự thiếu thốn của những người chung quanh. Như thế, trong lúc ngồi thiền, sự bận tâm cứ quanh quẩn trong tâm trí, làm sao vào định được. Thực ra, khi ngồi thiền, chúng ta phải lo nhiếp tâm. Lúc đó, nếu còn bận tâm làm sao có kinh nghiệm thiền định để dạy cho người khác. Trong đời sống, chúng ta bận tâm rất nhiều chuyện, nhưng khi ngồi thiền chúng ta chỉ nghĩ đến việc thực hành cho có kinh nghiệm dạy lại cho người khác. Nghĩ về người khác, đó cũng là từ bi, và cái này phải chi phối chúng ta mạnh hơn nên chúng ta sẽ không còn bận tâm đến những chuyện lặt vặt nữa.

Thiền tức là không suy nghĩ. Trong đời sống, chúng ta còn phải lo bao nhiêu việc. Đó cũng là điều khiến

chúng ta động tâm. Nếu động tâm vị kỷ, chúng ta sẽ càng lúc càng không vào định được. Còn nếu động tâm trong đời sống là động tâm vị tha, khi ngồi thiền chúng ta sẽ vào định dễ hơn. Đời sống vị tha sẽ làm cho mình tăng trưởng được thiền định.

Nói đến cuộc sống vị tha, có người bán khoán làm sao Phật tử tại gia hiểu rõ, làm phước hữu lậu và phước vô lậu. Hữu lậu là vẫn còn dấu vết của luân hồi, vô lậu là đi ra khỏi luân hồi. Ví dụ, khi bố thí cúng dường, khi làm mọi việc tốt lành cho người mà trong tâm chúng ta còn mong được hưởng phước, là chúng ta chưa ra khỏi luân hồi, vẫn còn dấu vết luân hồi trong việc làm phước đó. Còn nếu luôn làm phước, luôn hy sinh vì cuộc sống của mọi người, mong cho mọi người được giác ngộ, giải thoát mà không cầu phước cho mình là chúng ta đã gieo phước vô lậu. Khi ấy, dấu vết luân hồi không còn vương lại trong việc làm phước của chúng ta.

Chúng ta thường thấy bên tượng Đức Phật Thích Ca có hai vị Phổ Hiền và Văn Thù đứng hai bên, còn tượng Di Đà có Quan Âm và Thế Chí đứng hai bên.

Phổ Hiền tượng trưng cho hạnh và Văn Thù tượng trưng cho trí. Hạnh tức là đạo đức và trí là trí tuệ. Trí tuệ soi sáng cho đạo đức và ngược lại, đạo đức nâng cao trí tuệ.

Một người đi trên đường giác ngộ phải có trí tuệ và giới hạnh. Ngài Văn Thù tượng trưng cho sự soi sáng, còn Ngài Phổ Hiền tượng trưng cho hành động. Muốn hành động phải có trí tuệ soi sáng. Có hành động, có kinh nghiệm lại giúp cho việc soi sáng rõ hơn. Còn Quan Âm tượng trưng cho lòng Đại Bi, Thế Chí tượng trưng cho Đại Lực, cho sự dũng mãnh. Nghĩa là, muốn thực hiện được ý nguyện độ sinh, muốn cứu khổ cho con người, chúng ta phải có sức mạnh. Nếu không có gan dũng mãnh làm sao chúng ta có thể xông pha trong luân hồi để cứu độ chúng sinh?

Trong cuộc sống, có khi chúng ta rất siêng năng, rất muốn giúp người nhưng vì thể lực yếu đuối, bản tính nhút nhát nên không thực hiện được. Muốn làm việc cứu khổ chúng sinh, chúng ta cần phải mạnh mẽ hơn, bản lĩnh hơn.

Có người cho rằng, phải buông tất cả những lo toan để niệ²m Phật vì nếu cứ lo cho mọi người, tâm sẽ tán loạn vọng tưởng, không thanh tịnh được. Chúng ta không nên nghĩ như vậy. Cứ lo cho người khác, cứ tán loạn vọng tưởng, chúng ta sẽ nhiếp tâm được vì chúng ta đã sống một cuộc sống vị tha. Chúng ta phải hiểu rằng, nhiếp tâm được hay không là do phước. Nếu quan niệ²m sống buông hết để tu cho thanh tịnh, không cẩn thận, chúng ta sẽ rơi vào lối sống vị kỷ, sẽ không nhiếp tâm được.

Đạo Phật tiến bộ là một đạo Phật rất tinh tấn tu thiền, nhưng rất siêng năng đem lại lợi ích cho mọi người. Cả hai đều rất quan trọng. Là đệ tử Phật, chúng ta phải rất siêng năng tu tập thiền định và cũng rất siêng năng làm lợi ích cho chúng sinh. Nếu muốn tu thiền định có kết quả, chúng ta phải yên tâm làm phước, yên tâm sống vì mọi người. Phước là nhân quả “giấu mặt”, có sự chi phối rất bí mật đến đời sống của chúng ta. Chính phước bí mật đó giúp tâm chúng ta vào định. Đây cũng là một điều bí mật, không giải thích được, nhưng lại là một nguyên lý rất đúng, tuyệt đối đúng.